

ALBERT T'SERSTEVENS

MARCO POLO DU KÝ

Bản tiếng Việt: NGUYỄN THÀNH THỐNG



NHÀ XUẤT BẢN
VĂN HÓA THÔNG TIN

MỤC LỤC

NHẬP ĐỀ

MARCO POLO DU KÝ ĐƯỢC VIẾT NHƯ THẾ NÀO?

CUỘC ĐỜI CỦA MARCO POLO

MARCO POLO DU KÝ

ẢNH HƯỞNG CỦA MARCO POLO DU KÝ

VÀI HÀNG VỀ BẢN DỊCH HIỆN NAY

BẮT ĐẦU CÂU CHUYỆN CỦA QUYỀN SÁCH CÓ TÊN LÀ “CUỘC CHUYỆN TRÒ THÂN MẬT VỀ THẾ GIỚI”

NGÀI NICOLAO VÀ NGÀI MATTEO KHỞI HÀNH TỪ CONSTANTINOPLE ĐỂ THAM QUAN THẾ GIỚI NHƯ THẾ NÀO?

NGÀI NICOLAO VÀ NGÀI MATTEO KHỞI HÀNH TỪ SOLDADIE NHƯ THẾ NÀO?

HAI ANH EM VƯỢT QUA HOANG MAC VÀ ĐI ĐẾN THÀNH PHỐ BOUCARA NHƯ THẾ NÀO?

HAI ANH EM TIN VÀO CÁC SỨ GIẢ VÀ ĐẾN VỚI ĐẠI Hãn NHƯ THẾ NÀO?

HAI ANH EM ĐẾN VỚI ĐẠI Hãn NHƯ THẾ NÀO?

ĐẠI Hãn CÒN HỎI THĂM VỀ NHỮNG CÔNG VIỆC CỦA NHỮNG NGƯỜI KI TÔ GIÁO VÀ ĐẶC BIỆT VỀ VỊ TÔNG ĐỒ Ở LA MÃ NHƯ THẾ NÀO?

ĐẠI Hãn PHÁI HAI ANH EM ĐẾN VỚI ĐỨC GIÁO HOÀNG VỚI TƯ CÁCH LÀ SỨ GIẢ NHƯ THẾ NÀO?

ĐẠI Hãn BAN CHO HO LỆNH BÀI BẢNG VÀNG NHƯ THẾ NÀO?

HAI ANH EM TRỞ VỀ THÀNH PHỐ ACRE NHƯ THẾ NÀO?

HAI ANH EM KHỞI HÀNH TỪ VENISE VÀ DẪN MARCO ĐẾN VỚI ĐẠI Hãn NHƯ THẾ NÀO?

HAI ANH EM MARCO KHỞI HÀNH RA ĐI TỪ ACRE NHƯ THẾ NÀO?

HAI ANH EM ĐẾN VỚI ĐỨC GIÁO HOÀNG NHƯ THẾ NÀO?

HAI ANH EM MARCO TRỞ VỀ VỚI ĐẠI Hãn NHƯ THẾ NÀO?

HAI ANH EM VÀ MARCO TRÌNH DIỄN TRƯỚC MẶT ĐẠI Hãn NHƯ THẾ NÀO?

ĐẠI Hãn PHÁI MARCO LÊN ĐƯỜNG LÀM SỨ GIẢ CỦA ÔNG NHƯ THẾ NÀO?

MARCO ĐI LÀM NHIỆM VỤ SỨ GIẢ TRỞ VỀ NHƯ THẾ NÀO?

NGÀI NICOLAO, NGÀI MATTEO VÀ NGÀI MARCO XIN ĐẠI Hãn ĐI NGHỈ NHƯ THẾ NÀO?

HAI ANH EM VÀ NGÀI MARCO TỪ GIẢI ĐẠI Hãn NHƯ THẾ NÀO?

CUỘC CHUYỆN TRÒ THÂN MẬT VỀ THẾ GIỚI

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ NƯỚC TIỂU ARMÉNIE

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH TURCOMANIE

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ NƯỚC ĐẠI ARMÉNIE

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ XỨ GÉORGIE VÀ VỊ VUA CỦA XỨ ẤY

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ VƯƠNG QUỐC MOSUL](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ LỚN BAUDAC VÀ CHUYỆN NÓ BỊ CHIẾM ĐÓNG NHƯ THẾ NÀO?](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ PHÉP LA XẢY RA TẠI BAUDAC VÀ MIỀN NÚI](#)

[NHỮNG NGƯỜI KI TÔ GIÁO HẾT SỨC KINH HÃI VỀ ĐIỀU GIÁO CHỦ HỒI GIÁO NÓI VỚI HO NHƯ THẾ NÀO?](#)

[VI GIÁM MỤC CHO VỜI NGƯỜI THỢ ĐÓNG GIẤY MỘT MẮT ĐẾN NHƯ THẾ NÀO?](#)

[LỜI CẦU NGUYỆN CỦA NGƯỜI THỢ ĐÓNG GIẤY THÁNH THIÊN LÀM NGON NÚI DI CHUYỀN NHƯ THẾ NÀO?](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ TORIS SANG TRONG](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH LỚN BA TƯ](#)

[CHUYỆN KỂ VỀ VIỆC BA VUA TRỞ VỀ NHÀ](#)

[CHUYỆN KỂ VỀ TÁM VƯƠNG QUỐC CỦA BA TƯ VÀ TÊN CỦA TỪNG VƯƠNG QUỐC](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ LỚN JASDI](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ VƯƠNG QUỐC CREMAN](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ LỚN COMADI VÀ TỈNH RÉOBARLES](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ CON ĐỐC CAO CỦA THÀNH PHỐ CORMOS](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ VIỆC ĐI BỘ TRONG MIỀN ĐẤT HOANG DÃ](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ COBINAN TO LỚN VÀ SANG TRONG](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH TONOCAIN](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ SƠN THẦN GIÀ VÀ CÁC HASISIN CỦA THẦN](#)

[SƠN THẦN GIÀ LÀM CHO NHỮNG NGƯỜI HASISIN TRỞ NÊN HOÀN HẢO VÀ BIẾT VẮNG LỜI NHƯ THẾ NÀO?](#)

[SƠN THẦN GIÀ BỊ TIÊU DIỆT NHƯ THẾ NÀO?](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ SAPURGAN](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ BALAC](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ NHỮNG NGON NÚI ĐƯỢC CẤU TẠO BẰNG MUỐI](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH BALASIAN](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH LỚN PASCIAI](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH CHESIMUR](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ CON SÔNG LỚN NHẤT CỦA BALDASCIAM](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ VƯƠNG QUỐC CASCAR](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ LỚN SAN MARCAN](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH CHARCAN](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH COTAN](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH PEIN](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH CIARCIAM](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ VÀ HOANG MAC LOP](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH LỚN TANGUT](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH CAMUL](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH GINCHINTALAS VÀ VỀ AMIANT](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH SUCTUIR](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ CAMPICION](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ NHỮNG THÀNH PHỐ EZINA VÀ CARACORON](#)

[CINCHIN LÀ KHẢ HỖN ĐẦU TIÊN CỦA NHỮNG NGƯỜI TÁCTA NHƯ THẾ NÀO?](#)

[CINGHIS KHAN RA LỆNH CHUẨN BỊ BINH LÍNH ĐỂ ĐI TẤN CÔNG VUA KHẢ HỖN JEAN NHƯ THẾ NÀO?](#)

[CINGHIS KHAN THAM KHẢO Ý KIẾN CÁC NHÀ CHIÊM TINH Kİ TÔ GIÁO NHƯ THẾ NÀO?](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TRẬN CHIẾN CỦA CINGHIS KHAN VÀ CỦA VUA JEAN](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ NHỮNG NGƯỜI CAI TRI SAU CINGHIS KHAN VÀ NHỮNG PHONG TỤC CỦA NGƯỜI TÁCTA](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THẦN LINH CỦA NHỮNG NGƯỜI TÁCTA VÀ LUẬT PHÁP CỦA HO](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ ĐỒNG BẰNG BANGU VÀ NHỮNG PHONG TỤC CỦA DÂN CƯ](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ VƯƠNG QUỐC ERGINUL](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH EGREGAIA](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH LỚN SENDUC](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ CIANDU VÀ CUNG ĐIỆN TUYẾT ĐẸP CỦA ĐẠI HỖN](#)

[ĐÂY LÀ NHỮNG CHUYỆN KỂ VỀ NHỮNG VIỆC LÀM VĨ ĐẠI CỦA ĐẠI HỖN ĐANG TRI VỊ HIỆN NAY VÀ ĐƯỢC GỌI LÀ CUBLAY KHAN](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ CUỘC CHIẾN TRANH VĨ ĐẠI MÀ ĐẠI HỖN TIẾN HÀNH ĐỂ CHỐNG LẠI VUA NAIAN, CHÚ CỦA ÔNG](#)

[ĐẠI HỖN TẤN CÔNG CHỐNG LẠI NAIAN NHƯ THẾ NÀO?](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TRẬN ĐÁNH GIỮA ĐẠI HỖN VÀ ÔNG CHÚ NAIAN](#)

[ĐẠI HỖN RA LỆNH GIẾT NAIAN NHƯ THẾ NÀO?](#)

[ĐẠI HỖN TRỞ VỀ THÀNH PHỐ CANBALUE NHƯ THẾ NÀO?](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ LỐI SỐNG CỦA ĐẠI HỖN](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ CON TRAI CỦA ĐẠI HỖN](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ CUNG ĐIỆN CỦA ĐẠI HỖN](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ CUNG ĐIỆN CỦA CON TRAI ĐẠI HỖN, NGƯỜI KỂ VỊ ÔNG](#)

[ĐẠI HỖN ĐƯỢC CANH GÁC BỞI 12 NGÀN LÍNH NGỰA NHƯ THẾ NÀO?](#)

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ CUỘC LỄ MÀ ĐẠI HỖN TỔ CHỨC NHÂN NGÀY SINH CỦA ÔNG

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ ĐẠI LỄ MÀ ĐẠI HỖN TỔ CHỨC VÀO NGAY ĐẦU NĂM

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ 12 NGÀN CÁN THÂN THAM DỰ CÁC CUỘC LỄ NÀY

ĐẠI HỖN RA LỆNH CÁC THẦN DÂN MANG ĐẾN CHO ÔNG THỊT SẴN NHƯ THẾ NÀO?

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ NHỮNG CON SƯ TỬ, BÁO VÀ CHÓ SÓI ĐƯỢC HUẤN LUYỆN ĐỂ ĐI SĂN

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ HAI ANH EM NUÔI DẠY CHÓ

ĐẠI HỖN ĐI SĂN NHƯ THẾ NÀO?

ĐẠI HỖN ĐÃ CẠI QUẢN TRIỀU ĐÌNH KHI BẮY CHIM TRỞ VỀ NHƯ THẾ NÀO?

ĐẠI HỖN CHO LƯU HÀNH TRONG NƯỚC TIỀN GIẤY BẰNG VỎ CÁY NHƯ THẾ NÀO?

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ 12 VI QUAN ĐẠI THẦN CẠI QUẢN TẤT CẢ CÔNG VIỆC CỦA ĐẠI HỖN

CÁC SỬ GIẢ VÀ NGƯỜI ĐƯA THU TỪ CANBALUC QUA CÁC VÙNG VÀ TỈNH NHƯ THẾ NÀO?

ĐẠI HỖN GIÚP DÂN LÚC LÚA MÌ MẮT MÙA VÀ DỊCH GIA SÚC NHƯ THẾ NÀO?

ĐẠI HỖN ĐÃ CHO TRỒNG CÂY Ở CÁC CON ĐƯỜNG NHƯ THẾ NÀO?

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ RƯỢU MÀ NGƯỜI DÂN CATAY UỐNG

ĐẠI HỖN LÀM VIỆC BÁC ÁI CHO NGƯỜI NGHÈO NHƯ THẾ NÀO?

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH CATAY VÀ VỀ CON SÔNG PULISANCHI

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ LỚN GIGUI

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ VƯƠNG QUỐC TAIANFU

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ LẬU ĐÀI CACIANFU VÀ CUỘC TRANH CẢI CỦA VUA JEAN

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ CON SÔNG LỚN CARAMORAN

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ QUENGNFU

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH CUNCUN

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH ACHALAC MANGI

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH LỚN SINDAFU

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH TEBET

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ THÊM VỀ TỈNH TEBET

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH GAIANDU

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH CARAIAN

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH ZARDANDAN

ĐẠI HỖN XÂM CHIẾM CÁC VƯƠNG QUỐC MININ VÀ BANGALA NHƯ THẾ NÀO?

NGƯỜI TA ĐI XUỐNG MỘT ĐƯỜNG DỐC DÀI NHƯ THẾ NÀO?

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ MIEN

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH BANGALA](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH CANGIGU](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH AMU](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH TOLOMAN](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH CIUGIU](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ CINAGLU](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ CIANGLI](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ CONDINFU](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ SINGUIMATU](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ LINGUI](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ PINGUI](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ CINGUI](#)

[ĐẠI HÂN XÂM CHIẾM TỈNH MANGI NHƯ THẾ NÀO?](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ COIGANGUI](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ PAUCHIN](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ CAIU](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ TIGUI](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ YANGUI](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ NANGHIN](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ SAIANFU](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ SINGUI](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ CAIGUI](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ CINGHIANFU](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ CINGIGUI](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ SINGUI](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ QUINSAY](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ LỢI TỨC HÀNG NĂM CỦA ĐẠI HÂN THU ĐƯỢC TỪ THÀNH PHỐ QUINSAY](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ TANPIGUI VÀ BỐN THÀNH PHỐ KHÁC](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ VƯƠNG QUỐC FUGUI](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ FUGUI SANG TRONG](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ CAITON](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ NHỮNG ĐIỀU KỲ LA Ở NƯỚC ẮN ĐỒ VÀ VỀ NHỮNG CHIẾC TÀU Ở ĐÓ](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ ĐẢO CINPINGU](#)

[QUÂN CỦA ĐẠI Hãn TRÊN ĐẢO CHIẾM THÀNH PHỐ CỦA ĐỊCH NHƯ THẾ NÀO?](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ NHỮNG NGẪU TƯƠNG KHÁC NHAU](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ VÙNG ĐẤT CIAMPA RỘNG LỚN](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ HÒN ĐẢO LỚN JAVA](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ CÁC ĐẢO SANDUR VÀ CONDUR](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ ĐẢO PENTAM](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ ĐẢO JAVA NHỎ](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ ĐẢO GAVENISPOLA VÀ ĐẢO NOCARAN](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ ĐẢO ANGAMAN](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ ĐẢO SEILAN](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH LỚN MAABAR](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ NƠI CHÔN CÁT THI HẢI CỦA THÁNH TÔMA TỔNG ĐỒ VÀ NHỮNG PHÉP LA CỦA NGÀI](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ VƯƠNG QUỐC MUTFILI](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH LAR, NƠI XUẤT THÂN CỦA NHỮNG NGƯỜI ABRAMAINS](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ CAIL](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ VƯƠNG QUỐC COILLON](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ COMARI](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ VƯƠNG QUỐC ELI](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ VƯƠNG QUỐC MELIBAR](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ VƯƠNG QUỐC GOZURAT](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ VƯƠNG QUỐC TANA](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ VƯƠNG QUỐC CANBAOT](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ VƯƠNG QUỐC SEMENAT](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ KESMACORAN](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ ĐẢO MÁLE VÀ ĐẢO FEMELLE](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ ĐẢO SCOTRA](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ ĐẢO MADEIGASCAR](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ ĐẢO ZANGHIBAR](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH LỚN ABASIE](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH ADEN](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ ESCIER](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ DUFAR](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ CALATU](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ CORMOS ĐƯỢC NHẮC ĐẾN Ở TRÊN](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ XỨ ĐẠI TURQUIE](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ NHIỀU TRẬN ĐÁNH MÀ VUA CAIDU TIẾN HÀNH CHỐNG LẠI QUÂN ĐỘI CỦA ĐẠI HÃN, BÁC CỦA ÔNG](#)

[ĐIỀU ĐẠI HÃN NÓI VỀ TÔN THẤT DO CHÁU CỦA ÔNG LÀ CAIDU GÂY RA](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ CON GÁI CỦA VUA CAIDU VÀ SỰ DỪNG CẨM CỦA CÔ](#)

[ABAGA PHÁI CON TRAI ĐI ĐÁNH VUA CAIDU NHƯ THẾ NÀO?](#)

[ARGON NẮM QUYỀN CẠI TRI NHƯ THẾ NÀO?](#)

[ACOMAT CÙNG VỚI QUÂN ĐỘI CỦA ÔNG ĐÁNH BẠI ARGON NHƯ THẾ NÀO?](#)

[ARGON HIỆU TRIỆU QUÂN LÍNH CỦA MÌNH TIẾN ĐÁNH ACOMAT NHƯ THẾ NÀO?](#)

[CÁC THUỘC HẠ TRẢ LỜI ARGON NHƯ THẾ NÀO?](#)

[ARGON SAI CÁC SỨ GIẢ ĐẾN VỚI ACOMAT NHƯ THẾ NÀO?](#)

[ACOMAT TRẢ LỜI CHO CÁC SỨ GIẢ CỦA ARGON NHƯ THẾ NÀO?](#)

[ĐÂY LÀ TRẬN ĐÁNH XẢY RA GIỮA ARGON VÀ ACOMAT](#)

[ARGON BỊ BẮT VÀ ĐƯỢC GIẢI THOÁT NHƯ THẾ NÀO?](#)

[ARGON NẮM QUYỀN LÃNH CHÚA NHƯ THẾ NÀO?](#)

[ARGON RA LỆNH GIẾT ACOMAT, CHỦ CỦA ÔNG, NHƯ THẾ NÀO?](#)

[CÁC QUAN CÁN THÂN TỎ LÒNG KÍNH TRONG ARGON NHƯ THẾ NÀO?](#)

[ARGON NẮM LẤY QUYỀN LÃNH CHÚA VÀ MẤT NHƯ THẾ NÀO?](#)

[QUIACATU NẮM QUYỀN LÃNH CHÚA SAU CÁI CHẾT CỦA ARGON NHƯ THẾ NÀO?](#)

[BAIDU NẮM LẤY QUYỀN HÀNH SAU CÁI CHẾT CỦA QUIACATU NHƯ THẾ NÀO?](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ VUA CANCI Ở PHÍA BẮC](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH BÓNG ĐÊM](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH ROSIE VÀ DÂN CƯ THUỘC TỈNH NÀY](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ CỬA BIÊN LỚN](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ CÁC LÃNH CHÚA CỦA NHỮNG NGƯỜI TÁCTA Ở PONENT](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ CUỘC CHIẾN DIỄN RA GIỮA ALAU VÀ BARCA VÀ NHỮNG TRẬN ĐÁNH CỦA HO](#)

[BARCA VÀ QUÂN LÍNH CỦA ÔNG ĐI GẶP ALAU NHƯ THẾ NÀO?](#)

[ALAU HIỆU TRIỆU QUÂN LÍNH CỦA ÔNG NHƯ THẾ NÀO?](#)

[ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ CUỘC CHIẾN ÁC LIỆT GIỮA ALAU VÀ BARCA](#)

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ THÊM VỀ TRAN ĐÁNH GIỮA ALAU VÀ BARCA

BARCA CHIẾN ĐẤU CAN ĐẢM NHƯ THẾ NÀO?

TOTAMAGU TRỞ THÀNH VUA CỦA NHỮNG NGƯỜI TÁCTA XỨ PONENT NHƯ THẾ NÀO?

TOCTAI TRUY CỨU NOGAI VỀ CÁI CHẾT CỦA TOLOBOGA NHƯ THẾ NÀO?

TOCTAI PHẢI CÁC SỬ GIẢ ĐẾN VỚI NOGAI NHƯ THẾ NÀO?

TOCTAI TIỀN ĐÁNH NOGAI NHƯ THẾ NÀO?

TOCTAI ĐỒNG VIÊN CÁC THUỘC HẠ CỦA ÔNG NHƯ THẾ NÀO?

VUA NOGAI ĐÁNH GIÁC MỘT CÁCH CAN ĐẢM NHƯ THẾ NÀO?

NHẬP ĐỀ

MARCO POLO DU KÝ ĐƯỢC VIẾT NHƯ THẾ NÀO?

Gần sáu thế kỷ rưỡi qua, những người dân thành phố Gênes bàn tán về một người dân đáng kính thành Venise, ông bị bắt làm tù binh tại trận thủy chiến ở Curzola và đã kiên trì nhẫn nhục chịu đựng giam cầm ôn hòa do sự kính trọng và ngưỡng mộ của những người thắng trận. Ông bị bắt cùng với chiến thuyền, do ông chỉ huy. Người ta chuyển ông đến Gênes với một vài thuyền trưởng người Venise khác cùng đô đốc Andrea Dandolo. Nhờ lòng can đảm và uy tín của ông, ông được quản thúc dưới một chế độ ít hà khắc, nên ông có thể tiếp xúc không những với các chiến hữu của ông mà còn với các công dân của nước Cộng hòa Liguria và các du khách tò mò muốn nghe ông. Bởi vì người đàn ông nhỏ con rậm râu với nét mặt rắn rỏi đen sạm và hằn sâu những nét nhăn do khí hậu bất thường ở Viễn Đông, hầu như mỗi ngày đều sẵn lòng kể lại những chuyến du hành của mình qua những xứ sở xa lạ và mô tả những phong cảnh, những thành phố, những tài nguyên phong phú ở đó. Ông đã từng chu du trong hai mươi bốn năm qua những vùng mà hầu như chưa ai biết đến trước đó. Đầu óc hiếu kỳ, tần mẫn đã ghi lại hàng ngàn nhận xét tỉ mỉ về việc cai trị, phong tục tập quán, địa lý và lịch sử của các nơi đó. Hình như những chuyện kể của ông có vẻ thi vị do óc tưởng tượng, tuy nhiên ông đã đưa ra những chi tiết rất chính xác về lối tổ chức của một xứ sở mà ông gọi là nước Tartarie, về dân cư và gia súc, về thực vật, thương mại và thủ công; chúng ta không thể nào phủ nhận việc ông đã nghiên cứu chúng rất lâu và thậm chí điều kỳ lạ đó lại có thật.

Ngoài ra, bản chất của những con người thời bấy giờ khiến cho họ chấp nhận ngay cả điều khó tin, có lẽ vì những thói quen tôn giáo làm cho họ không đi sâu vào việc phân tích và kiểm chứng.

Nhà thám hiểm về các vùng đất xa lạ này tên Marco Polo, hoặc đúng hơn là Ngài Marco Polo, vì ông ta thường nhấn mạnh chức danh này, chức danh cao quý mà ông ta nhận được trong những nước mà ông đã từng sinh sống. Nhờ đó, ông đã mang về vô số của cải, điều này cho phép ông trang bị chiến thuyền mà trên đó ông đã bị bắt làm tù binh. Dòng họ của ông rất nổi tiếng ở Venise từ gần ba thế kỷ nay và cũng có huy hiệu trong tập quốc huy của nước Cộng hòa: dòng họ của những người buôn bán cũng như hầu hết giới quý tộc tại vùng Vành. Cha truyền con nối,

dòng họ Polo vẫn luôn buôn bán với phương Đông bằng những tàu buôn đến các chi nhánh thương mại Alexandrie và Constantinople. Tóm lại, Marco chỉ làm công việc bành trướng về phía đông những công ty thương mại của dòng họ mình. Nhưng số phận đã đưa đẩy ông quan hệ với một vị vua Mông Cổ độc đoán chúa tể toàn năng của gần như toàn bộ châu Á, trừ Ấn Độ và các đảo ngoài khơi biển Trung Hoa. Ông từng thuộc số những “yếu nhân” của nhà vua tức là thuộc số những cố vấn thân cận của triều đình, những viên chức hoặc triều thần.

Hơn nữa, người kể chuyện còn tỏ ra mẫn nguyện và thậm chí hơi huênh hoang theo lối người Ý trong khi nêu thật chi tiết những bằng chứng về sự quý mến và kính trọng mà ông được ban cho ở nơi đó. Ông phô trương những quyền hạn do hoàng gia ban phát qua những lá thư ủy nhiệm được ông gọi là những lệnh bài bằng vàng của Đại Hãn. Ông kể chuyện ông đã từng cai trị một vương quốc, ký kết các hiệp ước, thậm chí tham gia vào việc chiếm lấy một trong những thành phố lớn nhất của đế quốc Tacta. Theo lời ông, ông đã mang về trong hành lý của ông hàng triệu triệu viên đá quý, những thư từ của vị vua phương Đông gửi cho Đức Giáo hoàng, cho các vua nước Pháp, Anh, Tây Ban Nha và những vị chức sắc của Giáo hội Công giáo. Người ta không bao giờ tìm lại được bất cứ lá thư nào trong kho lưu trữ tại các quốc gia trên: nên tin là chúng đã bị thất lạc.

Dù sao đi nữa, những câu chuyện của ngài Marco Polo đã mang lại cho ông một uy tín lớn lao đến nỗi ông được hưởng toàn bộ sự tự do, mà người ta có thể dành cho một tù binh chiến tranh. Những du khách từ khắp nơi tuôn đến để nghe ông kể lại những chuyến du hành của ông và mô tả những kỳ quan của nước Đại Armenia, Ba Tư, Tacta và Ấn Độ. Trí nhớ lạ lùng của ông đã giúp ông nhớ lại thật chính xác không những đặc điểm của từng vùng mà còn cả những tên riêng của các thành phố, sông ngòi, mặc dù chúng hơi bị biến dạng bởi đầu óc của người Latinh. Ông cũng kê khai từng chi tiết những số liệu, ngân sách thuế má, bảng giá trao đổi, quân số binh sĩ đến nỗi chúng ta không thể ngờ vực chút nào về tính cách xác thực của chúng và các thánh giả vẫn còn kinh ngạc về điều này.

Một trong số những người quan tâm nhất, đó là một người dân thành phố Pise có tên là Rusta, sau này còn được gọi là Rusticien. Phải chăng ông ta cũng bị bắt làm tù binh cùng lúc với Marco Polo? Không thể như thế được. Theo Marco cho biết, trong chương đầu của quyển sách, Rusta cũng ở trong cùng nhà tù với ông vào năm 1298, nhưng điều đó không có nghĩa ông ta là tù binh

ở đó, càng không phải ông đã bị bắt ở Curzola. Tôi nghĩ nên xếp ông ta vào số những du khách thường đến nghe chuyện kể của người đàn ông thành Venise.

Đúng vậy, nhân vật Rusta này không phải là kẻ mới đến. Ông đã từng viết nhiều bộ sách bằng ngôn ngữ phổ biến nhất nơi những người có học thức vào thời đó, tức là bằng tiếng Pháp. Chúng ta còn nợ ông một bộ sưu tập đồ sộ những tiểu thuyết thuộc loại Bàn Tròn, phỏng theo những công trình nổi tiếng cùng thể loại: Tristan, Merlin, Saint Graal, Lancelot. Disraeli còn quy cho ông một quyển *Meladius de Leonnoys* và xem ông là sủng thần của vua Henri III nước Anh. Có thể lắm... Việc quy cho ông là tác giả của những “Hiệp sĩ Bàn Tròn” không phải là thiếu cơ sở. Rusta, người thành Pise, đúng là một nhà văn, một nhà văn nổi tiếng từ gần ba mươi năm trước, vì tác phẩm Bàn Tròn của ông có trước năm 1272. Sở thích về tiểu thuyết mà ông đã diễn đạt trong các tác phẩm có thể quy cho ông những chuyện kể hầu như hoang đường của một nhà du lịch. Cuối cùng, ông có ý nghĩ viết thành một quyển sách, trong đó ông có thể dành cho cái nhan đề mà chúng ta đã bắt gặp trong một vài bản thảo: *Le livre des Merveilles* (Quyển sách về những kỳ quan).

Mặc dù tôi không thích dùng lối đàm thoại trong phân tích văn học và lịch sử, tôi buộc phải dùng nó do các sự kiện và tâm lý các nhân vật. Vì vậy tôi tưởng tượng Rusta thành Pise đang nói chuyện với Marco Polo theo ngôn ngữ lúc bấy giờ.

- Tại sao ngài không viết tất cả những gì ngài đang kể cho chúng tôi?

- Trước hết, nhà du lịch trả lời, bởi vì tôi không phải là một nhà văn. Lúc nào tôi cũng chỉ là một nhà buôn, một công chức và một nhà ngoại giao. Tôi cảm thấy mình không có đủ khả năng để dẫn dắt một câu chuyện quá dài. Để chấp bút, cần có sự hiểu biết và uy tín, tôi lại thiếu những thứ đó.

- Những dẫn đo này đang làm rạn danh cho Ngài, thưa Ngài Polo, tôi chỉ có thể khen ngợi Ngài. Vì vậy tôi đề nghị Ngài hãy giao lại phần việc đó cho tôi, nếu Ngài thấy tôi xứng đáng. Ngài chỉ cần nói ra, còn tôi có trách nhiệm viết. Tất cả những gì Ngài sẽ nói với chúng tôi đều được chuyển lên trang giấy, đúng theo lời Ngài nói và dưới sự kiểm duyệt của Ngài. Nhờ đó tất cả những người trung thực quan tâm đến những xứ sở xa xôi cũng sẽ biết đến những vùng mà Ngài đã đi qua, cho dù họ không phải đến gặp Ngài ở Gênes.

- Đồng ý, thưa ngài Rusta, vì ngài đã ao ước việc đó, tôi sẽ cảm ơn ngài rất nhiều.

Vậy là họ đã bắt tay vào việc, dĩ nhiên là sau khi thống nhất kế hoạch vì tác phẩm *Cuộc chuyện trò thân mật về Thế giới* cho thấy một cấu trúc chỉ có thể được thai nghén trước. Hai mươi chương đầu mô tả các nhân vật và tóm tắt các sự kiện. Phần còn lại diễn tả những xứ sở đi từ vùng này qua vùng khác, từ Biển Đen cho đến vịnh Péc Xích; tiếp theo là từ vịnh Péc Xích đến tận cùng nước Trung Hoa; sau nữa là xuyên qua các đảo ở Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương để rồi kết thúc ở phía nam điểm khởi hành trong nước Đại Turquie. Câu chuyện kể của Polo vì vậy đi theo một lộ trình đã vạch rõ. Phải thấy rõ ở đó vai trò của một người có tay nghề, cũng như ở trung tâm các chương nói đến Đại Hãn, quyển sách chỉ là một bài biện hộ cho tính cách bá quyền của nhà chinh phục Mông Cổ.

Vì vậy, có lẽ nằm trong tay một vài điều ghi chép mơ hồ, người đàn ông thành Venise kể lại một cách chậm rãi tất cả những gì ông ta đã từng thấy hoặc nghe nói, còn người đàn ông thành Pise đang ngồi trước một bàn viết và ghi lại chính những lời của nhà du lịch. Bài biên tập của ông đã giữ lại toàn bộ vẻ tươi tắn và tất cả những ngập ngừng trong lời nói. Cũng như trong ngôn ngữ nói, việc lặp từ, nhất là các tính từ, được dùng nhiều do lối diễn đạt. Chúng ta nghe chính giọng nói của Marco Polo, chúng ta thấy được những sự mệt mỏi, những lúc tạm dừng; chúng ta gặp lại những lối diễn đạt quen thuộc được thổi phồng bởi sự nhiệt tình của người Ý. Thậm chí chúng ta thường nhận thấy ông bị quấy rầy do những kỷ niệm quá dư thừa, điệp khúc “tôi sẽ nói với anh điều gì nữa đây?” trở đi trở lại vào những lúc xuất thần nhất. Đôi khi ngay giữa chương, người kể nhớ lại đã quên một điều gì đó trong chương trước. Không cần quay lại chương này, ông xen vào đó đoạn bỏ sót, văn bản chỉ cần thêm vào “Tôi đã quên...”, đồng thời bắt đầu bổ sung một câu thật dài.

Chuyện kể lại tiếp tục sau đó, một cách chính xác như trong nhà tù Gênes, bằng một lối diễn đạt tự nhiên đến nỗi chúng ta tin như đang tham dự vào một bài đọc chính tả.

Không thể nào chấp nhận những kết luận của giáo sư Benedetto, theo đó Rusta không viết theo việc đọc lớn tiếng của Marco Polo, nhưng dùng các tư liệu do nhà du lịch cung cấp sẵn. Giọng văn của câu chuyện không thể bỏ qua việc ứng khẩu để người đàn ông thành Pise ghi lại.

Dĩ nhiên Marco diễn đạt theo ngôn từ của ông, không phải tiếng Ý chưa tồn tại, nhưng theo phương ngữ Venise. Riêng Rusta, ông viết ngôn ngữ của ông, tiếng Toscan pha lẫn tiếng Livourne vùng biên. Giống như ông từng viết trong tác phẩm Bàn Tròn, giống như phần đông các nhà văn thuộc ngôn ngữ bình dân thế kỷ XVIII đã sử dụng, ông viết sách bằng tiếng Pháp,

tôi muốn nói đến ngôn ngữ Oil, vì tiếng Pháp như chúng ta nói hiện nay chỉ được hình thành rất lâu sau này do xã hội thượng lưu Paris. Giống như Brunetto Latino và Martino da Canale, những nhà văn Ý, Rusta có thể nghĩ rằng ngôn ngữ Pháp đang lưu hành trong quần chúng và dễ đọc, dễ nghe hơn bất cứ ngôn ngữ nào khác.

Chúng ta có thể nghĩ rằng thứ tiếng Pháp của Rusta người thành Pise vẫn còn kém chính xác về mặt ngôn ngữ học và cú pháp hơn so với tiếng Pháp của các nhà văn cùng thời được sinh ra và giáo dục ở Pháp. Phải mất gần ba thế kỷ sau họ, các quy tắc của tiếng Pháp mới được ấn định. Chính Montaigne vẫn còn là một người nói tiếng địa phương. Vì vậy, không có gì ngạc nhiên khi tiếng Pháp của Rusta cũng xa lạ và không chính xác như tiếng Pháp mà chúng ta bắt gặp trong các bản văn đầu tiên, cũng như văn bản viết tay 1116 mà tôi sẽ nói tới sau này. Với ý chí vô hạn và sự chuyên tâm vững vàng nhất, ông ta cũng không thể viết hay hơn những Villehardouin, Joinville và các nhà văn tiên phong khác của chúng ta. Hơn nữa, ông ta có thể để cho mình bị tác động bởi cách đọc của người đàn ông Venise và tuân theo những chỉ thị của bộ óc riêng của mình, vì bài viết của ông đầy đầy những từ ngữ đặc Ý, điều này khiến cho những người giống như tôi chuyên chú vào việc chuyển bản văn sang tiếng Pháp hiện đại đôi khi mắc sai sót. Vì thế mà ông luôn sử dụng “*assez*” thay cho “*moult*” hoặc “*beaucoup*”, trong ngôn ngữ hiện đại không nên dịch bằng “*assez*” vì nó có nghĩa là “*moins que beaucoup*”, nhưng bằng “*beaucoup*”, từ “*assez*” này biểu hiện từ “*assai*” của tiếng Ý nó đồng nghĩa với “*molto*”. Chúng ta cũng gặp trong văn bản từ “*nisun*”, thay cho “*personne*”, đó là “*nessuno*” trong tiếng Ý, “*dimentiquer*” thay cho “*oublier*”, đó là từ “*dimenticare*” trong tiếng Ý và nhiều từ khác như “*vouloir bien*” thay cho “*aimer*”, từ này xuất phát từ tiếng Ý “*volere bene*”. Ngôn ngữ này phong phú hơn ngôn ngữ chúng ta khi nói về tình yêu, sở thích hoặc sự triu mến, tất cả những gì mà chúng ta chỉ gói gọn trong một từ “*aimer*” (yêu).

Ngoài ra, việc phát âm và chuyển sang tiếng Pháp đối với các danh từ riêng nhất là các từ Trung Hoa. Polo, con người đã từng nghe chúng qua tiếng Trung Hoa lại phát âm theo kiểu người Ý. Và Rusta người Ý lại viết chúng ra tiếng Pháp nhưng không chú ý đến những khác biệt trong cách phát âm, điều này dẫn đến âm “c” cho tất cả các âm “tch” của Trung Hoa và âm “u” cho tất cả âm “ou” của tiếng Ý và Trung Hoa, ta chỉ cần thường xuyên tái lập việc phát âm tiếng Ý để tìm lại tiếng gốc Trung Hoa.

Cách xử lý các danh từ riêng theo kiểu tiếng Pháp - Ý đôi khi đưa đến những kết quả rất bất ngờ. Chính vì vậy Samarkand (trong ngôn ngữ Turkestan hiện nay) đối với Rusta lại trở thành San Marcan, tức là Saint Marcan. Chúng ta không phải không biết đến cách xử lý của các nhà văn xưa kia đối với danh từ riêng nước ngoài. Nếu Tallemant vào thế kỷ XVII, viết Bouquiquant thay cho từ Buckingham, chúng ta cũng có thể bỏ qua cho một nhà văn của thế kỷ XIII viết từ Canbaluc thay cho Khân Baligh, tức là Pékin (Bắc Kinh).

Sau nữa, nên lưu ý đến tất cả những gì mà các nhà sao chép bản thảo viết tay có thể làm trong khi viết các danh từ riêng. Những chữ gô tíc dễ gây quá nhiều lẫn lộn như tôi sẽ trình bày sau này về Matteo, và những nhà thư lại thời Trung cổ ít quan tâm đến điều này. Họ là những người thợ thủ công trung thực chứ không phải là những nhà ngữ văn học. Việc sử dụng tùy tiện các danh từ riêng dù sao cũng đã kéo dài trong hàng thế kỷ. Hiếm có những người quyền cao chức trọng và thậm chí các nhà văn trong chế độ cũ không biết viết tên riêng của họ một cách chính xác. Malherbe viết mỗi lúc mỗi khác danh từ Maleherbe, Malherble, Malerbe, và thậm chí Malherbe; Peiresc lại ghi Peresq, Peyresq, Perez, Peiretz, Peyres cho từng lá thư của ông. Tôi có thể nêu lên năm hoặc sáu trang ví dụ về việc cẩu thả trong cách viết này. Do đó không có gì lạ trong việc biến đổi của các danh từ riêng do các nhà ghi chép của thế kỷ thứ XIV khi họ gặp các từ Ả Rập, Ba Tư hoặc Tacta trong cuốn sách của Marco Polo. Điều trái ngược mới có thể khiến ta kinh ngạc. Nếu tôi nhấn mạnh đến những biến dạng này, đó là vì chúng đã gây rắc rối cho các nhà chú giải muốn xác định những vùng đất, thành phố và sông ngòi do người đàn ông Venise nhắc đến; đó cũng là vì chúng đã dẫn dắt họ đến những lời giải thích đôi khi mạo hiểm, từ nguyên học từ thời Ménage, thường giống như một trò tung hứng hoặc những trò ảo thuật.

Chúng ta không bao giờ biết việc đọc của Marco Polo đã kéo dài trong bao lâu. Trong chương đầu, ông nói với chúng ta về năm 1298 và chỉ có năm này mà thôi. Rất có thể lắm vì cả hai người không có việc gì khác để làm nên bản văn không tỏ ra cầu kỳ và gọt giũa.

Đó là việc ghi lại một câu chuyện hầu như quen thuộc, cũng có thể Marco Polo đã không xem lại bản văn một khi nó đã xuất hiện trên giấy trắng mực đen. Trong những lúc đầu óc phong phú như thế, chẳng ai hơi sức đâu mà tỏ ra tự ái vụn vặt. Nếu chúng ta tin vào ngài Cépoý, ông ta chỉ xem lại câu chuyện chín năm sau, năm 1307, nhằm dâng tặng cho Charles de Valois, con của vua nước Pháp, một bản dịch chính xác hơn. Nó là một bản tiếng Pháp được trau chuốt kỹ, nhưng vẫn không làm sáng tỏ bao nhiêu mớ bòng bong của các danh từ riêng. Thậm chí tôi thiết nghĩ

bản dịch còn làm phức tạp vấn đề thêm, vì vậy về phương diện này, tôi sẵn sàng dựa vào các văn bản có trước kia.

Sau khi viết xong quyển sách, Rusta đưa vào hàng cuối cùng lời cảm tạ quen thuộc và từ Amen đáp lại. Sau đó hai người từ biệt nhau. Không ai, ngay cả Ramusio đi nữa, cũng không bao giờ nói cho chúng ta biết về mối quan hệ giữa hai con người từng cộng tác chặt chẽ đã trở nên như thế nào. Mỗi người tiếp tục con đường định mệnh của mình. Đối với nhà văn chương, việc lang thang tìm kiếm đề tài văn học đã đưa ông đến Gênes; với nhà du lịch, đó là cuộc sống tĩnh tại của một đại tư sản ở Venise.

CUỘC ĐỜI CỦA MARCO POLO

Chúng ta chỉ biết về cuộc đời của Marco Polo qua những gì ông ta đã nói trong quyển sách của ông và những gì Ramusio đưa thêm vào tác phẩm *Navigazioni e Viaggi* (Venise 1574) và Jacopo d'Aqui viết trong *Chronica libri imaginis mundi*. Cần lưu ý là các chi tiết do Ramusio nêu lên có thể có những điều hoang đường hoặc viễn vông nhất là trong câu chuyện cuộc trở về của ba anh em Polo ở Venise. Cuộc đời của những nhà du lịch vĩ đại thường được thêm thắt vào bằng những điều tưởng tượng có tính cách hoang đường. Riêng tôi, tôi có khuynh hướng nghĩ rằng việc trở về của Marco Polo và gia đình của ông được diễn ra trong không khí giản dị phù hợp với các tâm lý của các nhân vật hơn.

Dòng họ Polo gốc gác từ Chibenik (Sebenico) ở Dalmatie. Vì thế dòng họ ông thuộc chủng tộc Slave, giống như phần đông các dòng họ lâu đời ở Dalmatie và tên Polo mang tính cách Venise xuất phát từ một tên khác trong ngôn ngữ Dalmatie, nó có nghĩa là con quạ, ý nghĩa mà người ta có thể gán cho từ *pola* trong tiếng Ý, mặc dầu từ này cũng như từ đồng nghĩa *mulacchia* có liên quan đến từ *freux* (quạ mỏ hẹp) hơn là từ *corneille* (con quạ) (Dictionnaire d'Alberti, 1772). Đôi khi từ nguyên này được khẳng định bởi câu nói của dòng họ Polo: ba con quạ cát trên cánh đồng xanh ánh bạc.

Cho dù dòng họ Polo có nguồn gốc Slave hay không, điều chắc chắn là họ đã đến lập nghiệp ở Venise vào năm 1033 và thiết lập ở đó một dòng họ của các đại thương gia với nhiều công việc thương mại giống như đã từng có rất nhiều trong nước Cộng hòa đang làm bá chủ vùng biển Adriatique. Cho đến cuộc chinh phục Ấn Độ của Vasco de Gama, Venise là một chi nhánh

thương mại bán các sản phẩm từ phương Đông; đối với giai cấp quý tộc trong vùng, lao vào việc buôn bán không có gì là mất tư cách.

Vào đầu thế kỷ XIII, một người có tên là Marco Polo, sau này có biệt danh là Il Vecchio (Người Ông), để khỏi lẫn lộn với nhà du lịch vĩ đại, sinh được ba người con trai; con cả là Andréa; tiếp theo là Nicolo hoặc Nicolao, theo những văn bản đầu tiên; và Maffeo hoặc đúng hơn là Matteo; Maffeo chỉ là do sự nhầm lẫn của các nhà ghi chép đối với chữ “t” trong các bản viết tay theo lối chữ gô tíc, chữ “t” có thể đọc thành “f” cũng như “t”. Hơn nữa, trong tiếng Ý không bao giờ có từ Maffeo, chỉ có từ Matteo phải đọc là Matthieu. Người con cả Polo đã đi lập nghiệp ở Constantinople để giao thương với phương Đông tại đó. Để tiếp cận với các thị trường lớn của người Tacta và Ba Tư, ông đã dựng nên một chi nhánh thương mại ở Soldaya hoặc Soudak trên bờ biển phía nam Crimée hiện nay. Sự đoàn kết trong thương mại cũng như tinh thần gia tộc là nét đặc trưng của dân tộc Ý, nó khiến ông luôn liên kết với nhà mẹ ở Venise điều rất quan trọng trong lịch sử của dòng họ Polo, vì chính người con cả Polo sẽ tổ chức chuyến du lịch lần đầu tiên với hai em trai và vì thế ông sẽ là người chủ xướng những chuyến viễn du cũng như việc biên tập quyển sách vĩ đại của cháu ông là Marco.

Chính Polo ở Constantinople, bằng sự nhìn xa thấy rộng của một nhà doanh nhân Venise, đã hiểu được toàn bộ quyết định thương mại cần tận dụng từ cuộc chinh phục của người Mông cổ ở miền Tây Á. Những người mới đến Ba Tư và nước Đại Turquie (Turkestan ngày nay) đón nhận một thị trường thương mại có lợi, vì vậy họ cần phải vơ vét tối đa và càng sớm càng tốt. Vì thế ông cầu cứu đến hai người em trai là Nicolao và Matteo, những người này đã lao vào cuộc phiêu lưu với lòng gan dạ tinh táo và khát vọng vô song của những người đàn ông vào thời kỳ đó.

Họ khởi hành từ Venise vào năm 1250, như các bản viết tay về Marco Polo đã ghi. Năm 1255, theo niên đại lịch sử, họ đã đến Constantinople mang theo nhiều hàng hóa Venise để cho lưu hành tại chỗ, vì như chúng ta thấy, họ làm nghề buôn kim hoàn và đá quý gia công, đó là mặt hàng xuất khẩu chính của các lái buôn châu Âu đến phương Đông, cho đến thời kỳ của Tavernier và Chardin: chúng rất dễ mang và trở nên lạ lẫm đối với các vị vua độc đoán của Tácta hoặc Ấn Độ, những vị vua tò mò về những thứ mới lạ xa hoa và những kẻ tích trữ không hề biết chán.

Được cung ứng mặt hàng chọn lọc không mấy giá trị, họ đến chi nhánh thương mại của anh trai ở Soldaya, nhưng chỉ lưu lại đó thời gian cần thiết để giòng buồm ra khơi. Những thông tin được cung cấp cho họ khiến họ quyết định đến Saray trên sông Volga (không xa Stalingrad hiện

nay bao nhiêu), nơi trú ngụ của Abarca Khan hoặc Barbai Khan, thủ lĩnh của những người Tacta ở miền Ponent, ở đó họ đã thanh toán toàn bộ vốn liếng kim hoàn với hơn một trăm phần trăm lợi nhuận (hai lần hơn giá trị thật, theo văn bản).

Có thể họ không dừng lại ở công việc làm ăn này và họ đã theo đuổi một khuynh hướng hoạt động thương nghiệp riêng của mình, vì chúng ta bắt gặp họ ở Saray từ một năm tròn khi nổ ra cuộc chiến tranh giữa Barkai và em trai là Alaou hoặc Houlagou, thủ lĩnh của người Tácta ở Levant. Cuộc xích mích đang hoành hành ở phía tây nam, tức là giữa sông Don và miền núi Caucase, và hai anh em Polo bị cản trở lúc quay về Soudad và Venise. Dĩ nhiên họ có thể ở lại Saray một cách yên ổn, nhưng sở thích phiêu lưu và bản năng thương mại dẫn họ đến cuộc hành trình mới; “không thể quay lui, bản văn ghi lại một cách giản dị lạ lùng, hình như tiến lên phía trước là điều tốt cho họ”.

Vậy là họ đi về phía đông nam đến tận Boukhara trong nước Turkestan hiện nay, nơi họ đã bị kẹt trong ba năm do cuộc chiến tranh. Chắc họ không nhớ nhiều đến tổ quốc và gia đình của họ (Nicolao có vợ và con), vì khi những sứ giả từ Houlagou đến với Đại Hãn vượt qua Boukhara và đề nghị những người Venise tháp tùng họ đến nhà vua Mông cổ, những người này tin tưởng vào sao chiếu mệnh của mình, vội chuẩn bị hành lý và đi ngựa đến tận khu nghỉ mát của Khoubilai, vị Đại Hãn, tại biên giới Mông Cổ và Trung Hoa, họ phải dành trọn một năm để hoàn thành chuyến đi. Họ gặp ở đó vị vua chuyên chế Mông Cổ mà tôi sẽ mô tả tâm tính kỳ lạ sau này. Ông không chỉ dừng lại ở việc tiếp đón họ “với sự kính trọng to lớn” hỏi han họ về những phong tục tập quán của người châu Âu, về các vị vua và Đức Giáo hoàng; ông còn giao cho họ trọng trách chuyển thư cho Đức Giáo hoàng, yêu cầu Người gửi cho ông đến 100 nhà hiền triết Ki tô giáo để tranh luận về thần học với các tu sĩ Phật Giáo trong nước, thậm chí còn cam kết cải đạo của Người chứng minh cho ông biết rằng Ki tô giáo là tốt đẹp hơn. Vị Đại Hãn có thể khá bình thản về kết quả của cuộc tranh luận này: phải có toàn bộ tính cả tin của thời Trung cổ để có thể tin tưởng là vị Đại Hãn một mực nào đó lại nghĩ đến việc từ bỏ những tín ngưỡng đang bảo đảm cho chế độ chuyên chế của ông. Vị vua đam mê những điều lạ lùng quốc tế này cũng yêu cầu hai anh em mang đến cho ông dầu thấp đèn tại Mộ Thánh.

Chúng ta có thể phỏng đoán là cả hai nhà buôn Venise không ra đi với hai bàn tay trắng. Họ đi từng chặng đường ngắn, buôn lậu dọc theo cuộc hành trình và vì vậy phải mất ba năm mới đến

được Layas, gần Alexandrie, từ đó họ hướng đến Saint Jean d’Acre và biết tin là Đức Giáo hoàng vừa qua đời.

Trong thời kỳ đó, một vị Giáo hoàng không phải được bầu lên chỉ trong một tháng trời. Các Hồng y đến từ rất xa, những mảnh khõe của các triều đình khiến cho những cuộc họp kín bầu Giáo hoàng kéo dài. Anh em nhà Polo quyết định chờ đợi việc bầu vị Giáo hoàng mới ở gia đình họ tại Venise. Họ đến nơi vào năm 1269 sau 14 tháng vắng mặt. Nicolao biết tin vợ mình qua đời, có thể là vì buồn chán lo lắng quá lâu và không hay tin tức gì về chồng. Nhưng đứa con mà ông đã có trước lúc khởi hành vẫn còn sống. Nó tên là Marco. Nó trạc 15 tuổi chứ không phải 12 như một vài văn bản viết tay đã ghi (điều này sẽ biến đứa trẻ thành đứa con ngoại hôn), và không phải 19 tuổi như Ramusio nói khi căn cứ vào ngày khởi hành bị tính sai (1250). Cậu bé đó chính là Marco Polo của chúng ta.

Hai anh em chờ đợi ở Veniso. Việc bầu cử Giáo hoàng kéo dài trong vòng hai năm. Vào lúc này, tiếng gọi phiêu lưu và lợi lộc một lần nữa lại vang vọng bên tai họ. Không cần quan tâm đến thư gửi cho Giáo hoàng, họ quyết định quay lại Đại Hãn và đem Marco đi theo, lúc này cậu đã 17 tuổi. Chúng ta gặp họ ở Saint Jean d’Acre, từ đây cả ba người đến Jerusalem để xin dầu Mộ Thánh. Sau đó họ lên đường hướng về Trung Hoa. Nhưng ở Layas, họ hay tin Giáo hoàng Grégoire X vừa mới được bầu chọn (ngày 1 tháng 9 năm 1271). Đó là vị sứ thần tại Syrie mà họ đã quen biết Saint Jean D’Acre. Họ vội vàng quay lại thành phố này, họ đến bái kiến thần phục trước vị Giáo hoàng mới. Thay vì 100 nhà hiền triết như Đại Hãn yêu cầu, Đức Giáo hoàng gửi cho họ hai tu sĩ dòng Đa Minh không thích phiêu lưu, chẳng có lòng nhiệt huyết tông đồ và ngay cả lòng khát khao tử vì đạo; vì vậy từ lúc nguy hiểm đầu tiên, cả hai vị quy đạo cho người khác liền bỏ rơi anh em Polo bằng cách nhường cho họ những thư ủy nhiệm và những đặc ân mà Đức Giáo hoàng đã ban cho họ.

Cả ba người dân thành Venise tiếp tục đi ngựa đến Trung Hoa. Họ đã đi đường mất ba năm. Cuối cùng họ gặp lại vị Đại Hãn ở Kai Ping Fou, gần Bắc Kinh. Khoubilai tiếp đón họ “hết sức trọng hậu” và “hoan hỉ” nhận lấy các pháp điển của Giáo hoàng và dầu thắp từ Mộ Thánh. Ông đặt tất cả vào trong bộ sưu tập riêng bên cạnh viên đá đỏ đảo Ceylan của Đức Phật: “Ông ta hài lòng đến nỗi không cho ba người La tinh ra đi nữa. Ông phong cho họ làm những quan cao cấp ở đó. Họ được mọi người phục vụ và tôn kính”.

Chúng ta không đề cập bao nhiêu đến Nicolao và Matteo. Ngài Marco. Như chúng ta sẽ gọi từ đây về sau, bây giờ đang nắm giữ một vị trí quan trọng. Chàng trai tháo vát, rất có khiếu về các ngôn ngữ và thổ ngữ, rất hiếu kì. Hơn nữa còn là quần thần tinh tế, cậu sớm được bổ nhiệm làm “cố vấn riêng và ủy viên hoàng gia”, nếu chúng ta tin Pauthier, ít ra cậu ta cũng được giao cho những sứ mạng hết sức tế nhị. Ở đây, sự phóng khoáng hoặc nhiệt tình của các nhà chú giải tha hồ được bộc lộ.

Chắc chắn Marco Polo thấy mình được giao phó cho những quyền hành quan trọng nhất, ông có thể đi xuyên qua nước Trung Hoa bằng mệnh lệnh để phục vụ cho Đại Hãn. Nhưng ông không nói nhiều về các lộ trình cũng như lý do các cuộc di chuyển của ông, các sử gia Trung Hoa ít nói hơn ông về những chuyện đó, nghĩa là không nói gì hết. Thật đáng tiếc là ông không kể cho chúng ta về các chuyến đi của ông, ông chỉ mô tả các xứ sở và các thành phố ông đã nhìn thấy và nghe nói đến. Thậm chí chúng ta cũng không xác định được vị trí những điều ông mô tả. Việc định hướng của ông được chẳng hay chớ, hoặc thậm chí sai lầm, việc tính toán khoảng cách bằng những đoạn đường khó tham khảo trên bản đồ.

Việc thiếu chính xác này đã cho phép các nhà chú giải đưa ra những giả thuyết hết sức táo bạo. Nếu tin vào họ, những chặng đường mà người đàn ông thành Venise đã đi xuyên suốt qua nước Trung Hoa tăm tối và phức tạp của thời Trung cổ. Sự việc phải diễn ra như vậy. Marco Polo đã cho chúng ta biết rõ hướng phải theo, khoảng đường từ thành phố này đến thành phố khác, nhưng ông không bao giờ nói cho chúng ta là ông có theo đúng con đường đó hay không. Những lộ trình mà họ đã vạch vẫn còn đang được tranh cãi sôi nổi đến mức các nhà bình giải cổ văn hầu như không bao giờ đồng ý với nhau. Từ tất cả các mối quan hệ của chuyến đi, tôi không nghĩ rằng có một bản văn duy nhất được mọi người yêu cầu. Một vài người nghiên cứu về Polo, chẳng hạn như Percy Sykes, không do dự khi thêm vào văn bản gốc những câu hoàn toàn do họ nghĩ ra.

Điều chắc chắn, đó là trong 17 năm trời, Ngài Marco, bố và chú của ông vẫn ở lại phục vụ cho Đại Hãn. Việc hoạt động của hai anh em vẫn ở trong bóng tối. Nếu hiểu biết họ, người ta tưởng tượng họ không hoàn toàn từ bỏ những ước mơ buôn bán của họ. Họ có quá nhiều cơ hội làm giàu, và thực tế họ quá giàu lúc trở về nhà vì không từ bỏ ước mơ đó.

Chuyện kể của Marco Polo không nói cho chúng ta biết những lý do nào mà ba người đàn ông tìm cách quay về Venise sau 17 năm trời. Nhớ quê hương ư? Ít có khả năng; tình cảm này không

bộc lộ bao nhiêu trong tập tục đương thời. Nói đúng hơn, tôi thấy ở đây có khát vọng tự do và quản lý theo ý mình những của cải mà họ tích góp được: điều này là điều rất khó trước mắt một nhà tài chính chuyên chế như Khoubilai.

Văn bản sẽ cho chúng ta biết lý do họ được nghỉ việc và sứ mạng mà họ đã được giao trên đường trở về. Sau mười tám tháng lênh đênh trên Ấn Độ Dương, họ đến Ba Tư nơi họ đã làm xong việc ủy thác. Sau đó họ dùng đường bộ đi đến tận Trébizonde nằm trên bờ biển Đen, từ đó họ có thể đi bằng đường biển đến Constantinople rồi Négrepont, đảo Eubée, và cuối cùng đến Venise. Họ đến đó vào năm 1295, sau hai mươi bốn năm vắng mặt (chứ không phải hai mươi sáu như lời của Marco Polo và hầu như tất cả các nhà bình chú đã nói, do tính toán sai). Theo niên đại đã nêu, trong năm đó Marco phải trạc bốn mươi một tuổi, về phần tiếp theo trong tiểu sử của ông, chúng ta có sẵn ba văn bản: một của Ramusio, được biên soạn hai thế kỷ rưỡi sau khi anh em Polo về lại Venise, một đoạn văn của Zacopo d'Aqui liên quan tới việc tù đầy của Marco và di chúc của ông, bản gốc của di chúc này được lưu trữ ở thư viện Venise.

Biệt thự của dòng họ Polo, nơi các nhà du lịch tìm lại lúc quay về, nằm không xa Rialto và San Giovanni Crisostomo, cuối một quảng trường nhỏ, quảng trường La Corte Salbionera, nơi người ta đến bằng một trong những đường phố hẹp âm u giống như các đường phố có rất nhiều ở Venise, đường La Solto Portico del Forno.

Về việc trở về này, Ramusio kể cho chúng ta một câu chuyện rất thú vị xuất phát từ truyện cổ phương Đông, nhưng như chúng tôi đã nói, hình như nó ít phù hợp với thực tế về tâm lý. Hình như ba nhà du lịch khi đến nhà với những bộ quần áo tồi tả (không hiểu vì sao) rất khó nhận diện bởi những người bà con đang chiếm giữ căn nhà của họ. Vì vậy có lẽ họ dùng đến một chiến thuật của các nhà đóng kịch. Họ mời tất cả các bà con đến dự một bữa tiệc lớn, họ xuất hiện trong bộ áo bằng xa tanh đỏ sậm và sớm cời bỏ chúng để tặng cho các đầy tớ của họ.

Sau đó họ mặc những chiếc áo dài khác lần này bằng vải hoa nổi và hành động hệt như lần trước, để rồi cuối cùng mặc lại những bộ đồ bằng da thô mà họ đã mặc lúc trở về. Khi tháo lớp vải lót ra, người ta thấy một lượng lớn đồ trang sức đắt giá như: đá rubi, xaphia, hồng ngọc, kim cương và ngọc lục bảo. Chúng ta có thể nghĩ rằng trước một sự giàu có như thế, gia đình không còn phải do dự để nhận ra các nhà du lịch là những người thuộc dòng họ và tỏ ra hết sức quý mến và kính trọng họ. Tất cả các gia đình trên thế giới này không phải luôn luôn hành động như thế đối với những thành viên của mình lúc họ trở về với những chiếc túi đầy tràn hay sao?

Phần tiếp theo của câu chuyện do Ramusio kể có vẻ thực hơn và rất phù hợp với những điều mô tả hơi phóng đại của Marco Polo trong sách của ông. Ông tỏ ra thỏa mãn biết bao khi kể lại những chuyến du lịch. Khi mô tả những xứ ông đã đi qua, ông không ngừng nói về sự giàu có của chúng và luôn tính ra bằng triệu tiền vàng. Người ta sớm gán cho ông là Ngài Milioni (một vài nhà bình chú có lẽ không biết tiếng La tinh, lại viết thành Millioni), và quảng trường nhỏ mở ra trước ngôi nhà của họ được gọi là Corte del Milioni. Đó là tính cách châm biếm của những người Venise, điều đó cho chúng ta biết là những người cùng thời đó với ông ít tin tưởng vào câu chuyện kể của ông.

Tuy nhiên, không có gì phải nghi ngờ về việc ba anh em nhà Polo trở về quê nhà sau chuyến du lịch của họ qua nước Trung Hoa. Chúng ta đã thấy Marco đã dùng tiền của mình để trang bị một chiếc thuyền ga le và nắm quyền chỉ huy nó. Ngày 8 tháng 9 năm 1296, các đội tàu của hai thành phố chạm trán với nhau trong vịnh Laya, và đội tàu của Venise bị thất trận. Marco bị bắt làm tù binh, bị đưa đến Gênes và bị nhốt trong thành phố cho đến năm 1299.

Chính trong thời gian cầm tù này mà chúng ta có được quyển *Cuộc trò chuyện thân mật về Thế giới*. Nếu không có sự kiện đó, Marco Polo, con người do bản năng hoạt động lôi cuốn, bận tâm hoàn thành những công việc được giao chắc không bao giờ viết thậm chí đọc cho người khác viết sách của mình, ngay cả nhiều nhà du lịch mà chúng ta không bao giờ biết đến, như Colomb, Magellan, Gama Pizarre, cũng không tự viết ra câu chuyện kể về chuyến thám hiểm của họ. Đó là điều rất tốt, khám phá ra thế giới và sử dụng ngòi bút là hai việc khác nhau. Người đi chinh phục các kinh tuyến không bận tâm đến việc nghiêng mình trên bàn viết. Thám hiểm thật tuyệt vời biết bao.

Khi trở về Venise vào năm 1299, Marco rất hạnh phúc vì tìm lại được bố ông là Nicolao; nhưng ông đã qua đời một thời gian sau đó. Ông lão lang thang, người đã từng lôi kéo con trai trên các nẻo đường ở Châu Á, người mà chúng ta còn mắc nợ quyển “Cuộc chuyện trò thân mật về Thế giới” đã được an táng dưới cửa vào nhà thờ San Lorenzo, trong một quan tài bằng đá có khắc ba con ngựa của dòng họ Polo.

Cuộc đời của Marco tiếp tục trong vinh quang và sự bình lặng của gia đình. Ông được chọn làm thành viên của Hội đồng thành phố. Vợ ông, Donata, đã sinh cho ông ba cô con gái rất đáng yêu như ông đã viết trong di chúc: Fantina, Bellela và Moretta. Người ta cho rằng ông mất vào năm 1323, vào độ tuổi sáu mươi chín. Ít ra di chúc của ông đề ngày 9 tháng 1 năm 1323 có nói

đến tình trạng suy nhược cơ thể khiến ông lo sợ cái chết đến gần. Những ý muốn cuối cùng cũng như hầu hết các ước muốn đương thời thấm nhuần phẩm giá và sự cam chịu Kitô giáo. Ông dành một phần tài sản cho các bệnh viện và các dòng tu, chọn nơi an táng là nhà thờ San Lorenzo nơi cha ông đã được yên nghỉ, ông còn tuyên bố giải phóng cho một nô lệ người Tacta, tên là Pierre, người mà ông đã mang về sau chuyến đi, sau cùng ông để lại phần lớn của cải cho vợ và các con gái ông.

Mộ của ông và bố Nicolao của ông biến mất vào năm 1590, khi Simeon Sorella mở rộng nhà thờ. Người ta không biết hài cốt của hai nhà du lịch trở nên như thế nào. Chúng được trả về cho mảnh đất dưỡng nuôi chúng.

MARCO POLO DU KÝ

Khi Marco Polo nói về chuyến du lịch của mình cho Rusta thành Pise trong nhà tù ở Gênes, ông không đặt nhan đề cho nó. Đó là phong tục đương thời. Các tác giả thời kỳ này không quan tâm bao nhiêu đến việc ghi tựa đề cho các tác phẩm của họ. Đó là công việc của nhà ghi chép, sau này là của nhà in. Thông thường cùng một quyển sách vào thời kỳ này không thuộc văn học giả mạo thường có những tựa đề hoàn toàn khác nhau, tùy theo người viết văn bản hoặc người phát hành bản in. Những tựa đề mà chúng ta ngày nay gán cho phần lớn các sách La Mã và Hy Lạp không được ghi bởi các tác giả của chúng nhưng bởi những người ghi chép đầu tiên, thậm chí có lúc bởi các viên thư lại thời Trung cổ, ví dụ như Plutarque, ông không bao giờ đặt tựa đề cho hai tuyệt tác “Những con người nổi tiếng và Moralia”: đây là cách gọi tên tập thể được định hình ngay sau đó. Những nhân vật vĩ đại trong quá khứ không tỏ ra tự ái như những con người vô danh tiểu tốt hiện nay trong những điều nhỏ mọn như thế. Thậm chí họ thường không muốn ký tên vào các tác phẩm của họ: con cháu sau này sẽ đảm trách công việc đó.

Từ lúc đầu **Marco Polo du ký** không mang bất cứ tựa đề nào, các nhà ghi chép đã dành cho nó những tựa đề phù hợp với sở thích của thời đại hoặc với xu hướng của họ mà không cần quan tâm đến chất liệu của tác phẩm, ngoại trừ trong một trường hợp duy nhất. Họ đặt tên sách hoặc là “Cuộc nói chuyện thân mật về Thế giới” hoặc “Cuốn sách về những kỳ quan của Thế giới” (trong tiếng Ý *Delle Maravegliose del Mondo*, trong tiếng La tinh, *De Mirabilibus Mundi*), hoặc: *Marci Pauli de diversis hominum generibus et diversitatibus regionum mundanarum*, v.v. Một bản viết tay duy nhất ghi tựa đề tóm tắt gần đúng bản chất của tác phẩm: Quyển sách của Marco

Polo và những kỳ quan của Châu Á. Về phía người ghi chép, nó chỉ rõ tinh thần phê phán hoặc khoa học mà những quyển sách không có hoặc chúng không muốn có, trong khi tìm cách kích thích sự tò mò của độc giả.

Marco Polo du ký là một tác phẩm mô tả về địa lý lịch sử, dân tộc học, chính trị và khoa học (động vật học, thực vật học và khoáng vật học) của Châu Á thời Trung cổ, vì nếu như chúng ta loại trừ toàn bộ các chương cuối viết về Madagascar và Abyssinie ngày nay, phần còn lại đều dành riêng cho Châu Á và các đảo trực thuộc về mặt địa lý.

Vì vậy, vấn đề không phải là những kỳ quan của thế giới, ngay cả của thế giới được biết đến vào thế kỷ XIII - vì trong đó không nói đến Châu Âu hoặc Châu Phi - nhưng hoàn toàn về những kỳ quan của Châu Á, từ Biển Đen đến tận Thái Bình Dương, từ biên giới Xibêri đến Ấn Độ và Java. Marco Polo mô tả phần đất đai này chứ không phải thế giới. Ngược lại, đối với những người đương thời, phần đất này được mô tả lần đầu tiên do một người đã từng đi qua và nghiên cứu đến tận chân tơ kẽ tóc.

Thực ra ông không phải là người đầu tiên đi tham quan và mô tả nó. Cosmas Indicopleustes đã làm việc đó vào thế kỷ thứ VI; Arculphe vào thế kỷ VII, và Willibald, thế kỷ VIII (hai người sau không đi xa hơn Palestine); Soleyman và Abou zeyd Hassan. Cả hai đều theo đạo Hồi, vào thế kỷ IX; Benjamin de Tulède, thế kỷ XII: Jean du Plan de Carpin, khoảng năm 1245; Rubruquis, khoảng 1253 đã đi qua một vài phần lãnh thổ Châu Á và cũng đã để lại cho chúng ta những bài mô tả. Jean du Plan và Rubruquis thậm chí đã sinh sống giữa những người Tacta thuộc Mông Cổ và tham quan Trung Hoa. Nhưng tất cả những nhà du lịch châu Á đã không hoặc ít được như những người cùng thời với Marco biết đến. Một vài bản viết tay của Jean du Plan và của Rubruquis vẫn còn nằm ngủ trong các thư viện. Số khác chỉ được phát hiện rất lâu sau này, và cuốn sách lạ lùng của hai người tín hữu đạo Hồi chỉ được dịch từ tiếng Ả Rập vào năm 1718.

Những người cùng thời với Marco Polo chỉ biết đến Châu Âu qua Plin l'Ancien và người sao chép của ông là Solinus. Tất cả những điều họ biết được tóm tắt trong *Les Livres du Trésor*, viết bằng tiếng Pháp giữa thế kỷ XVIII, do Brunetto Latini, thầy của Dante, con người mà Nhà thơ Thần thánh trong bài hát thứ mười lăm của tác phẩm *L'Inferno* xếp vào số những người bị nguyên rủa vì thói giao hợp hậu môn. Cái Châu Á đó không vượt ra xa hơn sông Ấn và đảo Obropaine từ đó Marco sẽ cho chúng ta tên đích thực: Ceylan. Bên kia, về hướng đông, không chỉ có hoang mạc của những dân ăn thịt người như Brunetto đã nói. Trái lại, chính Marco đã bày

tỏ cho chúng ta biết một nền văn minh tiến bộ đến nỗi Châu Âu chỉ được xem như là một mảnh đất đang trong tình trạng dã man, sau khi tác phẩm “Chuyện trò thân mật về Thế giới” ra đời; ông còn cho thấy những vùng đất giàu có đến nỗi chúng kích thích sự thèm muốn của các vua chúa phương Tây trong hàng thế kỷ.

Nói đúng ra, ông có một sự hiểu biết mơ hồ về những vùng đất xa xôi đó. Các nhà buôn Châu Âu đang định cư ở Alexandrie, ở Constantinople và thậm chí như chú của Marco, cùng các nhà buôn thành phố Gênes mà Marco nói đến, trên bờ phía đông của Biển Đen, và trên các bờ biển Caspienne, cũng có thể có mối liên hệ thường xuyên với những người đến từ Ấn Độ và Trung Hoa, nơi sản xuất các thứ gia vị và vải lụa. Hơn nữa, trước các nhà khám phá vĩ đại, trước những người đã viết nên những quyển sách, vẫn luôn luôn có một số đông những người lang thang vô danh và thất học, họ đã không để lại thứ gì cho chúng ta từ những chuyến đi lang thang của họ.

Không phải là người ta không biết Châu Mỹ đã được khám phá ba hoặc bốn lần trước Colomb. Châu Á cũng đã được khám phá hàng trăm lần trước Marco Polo. Vào thời đại của nhân loại tràn đầy nhựa sống và sức mạnh, không thiếu những kẻ phiêu lưu bị thôi thúc bởi lợi lộc, sự khao khát vàng, họ tự nguyện vượt qua những cuộc giao tranh của các dân tộc, những trận dịch hạch, dịch tả, hòa mình vào các cuộc di cư của các chủng tộc, liều mình trước hoàn cảnh nô lệ và chết chóc để bán những hàng hóa và mua những mặt hàng khác. Giống như những người tiên phong ở các thuộc địa của chúng ta, phần đông đã không viết điều gì trước tiên, có thể họ không biết viết, sau đó bởi vì họ phải làm những việc khác, cuối cùng vì họ chỉ quan tâm đến các sản phẩm trao đổi mà thôi và thậm chí không nhìn thấy các quốc gia, các thành phố và những con người họ gặp gỡ trên đường đi. Riêng tôi, tôi đã biết một đám thủy thủ và buôn lậu đã chu du khắp thế giới và chỉ tường thuật lại những kỷ niệm về các chi nhánh thương mại, những quán cà phê và những nhà thổ.

Những người của thế kỷ XIII là những người tham vọng, tò mò, dốt nát không hơn không kém những người của thế kỷ XX. Chúng ta sẽ không bao giờ biết gì về điều mà Guillaume Boucher, người thợ kim hoàn ở Paris đã thấy, không biết đến vùng Lorraine, còn có tên là Pâquette. Chúng ta cũng sẽ không bao giờ biết đến hai nhân vật mà Rubruquis đã gặp năm 1253 ở Kara Koroum, cực bắc của nước Mông cổ, nơi Đại Hãn đang cai trị thời bấy giờ. Một người Đức, người đã từng xây dựng các công sự chiến tranh, trước Saianfou, năm 1292, đã không viết gì về chuyến đi của mình. Nếu Jean du Plan và Rubruquis đã để lại cho chúng ta một chuyện kể

về những chuyến du lịch của họ, còn biết bao nhiêu tu sĩ dòng Đa Minh giống như họ được sai đi cải đạo cho những người Tacta, đã không nói gì về những nước họ đã đi qua, có thể họ không nhìn thấy chúng. Như tôi đã trình bày. Có thể chính Marco Polo cũng không để lại cho chúng ta điều gì về chuyến du lịch tuyệt vời của ông. Những điều bất ngờ khiến ông bị cầm tù và gặp gỡ một người có học thức đã đưa đến việc ra đời của một quyển sách nổi tiếng chứa đựng toàn bộ Châu Á thời Trung cổ. Hầu như chắc chắn là Marco không bao giờ nghĩ đến việc viết ra quyển sách đó. Biết bao nhiêu nhà du lịch khác cùng thời với ông cũng lười nhác hoặc rụt rè như ông. Tuy nhiên, tất cả các nhà buôn mà tôi đã nói, những tu sĩ, những kẻ lang thang vô danh, một khi họ đến chi nhánh thương mại của những người Châu Âu, một khi họ quay về tu viện hoặc thành phố quê hương của họ, họ có thể nhớ rõ một điều gì đó và nói ra cho những người gần gũi với họ, thuật lại những hiểu biết mơ hồ về các nước ở Châu Á, giống như các thủy thủ Xcăngđinavơ, Bồ Đào Nha và Noóc mân, qua những chuyện tầm phào, đã cung cấp cho một Christophe Colomb biết lắng nghe, những kiến thức về những vùng đất bên kia Đại Dương, nơi họ đã đặt chân đến. Từ đó tôi kết luận là Châu Á không thể hoàn toàn xa lạ, ngay cả Trung Phi trước Livingstone cũng thế, vì ông này đã tìm thấy những phế tích của các công sự của người Bồ Đào Nha, ngay cả những hồ nước, những nguồn sông Nin trước Speke và Baker cũng vậy, vì những hồ này cũng như các nguồn của sông Nin đều xuất hiện trên một tấm bản đồ in năm 1686 mà tôi đang có trước mặt tôi.

Điều tạo nên công lao hiếm có của Marco Polo, trong số nhiều nhà du lịch khác, nổi tiếng và vô danh đi trước ông, đi cùng ông hoặc sau ông, xuất phát từ những phẩm chất cá nhân của ông, từ tổ chức bộ não của ông. Kích thích bởi tính hiếu kỳ vô hạn, ông có năng khiếu nhìn thấy mọi thứ, lưu lại mọi thứ và biết sắp xếp lại thứ tự mọi thứ tất cả những gì ông đã nhìn thấy và lưu giữ trong đầu.

Trong hai mươi bốn năm, ông đã chu du khắp nơi ở Châu Á và không ngừng góp nhặt thông tin. Ông nghiên cứu những con người từ vị vua chuyên chế đến người thợ thủ công bình thường nhất, từ những thể chế chính trị đến các tín ngưỡng tôn giáo, không những các thành phố, những đền đài và các ngành thủ công mà còn những phong cảnh cây cối, những tài nguyên thiên nhiên cho đến đất đai và khoáng sản. Không có gì vượt ra khỏi tầm nhìn của ông từ lục địa mênh mông, nơi mà các chủng tộc, các niềm tin và các ngôn ngữ chồng chéo vào nhau; từ môi trường thuận lợi phong phú, nơi sản sinh những hoa quả chưa ai biết và những thứ gia vị như đinh hương, hạt tiêu, củ gừng, những thứ đã làm cho những người đi chinh phục phải mơ ước thêm

thường; từ những lớp đất sâu đang chứa đựng những tài nguyên không sao kể xiết: vàng, bạc, đá quý, than đá, dầu lửa và amiant.

Đó là một bức tranh tuyệt vời vô cùng sống động của châu Á vào thế kỷ XIII, lục địa mà Jean du Plan và Rubruquis chỉ công hiến cho chúng ta bản phác thảo tẻ nhạt. Khi đi dạo từ biển Caspienne đến các biển Trung Hoa, từ các dãy núi Tây Tạng đến mũi Comorin, Marco Polo mang lại cho chúng ta một bộ sưu tập đồ sộ về một bức tranh đầy màu sắc, trong đó sự tỉ mỉ và sự phong phú của những bức tiểu họa xưa trở nên sống động bởi một sự nhộn nhịp rất hiện đại. Đó là những thành phố đông dân sống bên trong những tường thành khoét lỗ châu mai, bị chia ngang cắt dọc bằng những đường phố dài thẳng tắp, nhộn nhịp bởi tiếng ồn ào của các ngành nghề. Những thành phố được xây dựng trên những đầm lầy do sông ngòi bồi đắp với hàng trăm chiếc cầu và hàng ngàn chiếc ghe tam bản ngược xuôi không ngớt trên các kênh đào giống như ngày nay. Đó là những lâu đài và vườn tược, những nhà nghỉ, những hồ và suối, những vườn cây ăn trái và những đồng cỏ, nơi sinh sống của những con thú săn và những con vật làm cảnh, những đồi cây, những bồn hoa. Đó là những hải cảng lớn nhưng nhúc tào buồm chờ gạo, mà nhà du lịch đã mô tả với cái nhìn chính xác của một thủy thủ thực sự hoặc của một người đi biển buôn bán ven bờ lâu năm đến các đảo thuộc quần đảo Mã Lai. Đó là những tu viện rộng mênh mông như các đô thị, giàu có như các công ty đa quốc gia, đầy quyền lực như các vua chúa phong kiến, những nơi hun đúc hàng ngàn tu sĩ Phật giáo được cung phụng bằng đức tin của dân chúng theo truyền thống tu viện thuần túy nhất trong tất cả các nước. Đó là những đội quân trên các con ngựa ngắn bờm dài phi qua những thảo nguyên bao la và thỉnh thoảng giáp mặt nhau trong các cuộc chiến kiểu Salammô, ở đó các thớt voi di chuyển những tòa tháp bằng gỗ đầy ắp những xạ thủ bắn cung. Đó là những y phục, những đồ trang sức, những hình xăm, những tập tục của nước Trung Hoa cổ dựa vào truyền thông mà ngày nay chúng ta vẫn còn gặp lại trong những lễ tang và những tục đốt giấy vàng mã từng được Marco miêu tả.

Thỉnh thoảng, câu chuyện của ông trở nên thân mật và thậm chí phóng túng, nhất là khi đề cập đến phụ nữ. Ông trình bày với sự khoan dung và thanh thản những khía cạnh lạ lùng của cuộc sống tình dục, những ý thích nồng cuồng trong hôn nhân của một dân tộc bị chi phối bởi những nguyên tắc của chúng ta. Cambaluc cũng nhung nhúc các gái điếm hầu như không thua gì Paris vào thế kỷ XVIII và Shanghai xưa kia, họ kiếm tiền bằng thân xác của họ và tất cả đều nhờ đó mà mưu sinh. Theo Polo kết luận, điều này chứng tỏ cho thấy sự giàu có của dân chúng. Ông nói nhiều về vùng đất mà các thiếu nữ chỉ được tìm kiếm để kết hôn trong phạm vi họ đã từng

ngủ với các khách vắng lai; người đàn ông Venise còn nói thêm về xứ sở được chúc phúc, nơi mà các chuẩn kỵ sĩ đau khổ vì những cô gái đẹp phải lên đường sau khi họ đã thỏa thích chán chê và không tiền ứng trước. Trong một tỉnh khác, những ông chồng tự nguyện để cho vợ họ sẵn sàng đi với những du khách và đi dạo ở nông thôn cho đến khi người khách của họ lấy đi chiếc mũ, mà y đã để lại cửa sổ nhằm ra dấu về sự có mặt của mình trên giường vợ chồng, thậm chí người ta còn thấy những ông chồng hài lòng nhường cho vị hoàng đế những thần tượng giàu có nhất và tất cả các tài sản đất đai của họ để giữ được quyền bị cấm sùng. Trái lại, quyền sách được nâng cao bởi tính cao thượng và trân trọng như trong các trang viết về Facfut, vua của Mangi, người cha của dân tộc với nhiều chức vị hơn là nhiều người nào khác, ông là Pausòle nhu nhược chỉ nghĩ đến hạnh phúc và phụ nữ. Ông giàu có và không có quân đội, món mồi ngon dành cho sự thèm khát vô độ của Khoubilai. Vị Facfut này là người sáng lập cơ quan cứu trợ và tiền thân của thánh Vincent de Paul, khi ông cho thu nhận mỗi năm hai mươi ngàn trẻ sơ sinh mà bố mẹ chúng đã ném vào đồng rác, ông cho nuôi dưỡng, cưới vợ, gả chồng cho chúng hoặc cho các vợ chồng không con nhận chúng làm con nuôi, vị Facfut này không thể nào cảm lòng trước một căn nhà nghèo nàn và dùng tiền của mình làm cho nó đẹp đẽ hoặc nâng cao lên thêm một tầng.

Có thể là quyền sách đạt đến tính cách thanh thản tốt cùng của nó khi bàn đến Đức Phật Sagamoni (Cakya Mouni), như Marco gọi. Theo ý tôi, đó là lần đầu tiên mà giáo lý Ấn Độ được giới thiệu cùng với giáo lý Ki tô giáo. Trong tác phẩm “Cuộc trò chuyện thân mật về Thế giới”, giáo lý được giới thiệu với sự am tường, giọng điệu giống như giáo lý Ki tô giáo khiến có lúc tôi nghĩ rằng Marco Polo có thể cảm thấy bị thôi thúc hướng đến tôn giáo có tính chất khổ hạnh này. Tôi chỉ muốn ghi lại một câu hỏi hơi lạc giáo: “Nếu Ngài là Ki tô hữu, vì cuộc đời tốt đẹp và trung thực của Ngài, có thể Ngài sẽ là một Đấng thánh giống như Đức Giêsu Ki tô Chúa chúng ta”.

Sau cùng tôi nhận thấy trong “Cuộc trò chuyện thân mật về Thế giới”, có hai chuyện hoang đường đã gây ảo tưởng cho thời Trung cổ và duy trì huyền hoặc cho đến thời kỳ hiện đại: chuyện hoang đường về Vua kha hãn Jean, vị vua hoặc Khan Ki tô giáo của Á châu với vương quốc chỉ có trong tưởng tượng đến nỗi người ta không ngừng tìm kiếm ông ta trong hàng thế kỷ; và chuyện hoang đường về vị Sơn Thần Già được các độc giả của Théophile Gautier, Quincey và Baudelaire biết rõ hơn là số quá ít độc giả của Marco Polo, vị phù thủy lạ lùng này làm đắm say bằng tình yêu, âm nhạc và cây gai dầu ở các khu vườn có những con suối, rượu và mật, những

chàng trai xinh đẹp và sau đó sai họ đi giết các vị vua và hoàng tử. Họ được gọi là Haschischin (nguồn gốc của từ “Assassin” của chúng ta hiện nay, bởi vì ông ta làm cho họ nghiện chất Haschisch (ma túy). Chuyện hoang đường giàu chất thơ Đông phương đến nỗi nó xuất hiện cả trăm lần trong nền văn học của tất cả các dân tộc và tìm được một vị trí gần đây trong một câu lạc bộ của những người Haschischins. Ở đó, không xa nơi tôi ở, trong một phòng của khách sạn Lauzun, phố Anjou, chúng ta nhìn thấy Baudelaire, Gautier, nhà điêu khắc Feuchères và những cô gái xinh đẹp khao khát những thiên đàng nhân tạo tập hợp quanh Fernand Boissard, người chủ của ngôi nhà.

Trung tâm của bức tranh nhộn nhịp mà Marco Polo mô tả chính là gương mặt vĩ đại của vị Khoubilai, hoàng đế của tất cả những người Tácta trên thế giới, người đàn ông thành Venise gọi ông là Đại hãn hoặc lãnh chúa. Sự miêu tả vị vua chuyên chế, chuyện kể về việc lên ngôi của ông, việc mô tả các cung điện do ông xây dựng, những đô thị do ông thiết lập, những buổi lễ do ông tổ chức, những chuyến đi săn, những bài tường trình về việc điều hành chính trị, tài chính, kinh tế đã chiếm hàng năm mươi chương sách. Tóm lại toàn bộ quyển sách chỉ là một bài biện hộ cho uy quyền tối thượng của Đại Hãn, vì tất cả các nước mà Marco miêu tả đều nằm dưới sự thống trị của Đại Hãn hoặc nộp thuế cho ông hoặc bị tham vọng của ông đe dọa.

Đó là một nhân vật rất độc đáo, hậu duệ của Genghis Khan nổi tiếng, kẻ sáng lập ra triều đại Mông Cổ; vị vua chuyên chế tuyệt đối xem toàn bộ Châu Á như là tài sản hiện tại hoặc tương lai của mình. Ông vor vét mọi tài nguyên thuộc lãnh thổ rộng mênh mông của ông, ông là chủ của mạng sống và của cải của mỗi thần dân của ông. Tuy nhiên, ông lại có đầu óc cởi mở đối với tất cả những điều mới lạ, khao khát kiến thức, chuộng tính cách ngoại lai, niềm nở với tất cả những ai đem đến cho ông những hiểu biết về người nước ngoài và về những phong tục tập quán của những tỉnh xa xôi trong đế quốc của ông. Ông là người sáng chế ra tiền giấy, thường được bắt chước bởi các vị vua và các nước Cộng hòa nào không biết dùng tiền bạc của các nước khác, ông phát minh ra các trạm đưa thư, ông là người thiết kế vĩ đại các đường xá, người thiết lập điều mà sau này người ta gọi là nền kinh tế đóng kín. Ông cũng là nhà sưu tập cuồng nhiệt và tập hợp trong bảo tàng của mình tất cả các đồ vật mà ông có thể với tới được miễn là chúng hiếm có và đến từ phương xa. Khoan dung, giống như tất cả những người Mông cổ, kể cả những người Turc, ông để cho mỗi người được tự do hành đạo và chỉ cần phải nộp thuế; quần thần của ông gồm những người Hồi giáo, Do Thái giáo, tín đồ Nestorius. Công giáo như ba anh em nhà Polo và những người khác mà chúng ta chỉ phỏng đoán; tôi đã trình bày việc ông đã sẵn sàng tổ chức một

cuộc tranh biện giữa những tu sĩ Phật giáo và các đặc sứ của Đức Giáo hoàng, và chắc chắn là ông ta hết sức khoái trá về việc này. Vị hoàng đế này còn hiếu chiến và xa hoa phóng túng, điều độ nhưng hưởng lạc, tham vọng và thích tiêu tiền. Ông còn là hình ảnh sống động nhất mà Marco Polo đã giới thiệu cho chúng ta.

Chúng ta không thể nói rằng quyền sách của ông được đón nhận với tính cả tin phổ biến. Nếu những độc giả trung bình tìm được lợi lộc cho mình trong chuyện kể về những điều kỳ thú này, những người có học thức đương thời lại tỏ ra hoài nghi về giọng nói của người kể chuyện cũng như các số liệu được nêu ra. Vị lái buôn này, người từng nắm trong tay biết bao nhiêu là vàng, hàng triệu tiền giấy và đá quý, có thể là kẻ đáng ngờ đối với những người không bao giờ thấy nhiều như thế và thuộc về những đất nước dè xẻn. Không có triều đình nào ngay cả triều đình của nước Pháp, triều đình giàu có nhất lúc bấy giờ lại có sẵn một phần ngàn, nếu không muốn nói là một phần trăm ngàn lợi nhuận của Đại Hãn. Không có gì đáng ngạc nhiên khi những người đồng hương Venise đã gán cho ông ta biệt hiệu Ser Milioni với chút châm biếm và không có gì ngạc nhiên khi các nhà địa lý thời bấy giờ, chẳng hạn như d'Ailly lại trở nên thận trọng trước lối khoa trương hơi quá đáng của Marco, vì họ không tin là có thể chấp nhận những thông tin mà họ không thể nào kiểm chứng được.

Nếu chúng ta tin Jacop d'Aqui, có thể người đàn ông Venise đã khẳng định, ở mục nói về sự chết, rằng không những tất cả các chi tiết của quyền sách là hoàn toàn đúng đắn mà thậm chí ông đã không nói được một nửa điều ông chứng kiến. (*“Et quia ibi magna et quasi incredibilia, reperiuntur, rogatus fuit ab amicis, in morte, quod librum suum corrigeret et quae superfluae revocaret. Qui respondit: Non scripsi mediantem de iis quae vidi”*).

Tuy nhiên đôi lúc Marco Polo có thể hơi phóng đại phần nào. Những kỷ niệm lâu lơ lâu lắt của ông dần dần đã tô điểm cho thực tại một cách vô thức. Đó là một hiện tượng hơi khá phổ biến ở các nhà du lịch. Tôi không muốn đưa ra những ví dụ khác mà Colomb đã từng nêu ra trong các lá thư từ Hispaniola, và gần với chúng ta hơn, Pierre Loti, khi giới thiệu một Polynésie không khác gì một ảo ảnh.

Sự hăng say của người Ý và nhất là của người Venise, nơi Marco Polo đôi khi đưa ông đến lối ngoa dụ. Những kỷ niệm của ông, được khuếch đại bởi một cuộc sống tĩnh tại, đã đưa ông đến việc tô vẽ thêm và gây thừa thãi. Chính vì phương diện này mà tôi có thể gọi ông là Casanova của chuyến du lịch. Người Venise này và người Venise kia tùy tiện làm biến đổi những điều mô

tả do luyến tiếc khi kể chuyện, người đầu tiên luyến tiếc những thành phố mà y đã biết, người thứ hai những phụ nữ mà y đã chiếm đoạt. Những thành phố của Marco quá phong phú, quá lớn lao và quá đông dân; những phụ nữ của Casanova quá trẻ trung và quá tuyệt vời. Vì vậy, không cần có một nghìn lẻ ba nhân tình mới chú ý đến điều mà tất cả các phụ nữ đều có bộ ngực quyến rũ, “giống như những quả cầu”, nhà hiệp sĩ đã nói như thế về tính cách thống nhất trong các cuộc chinh phục của mình.

Giống như phần đông các nhà bình chú, tôi cũng không muốn bào chữa cho những điều khẳng định nhỏ nhặt nhất của Marco Polo. Chúng ta không thể tránh việc bắt quả tang ông phóng đại ở nhiều chỗ trong sách, chẳng hạn khi ông nói với chúng ta về 12700 đảo của Ấn Độ Dương, về Yangtsé và việc giao thông trên sông, về sáu nghìn chiếc cầu bằng đá của thành phố Singui và rất nhiều điều khác nữa mà tôi muốn để cho độc giả đánh giá. Các tính từ “*grand*”, “*grandissime*” và thậm chí “*moult grandissime*” trở đi trở lại thường xuyên gây ra tính cách đơn điệu trong phóng đại. Những số liệu thường khiến cho Mallarmé gọi là “sự chóng mặt Đông phương về các số liệu” trong bài tựa của tác phẩm *Vathek*. Thỉnh thoảng, tác giả tự phủ nhận ngay tức khắc, như trong việc mô tả lều săn của Đại Hãn, ông cho biết mỗi bộ da lông chồn Zibeline “giá hơn hai nghìn đồng livrơ vàng hoặc ít ra là một ngàn”. Trong khi nói về vàng, ông lại tỏ ra cuồng nhiệt. Ông nhìn thấy nó ở khắp nơi trong các mặt lát, trên các tòa tháp, trên các mái nhà. Thường người ta có cảm giác đó chỉ là đồ mạ vàng, những thứ vàng phổ biến và dồi dào đó không phải không làm cho một vài độc giả bị thôi miên và không chỉ có những người kém nhất, chẳng hạn như anh chàng Christophe Colomb, hai trăm năm sau ông đã biến quyển “Cuộc trò chuyện thân mật về Thế giới” thành sách gối đầu giường của ông. Thực ra người đàn ông Venise và người đàn ông Gênes cũng bị ám ảnh tương tự. Chủ đề quán xuyến về vàng, trước lá thư *Tétralogie des Nibelungen* chứa đầy nhật ký của Colomb và phần quan trọng nhất trong các chú thích bên lề quyển sách của Marco Polo. Ảo ảnh do mặt trời chứ không phải bất cứ điều gì khác như tôi đã có dịp chứng minh, đã lôi kéo nhà hàng hải trên các lộ trình xa lạ của Đại Tây Dương, về hướng Cipangu có cung điện, theo lời Marco, “toàn bộ được lát bằng vàng ròng giống như các nhà thờ của chúng ta được lát chì” và có nhiều phòng “tất cả đều lát vàng, bằng những tấm lát dài hơn hai ngón tay”. Cũng có nhiều đoạn miêu tả khác của người đàn ông Venise mà chúng ta không thể kiểm tra, không phải là lời nói dối, nhưng là điều ảo tưởng. Giống như phần đông các nhà văn cùng thời, chẳng hạn như Aristotle, Plin l’Ancien, ông ta có sở thích đối với điều huyền diệu. Ông chịu trách nhiệm về những truyền thống Châu Á, chẳng hạn như chim thần mà chúng

ta bắt gặp trong chuyện “Ngàn lẻ một đêm” và ngay cả trong bài tường thuật về chuyến du lịch của Magellan, được viết lại hai trăm năm sau bởi Pigafetta. Trí tưởng tượng của Marco Polo trong lĩnh vực động vật học và thực vật học, được gặp lại nơi Claude Duret và Claude Champier vào thế kỷ XV, XVI; thậm chí sau này, cha Lobo và Vincent Le Blanc, trong các chuyện kể của họ về chuyến du lịch, cũng xác nhận sự tồn tại của con kỳ lân thân thiết với Marco. André Thévet cũng đã nói mình săn kỳ lân cùng với cha ở xứ Monomotapa. Vào thế kỷ XIX, cha Hue, trong tác phẩm “Tây Tạng du kí” của mình (1842-1844), cũng dành nhiều trang cho con kỳ lân mà ngài gọi là *Tchiron* hoặc linh dương *Hodgsonii*. Ngài đã mô tả nó thật tỉ mỉ, không phải đã nhìn thấy nó, nhưng dựa theo các tư liệu hết sức chính xác về mặt khoa học. Chúng ta cũng đừng ngạc nhiên về sự say mê buồn cười của Marco dành cho voi, về những con sư tử mà ông cho định cư ở Châu Á vì nhầm lẫn nó với con hổ. Ngoài ra ông còn đưa ra nhiều đoạn mô tả chính xác và tỉ mỉ các động vật và thảo mộc của Trung Hoa và Ấn Độ, chúng ta có thể bỏ qua cho ông đôi lúc đã sa đà vào chuyện ngụ ngôn hoặc tưởng tượng.

Sau cùng trong “Cuộc chuyện trò thân mật về Thế giới”, có một lỗ hổng lạ lùng mà không nhà bình chú nào lấp đầy. Người đàn ông thành Venise mô tả chi tiết các công trình nghệ thuật có tầm quan trọng tương đối, như chiếc cầu Pulisanghin, lại không nhắc một từ nào về một di tích vĩ đại của nước Trung Hoa cổ: Vạn lý trường thành. Tuy nhiên đi theo các lộ trình của ông, chúng ta biết ông đã vượt qua nó nhiều lần. Sự im lặng của ông đối với một “kỳ quan” gây ấn tượng như Vạn lý trường thành (Bức thành mười ngàn dặm) vẫn làm chúng ta hơi bối rối và khiến chúng ta nghĩ rằng Marco đã không bao giờ vượt qua biên giới Mông cổ giữa Bắc Kinh và Kan Tchéou.

Ngoại trừ những lời nói phóng đại, sắp xếp bố cục và sơ suất của Marco Polo. Điều kỳ lạ là ông không một lần nhắc đến trà, nước giải khát phổ biến của người Trung Quốc và Tartarie từ thế kỷ XI, trong khi Soleyman, nhà du lịch thế kỷ thứ IX lại nhắc đến rất nhiều. Chúng ta có thể thán phục tính cách xác thực của những phần còn lại. Càng đi sâu vào việc tìm hiểu những vùng đất mà ông mô tả, về địa lý, lịch sử, phong tục, tôn giáo, hệ động thực vật, đất đai, chúng ta có thể cảm nhận rằng nhà du lịch vĩ đại ít khi nhầm lẫn, ông đã thu nhập tin tức rất tỉ mỉ và đã chuyển cho chúng ta những chi tiết nhỏ nhất. Trên các tỉnh, thành phố, sông ngòi, hơi biến đổi như đã nêu do cách phát âm hoặc do các nhà ghi chép, tất cả những địa danh đó vẫn còn xa lạ cho đến lúc bây giờ, đã được thẩm định là chính xác. Những hoang mạc mà ông đã từng vượt qua trong tình trạng khát nước vẫn luôn bị khô hạn như thế. Sơ đồ của ông về các thành phố có

thể trùng khớp với các sơ đồ trước kia và thậm chí với các sơ đồ hiện nay. Những biến cố mà ông nêu ra đã được xác nhận bởi các sử gia của nước Trung Hoa cổ ngoại trừ một vài chi tiết.

Các phong tục được mô tả một cách hết sức đúng đắn, ngày nay chúng ta còn bắt gặp lại rất nhiều phong tục truyền thống đó.

Những sản phẩm thiên nhiên hoặc công nghiệp của từng nước được nhà du lịch thành Venise liệt kê là những sản phẩm có trước kia và ngày nay chúng vẫn còn tồn tại.

“Cuộc trò chuyện thân mật về Thế giới” là một tài liệu vô giá về Châu Á thế kỷ XIII, một bức tranh trung thực và đáng chú ý của những vùng vẫn còn khép kín cho đến lúc đó trong vòng bí mật đến nỗi các nhà địa lý chỉ nói đến chúng như là những hoang mạc vô tận chỉ có những dân ăn thịt người sinh sống. Nhờ Marco Polo với kinh nghiệm, tính hiếu kỳ, lương tri, lòng trung thực của ông, những vùng đất vượt qua không gian và thời gian đã trở nên sống động bởi một cuộc sống diệu kỳ, ngày nay chúng đã dâng hiến cho chúng ta hình ảnh của một nhân loại trù phú trong những cảnh trí rộng lớn như những bức bích họa và chính xác như những bức tiểu họa.

ẢNH HƯỞNG CỦA MARCO POLO DU KÝ

Từ khi xuất hiện trong những năm đầu của thế kỷ XIV, quyển sách đã được công chúng đón nhận nồng nhiệt, tôi muốn nói đến công chúng thời đó, rất hạn hẹp do tình trạng phổ biến có hạn và tính cách đất đỏ của các bản viết tay.

Một thống kê hết sức đáng buồn nếu không muốn nói là đáng cay, đã cho biết chỉ có một phần trăm các bản viết tay thời Trung cổ mới đến được tận tay chúng ta. Những cuộc chiến tranh, những cuộc cách mạng, những cuộc hỏa hoạn, việc sử dụng và nhất là sự chênh mảng làm chúng ta mất tất cả phần còn lại. Vì vậy, hầu như tất cả các thư viện lớn ở Châu Âu đều có một hoặc hai bản viết tay của “Cuộc trò chuyện thân mật về Thế giới” và chỉ có Thư viện Quốc gia của chúng ta vẫn còn giữ đến sáu bản. Người ta tính ra có hơn năm mươi bản có từ thế kỷ XIV và XV, nhưng giáo sư Benedetto khẳng định rằng ông đã phát hiện hơn tám mươi bản xa lạ ngay cả với ông.

Từ khi in ấn ra đời, quyển sách được phát hành lại thành sách khổ hai trang trọng ở Nuremberg, vào năm 1477; ở Augsburg năm 1481; ở Zwolle, thuộc Hòa Lan năm 1483; ở

Anvers năm 1485. Sau đó, nhiều ấn bản bằng tất cả các thứ tiếng được phát hành trong tất cả các quốc gia.

Có khi không nên tin ảnh hưởng của nó được cảm nhận trên những người có óc khoa học vào thời bấy giờ, nhất là các nhà vũ trụ học. Tôi cũng đã nêu lý do này. Ngay cả tác phẩm Liber secretarum của Sanuto, đồng hương của Marco, ngay cả tác phẩm Margarita Philosophia của Reisch, ngay cả tác phẩm Chroniques của Bergoma cũng không đề cập đến nhà du lịch người thành Venice, và không tận dụng được các khám phá của ông Aepeas Silvius, người đề cập nhiều đến châu Á trong tác phẩm “Vũ trụ học” của ông, hầu như hoàn toàn không biết gì về Polo; và một cuốn sách của một trong số những nhà vũ trụ học vĩ đại ở cuối thời kỳ Trung cổ, tác phẩm Ymago mundi của Pierre d’Ailly(1410) không nhắc gì đến nhà du lịch cũng như những quốc gia mà ông đã phát hiện. Chương XXIV, đề cập đến Châu Á, nêu lên vương quốc Cathay, nhưng địa danh này cũng xuất hiện trong sách của Jean du Plan và Rubruquis; ranh giới Ailly đưa ra lại không trùng khớp với ranh giới do Marco Polo nêu. Dĩ nhiên, phải tính đến tinh thần kinh viện của ngài viện trưởng đại học, vì nói cho đúng ông ta chỉ là một người sao chép thẩm nhuần tư tưởng Aistote, Pline, Isidore de Seville, Pompnius Mela, Bacon và là người thường dựa vào các tác giả Hi Lạp cổ đại, và ngay cả các Giáo phụ hơn là các nhà địa lý đương thời, những người mà ông gọi một cách mỉa mai “*những kẻ cấp tiến*”.

Các nhà lập bản đồ của thế kỷ XIV và XV cũng chẳng được gợi hứng bởi “Cuộc trò chuyện thân mật về thế giới” bao nhiêu. Tấm bản đồ của Catalogne năm 1375, viên ngọc quý của Thư viện quốc gia Pháp hình như đã chiếu theo những chỉ dẫn của người đàn ông Venice trong tất cả những gì có liên quan đến Cathay, các thành phố và sông ngòi của nó, nhưng chúng ta không gặp thấy Cipangu cũng như 12.700 đảo của Ấn Độ Dương điều dành cho người thận trọng nhất. Chỉ có một tấm bản đồ khác, bản đồ của Fra Mauro, khoảng năm 1450, dành một vị trí quan trọng cho đế quốc Đại Hãn. Những tấm bản đồ khác chẳng quan tâm gì đến các chỉ dẫn của Marco. Chúng ta không gặp bất cứ thứ gì trong bản đồ của Angellino de Dalorto (1325) không vượt xa hơn sông Euphrate, hoặc trong bản đồ của Angellino Dulcert (1329), dừng lại ở vịnh Péc Xích, hoặc trong các bản đồ của Pizigani (1367 và 1373) hoặc trong bản đồ của Guillermo Soler (1380), thậm chí trong bản đồ mặt phẳng của Andrea Bianco (1436).

Nếu như tác phẩm Marco Polo du ký là điều mà ngày nay chúng ta gọi là một sự thành công trong thư viện, chủ yếu là nhờ tính cách huyền diệu của nó, nhờ hình ảnh đẹp có màu sắc mà

sách gọi lên trong tâm trí. Chắc chắn những người đương thời không coi trọng những cuộc phiêu lưu của một người Venise ở Trung Quốc. Thật khôi hài khi việc can thiệp của Rusta, lúc đó chỉ là người viết tiểu thuyết đạt được một điều gì cũng thật khôi hài. Khi chúng ta tưởng “Cuộc trò chuyện thân mật về Thế giới” có cùng một nguồn cảm hứng với tác phẩm “Bàn tròn”. Dù sao, chính các nhà thơ và nhà kể chuyện mới quan tâm đến sách của Marco: Họ vẽ lấy nhân vật Đại Hãn và bối cảnh của nước Cathay để tô điểm cho các chuyện kể của họ, thậm chí Aristotle còn sáng tạo ra một nữ hoàng của nước Cathay.

Ảnh hưởng của Marco Polo đối với các nhà bác học chỉ được cảm nhận rất muộn màng, khoảng giữa thế kỷ XV, và đó là vì ông mang lại những chứng cứ cho những người ủng hộ Marin de Tyr, người đã đưa bề rộng của thế giới từ 180 độ của Ptolémée lên 250 độ và do đó kéo dài Châu Á về hướng đông. Cathay, Cipangu và vùng đảo phía đông xuất hiện trên quả cầu của Behaim (1492- viện bảo tàng Đức ở Nuremberg), trong thư của Muntzer hoặc Monetarius gửi cho Joao II nước Bồ Đào Nha (1493 - thư viện Munich) và trên một vài bản đồ cuối thế kỷ XV. Các tác giả không chỉ dựa vào Marin de Tyr mà còn vào những khẳng định của Aristotle và Sénèque, không cần bất cứ bằng chứng khoa học nào họ cho rằng không có khoảng cách lớn trên biển để đi từ những điểm cực tây của thế giới cũ đến những điểm cực đông; do đó Đại Tây Dương ít ngăn cách Châu Âu và Tây Phi với các bờ biển phía Đông của Châu Á, và chúng ta có thể đến Cipangu và Cathay do Marco mô tả.

Một trong số những người chấp nhận hái nhất của ý tưởng mới này có thể là Christophe Colomb. Chúng khẳng định những hiểu biết mà chúng ta đã tập hợp về sự tồn tại của những vùng đất trong những chuyến khởi hành đầu tiên của ông và trong thời gian ông lưu trú tại Bồ Đào Nha.

Trong đầu ông những vùng đất đó có thể là bờ biển phía đông của Châu Á, tức là những vùng do Marco Polo miêu tả, những ảo tưởng mà ông bao giờ cũng theo dõi mà giữ cho đến lúc chết. Chúng ta biết trong chuyến du hành đầu tiên của ông, ông có mang theo một bức thư của vua Tây Ban Nha gửi cho Đại Hãn - ít ra Colomb khẳng định điều này vì bức thư này tôi đã đọc được ở kho lưu trữ Barcelone, nó là bản chép duy nhất còn tồn tại (Registres, 3569 f.136) không nhắc riêng đến Đại Hãn.

Sự ham muốn của người đàn ông thành Gênes (những người đồng hương của ông, thậm chí và nhất là đối với những người Ý, tượng trưng cho lòng tham tiền và tính hà tiện) có thể thúc đẩy

ông đi theo con đường ngắn nhất để đạt đến những tài nguyên phong phú huyền thoại do người đàn ông thành Venise phát hiện bởi ám ảnh về vàng luôn bám lấy Colomb, nó không cho phép ông ngờ vực một chút nào toàn bộ sự thật về những điều phát hiện đó. Những cung điện của Cambuluc và của Cipangu, những tòa tháp của Mien, những miếng óng ánh và những cục kim loại của những con sông của Tebet, được ông xem như là một thực thể dễ dàng với tới được bằng đường xuyên qua Đại Tây Dương. Ngoài ra còn có những nơi mà ngọc trai của Maabar, những viên đá rubi của Ceylan và cuối cùng là nguồn lợi phong phú của ngành thương mại. Gia vị, đinh hương, hạt tiêu, quế, tất cả những sản phẩm mà hiện nay chúng ta coi thường nhưng vào thế kỷ XV, những sản phẩm đó chỉ đến Châu Âu nhờ những đoàn lái buôn lạc đà của người Turkestan xuyên qua hoang mạc và các tàu buôn Ađen và chúng được bán theo trọng lượng vàng. Tôi đã nghiên cứu trong kho lưu trữ tổng quát về Ấn Độ ở Seville, một phiên bản Marco du ký do Christophe Colomb chú thích. Đúng ra đó là bản tóm tắt do Fr. Pipino thực hiện, *De consuetudinibus et conditionibus Orientalium regionum*, được in tại Anvers vào năm 1485.

Trong 366 lời chú thích bên lề từ tay nhà Hàng hải, chúng ta phát hiện những quan tâm hết như trong Hiệp ước đầu hàng tháng tư 1492 và trong nhật ký hàng hải do Navarette xuất bản: vàng, bạc, ngọc trai, gia vị (xem các ghi chú bên lề 47, 125, 274, 301, 328). Chúng ta thấy rằng những viễn tưởng từ Viễn Đông gây hứng thú tột bậc cho nhà phiêu lưu hám lợi. Cũng nổi ám ảnh đó được tìm thấy trong các ghi chú ông ghi bên lề một quyển sách của Plin l'Ancien ở trong cùng kho lưu trữ trên.

Tất cả hoặc hầu như tất cả đều được đánh dấu ở những đoạn có đề cập đến vàng, bạc, ngọc trai: “*Ora, plata Adonde cavan oro y plata Crise y Argire (hai đảo) la tierra dellas llena de oro y plata Oro, perlas Adonde ay muchas perlas.*” Tất cả những điều đó đều xuất phát từ bàn tay và bộ óc của Colomb. Cũng chính tâm trạng này làm cho ông rề rà đối với những sự mặc cả dai dẳng với vua Ferdinand, con người cũng hám lợi như ông, khi ấn định tỷ lệ phần trăm cho Colomb về lợi nhuận của việc kinh doanh: 25% không hơn không kém từ tất cả những gì do Ấn Độ sản xuất ra.

Điều chắc chắn là cái ảnh ảo mạ vàng đã được Marco Polo du ký đánh thức trong trí óc của Colomb. Chính vì điều này mà chúng ta có thể cho rằng nhà du lịch thành Venise đã tạo nên việc phát hiện ra Mỹ châu. Những dữ kiện địa lý của tác phẩm “Cuộc trò chuyện thân mật về Thế giới” đã vượt quá sự mong đợi của các nhà vũ trụ học như Sacrobosco, Pierre d'Ailly, Ptolémée

và Marin de Tyr. Những đoạn mô tả của ông về tài nguyên phong phú không đếm xuể của Châu Á có thể kích thích những người giàu có đầy nghị lực của thế kỷ XV thêm thuồng lợi lộc, cái thứ đã dẫn dắt các nhà phát kiến vĩ đại đến tận những vùng đất xa xôi nhất. Thế kỷ XV và XVI không giấu diếm điều này, mặc dầu mang trong hành trang của mình sự cải hóa những người vô tín ngưỡng; thế kỷ XVIII và XIX đã nguy trang cuộc phiêu lưu thành những cuộc thám hiểm khoa học hoặc mang tính cách từ thiện, nhưng rốt cục, những điều đó luôn luôn kết thúc bằng những cuộc chinh phục và thiết lập các chi nhánh thương mại, cho dù đó là vấn đề của các nhà truyền giáo người Anh.

Marco Polo du ký không chỉ tạo nên chuyến đi thám hiểm của Colomb và việc khám phá ra lục địa mới. Bức tranh mà ông đưa ra về Châu Á đã làm mê hoặc những ánh mắt thêm thuồng của tất cả những vị vua độc tài của Châu Âu, triều đình dè xén của họ chẳng có nghĩa lý gì so với các chuồng ngựa hoặc chuồng chó của Khoubilai. Chương “Đây là chuyện kể về tô tức kếp sù hàng năm của Đại Hãn” với mười lăm triệu bảy trăm ngàn tám cân vàng cho một phần chín của một tỉnh duy nhất là Mangi, có thể làm cho các vị vua Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha không phải lúc nào cũng có một trăm ngàn êcu trong két của họ phải đắm mình vào những cơn mê bất tận. Chúng ta hiểu nỗi lo lắng của triều vua Joao và Fernand đồng thời cũng biết nguyên nhân vì sao từ 1420 hoàng tử nổi tiếng của Bồ Đào Nha, Henri nhà hàng hải, đã sáng lập trường Sagres, nhờ đó ông đã cổ vũ cho những cuộc khám phá ra Châu Mỹ với Colomb, Ấn Độ với Vasco de Gama. Nó cho phép con người vĩ đại được Camoens biểu dương là người đầu tiên đến được những vùng mà Marco Polo đã miêu tả. Giấc mơ của Colomb là đến Châu Á bằng con đường phía Tây chỉ được thực hiện bởi Magellan hai mươi bốn năm sau Gama.

Tôi nghĩ rằng những điều mô tả đầy vàng của Marco Polo mãi mãi ám ảnh đầu óc của những nhà phiêu lưu ít học đi chinh phục Mêhicô và Pêru để rồi tìm được “*La tierra llena de oro y plata, las minas adonde cavan oro y plata*” những điều làm cho Colomb mơ ước trong quyển Pipino và quyển sách của Plin L’Ancien của ông. Chắc chắn rằng sự thôi thúc ban đầu của lợi lộc đối với miền Đất Hứa cho việc đầu cơ đã được tạo nên bởi nhà tiểu thương thành Venise và tuyệt tác đồ sộ của ông.

VÀI HÀNG VỀ BẢN DỊCH HIỆN NAY

Tôi không tin mình có thể không đưa ra một vài chỉ dẫn về công việc mà tôi dành hết công sức trong những tháng ngày dài và mục đích đầu tiên không phải là giải khuây cho những người cùng thời với tôi, nhưng để làm khuây khỏa nỗi buồn lớn lao là không được đi du lịch của tôi.

Để xây dựng bản văn bằng tiếng Pháp hiện đại, tôi đã đối mặt với bốn bản văn khác nhau: bản viết tay xưa nhất của Marco Polo (Thư viện Quốc gia, vốn sách của Pháp, số 1116); bản văn của “Quyển sách của những kỳ quan” (Thư viện Quốc gia, vốn sách của Pháp số 2810); bản văn được Hội Địa Lý Paris thiết lập năm 1824, phỏng theo bản viết tay 1116 mà tôi vừa nêu trên và bản văn do Pauthier thiết lập và Didot xuất bản năm 1865, đó là bản văn có gốc từ bản viết tay mà Marco Polo tặng cho Thiébaud de Cépoys.

Trong khi làm bản chuyển sang tiếng Pháp hiện đại, tôi không muốn tuân theo bài học nào khác ngoài bài học mà Joseph Bédier đã để lại cho chúng ta trong tác phẩm *Tristan và Yseult*, tôi muốn nói là chuyển vào bản văn hiện đại cái không khí của cổ ngữ nhưng không giữ lại những từ cổ cũng như cú pháp của bản văn nguyên thủy. Cũng trong chiều hướng này tôi đã tránh dùng các từ “*moult*”, “*castels*” và các từ khác nói về khách sạn hoặc những hộp của các ca sĩ ứng tác. Để có thể hồi phục lại bầu không khí thời Trung cổ, ta chỉ cần theo dõi từng bước câu văn nguyên bản bằng cách bổ sung vào các từ ngữ lỗi thời, mỗi khi cần thiết, những từ của tiếng Pháp hiện nay. Nếu tôi thành công không phải tôi nhờ vào những kiến thức về ngôn ngữ học vì chúng chẳng giúp gì bao nhiêu trong công việc này, nhưng nhờ vào bản chất nhà văn của tôi, vì tôi tự nhận mình đã thường xuyên chống đối lại những giải thích lạnh lùng mà những cựu học sinh trường Pháp điển đã đưa ra từ bản văn của Rusta. Rốt cuộc, họ đã làm cho những điều đặc biệt sống động trở thành tẻ nhạt, và toàn bộ sự hiểu biết của họ không bù lại được sự dốt nát của họ về nghề cầm bút. Mục đích duy nhất của tôi là giữ lại toàn bộ sự tươi tắn, không phải ngây ngô nhưng tự nhiên của bản gốc. Nếu tôi thành công tôi sẽ có được niềm hạnh phúc thêm cho tất cả những người tôi quen biết trong hàng tháng trời, cùng tình bạn với Marco, Rusta và quyển sách của ông, trong mối quan hệ nhẹ nhàng với nhiều tác phẩm hay đến nỗi tác phẩm của người đàn ông thành Venise đã đưa tôi đến chỗ phải nghiên cứu nó.

Trong khi làm việc cho lần phát hành này, tất cả những gì chúng ta có từ bản văn của Marco Polo, tôi sẽ cho trình bày đầy đủ các chương có tính cách lịch sử kết thúc tác phẩm và thể hiện

gần như một phần năm của toàn bộ tác phẩm. Tuy nhiên, theo như tôi biết, những chương này chỉ có trong bản viết tay 1116, bản xưa nhất. Chính bản này có vẻ phù hợp với bài đọc nguyên bản do ngôn ngữ, do cách viết chính tả và các đặc ngữ Ý trong đó.

Có lẽ có nhiều điều cần bàn về các chương này, không có gì đáng ngạc nhiên khi các nhà ghi chép đã loại bỏ chúng từ đầu thế kỷ XIV, như trong bản dịch của Thiebaud de Cépoy do chính Marco Polo giám sát. Theo giả thuyết, phần lớn đó là công trình của một mình Rusta. Người đàn ông thành Pise, với tư cách là nhà văn đích thực, có thể nghĩ rằng chuyện kể của Marco Polo thiếu sinh động không có những biến cố quân sự đang làm say mê các độc giả thời bấy giờ. Dựa vào những dữ kiện mơ hồ được cung cấp bởi nhà du lịch thành Venise, ông đã triển khai theo lối của các tiểu thuyết hiệp sĩ một loạt những đoạn nói về đấu gươm đấu kiếm. Ông còn nhồi nhét vào đó những lời nói hoa mỹ thời phong kiến với lập luận sơ đẳng về danh dự và quyền lợi chính đáng. Sau cùng ông làm cho chúng được hấp dẫn hơn bằng những đoạn văn miêu tả các trận đánh mà tất cả đều diễn ra theo cùng một nhịp điệu và những chi tiết như nhau. Những đoạn văn này giới thiệu những lối cảm nhận và hành xử không có gì ra vẻ Đông phương nhưng phản ánh những tình cảm và những sở thích của thời Trung cổ Châu Âu. Chúng ta phải hiểu là Marco không can dự gì vào việc đó: đó không phải là tính cách kể chuyện ngắn gọn của ông cũng như đầu óc của một nhà du lịch đi buôn. Tất cả những chuyện đấm đá này có thể làm cho ông không quan tâm, ngoài ra, vì không tham gia vào bất cứ trận đánh nào, nên ông không thể miêu tả chúng một cách tỉ mỉ được. Chính Rusta mới là người chiều theo trí tưởng tượng của nhà viết tiểu thuyết và nỗi lo làm vừa lòng các nhà ký sĩ và các mệnh phụ sẽ đọc nó.

Tôi không muốn gán cho bản văn những lời chú thích giống như những bậc tiền bối của tôi. Công việc của tôi không phải là công việc của một nhà khảo cổ học nhưng là của một nhà văn. Tôi chỉ tìm cách làm cho sách của Marco Polo được đến tay những độc giả thích những sách viết về du lịch và đưa họ vào bầu khí giải trí giống như những tác giả đầu tiên của tác phẩm “Cuộc chuyện trò thân mật về Thế giới” đã được hưởng. Một vài điều xác minh trong các ghi chú của tôi thường cố gắng xác định những địa danh mà Marco Polo nói đến. Vì vậy, tôi phó thác chúng vào những sự phỏng đoán còn phải bàn cãi của Marsden, Pauthier, Yule, Cordier, Aniante và các nhà bình giải cổ văn khác.

Đến đây tôi đành phải buồn rầu chia tay với đại tuyệt tác này, qua đó tôi đã tìm được nhiều điều thú vị rất thanh cao. Đối với tôi, tác phẩm sẽ mở rộng ra thế giới của thời đó những cánh

cửa sắt dày mà bàn tay thô bạo của chiến tranh đã đóng kín. Tôi muốn đặt vào quyển sách này một ít niềm hạnh phúc mà việc đi tìm thú tiêu khiển đã dành cho tôi.

A.T'SERSTEVENS

BẮT ĐẦU CÂU CHUYỆN CỦA QUYỀN SÁCH CÓ TÊN LÀ “CUỘC CHUYỆN TRÒ THÂN MẬT VỀ THẾ GIỚI”

Hỡi các vị hoàng đế và các lãnh chúa, các quận công và hầu tước, các bá tước và các nhà tư sản và tất cả những ai muốn biết những chủng tộc khác nhau của loài người, những tính cách đa dạng của những vùng đất khác nhau trên thế giới, hãy cầm lấy quyển sách này và hãy đọc nó, quý vị sẽ tìm thấy những điều hết sức kỳ diệu và những tính cách đa dạng của Đại Arménie, Ba Tư, những người Tácta, Ấn Độ cũng như của nhiều tỉnh khác như quyển sách của chúng tôi tuân tự kể ra đây phỏng theo chuyện kể của Ngài Marco Polo, người công dân chính trực và cao quý của thành phố Venise, ông đã tận mắt chứng kiến những điều đó. Điều ông không thấy, ông nghe những người đáng tin cậy nói. Để cho quyển sách của chúng ta ngay thẳng và xác thực, không có bất cứ lời nói dối nào, chúng tôi sẽ đưa ra những điều được chứng kiến tận mắt và được nghe tận tai. Vì vậy tất cả những ai đọc hoặc nghe câu chuyện này đều phải tin nó, bởi vì tất cả đều là sự thật. Vì tôi cho các quý vị biết rằng từ khi Thiên Chúa của chúng ta dựng nên Adam, người cha đầu tiên của chúng ta, không bao giờ có người của bất cứ chủng tộc nào, không người Ki tô giáo nào, không người ngoại giáo nào, không người Tácta nào, không người Ấn Độ nào hoặc ai thuộc bất cứ chủng tộc nào khác lại đi tìm những phần đất khác nhau của thế giới với những điều hết sức kỳ diệu như Ngài Marco Polo đã từng làm. Do đó ông nghĩ rằng sẽ là điều quá bất hạnh nếu ông không cho viết ra điều ông đã từng chứng kiến hoặc nghe thấy trong sự thật, để những người khác là những người không thấy hoặc không nghe biết được qua quyển sách này. Để biết tất cả những sự kiện trong những phần khác nhau của thế giới này, ông đã ở đó hơn hai mươi sáu năm (thật ra là hai mươi bốn, xem dẫn nhập). Sau đó lúc ở tù tại Gênes ông cho viết ra tất cả những điều này theo trình tự bởi Ngài Rusticien, người dân thành Pise, người đang có mặt trong cùng nhà tù, và toàn bộ sự việc này diễn ra vào năm 1298 sau khi Chúa Ki tô Nhập Thế.

NGÀI NICOLAO VÀ NGÀI MATTEO KHỎI HÀNH TỪ CONSTANTINOPLE ĐỂ THAM QUAN THẾ GIỚI NHƯ THẾ NÀO?

Nên biết rằng vào thời kỳ vua Baudouin làm hoàng đế tại Constantinople - đó là vào năm 1250 theo Công nguyên - Ngài Nicolao Polo, bố của Ngài Marco và Ngài Matteo Polo, em trai của Ngài Nicolao, cả hai cùng đang ở tại thành phố Constantinople, họ đến từ thành phố Venise cùng với hàng hóa. Họ đúng là những nhà quý tộc, vừa thông minh vừa khôn ngoan. Họ bàn nhau và quyết định đi đến biển Majeure (Biển Đen) để làm ăn buôn bán. Họ mua nhiều đồ trang sức và khởi hành từ Constantinople để theo đường biển đến Soldadie (lãnh thổ Soudak, nam Crimée).

NGÀI NICOLAO VÀ NGÀI MATTEO KHỎI HÀNH TỪ SOLDADIE NHƯ THẾ NÀO?

Khi họ đi đến miền Soldadie, họ thấy tốt hơn hết là tiến tới nữa. Từ Soldadie họ theo đường bộ rồi đi ngựa đến nhà một vị lãnh chúa Tácta có tên là Abarca Kaan (Khan Béréké, cháu của Gengis Khan) ở Sara (Saray, trên sông Volga). Vị Abarca này tiếp đón cả hai người và rất sung sướng vì việc đến thăm của họ. Họ kính tặng cho ông tất cả những đồ trang sức mang theo và ông hết sức vui vẻ tiếp nhận những món đồ đó làm cho ông rất hài lòng. Ông bán lại cho họ gấp hai lần giá trị các món đồ của họ.

Khi họ ở lại với vị lãnh chúa một năm, một cuộc chiến tranh lớn nổ ra giữa Abarca và Alau, lãnh chúa của những người Tácta tại Soleil Levant. Có những trận chiến đấu lớn từ cả hai phía, nhưng cuối cùng, Abarca lãnh chúa của những người Tácta tại Ponent bị đánh bại. Vì cuộc chiến tranh này, không ai có thể đi qua những con đường này mà không bị bắt. Tuy nhiên nguy hiểm này chỉ tồn tại trên các lộ trình từ đó họ đã đến; ngược lại tiến lên phía trước, mỗi người có thể đi ngựa một cách an toàn. Vì vậy cả hai anh em tin chắc tốt hơn nên tiếp tục đi tới, vì họ không thể quay lui. Thế là họ lên đường từ Bolgara và đi đến một thành phố mang tên Ouaca (Oukak, trên sông Volga, giữa Saray và Bulgary) ở biên giới vương quốc của lãnh chúa vùng Ponent. Từ Ouaca họ vượt qua con sông Tigre và đi qua một hoang mạc dài 16 ngày đường nơi đó họ không

tìm thấy bất cứ thành phố hoặc thị trấn nào, nhưng chỉ thấy những người Tácta sống bằng nghề nuôi gia súc đang gặm cỏ ở các cánh đồng.

HAI ANH EM VƯỢT QUA HOANG MẠC VÀ ĐI ĐẾN THÀNH PHỐ BOUCARA NHƯ THẾ NÀO?

Khi họ vượt qua hoang mạc này, họ đến một thành phố có tên là Boucara (Boukhara) rất sang trọng và rộng lớn. Tỉnh cũng mang tên Boucara. Vị vua ở đó là một người có tên là Barac. Đây là thành phố đẹp nhất của toàn bộ nước Ba Tư. Khi đến đó họ không thể tiến lên phía trước hoặc quay lui lại phía sau nên họ phải ở lại ba năm trong thành phố Bocara. Trong khi họ lưu lại trong thành phố này, có các sứ giả của Alau, lãnh chúa của xứ Levant đến, họ đang đi đến với Đại Hãn (Khoubilai Khan), chúa tể của tất cả những người Tácta trên thế giới. Khi các sứ giả trông thấy Ngài Nicolao và Ngài Matteo, họ hết sức kinh ngạc, vì họ không bao giờ nhìn thấy bất cứ người La tinh nào trong đất nước của họ. Họ liền nói với hai anh em:

- Thưa quý ngài, nếu quý ngài tin chúng tôi, quý ngài sẽ được nhiều điều tốt và niềm vinh dự lớn lao.

- Hai anh em trả lời rằng sẽ sung sướng lắng nghe họ.

- Đại Hãn chưa bao giờ thấy bất cứ người La tinh nào và ông rất muốn nhìn thấy họ, các sứ giả nói. Vì vậy, nếu các ngài muốn đi cùng chúng tôi đến tận nơi ông ở, các ngài nên biết chắc rằng ông ta sẽ vui lòng gặp gỡ các ngài và sẽ làm cho các ngài đầy tràn vinh dự và hạnh phúc. Quý ngài sẽ có thể đến đó với chúng tôi một cách an toàn và không có bất cứ trở ngại nào.

HAI ANH EM TIN VÀO CÁC SỨ GIẢ VÀ ĐI ĐẾN VỚI ĐẠI HÃN NHƯ THẾ NÀO?

Khi hai anh em sẵn sàng đi cùng với các sứ giả, họ cùng nhau lên đường và cưỡi ngựa suốt một năm tròn đi theo hướng Bắc và hướng Đông Bắc trước khi đến được nơi ở của Đại Hãn. Trong lúc đi ngựa, họ bắt gặp nhiều điều hết sức lạ lùng, nhưng lúc này chúng tôi sẽ không nói vì Ngài Marco, người cũng đã nhìn thấy tất cả những điều này, sẽ kể cho các bạn một cách rõ ràng sau này trong quyển sách này.

HAI ANH EM ĐẾN VỚI ĐẠI HÃN NHƯ THẾ NÀO?

Khi hai anh em đến với Đại Hãn, ông tiếp đón họ thật nồng hậu và tiếp đãi họ tưng bừng. Ông tỏ ra vô cùng vui sướng về việc họ đến, hỏi họ về nhiều vấn đề: trước tiên về các vị hoàng đế, về việc họ quản lý Nhà nước và đất đai như thế nào cho công bình, họ đánh trận ra sao, và ông còn hỏi về tất cả những công việc của họ. Sau đó ông hỏi họ về các vua, các hoàng tử và các vị cận thần khác.

ĐẠI HÃN CÒN HỎI THĂM VỀ NHỮNG CÔNG VIỆC CỦA NHỮNG NGƯỜI KI TÔ GIÁO VÀ ĐẶC BIỆT VỀ VỊ TÔNG ĐỒ Ở LA MÃ NHƯ THẾ NÀO?

Sau đó ông hỏi họ về Đức Giáo hoàng và Giáo Hội Công giáo, về tất cả những công việc ở thành La Mã, về tất cả những phong tục tập quán của những người La tinh. Cả hai anh em nói cho ông nghe về từng vấn đề một cách rõ ràng, thứ tự và khôn khéo với tư cách là những người chính trực, vì họ biết rành tiếng Tácta.

ĐẠI HÃN PHÁI HAI ANH EM ĐẾN VỚI ĐỨC GIÁO HOÀNG VỚI TƯ CÁCH LÀ SỨ GIẢ NHƯ THẾ NÀO?

Khi Đại Hãn, có tên là Cublay Caan, (Khoubilai Khan), Chúa công của tất cả những người Tácta trên thế giới cũng như tất cả các tỉnh, các vương quốc, các vùng miền của phần thế giới lớn nhất này đã nghe tất cả những công việc của những người La tinh qua lời hai anh em đã kể lại với ông, ông tỏ ra rất hài lòng. Ông tự mình quyết định phái họ đến với Đức Giáo hoàng với tư cách là sứ giả của ông. Vì vậy, ông giao cho họ sứ mạng làm công việc ngoại giao cùng với một vị cận thần của ông. Họ trả lời ông là rất vui lòng làm theo bất cứ lệnh truyền nào của ông cứ như ông là ông chủ của họ vậy. Chúa công cho triệu vời một cận thần có tên là Cogatal đến và ra lệnh cho người này chuẩn bị sẵn sàng, bởi vì Chúa công muốn ông đi cùng hai anh em đến với Đức Giáo hoàng. Vị cận thần trả lời sẽ làm theo lệnh truyền của Chúa công, theo uy quyền của ông.

Sau đó Chúa công ra lệnh thảo các thư ủy nhiệm bằng tiếng Tácta để gửi cho Đức Giáo hoàng và trao lại chúng cho hai anh em cùng với cận thần của ông. Ông ủy thác cho họ điều ông muốn họ đề đạt lên với Đức Giáo hoàng. Các thư ủy nhiệm chứa đựng những điều các bạn sẽ nghe sau đây: Ông yêu cầu Đức Giáo hoàng gửi cho ông một trăm nhà hiền triết, thông thạo lề luật Ki tô giáo, biết đến bảy nghệ thuật (Ngữ pháp, Luận lý, Tu từ học, Số học, Hình học, Âm nhạc và Thiên văn), giỏi tranh luận và chứng minh một cách thấu đáo cho những người tôn thờ ngẫu tượng cũng như các giáo phái khác, bằng sức mạnh của lý trí, vì sao lề luật của Chúa Ki tô lại tốt đẹp hơn và tại sao tất cả các luật khác đều kém giá trị hơn và sai lầm và nếu họ có thể chứng minh được điều đó, ông và toàn thể dân tộc của ông sẽ trở thành Ki tô hết. Ngoài ra ông ủy thác cho hai anh em mang về cho ông dầu đèn đang thấp trên Mộ Thánh của Chúa Jesus ở Jerusalem.

ĐẠI HÃN BAN CHO HỌ LỆNH BÀI BẰNG VÀNG NHƯ THẾ NÀO?

Khi Đại Hãn ủy thác cho họ toàn bộ công việc sứ giả, ông ra lệnh ban cho họ một lệnh bài bằng vàng có nội dung là ba sứ giả có thể yêu cầu bất cứ thứ gì họ cần trong tất cả các nước họ đến, chẳng hạn như ngựa, người để bảo đảm an toàn cho họ và tất cả những thứ họ muốn. Khi ba vị sứ giả có tất cả những gì họ cần, họ chào tạm biệt Đại Hãn và lên đường.

Khi họ cưỡi ngựa đi không biết bao nhiêu ngày, vị cận thần ngã bệnh nên ông không thể đi ngựa được nữa. Thế là họ ở lại trong một thành phố, vì bị bệnh nặng nên vị cận thần không tiếp tục cuộc hành trình. Hai anh em nghĩ nên để ông ta ở lại đó và chính họ sẽ làm tròn sứ mạng. Vị cận thần đồng ý, họ tiếp tục lên đường. Tôi cho các bạn biết là bất cứ nơi nào, họ cũng đều được phục vụ và được mọi người tuân theo mệnh lệnh của họ, đó là nhờ vào lệnh bài của Đại Hãn.

Tôi sẽ nói với các bạn điều gì nữa đây? Họ còn phải đi bộ trong ba năm trời cho đến tận Layas vì họ không thể cưỡi ngựa luôn được, vì thời tiết xấu, tuyết rơi và trời mưa đang làm cho các con sông dâng lên cao đến nỗi họ không thể vượt qua.

HAI ANH EM TRỞ VỀ THÀNH PHỐ ACRE NHƯ THẾ NÀO?

Từ Layas, họ đến Acre (Saint Jean d'Acre) vào tháng Tư năm 1260 sau Công nguyên (sai lầm của người chép hoặc Marco Polo nhớ lầm vì Đức Giáo hoàng Clement IV đã qua đời vào tháng Mười Một năm 1268) và biết tin Đức Giáo hoàng đã qua đời. Khi hay tin này, họ đi tìm một nhà thông thái, Đặc sứ của Tòa Thánh cai quản toàn bộ vương quốc Ai Cập, ông có uy tín rất lớn và có tên là Tebaldo de Plaisance. Họ trình lên ông bức thư ủy nhiệm đã khiến họ đến với ông. Khi vị Đặc sứ Tòa Thánh biết rõ câu chuyện, ông hết sức kinh ngạc và cho đó là một điều rất tốt lành và rất vinh dự cho toàn thể Giáo hội Công giáo. Vì vậy ông trả lời cho hai anh em sứ giả như sau:

- Thưa quý ngài, quý ngài biết là Đức Giáo hoàng đã qua đời. Vì vậy điều thích hợp nhất là các ngài hãy đợi cho đến khi Đức Giáo hoàng mới được bầu lên. Khi có Giáo hoàng mới, quý ngài sẽ có thể trình quốc thư.

Họ thấy vị Đặc sứ Tòa Thánh nói rất đúng. Họ bèn lên tiếng:

- Trong khi chờ đợi Đức Giáo hoàng mới, chúng tôi có thể đi Venise để thăm bố mẹ chúng tôi.

Vậy là từ Acre họ lên đường đi Negreport (đảo Eubée, trong quần đảo Hy Lạp) và từ Negreport họ đáp tàu đi đến Venise, Ngài Nicolao biết tin vợ mình đã mất và để lại cho ông một đứa con trai trạc mười lăm tuổi tên là Marco mà quyển sách này đang đề cập đến. Cả hai anh em ở lại Venise hai năm trong khi chờ đợi Đức Giáo hoàng mới.

HAI ANH EM KHỞI HÀNH TỪ VENISE VÀ DẪN MARCO ĐẾN VỚI ĐẠI HÂN NHƯ THẾ NÀO?

Khi hai anh em đã chờ đợi như các bạn đã biết và cũng biết là Đức Giáo hoàng mới chưa được bầu, họ tự nhủ không thể chờ đợi lâu hơn được nữa để quay về với Đại Hân. Vì vậy từ Venise, họ dẫn theo Marco lên đường đi thẳng đến Acre và gặp lại vị Đặc sứ Tòa Thánh ở đó. Họ nói với ông về những gì đã xảy ra và chào tạm biệt ngài lên đường đi Jerusalem để nhận dầu

thắp đèn tại Mộ Thánh để mang về cho Đại Hãn, theo lời yêu cầu của ông. Vị Đặc sứ tiễn họ lên đường. Từ Acre họ đi đến Jerusalem, ở đó họ lấy dầu đèn Mộ Thánh rồi họ lại quay về Acre. Họ gặp lại vị Đặc sứ Tòa Thánh và nói với ông:

- Vì chúng tôi chưa yết kiến được Đức Giáo hoàng mới, chúng tôi muốn quay về với Đại Hãn, vì chúng tôi đã chờ đợi quá lâu.

Vị đặc sứ liền nói với họ:

- Vì quý ngài muốn quay về, tôi đành phải để cho quý ngài đi thôi.

Sau đó ông ra lệnh thảo các bức thư để gửi cho Đại Hãn nhằm xác nhận hai anh em có đến để hoàn thành mệnh lệnh của Chúa công, nhưng họ không thể hoàn thành được vì không có Giáo hoàng mới.

HAI ANH EM MARCO KHỞI HÀNH RA ĐI TỪ ACRE NHƯ THẾ NÀO?

Khi hai anh em nhận được thư của vị Đặc sứ, họ đi từ Acre để đến với Đại Hãn, và họ trở về Layas. Đến nơi không bao lâu, vị Đặc sứ được bầu lên ngôi Giáo hoàng, do đó hai anh em hết sức vui mừng. Ngài lấy tên là Grégoire de Plaisance (Grégoire X) được bầu vào tháng 9 năm 1271, lúc đang giữ chức vị Đặc sứ Tòa Thánh tại Syrie. Ngay lúc đó vị Đặc sứ đã trở thành Giáo hoàng gửi cho họ còn ở tại Layas một bức thư bảo họ đừng đi tới nữa nhưng quay lại với ngài ở Acre.

Và tôi sẽ nói với các bạn điều gì nữa đây? Vua xứ Arménie ra lệnh trang bị một tàu ga lê cho hai anh em sứ giả và chở họ đến Acre để yết kiến Đức Giáo hoàng.

HAI ANH EM ĐẾN VỚI ĐỨC GIÁO HOÀNG NHƯ THẾ NÀO?

Khi đến Acre, họ liền đi thẳng đến Giáo hoàng và phủ phục rất lâu trước mặt Ngài. Đức Giáo hoàng đón tiếp họ hết sức long trọng và rất vui mừng tiếp đãi họ ban cho họ phép lành của ngài. Sau đó Ngài ban cho họ hai tu sĩ thuyết giảng để đến với Đại Hãn để thi hành nhiệm vụ Ngài giao phó. Họ đúng là những giáo sĩ thông minh nhất vào thời đó. Một vị được gọi là Sư huynh Nicolas de Vincence, còn vị kia, Sư huynh Guillaume de Triple. Đức Giáo hoàng ban cho họ những đặc ân và thư ủy nhiệm đại sứ để phản hồi cho vị Đại Hãn. Khi họ đón nhận những điều

cần thiết, họ chào tạm biệt Đức Giáo hoàng và nhận lãnh phép lành của Người. Cả bốn người cùng lên đường từ Acre, theo họ còn có Marco, con trai của Ngài Nicolao. Từ đó họ đi đến Layas.

Trong lúc họ có mặt ở Bendocquedar, Soudan đo Babylonie tiến vào Arménie với một đạo quân lớn người Sarrasin và gây ra rất nhiều thiệt hại lớn trong vùng. Các sứ giả có nguy cơ bị bắt hoặc bị giết. Hay tin đó, hai sư huynh dòng thuyết giảng rất kinh hãi vì phải đi tới. Họ trao cho Ngài Nicolao và Ngài Matteo tất cả các thư ủy nhiệm và các đặc ân mà họ lãnh nhận, và họ bỏ đi cùng với vị chỉ huy đội quân những kỵ sĩ dòng Đền thờ.

HAI ANH EM MARCO TRỞ VỀ VỚI ĐẠI HÃN NHƯ THẾ NÀO?

Hai anh em cùng với Marco lại lên đường. Họ cưỡi ngựa đi mùa đông cũng như mùa hè để đến với Đại Hãn, đó là một thành phố có tên là Clemeinfu (Kai ping fou, Mông Cổ, cách Bắc Kinh 70 dặm) một thành phố rất giàu và rất rộng lớn. Từ những gì họ bắt gặp trên đường đi lúc đi cũng như lúc quay về, chúng tôi sẽ không nhắc đến lúc này, bởi vì chúng tôi sẽ kể cho các bạn sau trong quyển sách này. Để trở về, họ phải mất ba năm rưỡi, vì thời tiết xấu và những đợt rét cóng. Bạn cũng nên biết rằng khi Đại Hãn biết Ngài Nicolao và Ngài Matteo Polo, những sứ giả của ông đã trở lại, ông vội phái những sứ giả đi đón họ ở cách nơi ông ở hơn bốn mươi ngày đường. Trên đường đi cũng như trên đường về, họ được phục vụ và kính trọng một cách đặc biệt.

HAI ANH EM VÀ MARCO TRÌNH DIỆN TRƯỚC MẶT ĐẠI HÃN NHƯ THẾ NÀO?

Tôi sẽ nói với các bạn điều gì nữa đây? Khi hai anh em và Marco đến trong thành phố lớn này, họ đi đến nơi ở của Đại Hãn, ở đó, họ gặp ông cùng với một đoàn tùy tùng rất đông. Họ quỳ gối và cúi mình trước mặt ông thật lâu. Ông ra lệnh cho họ đứng lên và tiếp đón họ một cách rất kính trọng, tiếp đãi họ hết sức phấn khởi và nồng hậu. Ông hỏi han họ rất nhiều về sức khỏe của họ, và về những gì họ đã làm. Họ trả lời là rất hài lòng vì họ gặp lại ông khỏe mạnh và sáng khoái. Sau đó, họ trình cho ông những đặc ân mà họ đã nhận từ Đức Giáo hoàng. Ông hết sức

vui mừng hân hoan. Sau đó họ dâng lên cho ông dầu thánh lấy từ Mộ Thánh. Ông rất sung sướng và vô cùng trân trọng dầu thánh. Khi nhìn thấy Marco, một chuẩn kỵ sĩ trẻ, ông hỏi cậu ta là ai.

- Thừa Chúa công, bố cậu là Ngài Nicolao nói, đây là con trai của thần và là thần dân của Chúa công.

- Chúc mừng cậu đã đến, Đại Hãn nói.

Vì sao tôi kể cho các bạn dài dòng như vậy? Bạn nên biết triều đình Đại Hãn đang chiêu đãi trọng thể để mừng cuộc trở về của họ. Họ được mọi người phục vụ và tôn trọng. Họ ở lại trong triều và được các cận thần khác đến chúc mừng.

ĐẠI HÃN PHÁI MARCO LÊN ĐƯỜNG LÀM SỨ GIẢ CỦA ÔNG NHƯ THẾ NÀO?

Chuyện xảy ra là Marco, con trai của Ngài Nicolao hiểu biết rõ các phong tục tập quán của những người Tácta cũng như ngôn ngữ, chữ viết và nghệ thuật quân sự của họ, điều đó thật là kỳ diệu. Vì như các bạn biết đây: chỉ trong một thời gian ngắn, cậu đã biết được nhiều thứ ngôn ngữ và bốn dạng chữ viết. Cậu khôn ngoan và biết lo xa trong mọi việc, đến nỗi Đại Hãn nhận thấy cậu rất thông minh, đẹp trai và lối xử sự khôn khéo; ông phái cậu đi thi hành một sứ mạng trong một vùng đất xa ít nhất là sáu tháng đi đường. Chàng trai chuẩn kỵ sĩ hoàn thành công việc rất tốt và hết sức khôn ngoan. Cậu nhận thấy nhiều lần Đại Hãn phái các sứ giả của ông đến những vùng khác nhau trên thế giới, và khi họ trở về, nếu họ không biết nói vấn đề gì khác ngoài lý do họ ra đi, ông coi họ như là điên khùng và dốt nát, ông nói với họ: “Ta thích nghe những điều mới lạ và những phong tục của những vùng khác nhau hơn là mối quan hệ của ngoại giao đoàn”. Vì ông rất thích nghe nói về những điều kỳ lạ. Vì thế khi ra đi cũng như lúc trở về, Marco Polo quan tâm nhiều đến việc thăm hỏi về mọi chuyện khác nhau, tùy theo từng vùng để có thể nói với Đại Hãn những chuyện đó lúc trở về.

MARCO ĐI LÀM NHIỆM VỤ SỨ GIẢ TRỞ VỀ NHƯ THẾ NÀO?

Sau khi Marco hoàn thành sứ mạng trở về, cậu trình diện trước mặt Đại Hãn và báo cáo với ông về tất cả những việc làm mà vì chúng cậu đã ra đi và đã làm tốt công việc như thế nào. Rồi cậu kể cho ông nghe tất cả những điều mới lạ và tất cả những chuyện lạ lùng mà họ đã trông thấy và biết rõ. Đại Hãn và tất cả những người nghe cậu đều kinh ngạc và nói:

- Nếu cậu thanh niên này thấy rõ, cậu ta chỉ có thể là một người đàn ông thông minh và có nhân cách.

Và tôi sẽ nói với các bạn điều gì nữa đây? Vì vậy, từ đó về sau, cậu được gọi là Ngài Marco Polo. Từ đây quyển sách của chúng ta sẽ gọi cậu như vậy, vì đó là điều phải lẽ.

Sau sự việc đó, Ngài Marco Polo ở lại bên cạnh Đại Hãn trong mười bảy năm trời, đôi lúc đi đây đi đó cùng với đoàn sứ giả qua những vùng khác nhau mà Đại Hãn phái cậu đi. Riêng cậu, vì cậu khôn ngoan và biết rõ lối cư xử của Đại Hãn, cậu tự làm cho mình vất vả để hiểu biết và nghe những điều mà cậu nghĩ chúng có thể làm vừa lòng Đại Hãn. Vì thế, vào những lần trở về, cậu kể cho Đại Hãn tất cả mọi thứ theo thứ tự. Vì thế, Người rất yêu mến cậu. Vì lý do này, Người thường sai phái cậu thực hiện những sứ mạng quan trọng nhất, tuyệt vời nhất và xa xôi nhất. Nhờ Trời, cậu luôn luôn thực hiện tốt và khôn khéo mọi công việc được giao. Đại Hãn rất yêu cậu và đem lại cho cậu nhiều vinh dự. Người giữ cậu gần gũi bên mình đến nỗi nhiều cận thần đã ganh tị về chuyện này. Cũng nhờ thế mà Ngài Marco Polo biết được nhiều điều hơn, thấy được nhiều vùng khác nhau trên thế giới hơn bất cứ người nào khác. Hơn bất cứ ai khác, cậu chú ý rất nhiều để biết, quan sát và học hỏi để có chuyện kể cho Đại Hãn nghe.

NGÀI NICOLAO, NGÀI MATTEO VÀ NGÀI MARCO XIN ĐẠI HÃN ĐI NGHỈ NHƯ THẾ NÀO?

Khi hai anh em và Marco ở với Đại Hãn trong thời gian dài như các bạn đã biết, họ cùng nhau quyết định trở về quê hương, vì từ đây trở đi thời tiết rất thích hợp. Họ nhiều lần xin phép Đại Hãn cho nghỉ và khẩn nài ông hết sức dịu dàng; nhưng ông rất yêu họ và giữ họ bên cạnh ông nhiều đến nỗi ông không muốn cho họ đi nghỉ vì bất cứ lý do gì.

Bất ngờ vào thời gian đó, Hoàng hậu Bolgara, vợ của vua Argon, lãnh chúa Levant qua đời. Bà di chúc lại là bất cứ người đàn bà nào không thuộc dòng họ của bà đều không được ngồi trên ngai vàng của bà hoặc làm vợ của vua Argon. Vua Argon vờ vào triều ba cận thần có tên như sau: người thứ nhất là Oualay, người thứ hai là Apusca và người thứ ba là Coia. Ông phái họ đi sứ đến với Đại Hãn cùng một đoàn tùy tùng rất xinh đẹp, để Đại Hãn gởi đến cho ông một phụ nữ thuộc dòng họ của Hoàng hậu Bolgara, vợ ông, đã qua đời.

Khi ba vị cận thần đến triều đình Đại Hãn, họ dâng lên cho ông thư ủy nhiệm của vua và nêu lý do họ đến với Đại Hãn. Đại Hãn đón tiếp họ rất nồng hậu và vui mừng hân hoan tiếp đãi họ. Sau đó ông hạ lệnh cho đi tìm một công nương có tên là Cogatra, thuộc dòng họ của nữ hoàng Bolgara: công nương trạc mười bảy tuổi, rất đẹp và rất duyên dáng. Khi công nương đến, ông nói với ba cận thần rằng đó chính là người mà họ yêu cầu. Họ trả lời Người là công nương làm cho họ rất hài lòng.

Vào lúc đó, Ngài Marco trở về từ Ấn Độ, nơi ông đã đến với tư cách là Đại sứ của Đại Hãn. Marco kể lại cho ông đủ thứ chuyện mà ông đã nhìn thấy trong lúc đi đường. Khi trông thấy Ngài Nicolao, Ngài Matteo và Ngài Marco là những người La tinh chân chính tuyệt vời. Ba vị cận thần quyết định đưa họ cùng đi theo. Vì họ quyết định quay về nước bằng đường biển để tránh cho công nương khỏi bị mệt nhọc nếu như phải đi bằng đường bộ. Mặt khác, các cận thần muốn họ được đi cùng vì họ biết những người La tinh đó đã nhìn thấy và biết rõ biển Ấn Độ cũng như những vùng mà họ phải đi qua, nhất là Ngài Marco. Vì vậy họ đến với Đại Hãn và cầu xin Người thi ân gởi đến cho họ ba người La tinh, vì họ muốn quay về bằng đường biển. Vị Đại Hãn, con người rất yêu thương ba người La tinh, như tôi đã kể với các bạn ở trước, phải miễn cưỡng đồng ý và đành cho phép họ đi cùng với ba vị cận thần cũng như để tháp tùng công nương.

HAI ANH EM VÀ NGÀI MARCO TỪ GIÃ ĐẠI HÃN NHƯ THẾ NÀO?

Khi Đại Hãn thấy hai anh em và Ngài Marco phải ra đi, ông cho vời cả ba người đến trước mặt ông và ban cho họ ba lệnh bài bằng vàng để họ được miễn thuế trên toàn bộ lãnh thổ của ông và bất cứ nơi nào họ đến, họ và toàn bộ đoàn tùy tùng đều được đãi thọ trong bất cứ vấn đề gì mà họ yêu cầu. Ông còn trao cho họ một thông điệp gởi cho Đức Giáo hoàng, vua nước Pháp, vua

nước Anh, vua nước Tây Ban Nha và các vua khác của những nước theo Ki tô giáo. Sau đó ông hạ lệnh cho mười hai con tàu nhỏ neo, mỗi chiếc tàu này đều có bốn cột buồm và đôi khi có mười hai buồm. Tôi có thể nói rõ với các bạn vì sao, nhưng vì điều này có lẽ hơi quá dài, tôi sẽ không nói vào lúc này, nhưng là sau này, tùy thời gian và địa điểm.

Tôi sẽ nói với các bạn điều gì nữa đây? Khi những con tàu đã nhổ neo, ba vị cận thần, công nương, hai anh em, Ngài Marco chào tạm biệt Đại Hãn và bước xuống tàu cùng với nhiều người và tất cả lương thực do Đại Hãn cấp phát cho thời gian là hai năm. Họ đi tàu trong ba tháng mới đến một hòn đảo ở về phía nam có tên là Java (theo lộ trình, đây có thể là Sumatra). Trên đảo này, có nhiều điều kỳ diệu mà chúng tôi sẽ kể cho các bạn sau này. Rồi từ đảo này, họ bắt đầu đi trên biển Ấn Độ hết mười tám tháng trước khi đến nơi cần phải đến. Họ đã bắt gặp nhiều điều kỳ diệu mà chúng tôi sẽ kể lại sau này.

Khi đến nơi, họ hay tin vua Argon đã mất và công nương được ban cho Casan, con trai của Argon. Bạn nên biết rằng khi đi trên tàu, họ gồm có sáu trăm người, không tính đến các thủy thủ, và tất cả đều chết, chỉ có sáu người thoát khỏi tay tử thần. Chiato nắm giữ quyền lãnh chúa của Argon. Họ giao lại công nương cho ông để hoàn tất sứ mạng. Khi hai anh em và Ngài Marco đã hoàn thành công việc mà Đại Hãn đã yêu cầu họ đối với công nương. Họ chào tạm biệt và lại lên đường. Trước khi đi, công nương Cogatra đã ban cho họ bốn lệnh bài bằng vàng gồm hai lệnh bài gắn hình chim ưng, một gắn hình sư tử, và một lá vàng ròng: các lệnh bài có nội dung là ba vị sứ giả được kính trọng và được phục vụ bởi toàn bộ lãnh thổ như chính thân thể của Đại Hãn, ngựa và tất cả lương thực, mọi đoàn hộ tống đều được dành cho họ. Mọi thứ đều được thực hiện đúng như vậy, vì họ có đầy đủ mọi thứ cần thiết trong toàn bộ lãnh thổ của lãnh chúa. Và tôi nói với các bạn là nhiều lần họ được ban cho hai trăm người cưỡi ngựa, không hơn không kém, tùy theo nhu cầu họ cần để đi được an toàn hơn. Điều đó hết sức cần thiết, vì Chiato không phải là lãnh chúa trung thành, người dân không tránh khỏi có lúc cư xử không đẹp khi có thể làm điều đó, điều này họ sẽ không làm, nếu ông là lãnh chúa trung thành.

Tôi muốn nói thêm với các bạn một vấn đề khác làm vinh danh cho ba vị sứ giả. Vì tôi nói thật với các bạn là Ngài Matteo, Ngài Nicolao và Ngài Marco có được sự tin cậy của Đại Hãn và ông rất hài lòng họ đến nỗi ông phó thác cho họ Hoàng Hậu Cocacin cùng lúc với con gái của vua xứ Mangi (tức là Cogatra) để đưa họ đến với Argon, lãnh chúa của toàn xứ Levant. Họ đã làm đúng như thế, vì họ đã đưa các quý phu nhân đó đi bằng đường biển, như tôi đã kể với các

bạn ở trước, cùng với nhiều người và chi phí rất tốn kém. Cả hai quý phu nhân này rất hài lòng với họ, đến nỗi họ xem các sứ giả như là người cha của họ. Bạn nên biết khi ba sứ giả chào tạm biệt Hoàng hậu để trở về xứ sở của họ, bà buồn rầu rơi lệ vì sự ra đi của họ.

Lúc này chúng tôi đã kể lại là họ đã hoàn thành sứ mạng một cách khéo léo như thế nào, chúng tôi sẽ cho qua chuyện này và sẽ nói tiếp. Khi họ từ Cocatu (Kai- Katou) ra đi, họ cưỡi ngựa đi qua những dặm đường dài để đến Trebizonde, rồi Constantinople, và từ Constantinople đến Nègreport và từ Nègreport đến Venise. Đó là vào năm 1295 sau Chúa Ki tô Nhập Thế.

Tôi đã kể với các bạn toàn bộ sự kiện của đoạn mở đầu cũng như các bạn đã nghe, bây giờ tôi sẽ bắt đầu quyển sách về Cuộc chuyện trò thân mật về những điều khác nhau mà Marco Polo đã khám phá.

CUỘC CHUYỆN TRÒ THÂN MẬT VỀ THẾ GIỚI

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ NƯỚC TIỂU ARMÉNIE

Thật ra có hai nước Arménie, một nước lớn và một nước nhỏ. Chúa công của nước nhỏ là một vị vua đã cai trị lãnh thổ của ông trong sự công chính. Ông là chư hầu của vua Tácta. Ở đó có nhiều thành phố và thị trấn, và mọi thứ với số lượng dồi dào. Đó còn là lãnh thổ có nhiều thú tiêu khiển chẳng hạn như các cuộc săn thú và bắn chim. Nhưng tôi nói cho các bạn biết rằng đó không phải là một xứ sở lành mạnh, nhưng trái lại rất tồi tệ. Xưa kia, các nhà quý tộc đều dũng cảm khi chiến đấu, nhưng ngày nay họ yếu ớt, xấu xa và không có bất cứ phẩm chất nào trừ khi họ là những người tốt bụng và uống rượu như hũ chìm. Trên bờ biển còn có một thành phố tên là Layas, đó là một thành phố thương mại sầm uất. Vì các bạn nên biết là toàn bộ đồ gia vị và những tấm vải drap bằng lụa được khảm vàng của miền sông Euphrate và tất cả các sản phẩm khác đều được mang đến thành phố này. Các nhà buôn Venise và Gênes cũng như tất cả những xứ khác đều đến đó để bán hàng hóa của họ và mua những gì họ cần. Những ai muốn đến miền Euphrate, những nhà buôn hoặc những người nào khác, đều xuất phát từ thành phố này.

Thế là chúng tôi đã nói đến Tiểu Arménie, bây giờ chúng tôi sẽ nói về xứ Turcomanie.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH TURCOMANIE

Turcomanie có ba chủng tộc dân cư. Trước hết đó là những người Turcoman tôn thờ Mahomet. Họ là những người đơn sơ chất phác và có ngôn ngữ riêng. Họ cư ngụ ở miền núi và trên các truông cát, ở đó họ tìm được những đồng cỏ tốt cho gia súc, vì họ sống bằng nghề chăn nuôi gia súc. Trong miền này sản sinh ra những con ngựa rất tốt gọi là Turquans (bắt nguồn từ Turquie). Những cư dân khác là người Arménie và Hy Lạp, họ sống lẫn lộn với nhau trong các thành phố và thị trấn. Họ sống bằng nghề thương mại và thủ công: họ chế tạo nên những tấm thảm tinh xảo nhất và đẹp nhất thế giới, cũng như những tấm drap bằng lụa đủ màu sắc, rất đẹp và rất phong phú với số lượng lớn và nhiều mặt hàng khác nữa. Các thành phố lớn của họ là Conie, Savast, Caserie (Kounieh, Siwas, Kaisariëh hoặc Césaré) và nhiều thành phố thị trấn khác

mà chúng tôi sẽ không nói đến trong lúc này, vì đây là câu chuyện quá dài. Họ sống dưới ách thống trị của lãnh chúa Tácta xứ Levant.

Bây giờ chúng tôi sẽ bỏ qua tỉnh này và sẽ nói về Đại Arménie.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ NƯỚC ĐẠI ARMÉNIE

Đại Arménie (hiện nay vùng này được phân chia giữa Turquie, Ba Tư và Nga) là một tỉnh lớn. Ban đầu nó chỉ là một thành phố có tên là Atsenga (Arsendjan), ở đây có sản xuất những vải len tốt nhất thế giới. Chúng ta còn tìm thấy ở đây những nơi tắm tốt nhất và nguồn nước tuyệt vời nổi tiếng trên thế giới. Dân cư gồm có những người Arménie và là thần dân của lãnh chúa Tácta. Tôi cũng cho các bạn biết là vào mùa hè, toàn bộ quân đội của những người Tácta xứ Levant đều cắm trại trong tỉnh này, vì họ tìm thấy ở đó đồng cỏ rất tốt cho những con ngựa chiến của họ; nhưng vào mùa đông, họ không ở lại đó, vì cái lạnh khủng khiếp đang ngự trị; vì vậy vào mùa đông họ ra đi để đến xứ nóng, nơi nào mà họ tìm thấy những đồng cỏ tốt nhất. Các bạn nên nhớ rằng trong nước Đại Arménie này, còn có con tàu của ông Noé trên một ngọn núi lớn (núi Ararat). Tỉnh này giáp giới tại miền Midi và Levant với vương quốc có tên là Mosul, dân cư ở đây là những người Ki tô giáo thuộc phái Jacobite và Nestorien, tôi sẽ giải thích điều này sau. Phía Bắc, nó giáp với vùng của dân cư Géorgiens, mà tôi cũng sẽ nói đến. Ở tại biên giới của xứ Géorgie này, bạn nên biết có một con suối có dầu tuôn ra với một số lượng lớn, đến nỗi hàng trăm tàu mới có thể chở hết một lần. Nó không thể ăn được, nhưng chỉ dùng để đốt và thoa cho những con lạc đà để chống lại bệnh Roigne. Nhiều người đến từ rất xa để mua loại dầu này, vì trong toàn bộ khu vực và trong các vùng lân cận, người ta không đốt lửa bằng loại dầu nào khác.

Bây giờ chúng ta hãy bỏ qua nước Đại Arménie để nói đến xứ Géorgie.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ XỨ GÉORGIE VÀ VỊ VUA CỦA XỨ ẤY

Trong xứ Géorgie có vị vua có tên là David Mélik, trong tiếng Pháp có nghĩa là David Roi. Ông ta là chư hầu của vua Tácta. Và xưa kia tất cả các vị vua đều sinh ra với một con chim phượng hoàng xăm trên vai phải.

Các cư dân trông xinh đẹp và can đảm trong chiến đấu, những người lính bắn cung và chiến đấu giỏi. Họ là những người Ki tô giáo theo phụng vụ Hy Lạp. Họ cắt tóc ngắn, theo lối của các giáo sĩ.

Đó là tỉnh mà Alexandre không thể vượt qua khi ông muốn tiến về phía Tây, vì đường sá chật hẹp và nguy hiểm: một bên là biển, và bên kia là những dãy núi cao sừng sững người ta không thể cưỡi ngựa đi qua được. Con đường này dài hơn bốn dặm, hẹp đến nỗi ít người cũng có thể chống lại nhiều người. Alexandre cho xây một ngọn tháp rất bề thế để kẻ thù không thể vượt qua tấn công ông. Nó được gọi là Cửa sắt (Demir Kapou, một hẻm vực gần chân núi Caucase và biển Caspierre). Trong tỉnh này còn có nhiều thành phố và thị trấn. Những nơi này sản xuất ra nhiều lụa và dệt ra đủ các kiểu vải drap khảm vàng bằng lụa trông rất đẹp. Ở đó chúng ta còn bắt gặp những loại chim bồ câu lớn nhất thế giới. Địa hình của tỉnh hầu hết là núi non và những hẻm vực hẹp được bảo vệ bằng các công sự vững chắc đến nỗi những người Tácta không bao giờ có thể làm chủ được toàn bộ đất đai dưới quyền của họ.

Tại đây còn có một tu viện dành cho các nữ tu mang tên là Saint Leonard nơi đó có những điều kỳ lạ mà tôi sẽ kể cho các bạn sau này. Có một hồ lớn gần nhà thờ dưới chân một ngọn núi, trong hồ suốt năm không có bất cứ con cá to hoặc nhỏ nào. Nhưng vào ngày đầu tiên của Mùa Chay, người ta lại bắt gặp những con cá đẹp nhất thế giới, với số lượng lớn; loại cá này sống suốt Mùa Chay cho đến thứ bảy Tuần Thánh. Sau đó chỉ đến tận Mùa Chay năm sau, chúng mới xuất hiện trở lại. Sự kiện này diễn ra mỗi năm, đây là một điều kỳ lạ rất lớn.

Biển mà tôi nói với các bạn nằm rất gần các dãy núi và được gọi là biển Gelachelan. Chu vi của nó hơn bảy trăm dặm và cách xa tất cả các biển khác mười hai ngày đường. Nó nhận nước con sông cái Euphrate (dĩ nhiên là sai lầm, có thể là sông Volga hoặc Oural) và mười hai con sông khác, xung quanh nó còn có núi bao bọc. Bây giờ, từ ít lâu nay, các nhà buôn từ Gênes xuôi ngược trên mặt biển này bằng tàu mà họ đã mang vào trong biển, ở đó còn có sản xuất lụa gelle (lụa hồng).

Tôi đã nói với các bạn về ranh giới của Đại Arménie về hướng Bắc, bây giờ tôi sẽ nói về những ranh giới khác giữa Midi và Levant.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ VƯƠNG QUỐC MOSUL

Mosul là một vương quốc rất lớn, dân cư ở đó thuộc nhiều chủng tộc mà chúng tôi sẽ nói đến. Có những người được gọi là Ả Rập và thờ Mahomet. Những người khác là Ki tô giáo phái Nestorien và Jacobite. Họ có một Đức Thượng phụ gọi là Atolic, và vị Thượng phụ này phong chức cho các tổng giám mục, các tu viện trưởng và tất cả các giáo sĩ cấp cao khác và sai phái họ đi khắp nơi: Ấn Độ, Baudac (Baghdad) và Cata (Cathay hoặc Trung Quốc), như các Giáo hoàng ở La Mã đã làm với các vùng của những người La tinh. Vì các bạn nên biết rằng tất cả những người Ki tô hữu ở vùng này rất đông và đều là Ki tô hữu thuộc phái Jacobite hoặc Nestorien, nhưng không phải giống như Đức Giáo hoàng và Giáo Hội La Mã muốn vì họ thiếu nhiều vấn đề về đức tin. Tất cả các vải drap bằng vàng và lụa được sản xuất trong xứ này đều được gọi là Mésolin (bắt nguồn từ Mosul); từ vùng đất này, cũng có nhiều nhà buôn lớn cũng được gọi là Mosolin, họ mang đến một lượng rất lớn gia vị, vải nhẹ và các vải drap bằng vàng và lụa. Cuối cùng có một giống người khác ở trong miền núi gọi là Card (Kurdes), họ là những Ki tô hữu hoặc Hồi giáo, một giống người rất tồi tệ vì họ cướp bóc các thương nhân.

Bây giờ chúng ta sẽ bỏ qua Mosul và nói đến Baudac, một thành phố lớn.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ LỚN BAUDAC VÀ CHUYỆN NÓ BỊ CHIẾM ĐÓNG NHƯ THẾ NÀO?

Baudac là một thành phố lớn, ở đó có giáo chủ Hồi giáo của tất cả những người Hồi giáo trên thế giới, giống như Tòa Thánh của Đức Giáo hoàng của những người Công giáo ở La Mã. Ngay giữa thành phố có một con sông rất lớn chảy qua; nhờ sông này người ta có thể đi ra biển Ấn Độ cách Baudac hơn mười tám ngày đường. Do đó một số lớn những nhà buôn đến và đi từ đó với hàng hóa của họ, và họ đến một thành phố có tên là Chisy (đảo Kis hoặc Crusm) và từ nơi đây họ đi vào biển Ấn Độ. Trên bờ sông giữa Baudac và Chisy cũng có một thành phố lớn có tên là Bascra (Bassora). Từ tất cả các vùng ngoại ô của thành phố, trong các cánh rừng, có mọc lên những cây chà là tốt nhất thế giới. Ở Baudac, những vải lót giường bằng lụa và vàng được gia

công bằng nhiều cách. Đó là thành phố sang trọng nhất và lớn nhất trong tất cả các vùng thuộc lãnh thổ này.

Một ngày nọ, năm 1255 sau Công nguyên, Chúa của những người Tákta xứ Levant, có tên là Alaou, là em trai của Đại Hãn đang trị vì hiện nay, tập hợp một binh đội rất lớn tiến vào Baudac và dùng vũ lực chiếm đóng nó. Đây là một sự kiện lớn. Vì ở Baudac có hơn một trăm ngàn kỵ binh, chưa kể đến bộ binh. Khi chiếm lấy thành phố, lãnh chúa tìm thấy nơi cung điện Giáo chủ Calife một ngọn tháp chứa đầy vàng, bạc và những đồ châu báu khác, với một số lượng lớn đến nỗi chưa bao giờ người ta thấy chúng được tập trung ở bất cứ nơi nào. Khi ông ta nhìn thấy kho báu lớn này, ông tỏ ra hết sức kinh ngạc. Ông cho vời Giáo chủ Calife đến trước mặt ông và nói với Giáo chủ:

- Nay Giáo chủ, hãy cho ta biết tại sao ngươi tích lũy một kho báu quá lớn như thế. Ngươi muốn làm gì với nó? Ngươi không biết ta là kẻ thù của nhà ngươi và ta đi chống lại ngươi với một quân đội hùng hậu để tước đoạt của cải của ngươi hay sao? Tại sao ngươi không tìm cách ban nó cho các kỵ sĩ và binh lính để họ bảo vệ ngươi, ngươi và thành phố của ngươi?

Giáo chủ Calife không biết trả lời ra sao nên ông không nói tiếng nào, vì vậy lãnh chúa nói với ông:

- Nay Giáo chủ Calife, vì ta thấy ngươi rất yêu thích kho báu của ngươi, vậy ta muốn cho ngươi ăn nó.

- Lãnh chúa truyền lệnh bắt nhốt ông trong tháp kho báu và không cho ông ăn uống bất cứ thứ gì, rồi nói với ông:

- Nay Giáo chủ Calife, hãy ăn kho báu của ngươi bao nhiêu tùy thích, vì nó làm ngươi rất hài lòng, và mãi mãi ngươi sẽ không ăn thứ gì khác ngoài kho báu này.

Ông ở trong đó bốn ngày và cuối cùng chết vì kiệt sức. Có lẽ Giáo chủ nên phân phát kho báu cho những người bảo vệ đất đai và người dân của ông hơn là bị bắt, bị tước đoạt hết và bị chết như đã xảy ra. Từ đó trở đi, không bao giờ còn Giáo chủ Calife nào ở Baudac hoặc bất cứ nơi nào khác.

Bây giờ tôi muốn kể cho các bạn nghe một phép lạ có thể xảy ra tại Baudac mà Thiên Chúa đã làm cho những người Ki tô giáo.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ PHÉP LẠ XẢY RA TẠI BAUDAC VÀ MIỀN NÚI

Vào khoảng năm 1225 sau Công nguyên, ở Baudac, có một vị Giáo chủ Calife rất ghét những người Ki tô giáo. Ngày cũng như đêm ông ta mơ ước đến những biện pháp cải đạo cho những người Ki tô giáo đang sống trên vùng đất của ông, hoặc làm cho họ chết nếu được. Vì vậy ông luôn luôn hỏi ý kiến những vị tư tế thuộc giáo luật của ông, vì mọi người đều muốn tai họa rất lớn cho những người Ki tô giáo. Điều thực tế là tất cả những người Sarrasin trên thế giới luôn muốn tai họa rất lớn đối với tất cả những người Ki tô giáo trên thế giới.

Vì vậy, Giáo chủ Calife và các thầy tư tế khôn ngoan của ông tìm được một đoạn trong sách Phúc Âm của chúng ta như tôi sẽ nói cho các bạn biết, đoạn sách nói rằng nếu một người Ki tô hữu chỉ có đức tin lớn bằng một hạt cải và khiến một ngọn núi dời đi, nó sẽ dời đi ngay. Đó là sự thật; khi họ đã tìm được đoạn văn ấy, họ rất vui mừng, vì đó là một điều có thể làm cho tất cả những người Ki tô giáo trở lại với đức tin của họ hoặc làm cho họ phải chết.

Giáo chủ Calife ra lệnh cho tất cả những người Ki tô giáo sống trên lãnh thổ của ông đến, họ rất đông. Ông chỉ cho họ quyển sách Phúc Âm và bắt họ đọc đoạn văn trong đó như tôi đã nói với các bạn. Khi họ đọc xong, ông hỏi họ có thật như vậy không; những người Ki tô giáo trả lời đúng là như vậy.

- Vậy thì, Giáo chủ nói, bởi vì các ngươi nói đó là sự thật, cũng như phải có hạt giống nhỏ đức tin nơi biết bao nhiêu là người trong các ngươi; ta sẽ đề nghị với các ngươi như sau: hoặc các ngươi sẽ làm cho hòn núi mà các ngươi thấy chuyển động (và ông đưa ngón trỏ chỉ một ngọn núi ở gần đó) hoặc ta sẽ ra lệnh cho tất cả đều chết. Nếu các ngươi muốn khỏi chết, tất cả các ngươi hãy trở thành người Sarrasin ngoan đạo của chúng tôi. Để làm điều này ta cho các ngươi suy nghĩ trong mười ngày. Tới kỳ hạn này mà không có gì được thực hiện, hoặc các ngươi sẽ chết hoặc các ngươi sẽ trở thành những người Sarrasin.

Khi nói xong, ông cho họ giải tán để họ có thể nghĩ cách hoàn thành công việc.

NHỮNG NGƯỜI KI TÔ GIÁO HẾT SỨC KINH HÃI VỀ ĐIỀU GIÁO CHỦ HỒI GIÁO NÓI VỚI HỌ NHƯ THẾ NÀO?

Khi những người Ki tô giáo nghe những lời Giáo chủ Calife nói với họ, họ tỏ ra hết sức kinh hãi, nhưng họ vẫn hoàn toàn trông cậy vào Thiên Chúa, Đấng Sáng Tạo của họ, Người sẽ cứu giúp họ trong cơn nguy khốn. Tất cả các nhà hiền triết Ki tô giáo đều có mặt trong số đó có nhiều linh mục và giám mục, các ngài vội nhóm họp và không tìm bất cứ điều gì khác hơn là hướng về Đấng ban phát mọi điều tốt lành, để Người bảo vệ họ do lòng thương xót của Người nhằm chống lại bàn tay của Giáo chủ độc ác. Tất cả mọi người, đàn ông cũng như đàn bà, đều đọc kinh cầu nguyện trong tám ngày đêm. Trong khi họ cầu nguyện, một Thiên Thần sứ giả của Thiên Chúa đến với một vị Giám mục trong cơn xuất thần, Ngài là một Ki tô hữu thánh thiện. Thiên sứ nói với ông:

- Con hãy đến nhà một người thợ đóng giày chỉ còn có một mắt, và con nói với người đó ra lệnh cho nủi chuyển dời, và nó sẽ chuyển dời ngay.

Tôi sẽ nói với các bạn về người đóng giày là con người như thế nào. Các bạn nên biết là ông ta sống một cuộc sống rất trung thực và trong sạch. Ông ăn chay, không mắc bất cứ tội gì, đi dự lễ hàng ngày tại nhà thờ và mỗi ngày đều dâng cho Chúa một phần tiền kiếm được. Nguyên nhân ông chỉ còn có một con mắt là như sau. Một ngày nọ, một người đàn bà đến nhà ông để yêu cầu ông đóng cho một đôi giày, bà đưa chân cho ông để ông lấy số đo.

Bà ta có một bộ giò rất đẹp, và bàn chân cũng rất đẹp. Khi người đàn ông rất chính trực này nhìn thấy chân căng của người phụ nữ, ông ta liền bị cám dỗ, bởi vì đôi mắt ông thêm thuồng trước cảnh tượng đó. Nhiều lần ông ta đã từng nghe trong sách Phúc Âm rằng nếu như mắt người gây ra dịp tội cho lương tâm, người nên móc nó ra khỏi đầu trước khi phạm tội. Vì thế, khi người phụ nữ ra đi, ông dùng chiếc dùi kết giày và đâm vào trong mắt ông và do đó ông bị mất một con mắt.

Bạn thấy đó là một người đàn ông thánh thiện công chính và có đời sống tốt lành biết chừng nào!

VỊ GIÁM MỤC CHO VỜI NGƯỜI THỢ ĐÓNG GIÀY MỘT MẮT ĐẾN NHƯ THẾ NÀO?

Khi việc mục kích trong con xuất thần diễn ra nhiều lần cho vị Giám mục, như tôi đã kể với các bạn trên đây. Ngày nọ Ngài nói với các Ki tô hữu về sự kiện trên. Tất cả những người Ki tô hữu đều đồng ý mời người thợ đóng giày đến trước mặt họ. Khi ông này đến, họ nói với ông là họ muốn ông cầu nguyện vì Thiên Chúa đã hứa với họ là sẽ nhận lời ông. Khi ông nghe điều người ta nói với ông, ông riu rít xin lỗi thoái thác, và nói rằng ông không phải là con người tốt lành như họ nói. Nhưng họ cầu xin ông một cách dịu dàng đến nỗi cuối cùng ông đành phải nói rằng ông không thể không vâng lời họ.

LỜI CẦU NGUYỆN CỦA NGƯỜI THỢ ĐÓNG GIÀY THÁNH THIỆN LÀM NGỌN NÚI DI CHUYỂN NHƯ THẾ NÀO?

Khi ngày ấn định đã đến, tất cả những người Ki tô hữu, đàn ông và đàn bà, trẻ con và người già, gồm hơn một trăm nghìn người, thức dậy từ sáng sớm, đến nhà thờ và tham dự Thánh Lễ. Sau Thánh Lễ, họ cùng nhau lên đường đi đến ngọn núi giống như một cuộc đi kiệu trọng thể với Thánh Giá dẫn đầu, hòa với những tiếng hát vang rền và những dòng nước mắt chan hòa. Khi đến nơi họ thấy Giáo chủ đã có mặt với toàn bộ binh đội Sarrasin của ông, tất cả đều sẵn sàng giết chết họ hoặc cải đạo cho họ; vì chúng không nghĩ rằng Thiên Chúa sẽ ban ơn cho những người Ki tô hữu. Những người này rất sợ, nhưng vẫn trông cậy vào Chúa Giê su Ki tô.

Bấy giờ người thợ đóng giày lãnh nhận phép lành của vị Giám Mục và quỳ xuống làm dấu Thánh giá, đưa hai tay hướng lên trời và đọc lời cầu nguyện này:

- Lạy Thiên Chúa là Đấng toàn năng, con cầu xin Chúa do lòng thánh thiện của Chúa, xin Chúa hãy ban ơn cho dân của Chúa kéo họ chết mất, hoặc đức tin của họ bị lụn bại, bị đốn ngã hoặc bị khinh miệt. Con thật không xứng đáng cầu xin Chúa chút nào, nhưng quyền năng của Chúa thật cao vời, và lòng thương xót của Chúa thật vô biên, xin Chúa hãy nghe lời cầu nguyện của chúng con là tôi tớ tràn đầy tội lỗi của Chúa.

Khi ông cầu nguyện cùng Thiên Chúa Đấng Tối Cao, bởi Người mà mọi ân huệ đều được thực hiện, trước sự hiện diện của Giáo chủ Calife cùng tất cả những người Sarrasin và những người khác nữa, người ta nhìn thấy núi trời lên và di chuyển đến nơi mà Giáo chủ đã yêu cầu. Khi vị Giáo chủ và những người Sarrasin chứng kiến việc này, họ đều hết sức kinh ngạc vì phép lạ mà Thiên Chúa đã thực hiện cho người Ki tô giáo, đến nỗi số đông những người Sarrasin đều trở thành những Ki tô hữu, đặc biệt vị Giáo chủ cũng xin được rửa tội nhân danh Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Chúa Thánh Thần, Amen. Ông trở thành Ki tô hữu, nhưng sự việc diễn ra một cách bí mật, vì khi ông qua đời, người ta khám phá thấy một cây Thánh Giá nhỏ đeo trên cổ ông. Do đó những người Sarrasin không muốn chôn cất ông cùng với những Giáo chủ Calife khác, nhưng chôn ông nơi khác. Những người Ki tô giáo hết sức vui mừng về phép lạ cực thánh này và quay về nhà trong bầu không khí lễ hội, họ cảm tạ Đấng Sáng Tạo về điều Người đã làm cho họ.

Chúng tôi đã nói về Baudac, bây giờ chúng tôi sẽ nói với các bạn về Toris, thành phố sang trọng.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ TORIS SANG TRỌNG

Toris (Tauris) là một thành phố lớn và sang trọng thuộc một tỉnh rộng lớn gọi là Yrac. Tỉnh này có nhiều đô thị và thị trấn; nhưng bởi vì Toris là thành phố sang trọng nhất nên tôi sẽ nói về nó với các bạn.

Các bạn nên biết rằng người dân Toris sống về nghề buôn bán và thủ công, vì họ gia công đủ loại vải lót giường bằng lụa và nạm vàng rất đẹp và rất có giá trị. Thành phố phát đạt đến nỗi các hàng hóa từ Ấn Độ, Baudac, Mosul, Cremesor và nhiều nơi khác dồn đến; nhiều nhà buôn La tinh, đặc biệt dân thành Gênes đến đó để mua bán và sắm sửa, vì ở đó cũng có nhiều loại đá quý. Đó là thành phố mà các nhà buôn thu được nhiều lợi nhuận, vì người dân chỉ buôn bán lẻ và hết sức pha trộn với nhiều phong cách khác nhau: có người Arménie, người Jacobite, người Georgie, người Ba Tư và còn nhiều người thờ Mahomet, đó chính là dân của thành phố Toris. Thành phố còn hoàn toàn được bao bọc bằng những khu vườn đẹp tuyệt vời, với rất nhiều loại trái cây rất đẹp, rất ngon và rất to.

Bây giờ chúng ta hãy bỏ qua Toris và nói về tỉnh Ba Tư rộng lớn.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH LỚN BA TƯ

Ba Tư là một tỉnh lớn, xưa kia nó rất phồn thịnh và sang trọng, nhưng hiện nay bị tàn phá và bị thu hẹp bởi những người Tácta.

Ở Ba Tư có thành phố tên là Sava (ngày nay là Avah), nơi Ba Vua đã ra đi khi các Ngài đến thờ lạy Chúa Giêsu Ki tô giáng trần. Họ đã được an táng trong thành phố này trong ba ngôi mộ rất to và rất đẹp. Trên mỗi ngôi mộ có một ngôi nhà hình vuông xây rất đẹp, cái nọ sau cái kia. Các thi thể vẫn còn đầy đủ, đều còn râu tóc. Một người có tên là Gaspard, người thứ hai là Melchior và người thứ ba là Balthazar. Messire Marco Polo dò hỏi nhiều người dân của thành phố này về Ba Vua, nhưng ông không tìm được một người nào có thể nói gì với ông về điều này, ngoại trừ đó là ba vị vua đã được an táng xưa kia.

Cách đó ba ngày đường có một thị trấn tên là Cala Ataperistan, trong tiếng Pháp nó có nghĩa là “Lâu đài của những người tôn thờ lửa”. Đó là một danh từ rất thích đáng vì những người dân của thị trấn này tôn thờ lửa. Tôi sẽ nói với các bạn lý do vì sao. Họ nói rằng xưa kia Ba Vua vùng này đi thờ lạy một Đấng Tiên Tri đã sinh ra và mang đến cho Ngài ba lễ vật, đó là vàng, nhũ hương và mộc dược, để biết vị tiên tri đó có phải là thần linh, vua dưới thế hoặc là thầy thuốc. Vì họ nói rằng nếu Người nhận vàng, đó sẽ là vua trần thế, nếu Người nhận nhũ hương, đó là một vị thần linh, nếu Người lấy mộc dược, đó là một thầy thuốc. Vì vậy chuyện xảy ra là khi họ đến nơi Con Trẻ sinh ra, vị vua trẻ nhất trong Ba Vua đi vào đầu tiên và tìm thấy Đứa Trẻ cùng tuổi với ông. Sau đó vua thứ hai đi vào, ông này ở tuổi trung bình, cũng vậy, hình như ông cũng cùng độ tuổi với Đứa Trẻ. Ông bước ra và hết sức kinh ngạc. Rồi người thứ ba bước vào, người này lớn tuổi nhất và cũng xảy ra cùng một chuyện như hai người vào trước đó; ông bước ra tỏ vẻ đăm chiêu. Khi cả ba vị họp nhau lại, mỗi người nói lại điều họ đã nhìn thấy và họ hết sức kinh ngạc về điều này. Bây giờ cả ba vị cùng đồng lòng đi vào một lượt, họ đi vào và tìm thấy Đứa Trẻ ở độ tuổi đúng như Trẻ phải có, tức là mười ba ngày. Đứa Trẻ nhận lấy ba lễ vật rồi cho họ một hộp đóng kín. Sau đó các vua lên đường trở về quê quán của họ.

CHUYỆN KỂ VỀ VIỆC BA VUA TRỞ VỀ NHÀ

Khi họ cưỡi ngựa đi trong nhiều ngày, họ tự nhủ họ muốn xem thứ mà Đứa Trẻ đã ban cho họ. Vậy là họ mở hộp và tìm thấy một hòn đá bên trong, họ tự hỏi điều đó có ý nghĩa gì. Nó có nghĩa là đức tin mà họ bắt đầu nhen nhúm phải luôn cứng rắn bên trong họ như hòn đá rắn. Vì lý do này và trong ý nghĩa này mà họ phải nhận lấy hòn đá; nhưng họ không hiểu hòn đá mang ý nghĩa đó, nên họ đã ném nó vào trong một cái giếng. Ngay lúc đó một ngọn lửa hùng hực từ trời rơi xuống giếng nơi chỗ hòn đá bị ném, lúc đó họ mới hiểu ý nghĩa quan trọng và tốt đẹp của nó. Họ đón lấy ngọn lửa này và mang về xứ sở của họ, họ đặt nó vào trong một nhà thờ rất đẹp và sang trọng. Thỉnh thoảng họ làm cho lửa cháy bùng lên và tôn thờ nó như một vị thần và tất cả những gì họ hiến dâng đều được nấu chín bằng ngọn lửa này. Nếu như lửa tắt, họ đi đến những thành phố xung quanh, các thành phố này cũng có niềm tin như thế sẽ cho họ lửa để họ mang về nhà thờ của họ. Đó là lý do mà dân chúng trong vùng này thờ lửa. Nhiều lần họ phải đi bộ mất mười ngày để tìm ngọn lửa này.

Đó là chuyện kể của những người ở thị trấn cho Messire Polo nghe, họ khẳng định với ông sự thật xảy ra đúng như vậy; một trong Ba Vua có gốc gác từ một thành phố tên là Sava, người thứ hai từ Ava và người thứ ba từ thị trấn mà họ thờ lửa giống như tất cả những người trong vùng này.

Bây giờ tôi sẽ nói với các bạn về những vùng thuộc nước Ba Tư với những việc làm cũng như các phong tục của họ.

CHUYỆN KỂ VỀ TÁM VƯƠNG QUỐC CỦA BA TƯ VÀ TÊN CỦA TỪNG VƯƠNG QUỐC

Các bạn nên biết rằng trong xứ Ba Tư có tám vương quốc, vì nó là một tỉnh rất lớn, các bạn sẽ gọi tất cả bằng tên.

Vương quốc thứ nhất có tên là Casvin. Vương quốc thứ hai ở về hướng nam được gọi là Cardistan; vương quốc thứ ba là Lor; vương quốc thứ tư là Cielstan; vương quốc thứ năm là Istanit; vương quốc thứ sáu là Cerazi; vương quốc thứ bảy là Soucara; vương quốc thứ tám là Tunocan ở cuối xứ Ba Tư. Tất cả các vương quốc này đều ở phương Nam, ngoại trừ một ở

Levant, đó là Tunocan. Trong vương quốc này có nhiều ngựa chiến đẹp và có nhiều người đi Ấn Độ để bán chúng, vì đó là những con ngựa rất có giá trị, mỗi con giá chừng hai trăm livơ, tiền đúc tại thành Tua; có con cao giá hơn, có con thấp hơn tùy theo từng con. Cũng có những con lừa đẹp nhất thế giới, mỗi con giá ba mươi đồng mác bằng bạc, vì chúng to lớn và chạy giỏi cũng như đi nước chập tốt. Người ta đưa những con ngựa đến tận Chisi (Kis) và Curmosa (Ormuz), đó là hai thành phố nằm trên bờ biển Ấn Độ, ở đó họ tìm được các nhà buôn mua chúng và đưa vào Ấn Độ để bán.

Trong vương quốc này có những người dữ tợn và sát nhân, vì họ giết nhau mỗi ngày như cơm bữa. Nếu quyền cai trị không phải thuộc về lãnh chúa Tácta xứ Levant, họ sẽ gây thiệt hại lớn cho các nhà buôn và mặc dầu nằm dưới quyền lãnh chúa, nhiều lần họ không ngừng gây tổn hại cho uy quyền của lãnh chúa, vì nếu họ bắt gặp các nhà buôn không trang bị vũ khí tốt, họ giết và cướp của tất cả những người đó. Đôi khi các nhà buôn không đề phòng, họ tiêu diệt tất. Tất cả đều là người Sarrasin vì họ tin vào Đấng Mahomet. Trong các thành phố này tất cả các nhà buôn và thợ thủ công đều sống bằng nghề riêng của họ, vì họ làm ra đủ loại vải lót giường bằng vàng và lụa. Vùng của họ sản xuất ra nhiều bông vải. Họ trồng nhiều lúa mì, lúa mạch, kê và panis, họ còn có đủ loại rượu nho và trái cây.

Bây giờ chúng ta hãy bỏ qua vương quốc này và nói về thành phố lớn Jasdi.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ LỚN JASDI

Jasdi (Yezd) là một thành phố rất đẹp, rất sang trọng và có nền thương mại sầm uất. Ở đây, người ta sản xuất ra nhiều vải lụa có tên là Jasdi, các nhà buôn mang qua nhiều nước để kinh doanh và kiếm lời. Họ tôn sùng Mahomet. Khi rời thành phố để tiến lên phía trước, người ta phải cưỡi ngựa đi mất sáu hoặc bảy ngày tròn, chỉ có ba khu dân cư là có chỗ trọ. Người ta có thể phi ngựa qua nhiều cánh rừng đẹp, trong rừng có nhiều chỗ đi săn lý tưởng, nhiều chim đa đa, trĩ và nhiều loài chim khác nữa, đến nỗi các nhà buôn đi qua nơi đó đều rất lấy làm thích thú. Cũng có những con lừa hoang rất đẹp. Sau bảy ngày đường, người ta đến một vương quốc rất đẹp gọi là Creman.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ VƯƠNG QUỐC CREMAN

Creman (Kirmân) là một vương quốc thuộc xứ Ba Tư, xưa kia họ theo chế độ lãnh chúa cha truyền con nối; nhưng từ khi những người Tácta chiếm đóng nó, người Tácta gửi đến đó vị vua do họ chỉ định.

Trong vương quốc này sản sinh nhiều loại đá gọi là ngọc lam Thổ Nhĩ Kỳ: họ tìm thấy chúng trong núi và rút ra từ những tảng đá lớn. Cũng có những vĩa thiếc và ondanique (loại thiếc đặc biệt, có thể là ăng ti moan). Trong xứ này, người ta còn làm đủ các loại bộ yên cương đẹp và rất tốt dành cho các kỵ sĩ như hàm thiếc, yên ngựa, đinh thúc ngựa cũng như cung, bao đựng tên và tất cả những vũ khí tuyệt vời khác để dùng. Các bà và các cô dùng kim khâu rất đẹp và rất sang trọng. Những con thú, chim, bông hoa và đủ thứ hình ảnh trên các vải lót bằng lụa đủ màu sắc; họ cũng trang trí những lều trại của các cận thần một cách tinh xảo đến nỗi ai thấy cũng trầm trồ kinh ngạc; họ còn làm những chiếc gối dựa, gối đầu, chăn đắp và tất cả những thứ khác nữa. Trong các dãy núi của xứ này có những con chim ưng tốt nhất thế giới sinh sống, nhưng chúng nhỏ hơn chim ưng di cư: chúng có màu đỏ ở ngực, dưới đuôi và giữa hai bắp đùi. Chúng bay nhanh đến nỗi trên thế giới không có bất cứ con chim nào có thể thoát khỏi chúng.

Rời thành phố Creman, người ta đi ngựa mất bảy ngày đường qua nhiều thành phố thị trấn và khu dân cư rất đẹp. Cưỡi ngựa qua đó thật là thú vị, vì chúng ta sẽ gặp được nhiều nơi săn bắn lý tưởng hoặc giăng lưới bắt chim, đây là một niềm lạc thú to lớn. Khi đã phi ngựa bảy ngày qua khỏi đồng bằng này, chúng ta sẽ gặp một ngọn núi rất lớn, và khi trèo lên ngọn núi này, chúng ta lại thấy một con dốc rất dài phải đi ngựa mất hai ngày đường, qua nhiều khu vườn trồng cây ăn quả rộng lớn. Xưa kia có nhiều nhà ở, nhưng nay không còn nữa.

Người ta chỉ còn thấy những người chăn thả gia súc ăn cỏ. Từ thành phố Creman đến con dốc này, mùa đông lạnh đến nỗi người ta khó có thể chịu đựng được, cho dù phải mặc thật ấm và trùm kín cơ thể.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ LỚN

COMADI VÀ TỈNH RÉOBARLES

Khi người ta đi ngựa mất hai ngày trên con dốc này, người ta sẽ đến một đồng bằng rất lớn. Ở đầu đồng bằng có một thành phố mang tên là Comadi (đã biến mất khỏi bản đồ cũng như lịch sử), xưa kia nó là một thành phố rất lớn và sang trọng, nhưng ngày nay không được như thế, vì những người Tácta từ những xứ khác đã tàn phá nó nhiều lần. Bạn nên biết đồng bằng mà tôi đang nói với các bạn là một nơi rất nóng. Tỉnh mà chúng tôi bắt đầu nói với các bạn gọi là Réobarles. Tỉnh này sản xuất chà là, táo địa đàng (cam) và những loại trái cây khác không có ở những xứ lạnh. Trong miền đồng bằng này, có một loại chim gọi là gà gô, chúng không giống với các loài gà gô khác trên thế giới, vì chúng có màu đen trắng hỗn hợp, chân và mỏ chúng có màu đỏ chót.

Đối với các loại thú khác, trước tiên tôi sẽ nói với các bạn về bò. Chúng rất to và trắng như tuyết; chúng có chân nhỏ và bằng, sừng ngắn và to nhưng không nhọn. Giữa hai vai, chúng mang một cái bướu tròn và bằng hai lòng bàn tay. Chúng là con vật ngộ nghĩnh nhất thế giới. Khi người ta muốn chúng thò đồ đạc, chúng nằm bẹp xuống như những con lạc đà và sau đó mới đứng lên cùng với trọng tải rất lớn, vì đó là những con vật rất khỏe mạnh. Người ta còn bắt gặp những con cừu to như những con lừa với một cái đuôi lớn và to đến nỗi nó nặng đến ba mươi livro. Chúng rất đẹp và béo, thịt ăn rất ngon.

Trong đồng bằng này, có nhiều thành phố và thị trấn với những vách bằng đất cao và dày để phòng chống những người Caraonas (người Indo Scythes da đen). Họ mang tên này vì họ được sinh ra từ những người mẹ Ấn Độ và bộ người Tácta. Bạn nên biết rằng khi những người Caraonas muốn rảo khắp xứ để cướp bóc, họ làm cho ban ngày trở nên tối đen bằng những phương thức ma thuật, đến nỗi người ta chỉ thấy lơ mờ bạn mình ở sát bên và màn đêm này có thể kéo dài trong bảy ngày tròn. Nhưng họ biết rõ xứ sở như lòng bàn tay, họ đi ngựa tốp này gần tốp khác và thỉnh thoảng có đến mười ngàn, có khi nhiều có khi ít hơn, đến nỗi họ chiếm cứ tất cả các con đường. Tất cả những ai ở ngoài thành phố và thị trấn đều bị bắt: không người đàn ông, đàn bà, hoặc con vật nào có thể thoát khỏi tay họ. Và khi bọn chúng bắt được họ, chúng giết tất cả những người già và bán qua các xứ khác những thanh niên và phụ nữ như là những người nô lệ. Chính vì vậy mà họ tàn phá khắp vùng và làm cho nó hầu như hoang vắng.

Vua của những người xấu xa này được gọi là Nogodar. Tên này đi đến triều đình của Ciagati, em ruột của Đại Hãn, cùng với mười ngàn kỵ binh. Y ở lại với ông chú, vì ông là vị đại thần rất có thể lực. Trong khi ở với chú, tên Nogodar này nghĩ ra một cuộc phản bội to tát. Tôi sẽ nói với các bạn nguyên nhân vì sao. Y đi khỏi triều đình của chú ở Đại Armenie và trốn với một số lớn kỵ binh rất hung tợn và mưu phản bằng cách vượt qua Badasian rồi qua một tỉnh khác gọi là Pasciai, rồi lại một tỉnh khác nữa tên là Chesciemur. Ở đó, y mất rất nhiều lính và ngựa, bởi vì đường hẹp và xấu. Khi y chiếm tất cả các tỉnh này, y tiến vào Ấn Độ tại một tỉnh giáp ranh tên là Dilivar. Y ở lại trong thành phố này sau khi cướp ngai vàng của một vị vua có tên là Asidiu Soudan, ông này là một người rất to lớn và giàu có. Nagodar ở lại đó cùng với quân đội của ông, ông chẳng sợ ai và gây chiến với tất cả những người Tácta sinh sống chung quanh lãnh thổ của ông.

Tôi nói với các bạn là chính Messire Marco cũng đã bị bắt do những người ở trong bóng tối này, nhưng nhờ ơn Chúa, ông có thể đi trốn và ẩn náu trong một thị trấn tên là Canosalmi ở gần đó, nhưng ông đã mất toàn bộ đoàn tùy tùng, chỉ có bảy người trốn thoát được.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ CON ĐỐC CAO CỦA THÀNH PHỐ CORMOS

Đồng bằng mà tôi đã nhắc đến trải dài mất năm ngày đường về hướng Nam, tiếp theo là một con đốc khác dài hai mươi dặm, đó là một con đường rất xấu và nguy hiểm, vì có nhiều kẻ xấu và bọn trộm cắp. Khi xuống thung lũng này, người ta đến một đồng bằng rất đẹp, gọi là đồng bằng Formose (tên khác của Cormos). Đồng bằng này dài hai ngày đường và có những con sông thơ mộng, nơi đây có chà là và nhiều thứ trái cây khác, vô số chim như chim ưng, kền kền và những loại chim khác không giống với các loại chim chỗ chúng ta ở. Sau khi cưỡi ngựa hai ngày đường, người ta đến biển Oceane (ở cửa vào vịnh Péc xích), trên bờ sông có một thành phố mang tên Cormos (Ormuz) và một hải cảng. Tôi cho các bạn biết rằng các thương nhân từ Ấn Độ đến đó với những con tàu chất đầy đồ gia vị, đá quý, vải hiếm, vải lót giường bằng lụa và vàng, ngà voi và nhiều hàng hóa khác nữa. Họ bán chúng cho các thương nhân khác và những người này lại mang chúng đi khắp thế giới. Đó là một thành phố thương mại rất lớn. Trực thuộc nó còn có nhiều thành phố và thị trấn, nhưng nó là thủ đô của một vương quốc do vua Ruemedan Acomat

cai trị. Ở đây, nhiệt độ ban ngày rất cao do mặt trời và địa điểm nằm trên chỗ đất cứng rắn. Nếu một nhà buôn ngoại quốc nào chết ở đây, nhà vua sẽ cho tịch thu toàn bộ tài sản của y.

Trong vùng này, người ta chế biến rượu rất ngon bằng chà là và gia vị, nhưng nếu không quen uống, nó sẽ làm cho bạn bị chột ruột và khiến cho bạn đi ngoài rất nhiều, nhưng sau đó nó làm cho bạn khỏe mạnh và béo ra. Khi người dân trong nước mắc bệnh, họ ăn thịt heo và bánh mì làm bằng bột; nhưng nếu khi họ ăn lúc khỏe mạnh, họ lại ngã bệnh. Khi họ mạnh khỏe họ chỉ ăn chà là, cá muối, chanh và hành ta.

Tàu thuyền của họ đóng rất tồi. Nhiều người chết vì lý do này, vì chúng không được đóng đinh sắt, nhưng được may với chỉ lấy từ sợi cây dừa: khi đập vỡ, nó giống như cái bờm ngựa, và họ dùng nó để bện chỉ may tàu, chỉ chắc chắn và không bị hỏng khi ngâm nước biển, nhưng nó không thể chống chọi nổi với bão to. Những tàu này đều có một cột buồm, một cánh buồm và một bánh lái, nhưng chúng không được che chở trừ khi được chắt đầy hàng. Hàng hóa được che chở bằng da thú vật. Người ta cho ngựa đứng trên da để chở sang Ấn Độ bán. Họ không có sắt để làm đinh, vì thế họ làm những chốt gỗ để đóng thuyền, rồi vá bằng chỉ như tôi đã nói với các bạn. Do đó, đi biển trên những con tàu này rất nguy hiểm, vì trong các biển Ấn Độ có rất nhiều bão.

Dân cư là những người da đen và tôn thờ Mahomet. Họ không ở trong các thành phố vì nhiệt độ rất cao làm họ có thể chết được, nhưng họ đi ra bên ngoài vào những khu vườn, nơi có nhiều sông và suối. Dù sao đi nữa, họ không thoát khỏi được nếu như họ không làm điều mà tôi sẽ nói với các bạn. Trong mùa hè, nhiều lúc gió từ hoang mạc xung quanh đồng bằng thổi đến hết sức nóng đến nỗi nó giết chết tất cả mọi người, nếu như lúc cảm thấy gió nóng này đến gần họ không nhảy xuống nước ngập tới đầu và ở đó cho đến khi nào gió qua đi. Họ gieo lúa mì, lúa mạch và các loại ngũ cốc khác vào tháng Mười Một và thu hoạch vào tháng Ba. Sau đó không còn một cây cỏ nào trừ những trái chà là tồn tại đến tận tháng Năm, đó là do nhiệt độ quá nóng làm khô héo mọi thứ, nhưng các con tàu không bị hư hỏng vì chúng được thoa bằng dầu cá.

Khi có người chết, đàn ông hoặc đàn bà, họ hàng, bè bạn và những người láng giềng tụ họp để chịu tang với những tiếng khóc la ầm ĩ.

Bây giờ chúng ta sẽ quay lại một con đường khác, ở thành phố Creman và tôi sẽ nói với các bạn về những miền nam ở phía Bắc của thành phố này.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ VIỆC ĐI BỘ TRONG MIỀN ĐẤT HOANG DÃ

Rời khỏi thành phố Creman, người ta phải cưỡi ngựa mất bảy ngày trên một con đường rất nguy hiểm, tôi sẽ cho các bạn biết vì sao. Trong ba ngày, người ta không tìm thấy nước, hoặc hầu như không có thứ gì cả; nước mà người ta gặp thường đắng và có màu xanh lục, nó mặn chát đến nỗi chẳng ai có thể uống được, và ai uống nó sẽ có thể làm cho mình nhẹ nhõm ít nhất là mười lần trên đường đi. Đối với nước trong các sông ngòi, không ai dám dùng, vì người nào dùng nó sẽ bị tháo dạ khủng khiếp. Vì vậy điều thích hợp nhất là nên mang theo nước bên mình, về phần gia súc, chúng đành phải uống loại nước tồi tệ này, vì chúng không còn thứ gì khác; chúng uống để khỏi quá khát, đến nỗi nước đó đôi khi làm cho chúng bị tháo dạ đến chết. Trong ba ngày đi đường, người ta không gặp bất cứ căn nhà nào: tất cả đều vắng lặng và khô khốc, không có thú hoang, vì chúng không tìm được thứ gì để cho vào bụng. Sau ba ngày đi xuyên qua hoang mạc. Người ta lại bắt gặp một hoang mạc khác kéo dài bốn ngày đường; nó cũng như hoang mạc trước, ngoại trừ sự hiện diện của những con ngỗng trời. Sau bốn ngày trong hoang mạc nữa, vương quốc Creman mới kết thúc và người ta đến một thành phố lớn gọi là Cobinan (Knabis, ở phía Bắc Đông Bắc Creman).

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ COBINAN TO LỚN VÀ SANG TRỌNG

Cobinan là một thành phố lớn. Dân cư thờ Mahomet. Thành phố có nhiều sắt, thiếc và ondanique. Ở đây người ta làm ra những gương soi bằng thiếc rất đẹp và rất lớn. Người dân còn chế thuốc calamine nhân tạo rất tốt để chữa bệnh mắt. Họ còn điều chế ôxít kẽm, và tôi sẽ cho các bạn biết như thế nào. Họ có một vỉa đất tốt có chứa thứ kim loại đó. Họ đặt đất đó trên một lò lửa rất nóng, trên lò còn có một lưới sắt; khói và hơi bốc ra từ đất này bám vào lưới sắt: đó là calamine nhân tạo; phần còn lại từ đất nung gọi là ôxít kẽm.

Bây giờ chúng ta hãy bỏ qua thành phố này và đi tới nữa.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH TONOCAIN

Rời khỏi thành phố Cobinan, người ta bắt gặp một hoang mạc dài tám ngày đường, rất khô hạn, không có cây cối và hoa trái, nước đắng và không tốt, vì vậy không nên để cho gia súc ăn uống ngoại trừ đối với súc vật thích uống loại nước tồi tệ này vì quá khát. Sau tám ngày đường, người ta đến một tỉnh gọi là Tonocain (vì có hai thành phố Tou và Cain trong xứ Koubistan). Tỉnh này có nhiều thành phố và thị trấn và ở giáp giới với Ba Tư về hướng Bắc. Ở đây có một đồng bằng rất lớn có cây solque phát triển, những người Ki tô giáo gọi chúng là những cây tiêu huyền. Tôi sẽ mô tả cây đó như thế nào. Cây này cao và to, nó cho những quả cứng như hạt dẻ nhưng bên trong không có gì. Gỗ của nó màu vàng và rất cứng. Ngoài ra không có bất cứ cây nào khác ở cách đó hơn một trăm dặm, trừ ở một nơi cách mười dặm. Người dân trong vùng cho rằng nơi đó diễn ra cuộc chiến của Alexandre chống lại vua Darius. Các thành phố và thị trấn có nhiều thứ tốt đẹp, vì xứ sở rất ôn hòa: Trời không quá nóng hoặc quá lạnh. Tất cả các dân cư đều thờ Mahomet. Cũng có những người rất xinh đẹp, nhất là những phụ nữ cực kỳ đẹp.

Bây giờ chúng ta sẽ khởi hành từ đây, chúng tôi sẽ nói về một vùng gọi là Mulect, nơi đây Lão Già Núi thường ở với những Hasisin của mình như các bạn sẽ nghe sau đây.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ SƠN THẦN GIÀ VÀ CÁC HASISIN CỦA THẦN

Mulect là một vùng mà Sơn Thần Già thường ở lại xưa kia. Mulect trong tiếng Pháp có nghĩa là Thần Thổ Địa. Vì vậy tôi sẽ kể lại toàn bộ công việc của Thần tùy theo điều mà chính tôi, Messire Marco Polo, đã từng được nhiều người trong vùng kể lại. Sơn Thần Già được gọi theo ngôn ngữ của họ là Aloadin (Alaeldin Mohamed). Thần đã khai sinh trong một thung lũng, giữa hai ngọn núi, khu vườn lớn nhất và đẹp nhất mà người ta chưa bao giờ nhìn thấy, nó có đầy đủ những hoa quả trên thế giới. Trong đó còn có những tòa nhà và những cung điện đẹp nhất mà người ta chưa bao giờ thấy, tất cả đều được mạ vàng và trang hoàng bằng những bức họa đẹp. Có những con kênh chuyên chở rượu, sữa, mật và ở đó có đầy đủ những quý bà và quý cô đẹp nhất thế giới, họ biết chơi tất cả mọi nhạc cụ, hát thật tuyệt vời và khiêu vũ hay đến nỗi nhìn thấy cảnh đó thật là điều lạc thú. Sơn Thần Già làm cho họ tin rằng khu vườn này là một Thiên Đàng. Do đó, Thần đã làm ra nó giống như Mahomet nói Thiên đàng sẽ là những khu vườn đẹp đầy

những con kênh chuyên chở rượu, sữa, mật, nước cũng như đầy phụ nữ xinh đẹp cho niềm vui thú của mỗi người.

Không ai vào được khu vườn này, ngoại trừ những người mà Thần muốn biến họ thành những Hasisin (Haschischin) của Thần. Có một lâu đài ở cửa ra vào vườn, nó vững chắc đến nỗi không ai chiếm lấy được và người ta chỉ có thể đi vào trong vườn bằng con đường đó mà thôi. Sơn Thần Già giữ lại trong cung điện của Thần những người trẻ tuổi trong vùng từ mười hai đến hai mươi tuổi muốn trở thành những người lính của Thần. Thần nói với họ rằng Mahomet đã mô tả Thiên Đàng như thế nào, đó là cách mà tôi đã nói với các bạn. Họ tin Thần cũng như tất cả những người Sarrasin tin Thần. Tôi sẽ nói với các bạn điều gì nữa đây? Thần bắt họ ở trong vườn này theo từng nhóm mười, sáu hoặc bốn người theo cách sau. Thần buộc họ uống một thứ nước khiến cho họ ngủ ngay (haschisch). Sau đó, Thần ra lệnh đưa họ vào trong vườn. Khi thức dậy, họ đã thấy đang ở bên trong khu vườn.

SƠN THẦN GIÀ LÀM CHO NHỮNG NGƯỜI HASISIN TRỞ NÊN HOÀN HẢO VÀ BIẾT VẮNG LỜI NHƯ THẾ NÀO?

Khi có mặt trong vườn, họ thấy họ đang ở một nơi đẹp đến nỗi họ nghĩ là đang ở Thiên Đàng thật sự. Các bà và các cô suốt ngày làm họ thỏa mãn đến nỗi một khi họ có được những gì họ muốn, họ sẽ không bao giờ tự ý ra khỏi nơi đó. Sơn Thần Già mà tôi đã nói với các bạn đang cai quản một triều đình cao sang và rộng lớn, Thần làm cho những người thật thà chất phác xung quanh Thần tin rằng Thần là một vị Đại tiên tri. Khi muốn sai một Hasisin đến một nơi nào đó, Thần ra lệnh cho bất kỳ người nào trong vườn uống nước của Thần rồi đưa hấn vào trong lâu đài. Khi thức dậy, hấn sẽ ở ngoài Thiên Đàng, nhưng trong lâu đài, y sẽ rất kinh ngạc và không thấy thoải mái về chuyện này. Bấy giờ Sơn Thần Già cho vời y đến với Thần. Tên Hasisin phủ phục trước mặt Thần như một người tin Thần là một vị tiên tri. Thần sẽ hỏi y từ đâu đến. Y nói y từ Thiên Đàng đến và y được tạo nên giống như Mahomet đã mô tả trong lề luật. Những người nghe nói về Thần nhưng đã không thấy Thần đều ao ước đi đến khu vườn và muốn được chết để đi đến đó.

Khi Sơn Thần Già muốn ra lệnh giết một lãnh chúa, Thần nói với thuộc hạ:

- Hãy đi và giết một ai đó, khi nào các người quay về, ta sẽ cho các thiên thần của ta đưa các người vào Thiên Đàng. Nếu các người chết trong khi thi hành sứ mạng, ta sẽ yêu cầu các thiên thần của ta đưa các người vào lại Thiên Đàng.

Đó là điều Thần làm cho họ tin. Vì vậy, họ thi hành mệnh lệnh của Thần mà không sợ bất cứ nguy hiểm nào trong niềm ao ước được trở về Thiên Đàng. Bằng cách này, Sơn Thần Già ra lệnh giết tất cả những người mà Thần yêu cầu họ giết. Vì các lãnh chúa rất kính sợ Thần, nên họ phải đóng thuế cho Thần để có được bình an và tình bạn.

SƠN THẦN GIÀ BỊ TIÊU DIỆT NHƯ THẾ NÀO?

Tôi đã kể với các bạn Sơn Thần Già và những Hasisin của Thần, bây giờ tôi sẽ cho các bạn biết Thần bị tiêu diệt như thế nào và do ai. Năm 1242 sau khi Chúa Ki tô Nhập Thế (các bản thảo cho là năm 1242 hoặc 1252 hoặc 1262; về mặt lịch sử, đó là năm 1252), Alau, Lãnh chúa của những người Tácta xứ Levant biết rõ tính khí ác độc của Thần và quyết định tiêu diệt Thần. Ông ta bèn phái một cận thần của ông đến lâu đài cùng với một đội quân hùng hậu. Họ bao vây lâu đài trong ba năm, nhưng không thể nào chiếm được, vì nó rất vững chắc, và họ sẽ không bao giờ chiếm được nếu những người bị bao vây còn thứ gì để ăn. Nhưng sau ba năm, lương thực cạn, họ bị bắt và lão Thần bị giết cùng với tất cả quân lính của Thần. Từ đó về sau, không còn Sơn Thần Già và những tên Hasisin nữa và kết thúc cùng với họ là những tai họa do Thần gây nên.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ SAPURGAN

Từ lâu đài này, người ta cưỡi ngựa đi qua những đồng bằng và thung lũng thơ mộng, ở đây có những bãi cỏ xanh mơn mẫm và những đồng cỏ cho gia súc, nhiều thứ trái cây và tất cả mọi thứ đều nhiều vô kể. Các đội quân sống rất thoải mái ở đây vì họ đang ở trong một xứ sở tốt lành. Vùng này trải dài sáu ngày đường và khi cưỡi ngựa đi vào thời kỳ đó, người ta sẽ gặp một thành phố tên là Sapurgan. Thành phố giàu có về đủ mọi mặt. Tôi cho các bạn biết người ta tìm thấy ở đó những loại dưa hấu ngon nhất thế giới và số lượng rất nhiều. Họ sấy khô dưa hấu bằng cách như sau: Họ gọt chúng ra thành những cuộn dây và phơi ngoài nắng. Khi dưa khô, chúng ngọt dịu hơn mật ong. Họ biến chúng thành hàng hóa bằng cách bán chúng trên toàn xứ sở.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ BALAC

Balac (có thể là Tunocain) là một thành phố sang trọng, rộng lớn và xưa kia còn lớn hơn nhiều. Nhưng những người Tácta và những người khác đã làm cho nó suy sụp rất nhiều, vì nó có nhiều lâu đài và những tòa nhà bằng cẩm thạch rất đẹp. Tôi cho các bạn biết rằng trong thành phố này, Alexandre lấy con gái của vua Darius làm vợ, theo như dân thành phố kể lại. Họ tôn sùng Mahomet.

Bạn cũng nên biết lãnh địa của lãnh chúa Tácta xứ Levant trải rộng đến tận thành phố này. Đây là thành phố giáp giới với nước Ba Tư, giữa phía Tây và phía Đông.

Bây giờ chúng ta hãy bỏ qua lãnh thổ này và nói về một xứ khác gọi là Dogana. Khi rời khỏi thành phố mà tôi đã nói với các bạn, người ta cưỡi ngựa đi trong mười hai ngày giữa hướng Đông bắc và hướng Đông mà chẳng gặp một ngôi nhà nào, vì dân chúng đi trốn tất cả vào miền núi và trong các pháo đài vì sợ những người ác và các đội quân gây thiệt hại cho họ. Ở đây có nhiều chim phượng hoàng và nhiều sư tử. Chẳng có thứ gì ăn được; vì vậy tốt nhất là người ta phải mang theo những thứ cần thiết trong mười hai ngày đi đường.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ NHỮNG NGỌN NÚI ĐƯỢC CẤU TẠO BẰNG MUỐI

Sau mười hai ngày đi đường, người ta bắt gặp một thị trấn có tên là Taican, nơi có chợ lúa mì rất lớn. Đó là một vùng đất rất đẹp, các dãy núi rất đồ sộ nằm về hướng nam, và tất cả đều bằng muối. Từ tất cả các miền xung quanh, cách xa hơn ba mươi ngày đường, người ta đến đây tìm muối. Đây là loại muối tốt nhất thế giới. Nó cứng rắn đến nỗi người ta chỉ có thể xắn bằng những cây cuốc chim bằng sắt. Số lượng muối nhiều đến nỗi mọi người sẽ có đủ dùng cho đến tận thế.

Khi rời khỏi thành phố này, sau ba ngày đi ngựa, vẫn giữa hướng Đông Bắc và hướng Đông, người ta bắt gặp những vùng đất xinh đẹp đầy những cây ăn trái và nhà cửa, nhiều vườn nho và ngôi chợ lớn bán đủ mọi thứ. Dân chúng thờ Mahomet; họ là những người độc ác và sát nhân; họ đắm mình vào những cuộc chè chén say sưa vì họ có những thứ nước giải khát ngon nhất đó là rượu cát. Họ chỉ đội trên đầu một sợi dây dài mười paume mà họ quấn quanh đầu. Họ là những

người thợ săn rất cừ, họ săn được nhiều thú rừng và họ chỉ mặc áo quần và mang giày dép làm bằng da thú. Mỗi người đều biết trang điểm cho áo quần và giày dép bằng da của họ.

Sau ba ngày cưỡi ngựa, người ta đến một thành phố có tên là Scasem. Trong thành phố này có một con sông khá lớn chảy qua. Trong miền này còn có nhiều nhím. Chúng rất lớn, khi thợ săn muốn dùng chó để bắt lấy chúng, chúng tập hợp tất cả lại thành một nhóm và tự vệ bằng cách phóng về phía những con chó những chiếc lông nhọn chúng mang trên lưng và làm cho lũ chó bị thương nhiều nơi trên mình.

Thành phố Scasem này là tỉnh lỵ của một tỉnh rất lớn cũng được gọi là Scasem. Dân cư có ngôn ngữ riêng. Những người nông dân có gia súc đều cư trú trong các dãy núi; họ xây nhà cửa dưới mặt đất trong những hang động lớn. Họ xây nhà rất đẹp vì núi non chỉ được cấu tạo bằng đất.

Rời khỏi thành phố Scasem, người ta cưỡi ngựa đi trong ba ngày mà không gặp bất cứ nhà cửa nào, thậm chí không có gì để ăn cũng như để uống, vì vậy phải mang những thứ cần thiết theo đường. Sau ba ngày, người ta đến một tỉnh có tên là Balasian mà chúng tôi sẽ nói với các bạn sau đây.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH BALASIAN

Balasian là một tỉnh mà dân cư thờ Mahomet và có ngôn ngữ riêng. Đó là một vương quốc rất lớn cha truyền con nối và các vị vua đều là hậu duệ của vua Alexandre và con gái của Darius, vua của vương quốc Ba Tư rộng lớn. Theo ngôn ngữ Sarrasin, tất cả các vua này đều được gọi là Zulcarniain, trong tiếng Pháp có nghĩa là Alexandre, điều đó là để nhân danh tình yêu của vua Alexandre vĩ đại. Trong tỉnh này sản sinh những loại đá ru bi balai, đó là những loại đá quý, đẹp và có giá trị rất lớn. Người ta tìm thấy chúng trong những tảng đá trên núi, người ta đào sâu xuống mặt đất, giống như những người đào mỏ bạc, và nó chỉ được tìm thấy trong một ngọn núi tên là Sighinan. Nhà vua ra lệnh họ phải khai thác cho vua, và không người nào khác ngoài đức vua dám khai thác trong vùng núi này mà không bị mất mạng, vì hình phạt chặt đầu. Đức vua tích lũy các loại đá quý đó và gởi cho các vua khác dưới hình thức nộp cống hoặc vì tình hữu nghị. Khi muốn, ông cũng ra lệnh bán để đổi lấy vàng và bạc. Ông ta làm tất cả những điều này để cho đá quý luôn luôn đắt và có giá trị lớn, vì nếu ông để cho mỗi người đào lấy, người ta sẽ

khai thác nhiều đến mức mọi người đều có thừa thãi và rồi chúng sẽ được coi như đồ tầm thường.

Cũng trong vùng này còn có một ngọn núi khác có đá lapis lazuli đẹp nhất thế giới: người ta bắt gặp nó trong các vĩa đá giống như bạc. Cũng có những ngọn núi khác có các mỏ bạc có trữ lượng lớn, nên tỉnh này rất giàu, nhưng nó cũng rất lạnh.

Dân cư là những tay bắn cung và săn bắn rất cừ khôi. Phần đông dân chúng mặc quần áo da thú vì vải vóc rất đắt. Vì thế những phụ nữ đức hạnh mặc những braies bằng vải bông dài một trăm sải (162 mét) hoặc tám mươi hoặc sáu mươi, điều mà họ làm để mọi người tin rằng họ có bộ mông to, điều mà đàn ông rất thích.

Chúng tôi đã kể cho các bạn tất cả những gì liên quan đến vương quốc này. Bây giờ chúng tôi sẽ nói về một vài người khác đi về hướng Nam, cách tỉnh này mười ngày đường.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH LỚN PASCIAI

Nên biết rằng cách xa Balasian mười ngày đường về hướng Nam, đó là tỉnh Pasciai (có thể là Paishore). Dân cư có ngôn ngữ riêng. Họ thờ ngẫu tượng và có nước da nâu. Họ biết nhiều phương thức ma thuật và thuật phù thủy. Đàn ông mang trên tai những vòng tròn và vòng xoắn bằng vàng bạc, đá quý và ngọc trai. Đó là những người tinh ranh và khôn ngoan trong các phong tục của họ. Tỉnh này có khí hậu nóng. Thức ăn của họ là thịt và gạo.

Bây giờ chúng tôi sẽ bỏ qua tỉnh này và sẽ cho các bạn biết về một tỉnh khác ở cách đó bảy ngày đường về hướng mặt trời và có tên là Chesimur.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH CHESIMUR

Chesimur (Cachemire) là một tỉnh có dân cư thờ ngẫu tượng và có ngôn ngữ riêng. Họ biết nhiều phép thuật ma quỷ, vì họ làm cho các ngẫu tượng nói được. Họ làm thay đổi thời tiết bằng ma thuật và ra lệnh cho trời trở nên tối; họ còn làm nhiều điều đến nỗi không ai có thể tin, nếu như không thấy. Tôi cho các bạn biết họ là những người đứng đầu những người thờ ngẫu tượng và đó là nguồn gốc xuất phát ra các ngẫu tượng. Từ nơi này người ta có thể đi ra biển Ấn Độ. Họ là những người có nước da nâu và gầy ốm. Phụ nữ rất đẹp mặc dầu cũng có nước da màu nâu. Thức ăn của họ là thịt, sữa và gạo. Đó là một xứ sở ôn hòa không quá nóng hoặc quá lạnh. Tỉnh

có nhiều thành phố và thị trấn. Có những cánh rừng, những hoang mạc và những hẻm vực, họ càng không sợ bất cứ ai. Họ tự quản lý nhau, vì họ có một vị vua gìn giữ họ trong sự công bằng. Họ có những vị ẩn tu theo phong tục của họ, những người này ở những nơi cô tịch và kiêng cử việc ăn uống một cách nghiêm ngặt; họ rất đoan trang để đề phòng sự dâm ô và tránh bất cứ tội lỗi nào theo niềm tin của họ. Dân chúng xem họ như là những người rất thánh. Tôi cho các bạn biết rằng họ sống rất thọ và có nhiều ngẫu tượng trong tu viện của họ. San hô mà người ta mang vào vùng của chúng ta được bán trong vùng này nhiều hơn bất cứ nơi nào khác.

Bây giờ chúng ta sẽ bỏ qua vùng này để tiến vào nước Ấn Độ. Nhưng tôi không muốn đi vào lúc này. Vì khi trở về tôi sẽ nói với các bạn về Ấn Độ theo trình tự. Vì vậy chúng ta hãy lui lại phía vùng Baldasciam, vì người ta không thể đi bằng một con đường khác.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ CON SÔNG LỚN NHẤT CỦA BALDASCIAM

Từ Baldasciam, người ta cưỡi ngựa đi trong mười hai ngày giữa hướng Đông và Đông Bắc, dọc theo một con sông thuộc về anh của nhà vua nước Baldasciam, ở đó có nhiều thành phố, thị trấn và nhà ở. Dân cư thờ Mahomet và rất can đảm trong chiến đấu. Sau mười hai ngày đường, người ta bắt gặp một tỉnh không lớn lắm, vì bán kính của nó chỉ có ba ngày đường, tỉnh này có tên là Vocan (Vokhan). Dân cư tôn thờ Mahomet và có ngôn ngữ riêng. Họ là những người lính can đảm, họ có lãnh chúa riêng, trong tiếng Pháp, nó tương đương với comte (Bá tước) nhưng họ là những người tuyệt đối trung thành với lãnh chúa của Baldasciam. Họ có nhiều loại thú rừng.

Từ xứ sở nhỏ bé này, người ta cưỡi ngựa mất ba ngày đi về phía Đông Bắc, đôi khi phải băng qua các dãy núi và trèo lên một nơi được coi là cao nhất thế giới. Trèo lên núi, người ta bắt gặp một đồng bằng nằm giữa hai dãy núi, nơi đây có một con sông rất xinh đẹp chảy qua. Đồng bằng này là bãi chăn thả tốt nhất thế giới, vì một con ngựa cái gầy ốm sẽ trở thành béo mập trong mười ngày. Ở đây cũng có tất cả các loại thú rừng nhiều vô kể. Có nhiều cừu hoang rất to; vì chúng có những chiếc sừng dài sáu paume, nên những người chăn cừu dùng chúng để làm những chiếc bát đựng thức ăn và làm hàng rào bao quanh chỗ trú của họ với các gia súc vào ban đêm.

Đi ngựa xuyên qua đồng bằng này phải mất mười hai ngày, đồng bằng này có tên là Pamier. Trong suốt mười hai ngày đường này, không có bất cứ căn nhà nào hoặc đồng cỏ nào, vì vậy

điều thích hợp nhất là các khách bộ hành phải mang theo những gì cần thiết. Không một con chim nào bay lượn ở đây, vì nơi này rất cao và trời lạnh. Tôi cho các bạn biết rằng do trời quá lạnh nên lửa không sáng hoặc nóng bằng ở bất cứ nơi nào khác, người ta không thể nướng thịt cho ngon ở đó được. Người ta còn phải đi mất bốn mươi ngày mới qua được núi, đồi và thung lũng, nơi có nhiều con sông chảy qua, và cũng có nhiều hoang mạc. Trong suốt chặng đường này, không có bất cứ nhà ở hoặc đồng cỏ nào. Người đi đường nên mang theo những thứ cần thiết. Vùng này được gọi là Belor (Bolor). Dân cư sống trên cao trong các dãy núi. Họ thờ ngẫu tượng và rất hoang dã, họ chỉ sinh sống nhờ vào săn bắn thú rừng; áo quần của họ cũng được làm bằng da thú; họ là những người xấu xa và tàn bạo.

Bây giờ chúng ta hãy bỏ qua miền này và nói về tỉnh Cascar.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ VƯƠNG QUỐC CASCAR

Cascar xưa kia là một vương quốc nhưng hiện nay đã bị Đại Hãn khuất phục. Người dân tôn thờ Mahomet. Nó có nhiều thành phố và thị trấn nhưng thành phố lớn nhất và đẹp nhất là Cascar. Nó nằm giữa miền Đông Bắc và miền Đông. Dân cư sống về nghề buôn bán và thủ công, họ cũng trồng nhiều bông vải. Từ miền này, nhiều nhà buôn đã đi ra ngoài xứ để giao thương buôn bán. Họ rất tiện tăn và khôn khéo; họ ăn uống kham khổ. Trong vùng này, có nhiều người Ki tô giáo thuộc phái Nestorien và có nhà thờ riêng. Dân của tỉnh này còn có ngôn ngữ riêng và tỉnh trải dài năm ngày đường.

Bây giờ chúng tôi sẽ tạm biệt nó và nói với các bạn về San Marcan.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ LỚN SAN MARCAN

San Marcan (Samarkank, phía Nam Turkestan hiện nay) là một thành phố rất lớn và rất sang trọng. Dân cư gồm những người Ki tô giáo và Sarrasin. Họ là thân dân của cháu Đại Hãn, nhưng chú và cháu rất xung khắc nhau. Người cháu có tên là Caidou. Thành phố nằm về hướng Tây Bắc.

Tôi sẽ nói với các bạn một điều hết sức kỳ lạ xảy ra trong thành phố này.

Các bạn nên biết rằng, cách đây không lâu, Cigatan, anh của Đại Hãn, trở thành Ki tô hữu trong khi ông đang làm lãnh chúa của vùng này và nhiều vùng khác nữa. Khi thấy lãnh chúa là người theo Ki tô giáo, những người Ki tô hữu hết sức hoan hỉ, họ xây dựng trong thành phố một ngôi thánh đường nguy nga đồ sộ để dâng kính thánh Jean Baptiste: nhà thờ cũng trùng tên với vị thánh bốn mạng. Họ lấy một hòn đá rất đẹp của người Sarrasin và đặt nó làm chân cột giữa nhà thờ để chống đỡ mái ngói.

Chuyện xảy ra là khi Cigatan mất và khi những người Sarrasin thấy ông ta đã chết, vì họ thèm muốn viên đá đã từng là của họ, họ tự kháo nhau là phải lấy lại nó bằng thỏa thuận hoặc bằng vũ lực. Họ có thể làm được việc đó, vì họ đông hơn người Ki tô giáo gấp mười lần.

Họ tập hợp lại và đi đến nhà thờ của người Ki tô giáo và nói rằng họ muốn có viên đá của họ bằng mọi giá. Những người Ki tô giáo trả lời rằng viên đá thuộc về họ, nhưng họ phải trả lại một số tiền đền bù để chuộc lại viên đá. Những người Sarasin đáp lại là họ sẽ không chuộc lại viên đá bằng bất cứ thứ gì họ có trên đời. Tôi sẽ nói gì với các bạn nữa đây? Lãnh chúa biết tin này và ra lệnh cho những người Ki tô giáo dàn xếp ổn thỏa với những người Sarasin bằng tiền hoặc trả lại viên đá cho họ. Ông gia hạn cho họ hai ngày. Các bạn nên biết rằng không có bất cứ người Sarasin nào đồng ý chuộc lại viên đá vì tiền: Họ làm như vậy để làm cho những người Ki tô giáo bức mình, chứ không vì lý do nào khác, vì họ biết rõ rằng nếu lấy hòn đá ra, cả ngôi nhà thờ sẽ sụp đổ ngay. Vì vậy những người Ki tô giáo rất giận dữ và không biết phải làm gì. Cuối cùng, họ quyết định một điều thương sách: đó là cầu nguyện cùng Chúa Giêsu Ki tô để Người chỉ bảo cho họ biết nên làm gì để nhà thờ cũng như danh thánh của Đấng bảo trợ, thánh Jean Baptiste, không bị sụp đổ. Vì vậy, khi đến kỳ hạn mà lãnh chúa giao hẹn cho họ, vào buổi sáng, họ nhìn thấy viên đá được lấy ra khỏi chân cột; nhưng chiếc cột vẫn chống đỡ được sức nặng với chân cột lơ lửng trên không và tỏ ra vững chắc như khi viên đá còn ở dưới chân nó; khoảng cách từ chân cột đến mặt đất là ba paume. Những người Sarasin mang viên đá của họ đi cùng với điều không may của họ. Đây là một phép lạ vĩ đại. Chiếc cột nói trên vẫn luôn tồn tại như thế và sẽ như thế trong bao lâu mà Thiên Chúa muốn.

Nhưng chúng ta hãy bỏ qua chuyện này và tiến lên phía trước đến với một tỉnh khác gọi là Charcan.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH CHARCAN

Charcan (Yarkund) là một tỉnh dài năm ngày đường. Dân chúng giữ luật của Mahomet, nhưng cũng có những người Ki tô giáo thuộc phái Nestorien và Jacobite. Họ thuộc quyền cai trị của vị Lãnh Chúa cháu của Đại Hãn, mà tôi đã từng nhắc đến. Họ có tất cả mọi thứ nhiều vô kể. Nhưng vì không có gì đáng kể, chúng ta sẽ bỏ qua và nói đến một tỉnh có tên là Cotan.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH COTAN

Cotan (Khoten, ở Turkestan thuộc Trung Quốc) là một tỉnh nằm giữa miền Đông và miền Đông Bắc, dài sáu ngày đường. Dân cư thuộc quyền Đại Hãn cai trị và thờ Mahomet. Có nhiều thành phố và thị trấn, nhưng sang trọng nhất là Cotan, thủ phủ của vương quốc. Các thứ hàng hóa rất nhiều nhất là bông vải. Họ có những vườn nho và vườn cây; họ sống bằng nghề buôn bán và thủ công; họ không phải là những người lính.

Bây giờ, chúng tôi sẽ khởi hành từ đây và sẽ nói về một tỉnh khác có tên là Pein.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH PEIN

Pein (Pain, phía Bắc Turkestan thuộc Trung Quốc, dưới chân dãy Thiên Sơn) là một tỉnh dài năm ngày đường, giữa Đông và Đông Bắc. Dân cư thờ Mahomet và dưới quyền Đại Hãn. Có nhiều thành phố và thị trấn, nhưng sang trọng nhất là Pein, thủ đô của vương quốc. Nhiều sông ngòi có nhiều mỏ ngọc thạch anh và cân xê đôn. Họ có nhiều hàng hóa nhất là bông vải; họ sống bằng nghề buôn bán và thủ công. Họ có một phong tục mà tôi sẽ nói với các bạn sau đây. Nếu một phụ nữ có một người chồng và người này đi du lịch và ở lại hơn hai mươi ngày, khi thời hạn này qua đi, người phụ nữ này có thể lấy chồng khác; còn người đàn ông sẽ cưới vợ khác nơi nào mà y muốn.

Chúng ta hãy bỏ qua tỉnh này và nói về một tỉnh khác gọi là Ciarciam.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH CIARCIAM

Ciarciam là một tỉnh của nước Đại Turquie (ở đây, Turkestan thuộc Trung Quốc, Ciarciam chính là Kharashar, phía Bắc hồ Bosteng) nằm giữa miền Đông Bắc và miền Đông. Dân cư thờ Mahomet có nhiều thành phố và thị trấn, nhưng thành phố chính là Ciarciam. Có những con sông

chứa ngọc thạch anh và cân xê đôn được người ta đem bán ở Catay (Trung Hoa) rất được giá. Toàn bộ tỉnh này chỉ có cát và cát. Điều này khiến cho nước không được tốt và đắng, nhưng nhiều nơi vẫn có nước ngọt và trong lành. Khi một đội quân đi qua vùng, nếu là quân địch, người dân chạy trốn cùng vợ con cũng như gia súc của họ, ở cách xa hai hoặc ba ngày đường, xuyên qua những bãi cát đến bất kỳ nơi nào mà họ biết là có nước, chẳng ai biết họ đi đâu vì gió sẽ xóa vết chân của họ trên cát. Nhưng nếu có một quân đội bè bạn đi ngang qua, họ chỉ đưa gia súc đi trốn, bởi họ không muốn chúng bị đánh cắp ăn thịt, vì không có thứ gì mà đội quân không chiếm đoạt.

Từ Ciarciam, người ta cưỡi ngựa hơn năm ngày đường đi qua cát. Vì không có gì cần ghi nhận, chúng tôi sẽ tiến về phía trước, và chúng tôi sẽ nói với các bạn về tỉnh có tên là Lop, ở đó có một thành phố cũng có tên là Lop, nơi chúng tôi sẽ đến sau năm ngày hành trình. Nó là cửa ngõ đi vào một hoang mạc rất rộng lớn, đến nỗi các du khách phải nghỉ ngơi trong thành phố này trước khi tiến vào hoang mạc.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ VÀ HOANG MẠC LOP

Lop (ở phía Đông Nam Kharashar) là một thành phố lớn ở cửa ngõ đi vào hoang mạc được gọi là hoang mạc Lop (hoang mạc Gobi) nó nằm giữa phía Đông và Đông Bắc. Thành phố này thuộc về Đại Hãn. Người dân thờ Mahomet. Tôi cho các bạn biết là những ai muốn đi qua hoang mạc này đều nghỉ ngơi trong thành phố này một tuần để dưỡng sức cho họ và gia súc của họ. Sau đó họ chuẩn bị mua lương thực dành cho người và gia súc trong một tháng. Từ thành phố này họ tiến vào hoang mạc. Nó dài đến nỗi người ta cho rằng trong một năm người ta không thể đi ngựa suốt từ đầu đến cuối. Nơi nào hẹp nhất người ta phải vượt qua mất một tháng. Nó chỉ gần những dãy núi và thung lũng cát, nên người ta không tìm được thứ gì để ăn. Khi người ta cưỡi ngựa đi trong một ngày và một đêm, người ta mới tìm được nước ngọt cần thiết cho năm mươi người hoặc một trăm người với gia súc của họ nhưng không nhiều hơn nữa. Trong bốn nơi, nước không được tốt và đắng, nơi khác, nước lại ngọt; có hơn hai mươi tám nguồn nước như thế. Không có dã thú ở đó, vì chúng không tìm được thứ gì để ăn. Nhưng người ta bắt gặp một điều thật kỳ lạ mà tôi sẽ kể cho các bạn nghe sau đây. Khi cưỡi ngựa ban đêm qua hoang mạc này, nếu có người nào đi chậm lại phía sau và tách rời khỏi các bạn đồng hành để ngủ hoặc làm việc gì khác. Khi y

nghe nên tiếp tục đi lại để đuổi kịp theo đoàn, y sẽ nghe các hồn ma nói chuyện giống như tiếng của các bạn đồng hành, vì chúng gọi đúng tên y, đến nỗi chúng thường làm cho y đi lạc và cuối cùng y không thể tìm lại được các bạn đồng hành được nữa. Bằng cách này, có nhiều người đã chết hoặc mất tích. Tôi cũng cho các bạn biết, thậm chí vào ban ngày, người ta cũng vẫn nghe các hồn ma chuyện trò. Đôi lúc người ta còn nghe văng vẳng nhiều tiếng nhạc cụ, nhất là trống hơn là những thứ khác. Người ta phải đi qua hoang mạc trong hoàn cảnh như vậy, giống như các bạn đã từng nghe nói đến.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH LỚN TANGUT

Khi cưỡi ngựa đi ba mươi ngày trong hoang mạc mà tôi đã nói với các bạn, chúng ta đến một thành phố gọi là Saciou (có thể là Chatchéou, hiện nay là Funhouang, giáp ranh với Mông cổ và Tây Tạng), và thuộc quyền cai trị của Đại Hãn. Tỉnh có tên gọi là Tangut. Tất cả dân chúng đều thờ ngẫu tượng, nhưng cũng có một vài người Ki tô giáo thuộc phái Nestorien cũng như những người Sarrasin. Những người thờ ngẫu tượng đều có ngôn ngữ riêng. Họ sống từ nguồn lợi lúa mì do họ trồng. Họ có nhiều tu viện đầy những ngẫu tượng với nhiều hình dáng khác nhau. Họ hết sức tôn kính, sùng bái và dâng lễ cho các ngẫu tượng đó. Vì bạn nên biết rằng tất cả những ai có một đứa con đều cho nuôi một con cừu để dâng kính cho ngẫu tượng vào cuối năm hoặc vào dịp lễ kính ngẫu tượng; họ cho nấu chín thịt cừu và mang đến dâng trước ngẫu tượng một cách hết sức cung kính. Họ để của lễ bao lâu họ còn dâng lễ và đọc kinh: họ cầu nguyện xin ngẫu tượng che chở bảo vệ cho đứa con của họ. Họ cho rằng ngẫu tượng dùng chất tinh túy của thịt. Khi dâng cúng xong, họ lấy thịt mang về nhà và họ mời tất cả các bà con cô bác đến ăn thịt một cách sùng kính và hoan hỉ. Khi ăn xong, họ thu nhặt các mảnh xương còn lại và cẩn thận cất chúng trong hòm.

Các bạn nên biết rằng, khi có người chết, tất cả những người thờ ngẫu tượng trên thế giới đều cho thiêu xác họ trên giàn hỏa thiêu. Bà con của những người chết dựng lên ngay giữa đường đi một căn nhà gỗ và dùng những tấm da màu vàng và lụa để bao trùm lại. Khi đưa thi hài qua trước căn nhà, những người trong gia đình dừng lại và ném trước thi hài rượu, thịt và những thức ăn khác. Họ làm như vậy vì họ cho rằng người chết sẽ được đón nhận vào thế giới khác một cách hết sức vinh dự. Khi thi hài được đưa đến giàn hỏa thiêu, bà con dòng họ cho cất trên da hoặc trên giấy hình những con ngựa, lạc đà và những cái vòng giống như những đồng vàng rồi cho đốt tất cả những thứ đó cùng với người chết. Họ cho rằng trong thế giới khác, người chết cũng sẽ có

các nô lệ, gia súc, của cải bằng số lượng của những hình giấy được đốt. Tất cả các nhạc khí của thành phố cũng sẽ trỗi lên trước tử thi. Các bạn cũng nên biết rằng khi một tín đồ thờ ngẫu tượng chết, bà con sẽ không cho đốt xác người chết, nếu trước đó, họ chưa mời đến nhà một nhà chiêm tinh để nói về xứ sở gốc gác, tháng, ngày và giờ sinh của người chết. Nhà chiêm tinh làm các lễ nghi ma thuật và cho biết ngày nào phải hỏa thiêu xác. Đôi khi ông bắt chờ cả một tuần, một tháng hoặc sáu tháng, và họ hàng phải giữ xác tại nhà trong suốt thời gian này, vì họ sẽ không dám hỏa thiêu xác trước ngày do nhà chiêm tinh ấn định. Họ giữ xác bằng cách này: họ đóng một cái hòm gỗ dày hơn một paume, các phần rất ăn khớp với nhau và sơn một cách tinh xảo; họ dùng những tấm da thật đẹp bao bọc lại và bỏ vào trong hòm nhiều long não, gia vị để xác khỏi thối rữa. Mỗi ngày, hễ còn giữ xác bao lâu, thì họ còn cho đặt trước quan tài một bàn đầy thức ăn và họ cho rằng linh hồn của người chết đến ăn uống; họ để đồ ăn ở đó đủ lâu để người chết dùng cho xong; họ làm việc đó mỗi ngày. Đôi khi các thầy bói còn làm họ tin vào chuyện của họ là đưa xác ra ngoài bằng cửa chính là điều không tốt, đến nỗi có khi họ ra lệnh cho những người trong gia đình phải đập phá vách tường, rồi đưa xác ra ngoài bằng lối đó để mang xác đến giàn hỏa thiêu. Bạn nên biết rằng tất cả những người thờ ngẫu tượng khác của những vùng này cùng làm theo cách đó.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH CAMUL

Camul là một tỉnh xưa kia là một vương quốc. Nó có nhiều thành phố và thị trấn nhưng thành phố chính là Camul (Khamil dưới chân dãy Thiên Sơn, giáp giới với Mông Cổ). Tỉnh này nằm giữa hai hoang mạc vì một bên là hoang mạc Lop và bên kia là một hoang mạc nhỏ dài ba ngày đường. Tất cả dân cư đều thờ ngẫu tượng và có ngôn ngữ riêng. Họ sống nhờ hoa lợi từ đất vì họ có nhiều đất đai. Họ là những người luôn say sưa vì họ không hiểu điều gì khác hơn là chơi các loại nhạc khí, hát xướng, khiêu vũ và tận hưởng thú vui. Tôi cho các bạn biết rằng nếu một người ngoại quốc nào đến ngủ tại một ngôi nhà và gia chủ sẽ rất sung sướng và yêu cầu vợ làm cho người ngoại quốc được hoàn toàn hài lòng. Rồi gia chủ đi khỏi nhà và chỉ trở về khi nào người ngoại quốc lên đường. Đến nỗi ông ta có thể thỏa mãn với vợ chủ nhà bao lâu cũng được vì họ là những người phụ nữ rất đẹp. Họ đón tiếp khách với niềm vinh dự lớn lao và không chút hổ thẹn vì tất cả những người đàn ông thuộc tỉnh này đều bị các bà vợ của họ cầm sừng như các bạn đã nghe nói. Vì vậy vào thời kỳ Kha Hãn Mangou cai trị và là Lãnh chúa của tỉnh này, vị vua này biết được tập tục đó nên ông ra lệnh cho họ không được làm điều đó nữa bằng nhiều hình phạt

nặng. Khi họ biết được lệnh truyền này, họ tỏ ra rất buồn sầu. Họ họp nhau lại góp chung một món quà rất lớn và gởi cho vị lãnh chúa để cầu xin ông thi ân để lại cho họ tập tục có lâu đời từ thời tổ tiên của họ và để gìn giữ nó họ sẽ cho ông những ngẫu tượng của họ và tất cả những của cải từ đất đai của họ. Hơn nữa, họ không thể sống mà không làm như vậy. Khi lãnh chúa thấy điều họ muốn, ông nói: vì các người muốn điều sỉ nhục của các người, hãy giữ lấy đi và ông để họ tùy ý thực hiện tập quán xấu xa của họ, đến nỗi họ vẫn luôn duy trì nó và vẫn còn gìn giữ nó.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH GINCHINTALAS VÀ VỀ AMIANT

Ginchintalas (Sai yin ta la, quá về phía Bắc bên kia dãy Thiên Sơn) là một tỉnh cũng ở cuối hoang mạc giữa miền Bắc và Đông Bắc. Nó rộng đến mười sáu ngày đường và thuộc quyền cai trị của Đại Hãn. Nó có nhiều thành phố và thị trấn và có ba loại người. Những người thờ ngẫu tượng, những người Sarrasin, và một vài Ki tô hữu thuộc phái Nestorien. Cuối tỉnh này về phía Bắc có một ngọn núi, nơi đó có những via thiếc và ondanique rất tốt. Bạn nên biết rằng chính trong ngọn núi này có một via để lấy amiant, đó không phải là một con vật như ta nói trong xứ sở của chúng ta, nhưng đó là một via đất. Nguyên nhân như sau:

Thật ra mỗi người đều biết do bản chất, không có con thú nào, không có bất cứ con vật nào có thể sống trong lửa vì mỗi con vật được cấu tạo từ bốn yếu tố. Vì vậy, tôi, Marco Polo, có một người bạn đồng hành người Turc có tên là Surilcar, một người xấu khôn ngoan. Người Turc đó kể với tôi là anh ta đã ở trong đất này như thế nào để phục vụ Đại Hãn trong ba năm nhằm khai thác amiant cho Đại Hãn. Anh nói với tôi là người ta cho đào trong via này đến khi nào gặp via, người ta chọn via đó và cắt nó thành sợi như sợi len, và phơi khô. Khi amiant khô người ta nghiền chúng trong những cối giã lớn bằng sắt, rồi người ta rửa để loại bỏ lớp đất ra, và phần còn lại là những sợi dây giống như những sợi len. Người ta cho dệt ra thành những tấm. Khi hoàn thành, những tấm này không được trắng lắm. Nhưng nếu đặt chúng vào lửa rồi lấy ra, chúng sẽ trở nên trắng giống như tuyết. Mỗi khi chúng dơ bẩn người ta đặt chúng phía trước lò lửa và chúng sẽ trắng trở lại.

Đó là sự thật về amiant và không có gì khác, ngay những người dân trong vùng đã kể cho tôi về cách sau này: người nào nói khác đi đó sẽ là điều sai lầm và là chuyện ngụ ngôn. Các bạn nên

biết rằng ở La Mã có một tấm amiant và Đại Hãn đã gửi tặng cho Đức Giáo hoàng như là một món quà rất đẹp để đặt vào trong đó vải liệm xác Chúa Giêsu Ki tô.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH SUCTUIR

Từ tỉnh mà tôi đã kể cho các bạn, người ta đi ngựa mười ngày giữa hướng Đông và Đông Bắc, trong suốt đoạn đường này không có bất cứ căn nhà nào, hoặc ít đến nỗi coi như không có và không có gì phải ghi nhớ trong quyển sách này. Sau mười ngày đường, người ta bắt gặp một tỉnh khác gọi là Suctuir (Suh Tchéou), trong tỉnh có nhiều thành phố và thị trấn. Có những người Ki tô giáo và những người thờ ngẫu tượng. Họ là thần dân của Đại Hãn. Qua tất cả các dãy núi của tỉnh này có nhiều cây đại hoàng; các nhà buôn từng mua nó để bán khắp thế giới. Dân cư không buôn bán bao nhiêu, họ sống nhờ hoa lợi từ đất đai.

Vậy là chúng ta sẽ bỏ qua chuyện này, và nói về một thành phố khác có tên là Campicion.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ CAMPICION

Campicion (Kan Tchéou, phía đông của Tchéou có cùng vĩ độ) là một thành phố rất lớn và sang trọng nằm trong xứ Tangut, nó đứng đầu và thủ phủ của toàn tỉnh Tangut. Dân cư là những người thờ ngẫu tượng, những người Sarrasin hoặc Ki tô hữu. Những người sau này có ba nhà thờ lớn và đẹp trong thành phố. Những người thờ ngẫu tượng có nhiều tu viện và nhiều dòng tu tùy theo tín ngưỡng của họ. Họ có rất nhiều ngẫu tượng và một vài ngẫu tượng lớn đến nỗi chúng cao đến hơn mười bước chân, những ngẫu tượng khác nhỏ hơn, một số bằng gỗ, một số khác bằng đất, đá và tất cả đều dát vàng và trang trí công phu. Nhiều tượng thần ở xung quanh những tượng lớn hết như chúng nhún nhường và tôn kính. Vì tôi chưa nói về những phong tục của những người thờ ngẫu tượng, tôi muốn nói điều đó với tất cả các bạn ở đây.

Bạn nên biết rằng những thầy tu ẩn dật giữ việc thờ cúng các ngẫu tượng sống một cách trung thực hơn các tu sĩ khác. Họ biết tránh sự dâm ô nhưng không xem nó trọng tội.

Nếu có ai hành động phản tự nhiên với một người khác, họ sẽ kết án người đó tội chết. Họ có một quyển lịch như chúng ta, họ có những tuần trăng giống như chúng ta có những tháng. Mỗi tuần trăng của họ có năm ngày và họ theo dõi rất kỹ; không biết bởi lý do nào mà trong năm ngày này họ không giết một con vật nào và không ăn thịt, họ giữ chay nhiều hơn những ngày khác.

Những người thờ ngẫu tượng lấy đến ba mươi bà vợ hoặc ít tùy theo khả năng của họ, vì họ có vợ tùy theo tài sản của họ có đủ nuôi sống các bà vợ hay không. Nhưng các bạn nên biết rằng họ coi bà vợ đầu tiên là người vợ tuyệt vời nhất. Nếu một trong số các bà vợ không tốt, họ đuổi bà vợ đó và lấy một bà vợ khác tùy ý họ. Họ lấy những cô em họ và những người phụ nữ đã từng thuộc về bố họ, ngoại trừ mẹ họ và họ sống như những con vật. Nhiều thứ là tội tày đình với chúng ta nhưng không được họ xem là tội.

Vậy tôi cho các bạn biết rằng Ngài Nicolao, Ngài Matteo và Ngài Marco ở lại với tư cách phái bộ ngoại giao trong thành phố này mất một năm.

Bây giờ chúng ta hãy đi tới nữa trong vòng sáu mươi ngày về hướng Bắc.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ NHỮNG THÀNH PHỐ EZINA VÀ CARACORON

Từ thành phố Campicion, đi ngựa trong 12 ngày, người ta bắt gặp một thành phố có tên là Ezina (Tsi Nai), ở cửa ngõ của hoang mạc về hướng Bắc và thuộc tỉnh Tangut. Trong thành phố này nên mua lương thực dự trữ cho bốn mươi ngày, vì khi lên đường người ta đi vào một hoang mạc dài bốn mươi ngày đường về hướng Bắc. Ở đây không có bất cứ nhà ở nào, đồng cỏ nào.

Người ta chỉ bắt gặp người dân vào mùa hè, vì trời rất lạnh vào mùa đông. Người ta cũng tìm thấy ở đó những thú rừng vì trong một vài nơi có những cánh rừng thông nhỏ. Khi cưỡi ngựa đi trong bốn mươi ngày qua hoang mạc người ta đến một tỉnh nằm về hướng Bắc và các bạn sẽ biết là tỉnh nào. Caracoron (Karakoroum, chỉ còn lại phế tích nổi tiếng, ở trung tâm Mông cổ, thuộc kinh tuyến 105 độ Tây) là một thành phố có chu vi ba dặm. Đó là thành phố đầu tiên mà những người Tácta chiếm được khi họ ra khỏi những vùng đất của họ. Và tôi sẽ nói cho các bạn biết bằng cách nào họ trở thành những lãnh chúa của thế giới.

Nên biết rằng những người Tácta ở phía Bắc gần Ciorcia (đọc theo tiếng Ý: Tchiortchia; tiếng Trung Quốc Iou tchi. Đó là miền Đông Bắc của Trung Quốc hoặc Mãn Châu). Trong miền có những đồng bằng lớn này, không có bất cứ nhà cửa nào, cũng như thành phố hoặc thị trấn, nhưng chỉ có những đồng cỏ tốt tươi và những con sông lớn đầy ắp nước. Dân cư không có ai làm lãnh chúa, nhưng họ phải đóng tô tức cho một vị vua mà họ gọi là Ounecan, trong tiếng Pháp từ này có nghĩa là: Vua Khả Hãn Jean (câu chuyện hoang đường nổi tiếng về giáo sĩ Jean chỉ bắt nguồn

từ một nghĩa sai do những người Nestorien truyền tụng. Ounecan, hoặc đúng ra là Ouan Khan, không có nghĩa là Jean Khan hoặc Jean Prêtre nhưng là Roi Khan hoặc Khan Roi (vua Khả Hãn). Mọi người đều ca ngợi quyền lực to lớn của vua Khả Hãn Jean này. Thuế mà ông ta nhận là một trên mười gia súc, và ông cũng được một phần mười mỗi thứ.

Vì vậy những người Tácta đông lên gấp bội. Khi vua Khả Hãn Jean nhận thấy họ rất đông, ông ta sợ họ gây rắc rối cho mình, ông nghĩ cách phân tán họ trong nhiều vùng và phái một trong số những cận thần của ông làm việc này. Khi những người Tácta trông thấy những việc đó, họ tỏ ra rất buồn rầu và mọi người cùng đi khỏi vùng này để lên hướng Bắc trong một vùng hoang mạc thật xa để Vua Khả Hãn Jean không thể làm hại được nữa. Rồi họ nổi lên chống lại ông và không đóng thuế cho ông nữa. Và họ vẫn làm như thế một thời gian.

CINCHIN LÀ KHẢ HÃN ĐẦU TIÊN CỦA NHỮNG NGƯỜI TÁCTA NHƯ THẾ NÀO?

Khoảng năm 1178 sau khi Chúa Ki tô Nhập thế, những người Tácta chọn một người trong số họ lên làm vua có tên là Khả Hãn Cinchin (đó là Genghis Khan hoặc Cinghis Khan). Ông ta là một người có bản lĩnh, có lương tri và rất dũng cảm, khi ông được tôn lên làm vua tất cả những người Tácta đã lan rộng khắp vùng này và khi họ biết tin này, họ đến với ông và coi ông như lãnh chúa của họ. Ông cai quản lãnh địa của mình rất tốt. Và tôi sẽ nói với các bạn điều gì nữa đây?... Thật kỳ diệu là những người Tácta đã đến với ông. Khi lãnh chúa nhận thấy mình có biết bao là người, ông cho chuẩn bị một số lớn vũ khí như lao, giáo ngắn và những thứ vũ khí khác để họ sử dụng và đi chinh phục những vùng xung quanh gần tám tỉnh. Khi ông thực hiện các cuộc chinh phục này, ông không gây nên bất cứ sự dữ nào, bất cứ thiệt hại nào về tài sản của người dân, nhưng ông để lại đó một phần quân lính của ông và mang số còn lại đi theo ông để chinh phục các tỉnh khác. Bằng cách này ông xâm chiếm được nhiều tỉnh. Khi những người mà ông chinh phục nhận thấy họ không bị bất cứ thiệt hại nào do tính tốt lành của Chúa, họ sẵn sàng đi theo ông và rất trung thành với ông. Khi ông đã tập trung được đám đông lớn đến nỗi có thể tràn đầy khắp mặt đất, ông nghĩ đến việc chinh phục phần lớn thế giới và gọi các sứ giả đến vua Khả Hãn Jean. Đó là vào năm 1200 sau Chúa Ki tô. Ông khẩn khoản muốn lấy con gái vua Khả Hãn làm vợ. Khi vua Khả Hãn Jean nghe tin Cinghis Khan hỏi con gái ông làm vợ, ông hết sức phẫn nộ và nói với các sứ giả: Tại sao hãn ta vô liêm sỉ đến nỗi hỏi con gái ta làm vợ thế nhỉ? Hãn biết

rõ hắn là thuộc hạ và chư hầu của ta. Các ngươi hãy quay về và nói với hắn rằng chẳng thà ta thiêu đốt con gái ta còn hơn là gả cho hắn, điều thích hợp là ta tử hình hắn như là một tên phản bội và bất trung với chúa của hắn.

Rồi ông bảo các sứ giả đi tức khắc và đừng bao giờ bèn mảng trước mặt ông. Các sứ giả liền lên đường trở về với lãnh chúa của họ và kể cho lãnh chúa nghe tất cả những gì vua Khả Hãn Jean yêu cầu ông mà không giấu diếm điều gì.

CINGHIS KHAN RA LỆNH CHUẨN BỊ BINH LÍNH ĐỂ ĐI TẤN CÔNG VUA KHẢ HÃN JEAN NHƯ THẾ NÀO?

Khi Cinghis Khan nghe những lời vua Khả Hãn Jean thóa mạ ông, tim ông phồng to đến nỗi suýt vỡ bung ra vì ông ta là người rất có nhân cách. Sau cùng ông ta nói to đến nỗi tất cả những người xung quanh ông đều nghe ông, rằng ông sẽ không nắm quyền nếu ông không trả thù sự lăng mạ mà vua Khả Hãn Jean đã làm đối với ông, ông sẽ trả thù một cách khủng khiếp đến nỗi không bao giờ nỗi nhục được trả giá một cách đắt hơn, rằng ông sẽ sớm cho ông ta thấy mình có phải là chư hầu của ông ta hay không?

Vì vậy ông hạ lệnh gọi các binh đội và tất cả các tướng lĩnh của ông đến và chuẩn bị sẵn sàng như chưa bao giờ làm như thế. Ông cho vua Jean biết phải chuẩn bị đề phòng. Khi vua Jean tin chắc Cingis Khan đang hành quân chống lại mình với một binh đội rất lớn, ông bồn chồn chuyện đó và coi như không có gì, vì ông cho rằng họ không phải là những chiến binh. Nhưng ông vẫn ra lệnh cho toàn bộ quân đội của ông sẵn sàng ứng phó với kẻ thù nếu như họ đến và sẽ tiêu diệt họ. Các bạn nên biết rằng ông ta đã tập hợp một quân đội rất lớn gồm tất cả những binh lính nước ngoài, đó là điều lạ lùng nhất thế giới.

Bằng cách này cả hai phe đều chuẩn bị sẵn sàng. Tại sao tôi kể chuyện dài dòng cho các bạn? Cinghis và toàn bộ quân đội của ông đến một đồng bằng rất lớn và đẹp gọi là Tanduc và thuộc quyền cai trị của vua Jean, ông đóng trại ở đó, họ đông đến nỗi chúng ta không biết số là bao nhiêu. Khi ông hay tin vua Jean đến, ông tỏ ra hết sức vui mừng, vì nơi này rất đẹp và rất rộng để giao chiến. Ông hết sức thoải mái chờ đợi ông ta và rất muốn ông ta đến.

CINGHIS KHAN THAM KHẢO Ý KIẾN CÁC NHÀ CHIÊM TINH KI TÔ GIÁO NHƯ THẾ NÀO?

Theo lịch sử cho biết, khi vua Jean biết rằng Cinghis Khan cùng với quân đội của mình đến tấn công, ông đưa toàn bộ lực lượng của mình đi gặp kẻ thù và cuối cùng ông đến đồng bằng Tandue. Ở đó, ông dựng trại gần trại của Cinghis, ở cách 20 dặm, và mỗi bên nghỉ ngơi hai ngày để được tỉnh táo và hăm hở hơn khi ra trận.

Cả hai đội quân lớn đang bày binh bố trận trong đồng bằng Tanduc như thế, khi Cinghis Khan cho mời các nhà chiêm tinh Ki tô giáo và Sarrasin đến trước mặt ông và ra lệnh cho họ đoán đội quân nào, đội quân của ông hoặc đội quân của vua Jean sẽ chiến thắng trong trận sắp tới. Những người Sarrasins bối rối không thể nói ra sự thật, nhưng những người Ki tô giáo nói lên sự thật cho ông một cách rõ ràng.

Họ yêu cầu mang đến một cây sậy và cắt nó thành hai khúc, và đặt mỗi khúc mỗi bên nhưng không cầm lấy chúng. Họ ghi trên khúc này: “Cinghis Khan” và khúc kia: “Vua Khả Hãn Jean”. Họ nói với ông:

- Bây giờ, ngài hãy nhìn xem ngài có thấy sự thật của cuộc chiến hay không và ai có thể thắng lợi. Khúc cây nào đến nằm trên khúc kia có thể thắng trận.

Ông trả lời cho họ rằng ông rất hài lòng thấy được điều đó và họ liền thực hiện ngay. Các nhà chiêm tinh Ki tô giáo đọc một bài Thánh vịnh thuộc sách Thánh vịnh và làm những phép thuật khác nữa. Trước mặt mọi người, cây gậy có ghi tên Cinghis Khan liền tiến tới và leo lên cây gậy của vua Khả Hãn Jean mà không có ai đụng đến. Khi lãnh chúa nhìn thấy điều này, ông tỏ ra hết sức vui mừng. Và bởi vì ông thấy những người Ki tô giáo nói thật, ông luôn tôn vinh họ, và từ đó ông luôn tin họ như là những người của sự thật.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TRẬN CHIẾN CỦA CINGHIS KHAN VÀ CỦA VUA JEAN

Sau hai ngày, khi binh lính đã được nghỉ ngơi thoải mái, hai phe cầm lấy vũ khí và đánh nhau kịch liệt. Nhưng cuối cùng Cinghis Khan chiến thắng. Vua Jean bị giết trong trận này. Từ ngày

này, ông ta mất toàn bộ đất đai do Cinghis Khan chiếm dần. Tôi cho các bạn biết rằng từ cuộc chiến này, Cinghis Khan trị vì sáu năm, càng ngày càng chiếm được nhiều tỉnh, nhiều thành phố và nhiều thị trấn. Nhưng sau sáu năm, ông đi tấn công một thị trấn khác có tên là Calatuy. Ở đó ông bị thương do một mũi tên bắn vào đầu gối và tử thương, đây là một sự mất mát lớn lao, vì ông là người can đảm và khôn ngoan.

Vậy là tôi đã kể cho các bạn về người Tácta lần đầu tiên có được một lãnh chúa có tên là Cinghis Khan cai trị và ông ta đã thắng vua Jean lần đầu tiên như thế nào. Bây giờ tôi sẽ nói cho các bạn biết ai trị vì sau đó và về các phong tục tập quán của người Tácta.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ NHỮNG NGƯỜI CAI TRỊ SAU CINGHIS KHAN VÀ NHỮNG PHONG TỤC CỦA NGƯỜI TÁCTA

Bạn nên biết rằng sau Cinghis Khan vị lãnh chúa đầu tiên của họ có Cui Khan trị vì; vị thứ ba là Bacui Khan; vị thứ tư là Alton Khan; vị thứ năm là Mongy Khan (danh sách do Marco Polo đưa ra không chính xác: do không nhớ hoặc kém thông tin, ông lầm lẫn trong việc nối tiếp nhau và các tên). Vị thứ sáu là Cublay Khan, lãnh chúa hiện nay và mạnh hơn năm lãnh chúa trước ông ta, cho dù năm vị đó gộp chung lại. Tôi sẽ nói thêm cho các bạn điều này: nếu tất cả những người Ki tô giáo và tất cả những người Sarrasin trên thế giới, các vua chúa và các hoàng đế của họ họp nhau lại, họ cũng không có nhiều quyền lực và cũng không thể làm nhiều việc như Cublay (Khoubilai Khan. Đừng quên Marco Polo là Bộ trưởng kiêm Đại sứ của ông; sự nhận định của ông nói lên điều này) có thể làm. Ông ta là chúa của những người Tácta trên thế giới, của vùng Levant cũng như Porent. Tôi sẽ cho các bạn thấy quyền hành to lớn của ông ta trong quyển sách này. Các bạn nên biết rằng tất cả các khả hãn hậu duệ của lãnh chúa đầu tiên là Cinghis Khan được an táng trong một ngọn núi có tên là Altai. Dù lãnh chúa có chết ở bất cứ nơi đâu người ta cũng sẽ chôn ông trong ngọn núi này, bên cạnh những vị khác, cho dù ông ta có chết cách đó cả trăm ngày đường. Tôi sẽ kể cho các bạn một điều hết sức kỳ diệu: khi họ đưa xác đi chôn, tất cả những người họ bắt gặp trên đường đi đều bị giết bởi những kẻ mang xác và họ nói: Các ngươi hãy đi phục vụ lãnh chúa của bạn trong thế giới khác.

Vì họ tin tưởng như vậy. Họ cũng làm như thế đối với những con ngựa, vì khi lãnh chúa chết họ giết những con ngựa chiến nhất để lãnh chúa dùng bên kia thế giới theo niềm tin của họ. Và tôi nói sự thật với các bạn rằng khi Mongu Khan chết, hơn hai mươi ngàn người có mặt trên đường đi đều bị giết như tôi đã nói với các bạn.

Vì chúng tôi đã bắt đầu nói về những người Tácta, tôi sẽ nói các bạn về những việc khác. Mùa đông, dân cư ở trong những đồng bằng và những nơi ẩm có nước, rừng và đồng cỏ cho gia súc của họ. Mùa hè họ tìm những nơi mát mẻ trên các dải núi và trên những thung lũng. Họ cất những căn nhà bằng cây sào (đều làm bằng những cây sào, nỉ và dây). Những căn nhà có hình tròn. Họ mang chúng theo đến bất cứ nơi nào họ đến, vì họ buộc chung các cây sào chắc chắn và gọn gàng đến nỗi họ mang đi không mấy khó khăn. Mỗi lần họ dựng và căng các căn lều, cửa lều đều quay về hướng Nam. Họ có những xe kéo lợp bằng nỉ đen không con mura nào có thể thấm qua được, họ dùng những con bò và lạc đà để kéo xe. Trong xe, họ chở vợ và con gái của họ. Phụ nữ mua bán và làm tất cả những công việc cần thiết cho chồng và gia đình họ, vì đàn ông không làm việc gì ngoài săn bắn, bẫy chim, đánh trận và chế tạo vũ khí với tư cách là những người hào hiệp. Họ sống bằng thịt, sữa và phó mát và ăn tất cả các loại thịt ngựa, chó, chuột Ai Cập, vì chúng có nhiều trong các đồng bằng, trong các hang dưới mặt đất. Họ uống sữa ngựa. Hơn bất cứ thứ gì khác, họ không bao giờ đụng đến vợ người khác vì họ coi việc đó là một điều xấu xa và đê tiện. Phụ nữ đều tốt và chung thủy với chồng, và làm rất tốt công việc riêng dành cho họ.

Họ cưới xin bằng cách này: Mỗi người có thể lấy đến một trăm người vợ nếu họ có khả năng nuôi được. Họ cho bố mẹ vợ một cửa hồi môn. Họ thích và săn sóc kỹ hơn những người vợ đầu tiên của họ. Họ sinh nhiều con hơn các dân tộc khác vì họ có nhiều vợ như tôi đã nói. Họ có thể lấy em vợ nếu bố họ mất, họ có thể lấy vợ của bố, trừ khi người đó không phải là mẹ của họ. Chỉ là con trưởng mới làm việc đó, những đứa con khác thì không. Họ cũng có thể lấy vợ của anh trai họ khi người này mất. Khi họ lấy nhau, họ làm đám cưới rất linh đình.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THẦN LINH CỦA NHỮNG NGƯỜI TÁCTA VÀ LUẬT PHÁP CỦA HỌ

Bạn nên biết rằng luật pháp (Đức tin) của họ là điều mà tôi sẽ nói các bạn sau đây. Họ thờ một vị thần mà họ gọi là Nacigay và cho rằng vị đó là thần Thổ địa, thần giữ gìn con cái, gia súc và lúa mì. Họ rất kính trọng và tôn vinh thần, và mỗi người đều giữ một tượng của thần trong nhà họ, tượng được làm bằng nỉ và vải drap. Họ cũng làm ra tượng của vợ và các con của thần. Họ đặt tượng người vợ bên trái và các con cũng được nặn giống như thần. Khi họ ăn họ lấy thịt mỡ thoa lên miệng của thần, của vợ và của con cái. Sau đó họ lấy một ít nước sốt thịt và rưới trước cửa nhà và họ nói rằng vị thần của họ và gia đình của họ đều có phần ăn riêng.

Họ uống sữa ngựa được chế biến theo cách như rượu trắng và uống rất ngon. Họ gọi đó là chemin (Quemis theo một vài văn bản; Cormos theo Rubruquis) hơn bất cứ thứ gì khác, vì họ là những tay bắn cung cừ và là những người giỏi nhất thế giới. Trên lưng họ mang những bộ áo giáp bằng da thú rất bền. Họ là những chiến binh giỏi và dũng cảm khi ra trận. Họ chịu đựng công việc giỏi hơn các dân tộc khác nhiều lần, khi cần họ có thể đi hàng tháng mà không cần dùng thức ăn nào hơn là sữa ngựa và thịt những con thú mà họ giết bằng cây cung của họ. Những con ngựa của họ ăn cỏ trên những cánh đồng, họ không cần mang theo lúa mạch, rom hoặc lúa đại mạch. Những con ngựa này rất vâng lời chủ của chúng. Khi cần, họ có thể ngồi suốt đêm trên lưng ngựa với toàn bộ vũ khí của họ, còn ngựa vẫn tiếp tục gặm cỏ. Họ là những dân tộc trên thế giới chịu đựng được những nỗi vất vả cực khổ nặng nề nhất và có nhu cầu tiêu xài ít nhất vì vậy họ là những người rất giỏi chinh phục đất đai và các vương quốc. Quả đúng như vậy, như các bạn đã nghe và sẽ nghe trong quyển sách này vì điều chắc chắn là hiện nay họ đang làm chủ cả một phần đất lớn nhất trên thế giới.

Họ sống gọn gàng ngăn nắp theo cách mà tôi sẽ nói với các bạn sau. Các bạn nên biết rằng khi lãnh chúa Tácta ra trận, ông mang theo một trăm ngàn kỵ binh. Ông bổ nhiệm một sĩ quan cho mỗi mười hai người, mỗi một trăm người, mỗi một ngàn người và mỗi một mười hai ngàn người, đến nỗi ông chỉ cần chỉ huy mười người là đủ, và mười người này chỉ cần điều khiển mười người khác và nhờ như vậy mỗi người đều thực hiện công việc của mình rất tốt và trật tự cứ như là điều kỳ diệu. Bạn nên biết rằng họ gọi binh đoàn một trăm người là một tuc, một ngàn người là một toman và những tên gọi khác cho hàng trăm, ngàn, hàng chục. Khi các đội quân di chuyển họ

luôn có hai trăm người cưỡi ngựa, nai nịt gọn gàng, luôn đi trước hai ngày để thám thính. Họ cũng làm giống hệt ở đằng sau và bai bên cánh nhờ cách theo dõi khắp phía, quân đội của họ không bao giờ bị bất ngờ. Khi các đội quân phải đi xa hơn, họ không mang theo yên cương nhưng chỉ có hai túi da để đựng sữa uống, một nồi đất nung để nấu thịt ăn, và một căn lều để che mưa nắng. Khi cấp bách họ cưỡi ngựa đi mười ngày không cần mang theo lương thực và đốt lửa. Bây giờ, họ sống bằng máu của những con ngựa của họ bằng cách chọc vào động mạch chúng và để máu ngựa chạy vào miệng họ; họ uống hả hê sau đó họ đóng vết thương lại.

Họ có sữa khô tựa như bột nhão, họ mang theo đường loại sữa này. Khi muốn ăn họ cho nó vào nước và lắc mạnh đến khi nó loãng ra và họ hút nước đó. Khi họ ra trận chống lại kẻ thù, họ chiến thắng kẻ thù bằng cách sau: họ không xấu hổ khi chạy trốn và khi chạy trốn, họ quay lại và bắn tên vào kẻ thù và gây thiệt hại cho chúng. Họ tập cho ngựa quen quay lại nhanh đến nỗi đó là điều kỳ diệu, còn nhanh hơn những con chó nữa. Họ vừa chiến đấu vừa chạy trốn cũng cứ như khi họ đánh giáp lá cà, vì khi chạy trốn, họ bắn tên một cách hết sức điêu luyện vào những kẻ đuổi theo họ và đỉnh ninh rằng đã thắng trận. Khi họ đánh thắng và giết hoặc làm bị thương ngựa hoặc người, họ quay lại và tất cả đều lẫn xả vào cuộc chiến một cách tài tình và trật tự với tiếng hét thật to đến nỗi họ loại trừ kẻ thù ra khỏi vòng chiến thật hhanh, vì họ rất can đảm, rất mạnh và rất chai lì.

Tất cả những điều tôi đã kể cho các bạn là cuộc sống và thói quen của những người Tácta xưa. Nhưng tôi cho các bạn biết rằng hiện nay, họ rất suy thoái, những người sống ở Catay đã sống theo tập tục của những người thờ ngẫu tượng trong vùng và họ đã rời bỏ luật pháp của họ, còn những người sống tại xứ Levant (ông muốn nói ở xứ Levant thuộc Châu Âu tức là ở phía Tây Châu Á) đã nhiễm theo lối sống của những người Sarrasin.

Họ thi hành quyền xét xử bằng cách này. Khi có ai ăn cắp một vật nhỏ, người ta nhân danh quyền lãnh chúa đánh họ bảy, hoặc mười bảy, hoặc hai mươi bảy, hoặc ba mươi bảy, hoặc bốn mươi bảy và đến một trăm bảy gây tùy theo tội mà họ đã làm, nên nhiều người chết vì những trận đòn đó. Nếu ai đánh cắp một con ngựa hoặc một vật gì đó quan trọng, người đó có thể bị mất mạng và bị cắt thành từng mảnh bằng kiếm. Thật ra, họ có thể chuộc tội lại bằng cách cho lại gấp chín lần thứ mà họ đã đánh cắp. Mỗi lãnh chúa hoặc cá nhân nào có gia súc đều cho đóng dấu riêng của mình, cho dù đó là ngựa đực, ngựa cái, lạc đà, bò đực, bò cái hoặc tất cả các loại gia súc lớn; rồi họ thả chúng đi ăn cỏ ngoài đồng bằng mà không cần người chăn giữ. Chúng lẫn

lộn với nhau, sau đó, mỗi con quay về chủ của mình nhờ con đầu đóng. Gia súc của họ to và béo hơn bình thường; họ cho những mục đồng chăn dắt chúng.

Họ còn có một tập tục khác mà tôi đã quên mất. Khi người nào có một đứa con gái và con gái đó chết trước khi kết hôn, và khi người khác cũng có một đứa con trai và đứa con trai này cũng chết trước khi kết hôn. Các bậc bố mẹ đều làm lễ cưới cho một đứa chết này với đứa kia. Họ kết hôn cho chúng và làm giấy kết hôn. Khi giấy kết hôn được thực hiện xong, họ đốt chúng đi và họ cho rằng khói bay lên sẽ đến với con cái họ trong thế giới bên kia và những đứa con đó trở thành chồng vợ.

Từ đó họ xem như là bà con xuôi gia, cứ như thể là con cái họ còn sống. Tất cả những thứ gì họ bằng lòng cho mỗi đứa làm của hồi môn, những người phải cho thứ đó đều cho vẽ nó lên giấy và đốt đi. Họ cho rằng những người chết sẽ có tất cả mọi thứ ở bên kia thế giới.

Vậy là tôi đã trình bày và nói về những phong tục tập quán của những người Tácta cho các bạn, nhưng tôi đã không kể ra điều gì về công trình to lớn của Đại Hãn, lãnh chúa cho tất cả những người Tácta cũng như về hoàng cung. Tôi sẽ kể lại cho các bạn trong cuốn sách này vào thời gian và địa điểm thích hợp vì đó là những việc kỳ diệu cần viết ra. Bây giờ tôi sẽ quay lại câu chuyện của tôi nói về đồng bằng lớn khi chúng ta đã bắt đầu quan tâm đến những người Tácta.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ ĐỒNG BẰNG BANGU VÀ NHỮNG PHONG TỤC CỦA DÂN CƯ

Xuất phát từ Caracoron và Altai nơi chôn cất các thi thể của vua chúa Tácta như tôi đã kể với các bạn, người ta đi trong 40 ngày về hướng Bắc thì sẽ gặp được một đồng bằng gọi là đồng bằng Bangu (đó là đồng bằng bao quanh hồ Baikal ở Sibérie). Dân cư được gọi là những người Mécris; đó là những dân tộc rất bán khai và sinh sống bằng nghề nuôi gia súc, nhất là nai (tuần lộc) được sử dụng như ngựa. Họ có cùng phong tục như những người Tácta và thần phụng Đại Hãn. Họ không trồng lúa mì và làm rượu. Mùa hè, họ săn các con thú và chim chóc nhưng mùa đông họ không làm nghề đó, vì thời tiết rất lạnh.

Khi cưỡi ngựa đi trong 40 ngày qua đồng bằng lớn này, người ta bắt gặp biển Océane và những dãy núi, nơi có giống chim ưng làm tổ, vì trong những dãy núi này không có đàn ông, đàn

bà, súc vật, chim chóc sinh sống ngoại trừ một loài chim được gọi là barghenlac, nguồn thức ăn dành cho chim ung. Chim barghenlac to lớn như gà gô, chân giống như chân chim két, đuôi giống chim én, chúng bay rất nhanh. Khi Đại Hãn muốn có những con chim ung non, ông phái người đến tận nơi để bắt. Trên các đảo trong biển này, có những loài chim ung kền kền sinh sản. Nơi này nằm tận cùng phía Bắc đến nỗi sao Bắc đẩu vẫn còn nhìn thấy rõ đến tận giữa trưa. Trong các đảo này người ta bắt gặp nhiều chim ung kền kền đến nỗi chúa muốn bao nhiêu cũng có; vì những chim mà người Ki tô giáo mang vào Tartarie không đến tận tay Đại Hãn, nhưng đến với Argon và những lãnh chúa khác của Levant. Vậy là tôi đã kể cho các bạn toàn bộ sự việc của các tỉnh này lên tận phía Bắc cho đến Biển lớn nơi không còn đất đai nữa. Bây giờ tôi sẽ nói cho các bạn về những tỉnh khác cho đến tận các tỉnh của Đại Hãn; và chúng tôi sẽ trở về một tỉnh mà chúng tôi đã mô tả trong quyển sách này, tỉnh có tên gọi là Campicion.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ VƯƠNG QUỐC ERGINUL

Từ Campicion, người ta cưỡi ngựa đi trong năm ngày đến nơi mà người ta nghe nhiều hồn ma nói chuyện ban đêm. Sau năm ngày đường về phía xứ Levant, người ta bắt gặp một vương quốc gọi là Erginul thuộc quyền cai trị của Đại Hãn. Nó trực thuộc tỉnh lớn Tangui, nơi có nhiều vương quốc. Dân cư theo Ki tô giáo phái Nestoriens, tín đồ thờ ngẫu tượng và Mahomet. Trong vương quốc này có nhiều thành phố, nhưng thành phố lớn nhất là Erginul. Từ thành phố này hướng về phía Đông Nam, người ta có thể đi đến những miền của nước Catay. Từ phía này người ta bắt gặp một thành phố có tên là Fingui và nhiều thành phố, thị trấn khác thuộc về Tangut và do Đại Hãn cai trị. Trong vùng này có nhiều bò rừng (bò Yak) to lớn như những con voi và rất đẹp mắt vì toàn thân chúng đều có lông trừ trên lưng. Lông chúng có màu trắng và đen, sợi lông dài hơn bốn paume, chúng trông đẹp lạ lùng. Có nhiều bò yak nuôi trong nhà được bắt khi chúng còn nhỏ, đến nỗi người dân có rất nhiều. Người ta bắt chúng thò hàng, chúng làm rất nhiều việc. Chúng cày đất, và do sức lực khỏe mạnh, chúng cày mạnh gấp hai lần những con vật khác.

Trong vùng này người ta tìm thấy xạ hương tốt nhất thế giới và tôi sẽ cho các bạn biết vì sao. Ở đây có một loại thú rừng giống như linh dương, có lông như lông nai, rất dày, chân và đuôi giống như của linh dương, nhưng nó không có sừng nhưng nó có bốn chân, hai răng trên và hai răng dưới dài hơn ngón tay và rất mảnh. Đó là một con thú rất đẹp. Và người ta thu xạ hương của loài này. Khi bắt được con vật này người ta tìm thấy gần rốn, giữa da và thịt, người ta tìm thấy

một bọc máu mà người cắt và lấy ra cùng với lớp da. Máu ở trong bọc này chính là xạ hương tỏa mùi rất nồng. Trong vùng này có một số lượng rất lớn loài thú này.

Cũng có những con gà lôi rất lớn, chân to gấp hai lần con gà lôi của chúng ta, đuôi của chúng dài đến 10 paume. Có nhiều loài chim khác có lông nhiều màu sắc rất đẹp.

Tỉnh rộng lớn đến hai mươi sáu ngày đường. Dân cư sống về buôn bán và thủ công, và có nhiều lúa mì. Họ là tín đồ thờ ngẫu tượng, họ là những người béo có mũi nhỏ và có tóc đen không có râu cằm, trừ một vài chiếc lông thay cho râu mép. Phụ nữ không có lông ở bất cứ nơi nào, trừ mái tóc trên đầu, họ rất đẹp và dù sao cũng trắng trẻo. Người dân rất khoái trò dâm dăng, họ lấy nhiều vợ vì niềm tin và phong tục của họ không cấm điều đó. Không có bất cứ phụ nữ nào thuộc dòng họ hèn hạ, miễn là họ xinh đẹp, miễn là những kẻ có thể lực nhất trong xứ cưới hỏi họ. Hơn nữa, những người đó còn cho bố mẹ của cô gái rất nhiều vàng bạc, khi họ đồng ý cưới.

Bây giờ chúng tôi sẽ xuất phát từ đây và nói với các bạn về một tỉnh khác về phía Đông.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH EGREGAIA

Từ Erginul, đi ngựa về hướng đông trong tám ngày, người ta sẽ đến một tỉnh gọi là Egregaia (có lẽ là Ning Tria. Lưu ý không nên chấp nhận một cách dễ dàng những khẳng định của các nhà chú giải), ở đó có những thành phố và thị trấn, nó trực thuộc xứ Tangut. Thành phố chính có tên là Calacian. Dân cư là tín đồ ngẫu tượng, nhưng cũng có ba nhà thờ đẹp của những người Ki tô giáo phái Nestorien. Họ thuộc quyền cai trị của Đại Hãn. Trong thành phố này, người ta sản xuất nhiều hàng len lạc đà đẹp nhất thế giới. Họ cũng làm ra len trắng, vì họ có nhiều lạc đà trắng. Họ sản xuất rất nhiều, các nhà buôn mang len đến nước Catay và sang các miền khác trên thế giới.

Bây giờ từ tỉnh này, chúng ta sẽ đi về hướng đông và nói về một tỉnh có tên là Senduc. Chúng ta hãy đi về vùng đất thuộc vua Jean.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH LỚN SENDUC

Bây giờ chúng tôi sẽ đi vào một vùng đất của vua Jean, gọi là Senduc (có thể là Ta Thoung trong nước Mông Cổ, bên kia Vạn lý trường thành). Đó là một tỉnh hướng đến xứ Levant, trong tỉnh có nhiều thành phố và thị trấn. Nó thuộc về Đại Hãn, vì tất cả các hậu duệ của vua Jean đều thần phục Đại Hãn. Người ta gọi thành phố đứng đầu là Tenduc. Vị vua của tỉnh này là một vị

vua thuộc dòng họ của vua Jean. Ông tên là Torge và cai trị lãnh thổ của Đại Hãn, nhưng chỉ có một phần thuộc lãnh thổ của vua Jean cai quản. Và tôi cho các bạn biết rằng tất cả các vị vua thuộc dòng họ của vua Jean luôn lấy vợ là những cô gái thuộc dòng dõi của Đại Hãn.

Trong tỉnh này người ta tìm thấy các thứ đá để làm thủy tinh xanh, nó cũng như một mỏ đá trong đất, và nó rất nguyên chất. Có nhiều loại đá như thế. Người ta cũng tìm thấy nhiều mặt hàng được làm bằng lông lạc đà rất mảnh và có nhiều màu khác nhau. Dân cư sinh sống nhờ gia súc và huê lợi từ đất đai. Họ buôn bán và làm thủ công chút ít. Quyền cai trị thuộc về những người Ki tô giáo như tôi sẽ nói với các bạn, nhưng cũng có nhiều tín đồ thờ ngẫu tượng và những người Sarrasin. Những người Ki tô giáo nắm quyền lãnh đạo và tạo thành một chủng tộc và gọi là Argon, tương đương như Gasmul vì họ được sinh ra do sự kết hợp của hai chủng tộc. Những người Argon Tenduc là những người thờ Mahomet. Họ là những người xinh đẹp hơn và thông minh hơn những người ngoại đạo. Chính vì vậy họ nắm quyền lãnh đạo và là những nhà buôn giỏi. Bạn nên biết rằng thành phố Tenduc này là thành phố chính nơi vua Jean đặt trụ sở của ông khi ông cai trị những người Tácta. Hơn nữa những người thừa kế của ông vẫn còn ở đó vì Jorge mà tôi đã nói với các bạn thuộc dòng dõi của vua Jean, như tôi đã nói với các bạn. Ông ta là lãnh chúa thứ sáu kế từ vua Jean. Đó là nơi mà chúng tôi gọi là xứ sở của Gog và của Magog, nhưng họ gọi nó là Ung và Mungul, vì trong tỉnh này, trước khi những người Tácta đi khỏi nơi đó, có hai chủng tộc sinh sống: Ung, đó là những người bản xứ và Mungul, đó là những người Tácta. Do đó những người Tácta đôi khi cũng được gọi là Mungul (Mongol).

Khi cưỡi ngựa đi về hướng Đông trong bảy ngày xuyên qua tỉnh này, người ta đến những miền thuộc về nước Catay đồng thời gặp trên đường đi nhiều thành phố và thị trấn. Dân cư tôn thờ Mahomet; cũng có những tín đồ thờ ngẫu tượng và những người Ki tô giáo phái Nestorien. Họ sống bằng nghề buôn bán và thủ công, họ chế tạo ra những tấm drap dệt vàng mà họ gọi là nasich, molisin và naques (Nassidj và Nack, tiếng Ả Rập, chỉ những tấm thảm thêu và những tấm lụa cải hoa bằng sợi vàng; molisin là một loại biến chất của mossolin), và những tấm ra bằng nhựa với nhiều kiểu dáng khác. Tất cả dân cư đều là thần dân của Đại Hãn.

Từ tỉnh này, chúng ta sẽ đi ba ngày tiến về phía trước. Sau ba ngày chúng ta sẽ bắt gặp một thành phố có tên là Ciagannor (Tcha Gan Noor gần hồ cùng tên phía Tây dãy núi Khing Gan), trong thành phố này có một cung điện nguy nga của Đại Hãn. Ông ở đây thỏa thích vì có những hồ và sông đầy những chim thiên nga và nhiều loại khác, cũng như có những đồng bằng nhiều

chim hạc, gà gô, trĩ và nhiều loại chim khác nữa. Vì vậy ông sẵn bắn thoải mái ở đó để giải trí, dùng chim cất, chim ung kền kền để bắt những con chim nhỏ.

Sau thành phố này có một thung lũng nơi chúa công đã cho xây nhiều căn nhà nhỏ để nuôi nhiều gà gô. Điều kỳ diệu là số gà gô rất nhiều. Nhiều người canh giữ những gà gô này. Khi Đại Hãn đi đến đó, ông cần bao nhiêu cũng có.

Bây giờ chúng ta sẽ đi đến trước trong ba ngày giữa miền Bắc và miền Đông Bắc.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ CIANDU VÀ CUNG ĐIỆN TUYỆT ĐẸP CỦA ĐẠI HÃN

Khi cưỡi ngựa đi như tôi đã nói với các bạn, sau ba ngày chúng ta gặp một thành phố có tên là Ciandu (Chang Tou, ở phía Đông dãy Khing Gan và ở phía Tây Bắc, Bắc Kinh) do Đại Hãn hiện nay cho xây dựng. Chúng ta nhìn thấy một cung điện bằng đá cẩm thạch và đá thường rất đẹp. Các hình đều được sơn son vàng với những hình thú chim, cây, hoa thuộc nhiều loại khác nhau trông rất đẹp mắt và tinh tế đến nỗi đúng là một điều vui thú cũng như kỳ quan để ngắm. Quanh cung điện này có một bức tường bao bọc ít nhất 16 nghìn dặm đất đai, trong đó có những con suối, sông lớn, sông nhỏ và nhiều đồng cỏ thật đẹp. Ở đó, cũng có đủ loại thú rừng mà chúa công cho nuôi để làm mồi cho chim cất và chim ung kền kền được nhốt trong lồng; không tính chim cất có hơn hai trăm con chim ung kền kền. Mỗi tuần đích thân chúa đến đó để ngắm chúng trong lồng. Thỉnh thoảng, chúa cưỡi ngựa đi săn trong các đồng cỏ, cùng với một con báo ngồi sau lưng chúa. Khi chúa trông thấy một con thú ưng ý, chúa thả cho con báo nhảy xuống tóm lấy con thú rồi cho chim trong lồng ăn. Chúa làm điều đó nhằm mục đích tiêu khiển.

Trong đồng cỏ này còn có một cung điện khác, nó hoàn toàn được làm bằng tre, như tôi đã nói cho các bạn biết toàn bộ bên trong đều được mạ vàng và được gia công một cách tinh tế. Phía trên là những cây tre được đánh véc ni kỹ đến nỗi không có thứ nước nào có thể làm cho chúng thối mục. Những cây tre này to hơn ba paume, dài mười hai hoặc mười lăm bước và được cắt ngang, từ mắt này đến mắt kia. Cung điện được làm bằng những thân tre này, nó được phối hợp một cách khéo léo đến nỗi nó có thể tháo ra, ráp vào rất nhanh. Vì vậy người ta có thể tháo nó ra từng mảnh nhẹ đến nỗi người ta có thể mang nó đi bất cứ nơi nào chúa công ra lệnh. Khi nó dựng đứng lên, hơn hai trăm dây nhỏ bằng lụa đỡ lấy nó. Chúa trú ngụ trong đồng cỏ này, đôi

khi trong cung điện bằng cẩm thạch và có khi trong cung điện bằng tre, mỗi năm chừng ba tháng: tháng sáu, tháng bảy và tháng tám; chúa ở lại đó ba tháng này vì ở đó không khí mát mẻ. Đến ngày hai mươi tám tháng Tám, chúa ra đi.

Tôi sẽ nói với các bạn lý do chúa rời bỏ cung điện mỗi năm vào ngày hai mươi tám tháng Tám. Các bạn nên biết rằng chúa duy trì một trại lớn để nuôi ngựa cái trắng làm giống không có bất cứ vết đốm nào khác, chúng gồm hai mươi ngàn ngựa cái toàn màu trắng. Không ai có thể uống sữa của những con ngựa này, ngoài chúa và tất cả những người thuộc dòng tộc của chúa và bộ tộc tên là Horiat, bộ tộc này thuộc dòng dõi lớn và cũng được uống sữa đó, Cinghis Khan đã ban cho họ đặc ân này vì trận chiến thắng mà họ đã đạt được bên cạnh chúa xưa kia. Khi những con ngựa trắng này chạy ngang qua xứ sở, nếu có đại lãnh chúa nào đó, dù có quan trọng đến đâu đi nữa, gặp phải chúng, người đó cũng không dám băng qua đường, cho đến khi nào các con ngựa cái qua hết; y thích đi đường vòng mất nửa ngày hơn; vì tốt nhất là phải trân trọng chúng, và không một ai dám đến gần chúng. Ngày hai mươi tám tháng Tám khi chúa công rời cung điện như tôi đã kể cho các bạn, người ta vắt toàn bộ sữa của các con ngựa đó và tưới sữa xuống đất và trong không khí, bởi vì các nhà chiêm tinh thờ ngẫu tượng nói rằng tưới sữa như thế là điều rất tốt vào ngày hai mươi tám tháng tám hàng năm để đất, không khí, những ngẫu tượng của họ và các linh hồn lang thang trong không khí và trong đất, có thể có phần của chúng để chúng che chở cho chúa công, con cái, các bà vợ, tài sản của ông cũng như các thần dân trong nước của ông cả những thú vật, ngựa, lúa mì và tất cả mọi thứ khác. Sau đó chúa khởi hành và lên đường trở về.

Bây giờ tôi sẽ kể cho các bạn nghe một điều kỳ diệu mà tôi đã quên kể. Trong ba tháng hàng năm mà chúa ở lại trong đồng cỏ đó, nếu có lần nào thời tiết xấu, chúa có những nhà hiền triết, thuật sĩ và chiêm tinh bên mình, những người này biết nhiều về thuật phù thủy và thuật chiêu hồn, họ có thể làm sao cho không có bất cứ đám mây nào hoặc bất cứ thời tiết xấu nào diễn ra bên trên lãnh địa, cho dù lớn đến đâu đi nữa cũng không xảy ra. Những nhà hiền triết này được gọi là Tebet và Quesmur (họ mang tên của xứ sở, gốc gác của họ: Tây Tạng và Cachemire), vì họ thuộc hai chủng tộc khác nhau, và đều là tín đồ thờ ngẫu tượng. Tất cả những điều họ làm đều là công việc của ma quỷ; nhưng họ làm cho những người khác tin rằng họ làm việc đó do sự thánh thiện và do quyền năng của Thiên chúa. Họ còn có một phong tục mà tôi sẽ nói với các bạn sau đây: khi một người nào bị kết án tử hình và y chết bởi công lý, họ lấy xác y nấu chín và ăn thịt, nhưng nếu y chết do cái chết tự nhiên, họ không ăn thịt y.

Hai loại người mà tôi đã nói với các bạn còn làm một điều lạ kì khác như thế này: Khi Đại Hãn ngồi, trong cung điện của thành phố lớn, trước một cái bàn to hơn tám khuỷu tay (50 cm x 8), trước mặt ông trong nền phòng, cách ông mười bước chân có những cốc đầy rượu nho, hoặc những nước giải khát ngon khác làm bằng gia vị hợp sở thích của họ. Các thuật sĩ, mà tôi đã nói, dùng phép thuật để cho những chiếc cốc bay lên khỏi vị trí của chúng, không có ai đụng đến chúng, và bay đến trước mặt chúa công, khi chúa công muốn uống. Mỗi người hiện diện ở đó đều chứng kiến việc này, số người hiện diện hơn hai mươi ngàn người. Đó là điều có thật và không có gì dối trá, vì các nhà hiền triết trong nước chúng ta biết thuật chiêu hồn sẽ nói với các bạn là điều đó có thể thực hiện được.

Khi đến ngày lễ kính các ngẫu tượng của họ, các thuật sĩ này đến với chúa công và nói rằng: “Thưa Chúa công, lễ kính ngẫu tượng của chúng tôi sắp đến (và họ nêu tên ngẫu tượng). Thưa chúa công, chúa công biết rằng ngẫu tượng này sẽ gây nên thời tiết xấu và thiệt hại cho tất cả mọi vật, khi ngẫu tượng này không nhận được của cúng tế. Vì vậy chúng thần cầu xin chúa công hãy ban cho nhiều của cải có đầu đen (và họ nói lên số lượng thích hợp). Vì vậy, thưa chúa công, chúng thần muốn có được nhiều hương thơm, nhiều cây lô hội và nhiều thứ này cũng như nhiều thứ khác (tùy theo ý muốn của họ) để chúng thần có thể tôn vinh và dâng những của lễ cao trọng cho các ngẫu tượng của chúng thần, để các thần linh có thể cứu thoát chúng thần và tất cả mọi việc của chúng thần”.

Chúa công truyền lệnh cho các cận thần đứng xung quanh thuận theo ý họ. Khi họ được điều họ yêu cầu, họ làm lễ trọng thể kính các ngẫu tượng của họ với những đèn nến lớn và nhiều thứ hương thơm mà họ làm bằng nhiều thứ gia vị. Sau đó họ cho nấu thịt cừ và đặt trước ngẫu tượng đồng thời họ đi rải nước trái cây khắp nơi vừa nói với các ngẫu tượng nhận lấy của cúng bao nhiêu tùy thích. Họ mừng lễ kính các ngẫu tượng bằng cách đó vì các bạn nên biết rằng mỗi một ngẫu tượng của họ đều có tên và ngày lễ riêng như tên và ngày lễ kính các vị thánh của chúng ta hằng năm. Họ có những tu viện và dòng tu rộng lớn như một thành phố nhỏ với hơn một ngàn tu sĩ tùy theo niềm tin của họ. Họ ăn mặc giàu sang hơn những người khác. Họ cạo nhẵn đầu và râu cằm. Cũng có những người trong số họ có thể lấy vợ và có nhiều con cái.

Họ càng có một thứ tu sĩ khác nữa gọi là sensy, họ là những người kiêng cử nghiêm ngặt, tùy theo tín ngưỡng, họ sống cuộc sống hãm mình ép xác vì họ suốt đời không ăn gì hơn là ngoài bột cám trộn với nước nóng. Đó là thức ăn duy nhất của họ, vì họ không ăn bất cứ thứ gì khác ngoài

cám. Họ chỉ uống nước và ăn chay trường, đây là một lối sống cực kỳ khổ hạnh. Họ có nhiều ngẫu tượng lớn nhưng đôi khi họ tôn thờ lửa. Những tín đồ ngẫu tượng khác không theo lẽ luật này, cho rằng những người đó là những người dị giáo bởi vì họ không tôn thờ các ngẫu tượng theo cách của họ. Các tu sĩ không lấy vợ vì bất cứ lý do nào. Họ mặc đồ màu đen và vàng, ngủ trên những chiếc chiếu. Ngẫu tượng của họ tất cả đều là phụ nữ, tức là tất cả những tên của họ đều là phụ nữ.

Bây giờ chúng tôi sẽ bỏ qua chuyện này ở đây và nói với các bạn về những việc làm vĩ đại và những điều kỳ diệu của vị Đại lãnh chúa của các lãnh chúa gọi là Cublay.

ĐÂY LÀ NHỮNG CHUYỆN KỂ VỀ NHỮNG VIỆC LÀM VĨ ĐẠI CỦA ĐẠI HÃN ĐANG TRỊ VÌ HIỆN NAY VÀ ĐƯỢC GỌI LÀ CUBLAY KHAN

Tôi muốn bắt đầu kể cho các bạn trong cuốn sách này tất cả những sự kiện quan trọng và tất cả những điều hết sức kỳ lạ của Đại Hãn đang trị vì hiện nay và được gọi là Cublay Khan, điều này có nghĩa là Đại lãnh chúa của các lãnh chúa hoàng đế. Đúng là ông xứng đáng với danh hiệu này, bởi vì mỗi người đều phải biết rõ rằng đó là con người có thể lực nhất về các dân tộc, đất đai, kho tàng, con người chưa bao giờ có trên thế gian, cho dù là hiện nay, từ thời Adam, vị tổ phụ đầu tiên cho đến nay. Tôi sẽ bày tỏ trong cuốn sách này mà tôi đã nói với các bạn, mỗi người sẽ công nhận ông là lãnh chúa vĩ đại nhất chưa bao giờ có trên thế giới này và đang hiện diện lúc này.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ CUỘC CHIẾN TRANH VĨ ĐẠI MÀ ĐẠI HÃN TIẾN HÀNH ĐỂ CHỐNG LẠI VUA NAIAN, CHÚ CỦA ÔNG

Cublay Khan thật sự thuộc về dòng dõi vương triều của Cinghis Khan, vị lãnh chúa đầu tiên của tất cả những người Tácta trên thế giới. Đó là vị lãnh chúa thứ sáu như tôi đã nói với các bạn trên kia. Ông nắm quyền cai trị vào năm Chúa Ki tô thứ 1256, vì trong năm đó, ông bắt đầu trị vì và nắm quyền lãnh đạo bằng lương tri, lòng can đảm và giá trị vĩ đại của ông theo luật pháp và lý

lẽ, vì các anh em và họ hàng của ông đã tranh cãi điều đó với ông. Bởi vì ông ta, bằng luật pháp và lý lẽ phải nắm quyền cai trị, như là sự kế thừa trực tiếp thuộc dòng dõi vương triều, ông đã trị vì bốn mươi hai năm, từ khi bắt đầu cho đến năm 1298 này, ông có thể thọ tới tám mươi lăm; vậy là có thể ông lên ngôi lúc bốn mươi ba tuổi. Trước khi làm lãnh chúa ông đã đi đánh trận nhiều lần và là một chiến binh dũng cảm và vị chỉ huy rất giỏi. Nhưng từ khi trở thành lãnh chúa, ông chỉ ra trận có một lần. Đó là vào năm Chúa Ki tô thứ 1286, và tôi sẽ nói với các bạn lý do vì sao.

Có một vị lãnh chúa nổi tiếng người Tácta tên là Naian và là chú của Cublay Khan. Đó là một người đàn ông trẻ tuổi, lãnh chúa của nhiều đất đai và nhiều tỉnh đến nỗi ông có thể đưa ra trận 300 nghìn lính ngựa; và ông tự kiêu do tuổi trẻ của mình. Đôi lúc ông là chư hầu của cháu ông là Đại Hãn, và phải như thế, nếu nói về lý. Nhưng khi tự thấy mình có quyền hành to lớn, ông nghĩ rằng mình không muốn là chư hầu của Đại Hãn nữa, nhưng trái lại ông muốn nắm lấy quyền lực, nếu được. Vậy là ông phái những sứ giả đến với một vị lãnh chúa Tácta khác có tên là Caidu, một vị vua đầy thế lực, cháu của Đại Hãn, bà con với Naian và chư hầu của Đại Hãn. Nhưng ông phản lại chú và muốn làm hại chú. Naian nhắn với ông rằng mình sẽ tập trung toàn bộ sức lực to lớn của mình để đem quân chống lại Đại Hãn, chú của ông, còn Caidu cũng tập trung toàn bộ quân đội chống lại Đại Hãn, để khi đánh ông này, bằng số đông, mỗi người từ một phía, họ có thể cướp lấy quyền lãnh đạo bằng vũ lực. Khi nghe tin tức do Caian truyền đến mình, Caidu rất đổi vui mừng. Ông trả lời rằng ông sẽ thực hiện điều đó, và ông tập hợp toàn bộ quân đội lại, quân số lên đến một trăm ngàn lính ngựa... Tôi sẽ nói với các bạn về điều gì nữa đây?... Cả hai cận thần, Naian và Caidu chuẩn bị kỹ càng và cho tuyển lính bộ và lính ngựa thật nhiều để đi đánh Đại Hãn.

ĐẠI HÃN TẤN CÔNG CHỐNG LẠI NAIAN NHƯ THẾ NÀO?

Khi Đại Hãn biết tin trên, ông chuẩn bị một cách anh dũng, bởi vì họ làm một việc trái với lý lẽ và ông không sợ họ. Vì ông không sợ bất cứ thứ gì do lương tri cao cả và lòng can đảm của ông. Ông tuyên bố sẽ không mang vương miện nữa nếu như ông không giết được hai vị lãnh chúa Tácta phản bội và bất trung với ông. Ông chuẩn bị lực lượng trong mười hoặc mười hai ngày, nhanh và bí mật đến nỗi không ai khác ngoài vị cố vấn riêng của ông biết được điều gì.

Ông tập hợp hơn 360 ngàn lính ngựa và hơn 100 ngàn lính bộ; và nếu ông tập trung quá ít người, đó là vì ông chỉ điều động các đội quân ở xung quanh, vì ông không thể điều động nhanh các đội quân khác đang ở rất xa, những đội quân đông đảo đã đi đến những vùng và tỉnh khác nhau để chiếm đất đai theo lệnh của ông. Vì nếu tập trung toàn bộ lực lượng của mình, đó là một lực lượng lớn đến nỗi là điều không thể tin, nghe, nói được. Vì 360 ngàn lính ngựa do ông tập hợp, chỉ là những người lính phụ trách chim săn và những người săn bắn, đánh cá xung quanh ông. Khi tập hợp số ít người này, ông được các nhà chiêm tinh cho biết có thắng trận và tiêu diệt được quân địch hay không. Những người này nhìn xuyên qua phép thuật của họ và nói với ông rằng ông sẽ chiến đấu một cách gan dạ và ông sẽ chiến thắng và đạt được vinh dự và vinh quang. Vì vậy ông rất vui mừng và bắt đầu ra trận cùng với quân đội. Họ cưỡi ngựa trong hai mươi ngày đến một đồng bằng rộng lớn, ở đó đã có Naian và toàn bộ quân đội của y gần hơn 400 ngàn lính ngựa. Quân của Đại Hãn đến rất sớm và bất ngờ đến nỗi quân địch không hay biết gì. Vì Đại Hãn đã cho giữ chặt các con đường nên không có ai qua lại mà không bị bắt. Đó là lý do mà Naian không biết tí gì về việc Đại Hãn đến và quân lính của y hết sức sững sốt và kinh ngạc. Khi quân đội của Đại Hãn đến, Naian đang ở trong lều với vợ và đang ngủ trên giường. Vì Đại Hãn tập trung quân đội một cách rất bí mật và nhanh như tôi đã nói, nên Naian vẫn đang hưởng lạc trên giường với người vợ mà ông rất yêu thương.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TRẬN ĐÁNH GIỮA ĐẠI HÃN VÀ ÔNG CHÚ NAIAN

Tôi sẽ nói với các bạn điều gì nữa đây? Khi trời sáng, Đại Hãn và toàn bộ quân đội của ông leo lên một ngọn đồi phía trên đồng bằng, nơi Naian vẫn còn yên giấc trong lều, giống như những người không tin điều gì khác ngoài chuyện không người nào có thể đến tận nơi để làm thiệt hại cho họ. Đó là lý do để họ cảm thấy hết sức an toàn và không đề phòng chút nào, vì họ không bao giờ biết gì về việc Đại Hãn đến, như tôi đã nói với các bạn, bởi vì các lối đi đều được canh gác và bởi vì chúng ở rất xa trong những nơi hoang vắng, cách xa Đại Hãn hơn ba mươi ngày đường. Nhưng Đại Hãn chỉ phi ngựa trong vòng hai mươi ngày với toàn bộ quân đội của ông, vì ông rất muốn gặp kẻ thù của ông.

Vậy là tôi sẽ nói với các bạn điều gì nữa đây? Đại Hãn cho quân tiến lên một ngọn đồi và cho dựng một cái tháp lớn bằng gỗ trên bốn con voi ghép lại với cờ hiệu cắm cao đến nỗi bốn phía

xung quanh đều nhìn thấy. Quân lính của ông được bố trí từng đội 30 nghìn người, phần lớn những lính ngựa đều có một lính bộ cầm giáo ngồi sau lưng. Tất cả những lính bộ đều trang bị giáo theo cách đó; họ đông đến nỗi toàn bộ chiến trường đều đầy kín người. Quân đội của Đại Hãn đã được chuẩn bị như thế để giao chiến.

Khi Naian nhìn thấy cảnh tượng đó, tất cả quân của ông đều ủa đến cầm lấy vũ khí trong tâm trạng bàng hoàng sửng sốt. Họ chuẩn bị chu đáo và sắp xếp thành hàng ngũ thứ tự. Khi tất cả binh lính của hai phe sẵn sàng lâm trận, và chỉ còn chờ đánh nhau, người ta có thể nghe trỗi lên những âm thanh của nhạc cụ bằng nhiều cách; mọi người đều hát cao giọng, đó là tục lệ của những người Tácta trước khi lâm chiến; mỗi người hát và chơi một nhạc cụ hai dây nghe rất êm tai. Họ vẫn đứng theo đội ngũ, vừa hát vừa chơi đàn rất hay, cho đến khi vang lên tiếng trống định âm của các thủ lĩnh của họ. Vì từ khi tiếng trống này vang lên, cuộc chiến bắt đầu từ hai phía; nhưng trước khi có tiếng trống này, không người nào dám bắt đầu cuộc chiến. Khi tất cả các quân lính hàng ngũ chỉnh tề và sẵn sàng, vừa hát vừa chơi đàn, thì tiếng trống định âm lớn của Đại Hãn vang lên. Tiếng trống của Naian cũng bắt đầu trỗi lên. Từ đó cuộc chiến bắt đầu nổ ra rất mãnh liệt từ hai phía. Quân lính chạy ủa vào cùng với những chiếc cung, chùy, giáo, kiếm và nỏ. Họ sử dụng các loại vũ khí này một cách thành thạo đến mức diệu kỳ. Và tôi sẽ nói với các bạn điều gì nữa đây? Người ta có thể thấy những mũi tên bay ra từ hai phía, vì vậy không trung dày đặc những mũi tên không khác gì một cơn mưa. Người ta có thể thấy hàng tốp lính ngựa, đội trưởng lính ngựa của hai phía ngã xuống chết tươi. Số người chết này nằm la liệt khắp mặt đất. Cả hai phía đều nổi lên những tiếng la hét thật lớn vì số lượng những người chết và bị thương nhiều nên người ta không thể nào nghe được thần Sấm sét. Vì trận đấu rất ác liệt và gây chết chóc quá lớn, họ ra tay chém giết không trừ bất cứ thứ gì.

Nhưng tôi có kể với các bạn dài dòng lắm không? Bạn nên biết đây là trận đánh nguy hiểm nhất, đáng sợ nhất và ác liệt nhất chưa bao giờ xảy ra trong thời đại của chúng ta, người ta chưa bao giờ thấy đông quân lính nhất là lính ngựa trên một trận địa cùng một lúc, vì cả hai phe tính ra có hơn 700 ngàn lính ngựa chưa kể cả số lính bộ cũng có một số lượng đáng kể. Trận đánh kéo dài từ sáng đến trưa. Nhưng cuối cùng, như thuận theo ý trời và lẽ phải, Đại Hãn đã chiến thắng và Naian thua trận, vì khi quân đội của Naian nhận thấy sức mạnh vượt trội về vũ khí của quân lính Đại Hãn, họ không thể chịu đựng nổi và chạy trốn. Riêng Naian, ông bị bắt cùng với các tướng lĩnh của ông, họ đã đầu hàng Đại Hãn với toàn bộ vũ khí. Các bạn nên biết rằng Naian là tín đồ Ki tô giáo được rửa tội và mang thánh giá trên cờ hiệu, nhưng điều đó cũng không giúp gì

cho ông, bởi vì ông chống lại chúa công của mình một cách rất sai trái; vì ông là người của Đại Hãn, giống như tất cả các tổ tiên của ông đã từng như thế và ông có thể gìn giữ đất đai cho Đại Hãn.

ĐẠI HÃN RA LỆNH GIẾT NAIAN NHƯ THẾ NÀO?

Khi Đại Hãn biết Naian đã bị bắt, ông hết sức vui mừng và ra lệnh tử hình ông ta ngay, để không ai có thể nói rằng Đại Hãn thương xót và tha thứ cho ông ta, vì ông cùng máu mủ với Đại Hãn. Ông bị quán trong một tấm thảm và siết chặt đến nỗi phải chết ngạt. Đại Hãn bắt ông ta phải chết bằng cách này vì Đại Hãn không muốn máu của dòng dõi vương quốc ông bị đổ ra không khí, trên mặt đất và ngoài trời.

Khi Đại Hãn đã đánh thắng trận chiến này như các bạn đã nghe, tất cả các quan và các người thuộc tỉnh của Naian một lần nữa cam kết trung thành với Đại Hãn; họ thuộc về bốn tỉnh do Naian cai quản trước kia: Ciorcia, Cauly, Brascol và Sichuigui. Sau khi Đại Hãn đánh bại Naian, các dân tộc của bốn tỉnh phía Nam, những tín đồ ngẫu tượng, những người Sarrasin, Do Thái và nhiều người không tin vào Thiên Chúa, đã nhạo báng những người Ki tô giáo về Thánh giá mà Naian đã mang trên cờ hiệu của ông, điều mà họ không thể chịu đựng nổi và họ nói với những người Ki tô giáo:

- Các người hãy xem Thập giá của vị thần của các người đã giúp đỡ Naian, người Ki tô hữu đang tôn thờ vị ấy như thế nào?

Lời nói này truyền đến thâu tai Đại Hãn. Khi ông nghe được, ông hết sức quở trách những người đã nhạo báng các Ki tô hữu và nói với những người sau này rằng họ có thể tự an ủi, nếu Thập giá đã không giúp đỡ Naian, vì Thập giá đã có lý do chính đáng; Thập giá là điều tốt lành, nó không thể làm khác đi điều nó đã làm, vì Naian là kẻ bất trung và phản bội. Con người đã phản lại Chúa của mình. Vì vậy, việc xảy đến cho ông là điều xứng đáng.

- Thập giá của Thiên Chúa các người đã hành động rất chính đáng, vì nó không giúp ông ta chống lại luật pháp.

Ông ta nói điều này lớn tiếng đến nỗi mọi người đều nghe thấy. Những người Ki tô giáo trả lời với Đại Hãn:

- Thừa Chúa thượng rất vĩ đại, Chúa thượng nói rất hay, vì thập giá của chúng tôi không muốn giúp đỡ người sai trái, nên đã không giúp đỡ Naian, con người đã làm những điều dữ và bất nghĩa.

Từ đó những kẻ ngoại đạo không dám trách móc người Ki tô giáo một lời nào nữa, bởi vì họ nghe theo lời của chúa thượng nói với những người Ki tô giáo về thập giá mà Naian đã mang theo như là cờ hiệu nhưng nó đã không giúp ông ta được gì.

ĐẠI HÃN TRỞ VỀ THÀNH PHỐ CANBALUE NHƯ THẾ NÀO?

Sau khi Đại Hãn đánh thắng Naian theo cách mà các bạn đã nghe, ông trở về thành phố chính của Canbalue, và ở đó giữa những lễ hội và trò giải trí. Một lãnh chúa khác có tên là Caidu, hay tin Naian bị thất trận và bị giết, ông rất đau khổ và nằm yên lo chuẩn bị chiến tranh, vì ông sợ bị đối xử như Naian.

Bây giờ tôi sẽ nói với các bạn điều Đại Hãn thực hiện đối với các cận thần của ông có công trong cuộc chiến. Ai là người chỉ huy 100 người lính ông cho chỉ huy 1000. Ai chỉ huy một nghìn, ông cho chỉ huy 10 nghìn. Cứ thế ông ban cho mỗi người tùy theo công trạng xứng đáng của mình. Ông còn ban cho họ lệnh bài chỉ huy: Người chỉ huy 100 người nhận một lệnh bài bằng bạc, người chỉ huy một ngàn, một lệnh bài vàng hoặc bạc mạ vàng; người chỉ huy 10 nghìn, một lệnh bài vàng khắc hình đầu sư tử. Bây giờ tôi sẽ nói với các bạn trọng lượng của các lệnh bài và ý nghĩa của chúng. Những người có quyền lãnh đạo một trăm và một ngàn, lệnh bài của họ cân nặng 120 saies (các nhà chú giải chưa thống nhất, nhưng Rubruquis cho rằng các lệnh bài phải nặng). Lệnh bài có khắc hình sư tử được ban cho quyền lãnh đạo 10 nghìn, cũng nặng 120 saies. Trên tất cả các lệnh bài đều có ghi lệnh như sau: “Bởi sức mạnh của thần linh vĩ đại và ân huệ lớn lao mà người đã ban cho vương quốc của chúng ta, cầu cho uy danh của Đại Hãn được chúc phúc; ước gì tất cả những ai không vâng phục người sẽ phải chết và biến mất.

Tôi cũng cho các bạn biết rằng tất cả những ai có lệnh bài này cũng nhận được những chứng chỉ ghi lại tất cả những gì họ phải làm trong quyền lãnh chúa của họ. Người nào có quyền lãnh chúa trên 100 ngàn người hoặc lãnh đạo một đội quân nói chung có một lệnh bài bằng vàng nặng gần 300 saies, trên đó cũng có ghi điều luật giống như trên các lệnh bài khác, và phía dưới dòng

chữ ghi có hình con sư tử và dưới con sư tử có mặt trời và mặt trăng, Tất cả những ai có lệnh bài cao quý này đều có đặc ân là bất cứ khi nào họ cưỡi ngựa, trên đầu phải có một tán che gọi là lọng mà người ta mang ở đầu một ngọn giáo biểu hiện cho quyền lãnh chúa cao trọng của họ, bất cứ khi nào họ ngồi, họ phải ngồi trên một chiếc ghế bằng bạc. Đại Hãn còn cho các Đại lãnh chúa này một lệnh bài có khắc một con chim ưng; điều này cũng dành cho các đại cận thần, để họ có đầy đủ quyền lãnh chúa và quyền xét xử như chính Đại Hãn, vì khi họ muốn phái các sứ giả đến nơi nào đó họ có thể trưng dụng ở bất cứ người lãnh đạo nào con ngựa hoặc bất cứ thứ gì khác theo ý muốn của họ.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ LỐI SỐNG CỦA ĐẠI HÃN

Đại Hãn, lãnh chúa của các lãnh chúa, được gọi là Cublay, có hình dáng như sau: ông có dáng vẻ tốt đẹp, không nhỏ, không lớn, nhưng tầm vóc trung bình; da thịt trông rất ra dáng và tất cả các chi đều cân đối, khuôn mặt trắng hồng như một bông hoa hồng, đôi mắt đen và đẹp, mũi thẳng và rất lịch sự. Ông có bốn bà vợ và ông xem tất cả bốn người đều là những bà vợ chính thức. Con cả của bốn bà vợ này, về pháp lý, phải là lãnh chúa của vương quốc khi người bố qua đời. Bốn bà vợ được gọi là nữ hoàng, nhưng mỗi người đều có một tên khác. Mỗi nữ hoàng đều cai quản một hậu cung rất đẹp và rất lớn, vì không có phụ nữ nào có đến ba trăm tiểu thư xinh đẹp và duyên dáng, nhiều quan giám mã can đảm và nhiều đàn ông, đàn bà khác đến nỗi mỗi bà đều quản lý đến 10 ngàn người trong hậu cung của mình. Mỗi lần Chúa thượng muốn ngủ với bà nào, ông cho mỗi người vợ đó vào phòng ông hoặc có khi ông đi tìm trong phòng của các bà. Ông còn có nhiều cung phi, tôi sẽ nói với các bạn vì sao như thế. Có một dòng họ người Tácta rất đẹp người được gọi là Ungeat (Oungouts), mỗi năm đều gọi đến cho Đại Hãn một trăm cô gái còn trinh, trong số những cô xinh đẹp nhất trong nước. Ông ra lệnh cho những cung phi kỳ cựu ở trong cung canh giữ họ: những người này bắt các cô ngủ với họ cùng giường để xem các cô có hơi thở thơm tho không và tất cả các chi của họ có lành lặn không. Những cô nàng xinh đẹp, tốt và lành lặn về mọi mặt sẽ được đưa vào phục vụ cho Đại Hãn bằng cách này: trong ba ngày và ba đêm, sáu trong số các cung phi này phục vụ Đại Hãn trong phòng và trên giường ông, họ phải làm theo tất cả những gì ông muốn. Sau ba ngày ba đêm, các cô ra đi và sáu cô khác lại vào thay thế. Và cứ thế, suốt năm, cứ mỗi ba ngày và ba đêm, các cung phi thay phiên hết sáu người này đến sáu người khác.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ CON TRAI CỦA ĐẠI HÃN

Đại Hãn có hai mươi hai đứa con trai do bốn bà vợ, người con cả có tên là Cinghis, nhằm tôn vinh tình yêu của Cinghis Khan tốt bụng, lãnh chúa đầu tiên của những người Tácta. Vị Cinghis này, người con lớn nhất của Khả Hãn, phải trị vì sau khi bố ông qua đời. Chuyện xảy ra là khi ông ta mất, ông còn có một con trai tên là Temur, và người này phải trở thành Đại Hãn sau cái chết của ông nội, và đó là điều phải lẽ, vì ông là con trai của con trai trưởng của Đại Hãn. Vị Temur này khôn ngoan và can đảm, vì nhiều lần ông đã chứng tỏ như thế. Các bạn nên biết rằng Đại Hãn còn có hai mươi lăm người con trai khác do các cung phi của ông sinh ra, chúng tài giỏi và can đảm trong chiến trận. Mỗi đứa con là một vị quan lớn. Trong số những đứa con do bốn bà vợ chính thức, có bảy người là những vị vua của các tỉnh và vương quốc lớn nhất; tất cả đều giữ vững vương triều của mình, vì họ là những người khôn ngoan và dũng cảm, đó là điều phải lẽ, vì bố của họ, vị Đại Hãn, là người đàn ông khôn ngoan nhất và dũng cảm nhất trong mọi việc, vị chỉ huy quân đội tuyệt vời nhất, người lãnh đạo nhân dân và vương quốc cừ khôi nhất và có lòng can đảm nhất trong dòng tộc của những người Tácta.

Tôi đã nói với các bạn về Đại Hãn, các bà vợ và các con trai của ông, bây giờ tôi muốn kể cho các bạn biết ông ta đã cai quản triều đình của ông như thế nào.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ CUNG ĐIỆN CỦA ĐẠI HÃN

Các bạn nên biết rằng Đại Hãn ở trong thành phố thủ đô của Catay, có tên là Canbaluc (Khân Baligh, tức là thành phố của Khan, Bắc Kinh ngày nay) trong ba tháng mỗi năm: tháng Mười Hai, tháng Giêng và tháng Hai. Trong thành phố này, ông có một cung điện lớn, tôi sẽ kể cho các bạn biết nó như thế nào.

Phía trước cung điện có một bức thành lớn hình vuông mỗi cạnh dài một dặm, tức là chu vi của nó dài bốn dặm. Nó rất đồ sộ, cao hơn mười bước chân, toàn bộ đều sơn màu trắng và có khoét lỗ châu mai. Ở mỗi góc tường là một dinh thự lớn rất đẹp, rất sang trọng, trong đó cất giữ bộ giáp của Đại Hãn: những chiếc cung kiểu Tácta, yên cương và hàm thiếc, dây cung và tất cả những quân trang quân dụng khác. Ngoài ra giữa hai dinh, có một dinh khác giống với các dinh ở bốn góc, vì vậy, dọc theo tường thành có tám dinh chứa đầy những bộ giáp của Đại Hãn. Nhưng

các bạn nên biết rằng, trong mỗi dinh chỉ có một dụng cụ mà thôi, vì nếu như dinh này đầy những chiếc cung, dinh kia lại đầy yên cương, và dinh khác nữa thì lại đầy hàm thiếc, ở mặt phía Nam, bức tường này có trở năm cửa ra vào, với một cửa chính ở giữa chỉ mở ra khi bộ giáp lớn ra chiến trường. Vậy là mỗi bên cửa chính, có hai cửa phụ, tức là có năm cửa với cửa lớn ở giữa. Người dân đi vào những chiếc cửa nhỏ này. Bên trong bức tường này, có một bức tường khác dài hơn là rộng. Bờ thành cũng có tám dinh hoàn toàn giống như tám dinh khác của tường bên ngoài, trong đó cũng cất giữ bộ giáp của Chúa thượng. Và cũng có năm cửa ở phía nam và một cửa khác ở mỗi cạnh, ở trung tâm của hai bức tường này là cung điện đồ sộ của Chúa thượng, nó được xây cất theo cách mà tôi nói với các bạn sau đây.

Bạn nên biết nó là cung điện lớn nhất như chưa bao giờ có. Nó không có tầng lầu nhưng chỉ có tầng trệt, nền điện cao hơn nền đất xung quanh đến mười paumes. Mái điện rất cao. Vách cung điện và các phòng đều dát vàng và bạc, có vẽ rồng, thú vật, kỳ sĩ và những hình ảnh của nhiều loài vật khác nhau. Mái che chỉ được làm bằng vàng, bạc và tranh hội họa. Căn phòng lớn và rộng đến nỗi sáu ngàn người có thể cùng ngồi ăn bên trong. Có bao nhiêu phòng là có bấy nhiêu điều kỳ diệu. Mỗi phòng đều rộng lớn, đẹp đẽ và sang trọng đến nỗi không có người nào trên thế gian này có thể bố trí cho đẹp hơn. Tất cả những rèm mái che đều có màu đỏ chót, vàng, lục, xanh lơ và những màu khác nữa. Chúng được đánh véc-ni đẹp và tinh xảo đến nỗi tỏa sáng như thủy tinh và cả cung điện tỏa sáng ra xung quanh rất xa. Các bạn nên biết rằng mái che này được làm chắc khỏe và vững vàng đến nỗi nó có thể tồn tại vĩnh viễn.

Giữa hai bờ thành mà tôi đã nói với các bạn, có những đồng cỏ rất đẹp và những cây ăn trái đủ loại cũng như đủ loại động vật như nai, hoẵng, dê đực, hươu cái và những con thú cung cấp xạ hương với liều lượng lớn, và tất cả những loài thú rất đẹp, rất đa dạng. Mọi chỗ đều tràn đầy, ngoại trừ những con đường để cho mọi người đi đi lại lại.

Trong một góc tường, một cái hồ rất đẹp có nuôi nhiều loài cá do Chúa thượng sai đưa vào. Khi nào muốn, ông cho bắt lên bao nhiêu tùy thích. Một con sông chảy vào hồ để rồi từ đó chảy ra, nhưng hồ được bố trí khéo léo đến nỗi không có con cá nào có thể thoát ra ngoài được, vì có những lưới sắt hoặc thép chắn lại. Về phía bắc, cách cung điện một tầm tên bắn, có một ngọn đồi nhân tạo, dài hơn một dặm và toàn bộ đều có cây bao phủ, những cây này không bao giờ rụng hết lá và luôn luôn xanh tốt. Tôi cho các bạn biết rằng, nơi nào có những loài cây xinh đẹp mà Chúa thượng biết đến, Chúa phái người đi tìm rồi bưng toàn bộ bộ rễ cùng với lớp đất bao quanh

cây, sau đó đưa cây về trồng trên đồi; dù các cây có lớn bao nhiêu, các con voi cũng chuyên chở đi được. Bằng cách này, Chúa thượng có những loài cây đẹp nhất thế giới. Chúa đã cho bao phủ toàn bộ ngọn đồi màu gỉ sắt bằng màu xanh rất xanh, đến nỗi cây cối hoàn toàn có màu xanh lục, ngọn đồi toàn một màu xanh, nên người ta không nhìn thấy màu nào khác ngoài màu xanh. Vì vậy, nó được gọi là Núi Xanh (hiện nay gọi là King shan). Nó thật xứng đáng với tên gọi này. Trên đỉnh núi, có một dinh thự rất đẹp và rất lớn, bên ngoài cũng như bên trong đều toàn một màu xanh, đến nỗi núi, cây cối, dinh thự trông rất mát mắt và tuyệt vời do hương thơm diệu kỳ. Tất cả những ai ngắm nhìn nó đều trở nên vui vẻ và sung sướng. Đại Hãn đã cho xây dựng nó thành nơi giải trí thơ mộng, tiện nghi, nó đem lại sự thanh thản và niềm vui trong tâm hồn ông.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ CUNG ĐIỆN CỦA CON TRAI ĐẠI HÃN, NGƯỜI KỂ VỊ ÔNG

Các bạn nên biết rằng gần cung điện này, Chúa thượng đã cho xây dựng một cung điện khác giống như cung điện của ông và không thiếu thứ gì. Ông truyền xây dựng nó cho con trai ông, khi nó lên ngôi Đại Hãn. Vì thế, ông cho xây hoàn toàn giống hệt cung điện của ông, để sau khi ông qua đời con trai ông có thể có tất cả những lối sống và thói quen của ông. Con trai này có ấn tín của vương quốc, nhưng không đầy đủ, khi nào Đại Hãn vẫn còn trị vì.

Tôi đã kể với các bạn về các cung điện của Chúa thượng và con trai ông, bây giờ tôi muốn nói với các bạn về thành phố lớn Catay nơi xây dựng các cung điện này, và tại sao chúng được xây dựng và xây dựng như thế nào. Thành phố được gọi là Canbaluc. Nói đúng hơn, xưa kia, ở đó có một thành phố to lớn và sang trọng có tên là Canbaluc, trong ngôn ngữ của chúng ta từ này có nghĩa là thành phố của Chúa thượng. Nhưng theo các nhà chiêm tinh, thành phố này có thể nổi loạn và gây nguy hại lớn cho vương quốc, nên Đại Hãn cho xây một thành phố Canbaluc mới gần thành phố cũ với một con sông chảy qua ở giữa. Ông ra lệnh buộc dân cư của thành phố cũ dời qua ở thành phố mà ông đã cho xây. Thành phố được gọi là Taidu (Tatou, tên nguyên thủy của Bắc Kinh). Nó to lớn như tôi sẽ nói với các bạn sau. Chu vi của nó là hai mươi bốn dặm. Mỗi mặt có sáu dặm, vì nó rất vuông vắn từ bên này cũng như bên kia. Nó được bao bọc hoàn toàn bằng những bức tường bằng đất phình ra dưới chân đến mười bước, nhưng trên cao hẹp lại, vì chúng co hẹp lại nên trên cao chỉ còn có ba bước. Toàn bộ bức thành được bố trí những lỗ châu mai màu trắng và cao hơn mười bước. Thành phố có mười hai cửa ra vào, và trên mỗi cửa có

một dinh thự lớn rất đẹp, mỗi phía có ba cửa ra vào và năm dinh thự, bởi vì có một dinh thự rất lớn và rất đẹp ở mỗi góc. Các dinh này có những phòng rất lớn trong đó cất giữ vũ khí của những người canh gác thành. Các đường phố thẳng tắp đến nỗi người ta nhìn thấy chúng từ đầu đến cuối và cửa này nhìn thấy cửa kia ở hai đầu đường phố. Trong thành phố còn có những dinh thự rất lớn và đẹp, nhiều nhà trọ xinh xắn cũng như nhiều nhà ở. Giữa thành phố là một dinh thự rất lớn có một chiếc chuông to gióng lên ban đêm, để không ai được đi qua thành phố sau khi chuông điểm ba lần, không ai dám đi ra ngoài vào giờ đó ngoài phụ nữ đang đau đẻ hoặc người bệnh; hơn nữa, những người đi ngoài phố phải mang đèn theo. Như tôi đã nói với các bạn, mỗi cửa thành được lệnh canh gác bởi một nghìn người mang vũ khí, bạn đừng tưởng rằng họ canh gác bởi vì họ sợ một ai đó, họ chỉ làm việc đó nhằm để làm vinh danh và canh gác cho Chúa thượng đang ở trong thành phố này, và thứ đến họ không muốn các quan chỉ huy gây ra bất cứ tổn hại nào cho thành phố.

Tôi đã nói với các bạn về thành phố, bây giờ tôi sẽ nói cho các bạn biết Chúa thượng cai quản triều đình ra sao và về những việc làm khác của ông.

ĐẠI HÃN ĐƯỢC CANH GÁC BỞI 12 NGÀN LÍNH NGỰA NHƯ THẾ NÀO?

Bạn nên biết rằng Đại Hãn được canh gác, vì sự cao trọng của ông, bởi 12 ngàn lính ngựa, những người này được gọi là Quesitans (tiếng Mông Cổ là Kesietou, những con người hạnh phúc), từ này trong tiếng Pháp có nghĩa là: kỵ sĩ trung thành với Chúa thượng. Ông được canh gác không phải vì sợ bất cứ người nào, nhưng vì sự cao sang vĩ đại của ông. Mười hai ngàn người này nằm dưới quyền chỉ huy của bốn vị quan, mỗi vị quan chỉ huy ba ngàn người, và ba ngàn người này ở cung điện của Chúa thượng ba ngày và ba đêm, ăn uống luôn trong cung. Sau đó họ ra đi và ba ngàn quân khác đến thay thế cùng lúc, rồi ra đi để cho những người khác trở lại, sao cho đội canh gác luôn luôn có ba ngàn lính ngựa.

Khi Đại Hãn ngồi vào bàn để chủ trì một cuộc hội họp nào đó, ông ngồi theo cách như sau. Bàn của ông được đặt cao hơn các bàn khác rất nhiều. Ông ngồi ở phía Bắc, sao cho khuôn mặt quay về hướng Nam, người vợ đầu của ông ngồi bên cạnh ông bên tay trái. Bên tay phải, thấp hơn một chút, có các con cháu, họ hàng và những người thuộc hoàng tộc ngồi. Họ ngồi thấp đến mức đầu của họ chỉ đến ngang chân của Chúa thượng.

Các quan đại thần khác ngồi thấp hơn nữa ở những bàn khác. Tiếp theo là các bà vợ, vì tất cả các bà vợ của con Đại Hãn, của các cháu và các bà con khác của ông đều ngồi bên tay trái, thấp hơn nữa. Vì mỗi người ngồi ở nơi do Chúa thượng bố trí, các bàn phải được sắp xếp sao cho Chúa thượng có thể nhìn thấy tất cả từ đầu đến cuối, cho dù số lượng bàn nhiều đến đâu đi nữa. Bên ngoài căn phòng này, có hơn bốn mươi ngàn người đang túc trực, và có nhiều người mang quà tặng, những người từ các nước ngoài mang những vật xa lạ đến dâng cho Chúa thượng. Trong một nơi của căn phòng mà Đại Hãn đang ngồi, có đặt một chiếc vò bằng vàng rỗng đựng rượu nhiều bằng một thùng rượu thông thường, mỗi góc của vò rượu lớn này, đều có một vò nhỏ hơn, sao cho rượu của vò lớn chảy vào trong các vò rượu nhỏ bao quanh; tất cả đều đầy thức uống ngon có nêm gia vị hảo hạng chất lượng cao. Người ta rót rượu vào những chiếc cốc lớn bằng vàng rỗng, lớn đến nỗi mười người uống cũng đủ. Người ta đặt chiếc cốc này giữa hai người, với hai cốc *hanap* nhỏ bằng vàng, có vai để họ có thể rót rượu ở chiếc cốc đặt ở giữa. Các bà vợ cũng có những chiếc cốc riêng. Những chiếc cốc lớn và những chiếc cốc *hanap* này giá trị bằng cả một kho tàng lớn, vì Đại Hãn có một số lượng cốc chén này và những thứ khác bằng vàng bạc lớn đến nỗi bất kỳ ai không nghe nói và không nhìn thấy cũng không thể nào tin được.

Các bạn cũng nên biết rằng những người dâng thức ăn, thịt và đồ uống cho Đại Hãn đều là các cận thần. Miệng và mũi của họ được che lại bằng những tấm vải nạm vàng và lụa để hơi thở hoặc mùi vị của họ không thấm vào trong thịt và trong đồ uống của Chúa thượng. Khi Chúa sắp uống, tất cả các nhạc khí với số lượng nhiều và đủ loại bắt đầu thổi lên. Khi ông cầm cốc trên tay, tất cả các cận thần và tất cả những người hiện diện đều quỳ gối và tỏ dấu thần phục; bấy giờ Chúa thượng mới uống; mỗi lần ông uống, mọi người đều làm như các bạn đã nghe nói.

Tôi sẽ không nói với các bạn nhiều về các món ăn, bởi vì mọi người đều có thể tin là số lượng thức ăn rất nhiều và đủ thứ. Những bà vợ của các cận thần và của các kỵ sĩ cũng ăn chung với các phu nhân khác. Sau khi ăn, các bàn ăn được dọn dẹp, một số lớn các nghệ sĩ tung hứng và nhảy múa điêu luyện bước vào phòng, trước mặt Chúa thượng và tất cả những người khác, tất cả mọi thứ đều tạo nên không khí lễ hội trước mặt mọi người, đến nỗi ai nấy cũng đều hân hoan vui sướng. Khi mọi việc hoàn tất, mọi người lui ra và trở về nhà.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ CUỘC LỄ MÀ ĐẠI HÃN TỔ CHỨC NHÂN NGÀY SINH CỦA ÔNG

Tất cả những người Tácta đều mừng ngày sinh của mình mỗi năm. Đại Hãn sinh vào ngày 28 âm lịch của tháng Chín. Vào ngày này, người ta tổ chức ngày lễ lớn nhất của cả năm, ngoại trừ lễ mà họ tổ chức vào ngày đầu năm như tôi sẽ kể cho các bạn sau.

Vào ngày sinh của mình, Đại Hãn mặc những bộ y phục nam vàng. Ngày hôm đó, mười hai ngàn cận thần và kỵ sĩ cùng ăn mặc rất đẹp, cùng màu sắc, cùng kiểu giống như của Chúa thượng, không phải là y phục của họ cũng đắt, nhưng đó là những y phục bằng lụa dát vàng và một chiếc thắt lưng bằng vàng; những thứ y phục này đều do Chúa thượng ban cho họ. Những bộ y phục này có đính nhiều ngọc trai và đá quý nên giá trị của chúng là hơn mười ngàn đồng vàng Byzance (một đồng vàng Byzance bằng 12 franc vàng, tổng cộng là 120.000 franc vàng trước năm 1914 và 24 triệu vào thời đại nhôm). Nên biết rằng, mỗi năm 13 lần, Đại Hãn ban cho mỗi một trong số 12 ngàn cận thần và kỵ sĩ những bộ y phục như tôi đã nói. Mỗi lần ông đều mặc bộ y phục cùng màu với họ, và mỗi lần màu y phục đều khác nhau. Qua đó, các bạn có thể thấy đó là một điều cực kỳ vĩ đại mà không một vị vua nào trên thế gian này có thể làm hoặc duy trì nó, ngoại trừ Đại Hãn ra.

Cũng trong ngày sinh này, tất cả những người Tácta trên thế giới và tất cả các miền, tỉnh dưới quyền cai trị của ông đều dâng lên cho ông những món quà đắt giá, mỗi người tùy theo sự giàu có của mình. Ngoài ra còn có nhiều người khác đến với những quà tặng to lớn để xin ông ban cho những ân huệ. Chúa thượng bổ nhiệm mười hai cận thần để phụ trách việc ban cho từng người ơn gì thích hợp với họ. Hơn nữa, vào ngày hôm đó, tất cả những tín đồ ngẫu tượng, những người Sarrasin, những người Ki tô giáo, những dân tộc khác nữa đều đọc kinh cầu nguyện, mỗi người cầu nguyện thần linh của mình, bằng những tiếng hát rộn ràng dưới ánh nến tỏa sáng và hương thơm ngào ngạt để thần linh che chở bảo vệ cho Chúa thượng và ban cho ông sống lâu, vui vẻ và tràn đầy sức khỏe.

Bây giờ chúng tôi sẽ nói với các bạn về một đại lễ khác mà họ mừng vào ngày đầu năm và được gọi là Lễ Trắng.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ ĐẠI LỄ MÀ ĐẠI HÃN TỔ CHỨC VÀO NGAY ĐẦU NĂM

Người ta mừng ngày đầu năm vào tháng Hai. Đại Hãn và tất cả thần dân của ông mừng lễ như tôi sẽ kể cho các bạn sau đây. Theo tục lệ, Đại Hãn và tất cả các thần dân đều mặc những chiếc áo dài trắng; ngày hôm đó, mỗi người, đàn ông cũng như đàn bà, trẻ em cũng như người lớn, đều mặc bộ đồ trắng. Họ làm điều đó, bởi vì bộ đồ trắng hình như là thứ mang lại sự may mắn cho họ, họ mặc nó vào ngày đầu năm để suốt năm họ được khỏe mạnh và sung sướng. Ngày hôm đó, tất cả người dân của tất cả các tỉnh, vùng, vương quốc và miền thuộc quyền cai trị của Đại Hãn đều mang đến cho ông những món quà lớn bằng vàng, bạc, ngọc trai, đá quý và nhiều bộ y phục sang trọng. Họ làm như vậy để suốt năm Chúa thượng có thể có nhiều châu báu, niềm vui và hoan lạc. Ngoài ra họ còn tặng cho nhau những vật có màu trắng, họ ôm nhau, hôn nhau và hết sức hân hoan để cho suốt năm họ có được niềm vui và có được sự may mắn bất ngờ. Bạn nên biết rằng, trong ngày này, người ta dâng cho Chúa thượng hơn một trăm ngàn con ngựa trắng rất đẹp và rất oai vệ. Trong ngày này, tất cả các con voi của Chúa thượng, gồm năm ngàn con, đều được cho mặc những tấm drap thêu rất đẹp và rất lộng lẫy; mỗi con voi đều mang trên lưng hai rương chứa đầy những chén đĩa của Chúa thượng, chúng cũng mang những yên cương cùng màu của ngày Lễ Trắng. Đến với Đại Hãn còn có một số lớn lạc đà cũng được bao phủ bằng những tấm vải sang trọng và chở những vật dụng cần thiết cho cuộc lễ này. Tất cả mọi thứ đều diễn hành qua trước mặt Đại Hãn, và đó là cảnh tượng ngoạn mục nhất trên thế gian này.

Tôi cũng cho các bạn biết rằng vào buổi sáng của ngày lễ, trước khi dọn bàn ra, tất cả các vua, tất cả các cận thần, tất cả các bá tước, quận công, hầu tước, nam tước, hiệp sĩ, chiêm tinh gia, hiền triết, người phụ trách chim săn, và nhiều sĩ quan khác của tất cả các vùng đất xung quanh đều đến tề tựu trong phòng đại sảnh trước mặt Chúa thượng. Những người nào không thể vào thì ở ngoài tại nơi Chúa thượng nhìn thấy được. Họ được bố trí như sau: trước tiên là các con trai, các cháu và những người trong hoàng tộc của Đại Hãn, thứ đến là các vua, các quận công, rồi sau đó là mỗi người tùy theo tầng lớp thích hợp. Khi mỗi người ngồi vào chỗ của mình, một trong các nhà hiền triết đứng lên và hô to tiếng:

- Hãy cúi mình và bái phục.

Toàn thể cử tọa liền cúi mình đặt trán xuống đất và đọc lời cầu nguyện hướng về phía Đại Hãn và thờ lạy ông cứ như ông là một vị thần linh. Bằng cách này, họ cúi đầu bái lạy ông bốn lần. Sau đó họ đi đến một bàn thờ được trang hoàng rất đẹp, và trên bàn thờ này có một cái bàn màu đỏ chót trên đó có ghi tên của Đại Hãn. Họ cầm một bình hương bằng vàng thật đẹp để xông hương bàn thờ và chiếc bàn đỏ chót ở trên một cách hết sức cung kính. Sau đó, mỗi người quay về chỗ của mình. Khi họ làm, tất cả các việc đó, họ dâng các tặng phẩm như tôi đã nói với các bạn ở trên, đó là những tặng phẩm rất sang trọng và rất có giá trị. Khi dâng các tặng phẩm xong và Đại Hãn đã nhìn thấy tất cả những tặng phẩm này, người ta cho dọn tất cả các bàn ăn ra. Khi dọn bàn xong, mỗi người liền ngồi vào chỗ của mình theo thứ tự như tôi đã nói với các bạn ở trước. Khi mọi người ăn xong, những người làm trò đến trình diễn cho mọi người xem như bạn đã nghe nói. Khi mọi việc kết thúc, mọi người mới quay về nhà.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ 12 NGÀN CẬN THẦN THAM DỰ CÁC CUỘC LỄ NÀY

Các bạn nên biết rằng, Đại Hãn đã bổ nhiệm mười hai ngàn quan cận thần gọi là Quesitans như tôi đã nói; ông ban cho mỗi người mười ba bộ lễ phục hoàn toàn khác nhau, tức là tất cả mười hai ngàn bộ đều cùng màu, và mười hai ngàn bộ khác có màu khác, đến nỗi chúng có mười ba màu khác nhau; chúng còn được đính đá quý, kim cương và những thứ sang trọng khác rất có giá trị. Ngoài ra ông còn ban cho họ, mỗi người cùng với bộ lễ phục, mỗi năm mười ba lần, một dây nịt bằng vàng rất đẹp, rất sang và rất có giá trị, một đôi giày bằng da lạc đà thêu chỉ bạc một cách cực kỳ tinh xảo. Khi họ mặc lễ phục, mỗi người trông giống như một vị vua. Mỗi một trong số mười ba cuộc lễ, họ được lệnh phải phải mặc bộ lễ phục nào. Chúa thượng cũng có mười ba bộ giống như những bộ của các cận thần và cũng cùng màu; nhưng những bộ của ông sang trọng hơn, quý phái hơn và có giá trị hơn, đến nỗi chúng tương đương với biết bao kho báu.

Tôi sẽ nói cho các bạn biết một điều khác nữa mà tôi đã quên nói đến, nó có thể là điều kỳ diệu đối với các bạn. Vào ngày lễ, một con sư tử to lớn được đưa đến trước mặt Chúa thượng. Nhìn thấy ông, con sư tử liền phủ phục trước mặt ông và tỏ dấu thần phục và hình như cũng nhận biết ông là Chúa thượng của nó. Nó ở trước mặt ông như thế mà không cần bất cứ sợi dây xích nào. Quả là một điều kỳ lạ đối với tất cả những ai mới nghe nhưng chưa bao giờ thấy.

ĐẠI HÃN HẠ LỆNH CÁC THẦN DÂN MANG ĐẾN CHO ÔNG THỊT SĂN NHƯ THẾ NÀO?

Trong ba tháng Chúa thượng ở tại thành phố đứng đầu, đó là tháng Mười, tháng Giêng và tháng Hai, triều đình quy định rằng trong một thời hạn chừng bốn mươi ngày, những thợ săn phải săn bắn, bẫy chim và gởi đến phần thịt săn lớn nhất mà họ săn được, tức là heo rừng, nai cái, hoẵng, nai, sư tử, gấu, những loài thú rừng lớn khác và những loài có lông vũ và tất cả những con thú mà người ta muốn gởi đến cho Đại Hãn; người ta phải cho lấy toàn bộ lòng ruột ra, đặt chúng lên những chiếc xe và gởi đến cho Đại Hãn. Chỉ những người có số lượng thịt săn nhiều ở cách xa từ hai mươi đến ba mươi ngày đường mới làm chuyện này. Những người ở quá xa không thể gởi thịt thì gởi bộ da đã được hoàn toàn xử lý để Chúa thượng sử dụng chúng vào những nhu cầu vũ khí của quân đội.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ NHỮNG CON SƯ TỬ, BÁO VÀ CHÓ SÓI ĐƯỢC HUẤN LUYỆN ĐỂ ĐI SĂN

Các bạn cũng nên biết rằng Đại Hãn có những con báo được thuần hóa kỹ và tất cả đều săn bắt những con thú rất cừ. Ông còn có một số lượng lớn những chó sói được thuần hóa, tất cả đều bắt được thú và rất giỏi trong việc đi săn. Ông cũng có nhiều sư tử (dĩ nhiên là cạp) lớn hơn những con ở Babylonie, chúng có màu lông rất đẹp, vì chúng có những sọc dài đen, vàng, trắng; chúng được huấn luyện để săn heo rừng, bò rừng, gấu, lừa rừng, nai và các loại thú lớn và khỏe khác. Tôi cho các bạn biết rằng thật hết sức ngoạn mục khi nhìn thấy những con thú thật khỏe do những con sư tử đó săn bắt. Khi muốn đi săn với những con sư tử (cạp) này, người ta chở nó trên một chiếc xe kéo trùm kín và mỗi con đều có một con chó nhỏ đi kèm. Ngoài ra còn có một số lớn chim phượng hoàng, tất cả đều được huấn luyện để bắt chó sói, chồn, hoẵng, và dê con; chúng bắt được rất nhiều. Nhưng những con được huấn luyện để bắt chó sói rất lớn và rất khỏe, vì không có con sói nào có thể thoát khỏi móng vuốt của chúng.

Bây giờ tôi sẽ cho các bạn biết Đại Hãn đã cho giữ một số rất lớn những con chó to như thế nào.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ HAI ANH EM NUÔI DẠY CHÓ

Đại Hãn có hai người cận thần là hai anh em ruột; một người tên là Baia và người kia là Mingan. Người ta gọi họ là *Cunia* (tiếng Trung Hoa gọi là Rinen tching, những người thông thạo về chó), từ này có ý nghĩa: biết rành những con chó ngao. Mỗi người trong hai anh em chỉ huy mười ngàn người, tất cả đều mặc đồng phục cùng màu, và mười ngàn người khác mặc màu khác: những người này mặc màu đỏ chói, những người khác, màu xanh lơ. Mỗi lần họ đi săn với Đại Hãn, họ phải mặc những bộ áo mà tôi đã nói để dễ nhận nhau. Trong mỗi nhóm mười ngàn người, có hai ngàn người mỗi người có một con chó ngao hoặc hai hoặc nhiều hơn, nên có số lượng chó rất đông. Khi Chúa thượng đi săn, một trong số hai cận thần này cùng với mười ngàn người và năm ngàn con chó đi một phía ở bên phải, và cận thần kia với cùng quân số người và chó đi bên trái. Bên này và bên nọ tạo thành một vòng tròn duy nhất để khép lại phần đất dài chừng một ngày đường; vì vậy không có bất cứ con vật nào mà không bị tóm gọn. Thật là ngoạn mục khi chứng kiến cuộc đi săn, sự chuyển động của những con chó và những người đi săn; vì trong khi Chúa thượng cưỡi ngựa cùng với các cận thần, bầy chim trong các truông; các bạn sẽ thấy những con chó to này chạy đến, con thì đuổi theo những con gấu, con thì lại đuổi theo những con nai, có con đuổi theo những con thú khác, săn đuổi chúng nơi này nơi nọ, khi thì chạy từ phía này khi thì chạy từ phía khác, thật là một cảnh tượng rất đẹp mắt và thú vị.

ĐẠI HÃN ĐI SĂN NHƯ THẾ NÀO?

Khi Chúa thượng ở tại thành phố đứng đầu trong ba tháng, tháng Mười Hai, tháng Giêng và tháng Hai. Ông lên đường vào ngày đầu tháng Ba và đi về hướng Nam, cho đến biển Océane, cách đó hai ngày đường. Ông dẫn theo mười ngàn người phụ trách chim săn và năm trăm chim ưng, những chim cắt và những loài khác nữa cùng với số lượng nhiều như chim bồ câu để bắt chim trên các dòng sông. Nhưng các bạn đừng tưởng ông giữ tất cả tại một chỗ duy nhất; ông phân phối bố trí chúng khắp nơi, từng nhóm một trăm đến hai trăm và có khi hơn; sau đó ông ra lệnh cho chúng bắt chim; phần lớn chim săn được mang đến cho Đại Hãn. Tôi cho các bạn biết rằng khi Đại Hãn cho đưa chim ưng và các loài chim khác đi săn, ông luôn có mười ngàn người xung quanh ông; ông đặt từng nhóm hai người sao cho họ có mặt trên một khoảng đất rộng. Mỗi

người có một cái còi và một miếng vải che mắt chim săn để họ có thể gọi và gìn giữ con chim của mình. Khi Chúa thượng ra lệnh thả những con chim săn ra, những người thả chúng không cần theo dõi phía sau, bởi vì những người mà tôi đã nói đều có mặt khắp nơi, họ theo dõi chúng kỹ đến nỗi chúng không thể bay bất cứ nơi nào mà không có những người bắt lại chúng. Nếu những con chim cần sự giúp đỡ, họ liền giúp chúng ngay.

Tất cả các con chim săn của Đại Hãn đều mang một thẻ kim loại gắn ở chân để dễ nhận biết, tất cả các con chim của các cận thần khác cũng thế, chúng đều mang thẻ ghi tên của chủ và của người săn sóc chúng. Bằng cách này, nếu chim có bị bắt, nó sẽ được trả về cho chủ ngay. Nếu người ta không biết nó thuộc về ai, người ta mang nó đến một vị quan phụ trách gọi là *bularguesi*, nghĩa là người giữ những vật vô chủ. Vì nếu có ai bắt gặp một con ngựa hoặc một cây kiếm, hoặc một con chim, hoặc một vật nào khác, mà người ta không biết nó thuộc về ai, người ta liền mang nó đến cho vị quan này để giữ gìn. Nếu người nào tìm thấy một vật như thế mà không mang đến ngay, người đó sẽ bị vị quan này phạt. Những người nào đánh mất thứ gì đó sẽ đi tìm vị quan này, nếu ông có giữ vật đó, ông sẽ trả lại ngay tức khắc. Vị quan này luôn ở chỗ cao nhất của toàn thể cộng đồng, với cờ hiệu riêng để những người đã mất hoặc nhặt được thứ gì dễ dàng tìm gặp ông. Bằng cách này, không có thứ gì mất mà không tìm được và hoàn lại cho người mất.

Trên đường đi theo Chúa thượng về phía biển Océane, người ta có thể thấy những thứ rất đẹp, những cuộc săn chim rất ngoạn mục, không có điều gì trên đời này thú vị cho bằng. Đại Hãn di chuyển trên bốn con voi chở một căn phòng bằng gỗ rất đẹp, toàn bộ bên trong được phủ bằng những tấm ra dát vàng và bên ngoài bằng bộ lông sư tử. Trong phòng này, ông giữ lại mười hai con chim ưng cừ khôi nhất. Bên cạnh ông còn có nhiều quan cận thần tháp tùng. Đôi khi Chúa thượng đi bách bộ trong phòng, các quan cận thần cưỡi ngựa đi xung quanh và hét to.

- Thừa Chúa thượng, những con hạc đang bay qua,

Ông liền cho mở cửa phòng ngay và nhìn ngắm chúng. Ông bắt lấy chim ông thích và cho nó bay đi. Thông thường, ông cho chim ưng hạ con mồi trước mặt ông. Thật hồ hởi và sung sướng khi nhìn thấy tất cả những cảnh đó trong lúc ông đang nằm trên giường, trong phòng và xung quanh ông có tất cả các cận thần cưỡi ngựa. Khi ông đi thật xa đến một nơi gọi là Cacciarmodum, ông cho dựng những lều nghỉ ở đó, những lều của ông, của các con trai, của các cận thần và các cung phi gồm mười ngàn lều thật đẹp và lộng lẫy. Tôi sẽ kể cho các bạn biết nhà

ngiht được xây dựng như thế nào. Căn lều nơi ông cho bố trí triều đình lớn đến nỗi hơn một ngàn người có thể ở thoải mái trong đó. Cửa lều quay về hướng Nam, và chính trong phòng này các cận thần và kỵ sĩ tạm trú. Trong một phòng khác nối liền và hướng về phía Tây, Chúa thượng ngự giá. Khi ông muốn nói chuyện với người nào, ông cho người đi tìm người đó bên cạnh. Sau căn phòng lớn, có một buồng cho Chúa thượng ngự. Ngoài ra còn có những lều và buồng khác nữa, nhưng chúng không gần kề với lều lớn.

Mỗi một phòng của căn lều lớn có ba cột gỗ và được trải thảm bằng da sư tử rất đẹp, sao cho gió mưa không thể len lỏi vào; bên ngoài chúng được phủ bằng da sư tử có vân để chống lại những bất trắc của thời tiết. Toàn bộ bên trong được lót lông chồn hécmin và chồn zibeline, đó là những loại lông đắt nhất và đẹp nhất. Vì để lót một chiếc áo dài bằng lông zibeline, phải tốn hết hai ngàn livrơ vàng hoặc ít nhất là một ngàn. Những người Tácta gọi chúng là nữ hoàng của những bộ lông thú. Những căn lều mà tôi đã nói cho các bạn biết được lót và trang trí bằng hai thứ lông thú này một cách hết sức tinh xảo. Những dây thừng giữ vững các căn lều đều được làm bằng lụa. Tôi nói thật với các bạn là những căn lều này, tức là hai phòng và buồng có giá trị lớn đến nỗi bất cứ vua nào cũng không thể thanh toán nổi.

Xung quanh những căn lều này còn có những căn lều khác rất đẹp, được trang trí rất kỹ, trong đó có chỗ ở của Chúa thượng và là nơi ở của những người khác. Ngoài ra còn có những lều khác dành cho các loài chim săn và những người trông nom chúng. Trong cánh đồng này còn có những căn lều thuộc đủ thứ kiểu trông rất diệu kỳ. Toàn bộ giống như một thành phố lớn do số lượng người ở tại đó và đến đó hằng ngày từ khắp nơi. Vì có một đám đông các thầy thuốc, nhà chiêm tinh, người phụ trách chim săn và những người thuộc đủ mọi ngành nghề, và mỗi người đều có mang theo gia đình của mình, vì đó là phong tục.

Vậy là Đại Hãn ở lại nơi này cho đến đầu mùa xuân; trong suốt thời gian này, ông không làm gì khác hơn là chỉ bắn chim trong các vùng xung quanh, trên các hồ, sông có nhiều chim và xuyên qua những miền đất xinh đẹp, nơi sinh sống nhiều chim hạc và thiên nga cũng như tất cả các loài chim khác.

Tất cả các thuộc hạ của ông ở xung quanh cũng không ngừng săn và bắn chim và mang đến cho ông mỗi ngày một số lượng lớn thịt săn và chim chóc đủ loại. Tôi cho các bạn biết một điều khác nữa: không người nào dù là ai đi nữa, ở cách đó hai mươi ngày đường dám giữ bất cứ con chim nào cho thú bắn chim của mình hoặc chó để săn, nhưng trong bất kỳ nơi nào khác, mỗi

người có thể có bao nhiêu tùy ý mình. Hơn nữa, trong toàn lãnh thổ của Chúa thượng, không ai, dù bạo gan đến đâu đi nữa, cũng không dám bắt một trong những loài thú sau đây: thỏ rừng, nai, hoẵng và nai cái từ tháng Ba cho đến tháng Mười. Ai vi phạm sẽ bị xử tội. Nhưng có những người tuân phục lệnh của Chúa thượng đến nỗi khi đi đường, họ bắt gặp những con vật đó đang ngủ, họ không dám đụng đến chúng một chút nào. Vì vậy chúng sinh sôi nảy nở tràn đầy khắp lãnh thổ và Đại Hãn muốn bắt bao nhiêu cũng có. Nhưng qua thời hạn mà tôi đã nói với các bạn, từ tháng ba đến tháng mười, mỗi người đều có thể săn bắt tùy thích.

Khi Đại Hãn ngự tại nơi này từ tháng ba cho đến giữa tháng năm một cách thỏa thích, ông ra đi cùng với toàn bộ triều đình của ông và từ đó đi thẳng về cùng theo con đường mà ông đã đến cho đến tận thành phố lớn Canbaluc. Suốt dọc đường đi, ông vẫn tiếp tục săn bắn và bẫy chim để tiêu khiển.

ĐẠI HÃN ĐÃ CAI QUẢN TRIỀU ĐÌNH KHI BẮY CHIM TRỞ VỀ NHƯ THẾ NÀO?

Khi quay về thành phố Canbaluc, ông ở trong cung của mình ba ngày và không lâu hơn, ông cho tổ chức tiệc mừng cùng với những bà vợ của ông. Sau đó, từ cung điện ở Canbaluc, ông đi vào thành phố mà ông cho xây dựng và có tên là Ciandu, như tôi đã kể cho các bạn ở phần trước.

Ông ở đó mùa hè vì trời nóng nực cho đến ngày hai mươi tám tháng Tám, rồi mới quay lại thành phố Canbaluc.

Bạn nên biết rằng thành phố Canbaluc có rất nhiều nhà và dân cư; trong thành cũng như ngoài thành, như là một điều khó tin, vì có bấy nhiêu thị trấn là có bấy nhiêu cửa, tức là mười hai thị trấn rất lớn; ở đó có nhiều người hơn ở trong thành phố. Trong các thị trấn này có những nhà buôn và những người nước ngoài cư ngụ, họ đến từ khắp nơi để mang quà cho Chúa thượng hoặc để bán hàng cho triều đình; ở đó, có nhiều ngôi nhà đẹp như trong thành phố, không kể những ngôi nhà của các quan lớn và các cận thần đông đảo.

Các bạn nên biết rằng, trong thành phố, người ta không được phép chôn bất cứ người chết nào; những tín đồ ngẫu tượng mang xác đi hỏa thiêu ngoài thành phố và thị trấn, ở một nơi xa được quy định cho công việc này; đối với các tín đồ khác, họ chôn người chết xuống đất, như

những người Ki tô hữu, người Sarrasin và những hạng người khác; người ta cũng mang xác ra xa các thị trấn, đến một nơi đã được quy định, nên đất đai có giá trị hơn và trong sạch hơn.

Ngoài ra, bất cứ phụ nữ nào bán dâm đều không được ở trong thành phố, nhưng tất cả phải ở trong các thị trấn. Có rất nhiều phụ nữ dành cho số người nước ngoài đông đảo đến mức lạ lùng. Vì tôi cho các bạn biết rằng có hơn hai mươi ngàn phụ nữ làm tiền bằng thân xác của mình. Tất cả đều vì cuộc sống, do đó, bạn thấy dân cư rất đông.

Trong thành phố này, có những hàng hóa mắc mớ có giá trị lớn và những thứ từ phương xa tuôn đến, nhiều hơn ở bất cứ thành phố nào trên thế giới, và với số lượng lớn hơn bất cứ nơi nào, vì mọi người từ khắp nơi đều mang hàng đến; có thứ dành cho Đại Hãn, thứ khác dành cho triều đình, có thứ dành cho thành phố quá rộng lớn, thứ khác nữa dành cho các quan cận thần và kỵ sĩ đông đảo, có những thứ dành cho các đội quân lớn của Chúa đang trú đóng trong những vùng lân cận. Tất cả mọi thứ đều tuôn đến nhiều vô kể, nên không ngày nào trong năm là không có hàng ngàn chuyến xe chở lụa đi vào thành phố, nhờ đó, người ta làm nhiều loại vải bằng vàng, bằng lụa và những thứ khác nữa. Không có gì lạ, vì trong tất cả các vùng lân cận, không hề có vải lanh: vì vậy đều thích hợp nhất là làm mọi thứ đều bằng lụa. Thật ra một vài nơi, họ vẫn có bông vải và đay gai, nhưng họ không dùng bao nhiêu vì số lượng lụa quá nhiều, rẻ và có giá trị lớn hơn lanh và bông vải.

Quanh thành phố lớn Canbaluc, có hơn hai trăm thành phố nhỏ, những thành phố này lại gần những thành phố khác. Từ mỗi thành phố đều có những nhà buôn đến để bán hàng hóa và mua những hàng hóa khác cho các lãnh chúa. Tất cả đều tìm cách bán cho được hàng và mua vào những mặt hàng khác: Điều này chứng tỏ các thành phố này đều có ngành thương mại rất phát triển.

Bây giờ tôi sẽ nói các bạn về ngân hàng La Seque của Đại Hãn tọa lạc ngay trong thành phố, nơi đây Chúa cho đúc và khắc đồng tiền của mình, đồng thời cho các bạn thấy rõ vì sao Chúa thượng còn giàu có nhiều hơn nữa.

ĐẠI HÃN CHO LƯU HÀNH TRONG NƯỚC TIỀN

GIẤY BẰNG VỎ CÂY NHƯ THẾ NÀO?

Trong thành phố Canbaluc, có ngân hàng Seque (tiếng Venise gọi là Zecca, ngân hàng) của Đại Hãn. Ngân hàng được thiết lập khiến cho mọi người có thể khẳng định rằng Chúa thượng nắm giữ bí quyết về thuật giả kim một cách hoàn hảo và phù hợp với lẽ phải, vì ông cho đúc một loại tiền mà tôi sẽ nói với các bạn sau đây. Ông cho lấy vỏ những cây dâu, thứ cây mà các con tằm làm ra lụa ăn lá. Cây này được trồng nhiều trong tất cả các miền. Người ta lấy một lớp vỏ mỏng và trắng nằm giữa lớp gỗ của cây và lớp vỏ dày bên ngoài; từ lớp vỏ mỏng này, người ta làm ra một thứ trông giống như là giấy nhưng rất đen (ý nói sậm hơn giấy thường). Khi làm ra những miếng bìa các tông, người ta cắt chúng ra theo cách này: loại nhỏ nhất trị giá một nửa *tournesol*; một loại khác hơi lớn hơn giá trị bằng một *tournesol*; một loại khác hơi lớn hơn một chút có giá trị bằng một nửa đồng bạc lớn Venise; một loại khác nữa, một đồng bạc lớn Venise; một loại khác, năm đồng bạc lớn; một loại khác, sáu đồng bạc lớn; một loại mười đồng bạc lớn; một loại bằng một đồng Byzance vàng; một loại bằng hai đồng Byzance vàng; một loại bằng ba đồng Byzance vàng; một loại bằng bốn đồng Byzance; một loại bằng năm đồng Byzance và cứ thế cho đến mười đồng Byzance vàng. Tất cả các tấm phiếu này đều đóng dấu ấn của Chúa thượng. Ông cho làm ra một số lượng lớn hàng năm, đến nỗi không có đồng tiền nào có giá trị như nó; toàn bộ kho tàng trên thế gian này cũng không sánh được với nó. Khi những tấm phiếu này được làm theo cách như tôi đã nói với các bạn, ông cho thanh toán các khoản chi tiêu, và phân phát chúng cho từng người trong tất cả các tỉnh, tất cả các vương quốc, tất cả các lãnh thổ, bất cứ nơi nào dưới quyền cai trị của ông. Không ai dám từ chối chúng, vì ai từ chối liền bị hành hình ngay, cho dù người đó được ông yêu mến như thế nào đi nữa. Ngoài ra mỗi người sử dụng chúng tùy thích vì bất cứ nơi nào họ đến, nếu thuộc quyền cai trị của Đại Hãn, họ đều có thể chi tiêu những tấm phiếu này và thanh toán cho các món hàng hóa mà họ đã mua hoặc bán, cũng tốt như tiền bằng vàng ròng. Hơn nữa các phiếu này nhẹ đến nỗi một phiếu trị giá mười đồng Byzance vàng cũng không nặng bằng một đồng Byzance.

Bạn nên biết rằng, tất cả các nhà buôn từ Ấn Độ hoặc các nước khác đến cùng với vàng bạc, đá quý hoặc ngọc trai không dám bán chúng trong thành phố này cho bất cứ người nào khác ngoài Chúa thượng. Ông chỉ định mười hai quan chức để làm công việc này, họ là những người

khôn ngoan, thạo việc kinh doanh mua bán, và Chúa ra lệnh cho họ thanh toán thật rộng rãi với những tấm phiếu đó; các nhà buôn chấp nhận chúng một cách thoải mái, vì không người nào khác cho họ nhiều như thế, và họ được thanh toán ngay tại chỗ. Hơn nữa, với đồng tiền này, họ có thể mua tất cả những thứ họ muốn ở bất cứ đâu; nó cũng nhẹ nhàng hơn khi đi du lịch. Đến nỗi Chúa thượng càng mua nhiều hàng hóa mỗi năm bao nhiêu thì kho tàng của ông càng vô tận bấy nhiêu; ông thanh toán hàng hóa bằng một thứ tiền chẳng có giá trị gì đối với ông, nếu như các bạn biết rõ. Sau cùng, mỗi năm, ông nhiều lần công bố trong thành phố rằng tất cả những ai có vàng, bạc, ngọc trai và đá quý phải mang chúng vào ngân hàng Seque, nơi họ sẽ được thanh toán đầy đủ và hào phóng. Và họ tự ý mang chúng đến đổi chác, vì họ không thấy ai trả cho họ nhiều như thế. Thật là một điều kỳ diệu.

Bằng cách này, Chúa thượng có được toàn bộ kho tàng từ đất đai của ông.

Khi những tấm phiếu bị hỏng, mặc dù chúng khá bền, người ta vẫn mang chúng đến ngân hàng Seque để đổi lấy những tấm phiếu mới bằng cách chịu lời ba phần trăm. Nhưng nếu một quan chức hoặc một người nào khác, bất luận là ai đi nữa, cần vàng hoặc bạc hoặc đá quý hoặc ngọc trai để làm bát đĩa hoặc những thứ sang trọng khác, họ có thể đến ngân hàng Seque và mua tất cả những gì mình muốn bằng các tấm phiếu.

Tôi đã kể với các bạn cách thức và những lý do mà Đại Hãn có thể chiếm hữu và chiếm hữu nhiều kho báu hơn tất cả những người trên thế gian này, bây giờ tôi sẽ nói cho các bạn biết về các quan dưới quyền Đại Hãn ở trong thành phố này.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ 12 VỊ QUAN ĐẠI THẦN CAI QUẢN TẤT CẢ CÔNG VIỆC CỦA ĐẠI HÃN

Các bạn nên biết rằng Đại Hãn đã bổ nhiệm mười hai vị đại thần để ủy thác tất cả những việc cần thiết để quản lý ba mươi bốn tỉnh. Mười hai vị đại thần này đều ở chung trong một dinh thự rất đẹp và rộng rãi trong thành phố Canbaluc. Dinh thự này gồm có nhiều nhà và nhiều phòng. Mỗi tỉnh có một thẩm phán và nhiều thư ký; tất cả đều ở trong dinh thự này, mỗi người ở trong căn nhà của mình. Vị thẩm phán và những thư ký này làm tất cả những việc cần thiết cho tỉnh mà họ được bổ nhiệm; điều này nằm dưới quyền điều động của mười hai vị đại thần. Ngoài ra khi có việc nghiêm trọng, mười hai vị đại thần đệ trình lên Chúa thượng. Ông sẽ thực thi điều mà ông

cho là tốt nhất. Nhưng mười hai vị đại thần có quyền hành lớn đến nỗi họ có thể tuyển chọn các lãnh chúa cho ba mươi bốn tỉnh mà tôi đã nói với các bạn. Khi họ đã chọn được những người tài giỏi và hoàn hảo, họ trình lên cho Đại Hãn biết. Ông ta phê chuẩn và ban cho họ lệnh bài vàng biểu hiện quyền lãnh chúa. Cả mười hai vị đại thần này còn có đầy đủ quyền hành để quyết định các đội quân phải đi đến nơi nào. Họ phái các đội quân đi đâu, với số lượng bao nhiêu, việc này đôi khi phải đệ trình cho Chúa thượng biết. Họ được gọi là Seieng, nghĩa là: Hội đồng tối cao. Dinh thự họ ở cũng được gọi là Hội đồng tối cao. Đó là quyền lực cao nhất trong triều đình của Đại Hãn, vì họ có quyền thi ân cho ai tùy ý họ.

Bây giờ tôi sẽ kể cho các bạn Chúa thượng phái các sứ giả và những người đưa thư của ông như thế nào và họ có những con ngựa luôn sẵn sàng để đi thật nhanh như thế nào.

CÁC SỨ GIẢ VÀ NGƯỜI ĐƯA THƯ TỪ CANBALUC QUA CÁC VÙNG VÀ TỈNH NHƯ THẾ NÀO?

Từ thành phố Canbaluc tỏa ra nhiều đường lớn và nhỏ dẫn đến nhiều tỉnh khác nhau; tức là một đường đi về tỉnh này, và đường khác sang tỉnh khác. Vì vậy mỗi đường đều mang tên của tỉnh mà nó hướng đến. Khi các sứ giả của Chúa thượng khởi hành từ Canbaluc bằng con đường nào bất kỳ, sau khi đi được hai mươi lăm dặm, họ gặp được một trạm gọi là *iamb*, chúng ta gọi đó là trạm ngựa. Ở trạm này có một dinh thự rất đẹp, to lớn và sang trọng, nơi ở của các sứ giả. Những căn phòng đầy đủ những chiếc giường đẹp lộng lẫy, với những ra lót giường bằng lụa và được trang bị bằng tất cả những gì thích hợp cho các sứ giả. Nếu một vị vua nào đến đó, ông sẽ được tiếp đãi rất nồng hậu. Trong mỗi trạm này có hơn bốn trăm ngựa. Một vài trạm chỉ có hai trăm con ngựa, tùy theo nhu cầu cần có giữa hai trạm. Chính Chúa thượng là người quyết định số ngựa phải chuẩn bị cho các sứ giả, khi ông phái họ đến nơi nào đó. Các bạn nên biết rằng cứ mỗi hai mươi lăm hoặc ba mươi dặm, mỗi con đường đều có một trạm được trang bị như tôi đã nói. Khi các sứ giả đi qua một nơi vắng vẻ nào đó không có nhà cửa hoặc quán trọ, Chúa thượng sẽ cho làm ít nhiều những trạm ngựa như tôi đã kể, trừ khi phải cưỡi ngựa trong những ngày dài hơn; vì nếu các trạm khác ở cách nhau hai mươi lăm hoặc ba mươi dặm, những trạm này sẽ cách nhau từ ba mươi lăm đến bốn mươi lăm dặm. Nhưng chúng cũng được trang bị tốt như những trạm khác với tất cả những phương tiện cần thiết như ngựa và tất cả những vật dụng khác, sao cho các sứ giả của Chúa thượng đi đi lại lại, có đủ đồ trang bị theo như ý họ muốn, ở bất cứ nơi

nào họ đến. Đó là điều vĩ đại nhất, sang trọng nhất mà chúng ta chưa bao giờ nghe thấy, và không bao giờ có vị hoàng đế nào, vị vua nào hoặc lãnh chúa nào giàu có đến như vậy. Vì đúng là có hơn ba trăm ngàn con ngựa ở trong các trạm này dành riêng cho các sứ giả; ngoài ra các dinh thự gồm hơn mười ngàn dinh, tất cả đều được trang bị những yên cương lông lầy như tôi đã kể.

Tôi sẽ kể với các bạn một chuyện khác nữa mà tôi đã quên, một việc làm rất tốt để thêm vào chuyện này. Đại Hãn ra lệnh giữa trạm này và trạm khác, trên bất cứ con đường nào, cứ mỗi ba dặm đều có một lâu đài với bốn mươi nhà xung quanh, trú ngụ ở đó là những người đi bộ mang tin tức của Chúa thượng bằng cách này: mỗi người mang một dây nịt lớn và rộng, mang đầy lục lạc (những người đưa thư đeo lục lạc vẫn còn tồn tại, nhưng đi ngựa, vào thời P. Hue năm 1846) để khi thi hành nhiệm vụ, mọi người nghe được từ xa; họ vừa đi vừa chạy từ lâu đài này đến lâu đài khác cách xa ba dặm, ở đó có một người khác cũng mang lục lạc, sẵn sàng chuẩn bị khi người này nghe người kia đến, và khi người kia vừa tiếp xúc với y, y liền lấy tin của người đó mang đến, với hành trang của một người viết chữ, và y chạy đến ba dặm khác. Như thế những người chạy thay nhau mỗi ba dặm, bằng cách này Chúa thượng có một số đông người chạy bộ mang thư và tin tức cách xa mười ngày đường đến cho ông trong một ngày và một đêm; vì họ đi ban đêm cũng như ban ngày; và khi cần thiết, họ đến từ cách xa một trăm ngày đường trong vòng có mười ngày và mười đêm, đây là một kỳ quan vĩ đại. Nhiều lần những người này mang đến cho Chúa thượng những trái cây hoặc những thứ khác ở cách xa mười ngày đường trong một ngày. Chúa thượng không lấy bất cứ thứ thuế nào đối với những người này, nhưng còn ban cho họ tiền thu thuế của ông nữa.

Hơn nữa, trong các lâu đài mà tôi đã nói với các bạn, cũng có những người mang những dây thắt lưng treo đầy lục lạc, để khi có nhu cầu cấp bách phải mang tin tức đến cho Chúa thượng, hoặc một vị đại thần nào nổi loạn hoặc một việc gì cấp bách khác, họ có thể vượt hai trăm năm mươi đến ba trăm dặm trong một ngày. Họ lấy ở trạm, nơi họ ở, những con ngựa hoàn toàn sẵn sàng, mạnh khỏe và chạy tốt, và họ chạy một mạch thật nhanh theo khả năng của con ngựa. Khi nghe họ chạy đến nhờ tiếng lục lạc, những người ở trạm sau sẽ chuẩn bị ngựa và người được trang bị sẵn, để một khi những người trước đến nơi, những người sau lấy những thứ của tốp trước mang, thư hoặc thứ gì khác, và bắt đầu chạy cho đến trạm ngựa tiếp theo. Những người này rất được kính trọng; bụng, chân, đầu họ được quấn băng để giúp họ chống lại sự mệt mỏi. Họ luôn mang theo bên mình một lệnh bài có hình chim ưng, nếu ngựa bị mệt lử hoặc có sự ngăn

trở nào khác, họ có thể lấy ngựa của bất cứ người nào họ gặp trên đường đi và không ai dám từ chối lời yêu cầu của họ.

Dù ngựa trong các trạm có nhiều, nhưng Chúa thượng không tiêu tốn cho chúng tí nào. Tôi sẽ cho các bạn biết vì sao. Đại Hãn cho thiết lập danh sách những người sống gần các dinh thự và số ngựa mà họ có thể cung cấp: chúng được dành riêng cho trạm. Bằng cách này, tất cả các trạm của các thành phố, thị xã, thị trấn đều được cung cấp, ngoại trừ đối với những vùng hoang mạc mà Chúa thượng cho cung cấp bằng những con ngựa riêng của ông.

Bây giờ chúng ta sẽ bỏ qua những người đưa thư và những trạm ngựa này và chúng tôi sẽ nói với các bạn về lòng tốt vĩ đại mà Chúa thượng dành cho dân tộc ông hai lần mỗi năm.

ĐẠI HÃN GIÚP DÂN LÚC LÚA MÌ MẮT MÙA VÀ DỊCH GIA SÚC NHƯ THẾ NÀO?

Chúa thượng phái các sứ giả của mình đi khắp lãnh thổ, vương quốc và tỉnh để biết những người dân có bị thiệt hại nào về lúa mì do thời tiết xấu hoặc bão tố hoặc thảm họa nào khác hay không. Đối với những người bị thiệt hại mất mùa, ông không buộc họ đóng bất cứ loại thuế nào trong năm đó, thậm chí ông còn ban cho họ lúa mì của ông, để họ có lương thực để ăn và gieo cấy. Đó thật sự là lòng tốt vô biên của Chúa thượng. Khi mùa đông đến, tại nhà của những người có nuôi gia súc, ông cũng cho kiểm tra xem họ có bị thiệt hại do tỉ lệ gia súc chết hoặc dịch bệnh nào khác hay không. Ông không đòi hỏi bất cứ thứ thuế nào vào năm đó đối với những người bị thiệt hại, nhưng ông còn ra lệnh ban cho họ gia súc của ông. Bằng cách này, như các bạn đã nghe, Chúa thượng đã giúp đỡ cho thần dân của ông mỗi năm.

ĐẠI HÃN ĐÃ CHO TRỒNG CÂY Ở CÁC CON ĐƯỜNG NHƯ THẾ NÀO?

Các bạn nên biết rằng Chúa thượng còn ra lệnh là dọc theo tất cả những đường cái, nơi các sứ giả và những người khác qua lại, phải trồng những cây to, cây này cách cây kia hai hoặc ba bước chân, sao cho các con đường được nhìn thấy từ rất xa và những người đi đường không đi lạc vào ban ngày cũng như ban đêm; và người ta cũng bắt gặp những cây lớn ngay trên những con đường

vắng vẻ, đây là một sự giúp đỡ lớn lao đối với khách bộ hành. Cần phải có cây xanh trên tất cả các con đường.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ RƯỢU MÀ NGƯỜI DÂN CATAY UỐNG

Bạn nên biết rằng phần đông dân Catay uống rượu như tôi sẽ nói với các bạn sau đây. Họ làm một thứ nước uống từ gạo với nhiều gia vị ngon, để cho nó ngon hơn bất cứ thứ rượu nho nào khác, vì nó rất ngon, trong và bổ. Nó làm cho say nhanh hơn bất cứ rượu nho nào khác, vì nó rất nóng.

ĐẠI HÃN LÀM VIỆC BÁC ÁI CHO NGƯỜI NGHÈO NHƯ THẾ NÀO?

Tôi đã kể cho các bạn biết Đại Hãn đã chia sẻ cho nhân dân tất cả những gì vào lúc giá cả đắt đỏ như thế nào, vì ông cho tích trữ vào thời kỳ giá lương thực rẻ, bây giờ tôi muốn kể cho các bạn biết ông đã làm việc bác ái và bố thí cho những người nghèo của thành phố Canbaluc như thế nào. Ông ra lệnh chọn ra những gia đình trong thành phố hay đau yếu, những gia đình có sáu, tám hay mười người hoặc hơn nữa, tổng cộng có một số rất lớn những người dân. Mỗi năm ông ban cho mỗi gia đình lúa mì và các loại lúa khác để đủ dùng trong suốt năm. Hơn nữa, những người nào muốn xin của bố thí mỗi ngày tại cung đình, mỗi người có thể nhận được một chiếc bánh mì nóng và lớn, và không có ai bị từ chối, vì đó là lệnh của Đại Hãn. Đến nỗi mỗi ngày có hơn ba mươi ngàn người đi xin bố thí. Đó là lòng tốt vĩ đại của Đại Hãn đã đoái thương dân chúng nghèo khổ. Vì vậy họ tôn sùng ông như một vị thần linh.

Tôi đã nói với các bạn tất cả những gì liên quan đến thành phố Canbaluc, bây giờ chúng ta sẽ rời khỏi thành phố này và đi vào nước Catay để nói với các bạn về những sự việc vĩ đại, phong phú ở đó.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH CATAY VÀ VỀ CON SÔNG PULISANCHI

Các bạn nên biết rằng Đại Hãn sai Ngài Marco Polo, người kể tất cả những câu chuyện này, với tư cách là sứ giả đến phần đất ở phía Tây; từ Canbaluc, ông đi bốn tháng về hướng Tây. Ông sẽ kể cho các bạn tất cả những gì ông thấy trên đường đi, lúc đi cũng như lúc trở về.

Khi khởi hành từ thành phố Canbaluc và đi ngựa mười dặm, người ta đến một con sông rất lớn có tên là Pulisanchi (Lou Kéou hoặc Sang Kan) và chảy ra biển Océane, nó chuyên chở nhiều nhà buôn và hàng hóa. Trên sông này có một cây cầu đá rất đẹp, ít có cây cầu nào lại đẹp như thế. Nó dài hơn ba trăm bước, vì mười người cưỡi ngựa có thể dàn hàng ngang đi qua vẫn được. Cầu có hai mươi bốn nhịp và hai mươi tám trụ cầu trong nước, nó được xây bằng hai lớp đá cẩm thạch rất đẹp và khá vững chắc. Mỗi bên cầu có một bức tường làm bằng những tấm đá cẩm thạch và những cây cột ở đầu cầu có một cột cẩm thạch được nâng đỡ bởi một con sư tử bằng cẩm thạch và ở đỉnh cột này cũng có một con sư tử khác bằng cẩm thạch; các con sư tử trông rất đẹp, vĩ đại và được điêu khắc một cách tinh xảo; cách cột này một bước chân, có một cây cột khác với hai con sư tử hoàn toàn giống với cây cột đầu tiên. Khoảng cách giữa hai cột được khép kín bằng những tấm đá cẩm thạch để người dân không bị rơi xuống nước. Cứ như thế trên toàn bộ chiều dài, đây là điều trông rất ngoạn mục.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ LỚN GIGUI

Từ chiếc cầu này cưỡi ngựa đi ba mươi dặm về hướng Tây, qua những đồng cỏ tươi tốt làm thức ăn cho gia súc, những vườn nho xinh xắn, những cánh đồng và những con suối đầy thơ mộng, chúng ta bắt gặp một thành phố có tên là Gigui (Tcho Tchéou, phía Tây Nam Bắc Kinh) rộng lớn và xinh đẹp. Ở đây có nhiều tu viện của các tín đồ thờ ngẫu tượng. Dân cư sống về buôn bán và thủ công; ở đây, người ta gia công vải lụa và vàng cũng như gỗ đàn hương. Khi từ thành phố này cưỡi ngựa đi mất một dặm, người ta bắt gặp hai con đường, một đi về hướng Tây, một đi về hướng Nam. Con đường hướng Tây đến Catay, và đường hướng Nam đi đến tỉnh Mangi. Người ta cưỡi ngựa trong 10 ngày về hướng Tây xuyên qua tỉnh Catay đồng thời gặp các thành phố thị trấn và nhiều địa điểm buôn bán và thủ công sầm uất, những cánh đồng và vườn nho xinh

đẹp, những người dân lịch sự. Nhưng vì không có điều gì quan trọng đáng kể, tôi sẽ không nói với các bạn điều gì và sẽ nói về một vương quốc gọi là Taianfu.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ VƯƠNG QUỐC TAIANFU

Khi cưỡi ngựa đi 10 ngày từ thành phố Gigui, người ta đến một vương quốc gọi là Taianfu (Thai Yuan Fou). Thành phố cũng có tên là Taianfu, lớn và xinh đẹp, đó là thủ đô của vương quốc, ở đây người ta làm nhiều yên ngựa, mà quân đội của Đại Hãn rất cần. Có nhiều vườn nho rất xinh đẹp, vì vậy dân cư sản xuất nhiều rượu vang, vì trong toàn tỉnh Catay, không có nơi nào sản xuất rượu, ngoại trừ nơi đây. Người dân còn sản xuất nhiều lụa, vì họ là những người trồng dâu nuôi tằm rất nhiều. Đi ngựa từ thành phố Taianfu về hướng Tây trong bảy ngày qua những vùng đất thơ mộng, người ta gặp nhiều thành phố và thị trấn sống về nghề buôn bán và nhiều nghề khác nhau. Có nhiều nhà buôn lớn từ vùng này đi sang Ấn Độ và những nước khác để làm ăn buôn bán. Khi cưỡi ngựa đi trong bảy ngày đường, người ta đến một thành phố có tên là Pianfu rất lớn và rất giàu có, trong thành phố, các nhà buôn sống về các ngành thủ công và buôn bán. Họ sản xuất nhiều lụa.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ LÂU ĐÀI CACIANFU VÀ CUỘC TRANH CẢI CỦA VUA JEAN

Khi đi ngựa từ Pianfu về hướng Tây trong hai ngày, chúng ta gặp một lâu đài sang trọng gọi là Cacionfu (Ho Tchoung Fou), xưa có một ông vua của vùng này có biệt hiệu là Vua Vàng. Trong lâu đài có một cung điện rất lớn và rất đẹp, trong đó có hình vẽ của các vua đã từng sống ở vùng này xưa kia; cung điện được dát vàng toàn bộ và treo đầy những bức tranh tuyệt đẹp; đó là công trình của tất cả các vua đã lần lượt cai trị tỉnh này.

Tôi sẽ kể cho các bạn nghe một câu chuyện thú vị xảy ra giữa Vua Vàng và vua Jean, theo như các cư dân của lâu đài kể lại. Vua Vàng đang đánh nhau với vua Jean. Ông ở một nơi rất kiên cố, đến nỗi vua Jean không thể nào đến hoặc làm hại ông ta được, vì vậy vua Jean tỏ ra rất bức tức. Do đó, bảy người hầu trong triều đình của vua Jean họp nhau lại và nói với ông rằng, nếu ông muốn, họ sẽ mang Vua Vàng còn sống đến nộp cho ông. Ông trả lời rất muốn và đồng ý với họ. Khi chào tạm biệt vua Jean, lãnh chúa của họ, tất cả bọn cùng nhau lên đường với một toán tù binh và đi đến với Vua Vàng. Họ đến trình diện và nói với ông họ từ một nước xa lạ đến

để phục vụ hầu hạ ông. Ông nói họ là những người sẽ được đón tiếp nồng hậu, và việc phục vụ của họ sẽ làm cho ông rất hài lòng, giống như những người không nghĩ đến bất cứ sự dữ nào. Nhờ cách này, những tên hầu xấu xa bắt đầu phục vụ Vua Vàng và hoàn thành những công việc tốt đến nỗi nhà vua thương yêu họ và xem họ như là những đứa con cưng.

Khi họ ở với nhà vua trong gần hai năm, như những người không nghĩ gì đến việc mưu phản, một ngày nọ, họ cùng nhà vua đi du ngoạn với một số ít thuộc hạ thân tín của vua. Khi đi qua một con sông cách lâu đài một dặm, họ thấy còn lại chỉ có họ với nhà vua, họ tự nhủ với nhau đã đến lúc thực hiện mục đích của mình. Tất cả đều đưa tay rút kiếm ra cùng một lúc và bảo vua phải đi theo họ hoặc nếu không, họ sẽ giết chết ông. Khi nhà vua hiểu ra sự việc, ông rất ngạc nhiên, lo sợ và nói với họ:

- Thế nào, các con trai, các con nói gì vậy? Các con muốn ta phải đi đâu?

Họ trả lời ông:

- Dù muốn hay không, bệ hạ cũng sẽ đến tận Đức vua của chúng tôi, vua Jean.

Khi Vua Vàng nhận thấy sự việc, ông hết sức buồn, vì chẳng bao lâu nữa, ông sẽ bị giết. Ông nói với họ:

- Vì Thiên Chúa, các con hãy thương xót và gia ơn cho ta! Các con nên biết là ta đã tôn trọng các con và đối với các con thân thiết biết chừng nào trong nhà của ta, và các con lại trao ta vào tay kẻ thù của ta. Nếu các con làm như vậy, đó là các con đã làm điều xấu xa, điều bất trung và đê tiện rất lớn.

Họ đáp lại là ông buộc phải ra đi, và họ dẫn ông đến cho Chúa của họ là vua Jean. Khi vua Jean nhìn thấy Vua Vàng, ông tỏ ra hết sức vui mừng và nói Vua Vàng là kẻ không mời mà đến. Nhà vua không đáp lại lời nào, giống như ông không biết phải nói điều gì. Vua Jean ra lệnh đưa ông ra ngoài để chặn giữ gia súc và cho người giám sát ông thật kỹ. Vậy là ông bị bắt và bị buộc phải chặn giữ gia súc. Điều vua Jean làm là vì tức giận ông ta, khinh rẻ ông ta và chứng minh cho ông ta thấy ông chỉ là hư không đối với mình. Khi Vua Vàng canh giữ gia súc như thế trong hai năm, vua Jean ra lệnh đưa ông đến trước mặt mình và ca tụng ông, cho ông mặc bộ đồ sang trọng và nói với ông:

- Hỡi nhà vua, bây giờ ngài có thể thấy rõ rằng ngài không phải là người có thể đương đầu lại ta.

- Đúng vậy, thưa Điện hạ, tôi thấy và tôi luôn thấy rõ ràng, tôi không phải là người có thể chống lại Điện hạ.

- Tôi không đòi hỏi ngài điều gì khác, vua Jean trả lời, và từ giờ trở đi, ta sẽ ra lệnh cho người phục vụ và kính trọng ngài.

Vua Jean ra lệnh ban cho Vua Vàng ngựa và yên cương cùng với đoàn tùy tùng đông đảo. Ông gởi trả vua về xứ sở của vua. Từ đó, Vua Vàng trở thành bạn của vua Jean và coi vua Jean như Chúa thượng của mình.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ CON SÔNG LỚN CARAMORAN

Từ lâu đài đi ngựa 20 dặm về phía Tây, chúng ta sẽ gặp một con sông có tên là Caramoran (sông Đen theo tiếng Mông Cổ, hiện nay là sông Hoàng Hà), sông này lớn đến mức người ta không thể làm cầu bắc qua, vì nó rất rộng và sâu; nó chảy ra tận biển Océane bao quanh thế giới. Trên con sông này có nhiều thành phố và thị trấn đông đúc các nhà buôn, việc buôn bán trên sông này khá phát đạt vì trên miền sông này có nhiều củ gừng và lụa. Điều kỳ diệu là ở đây có rất nhiều loài chim; giá ba con chim trĩ là một đồng bạc lớn Venise. Khi vượt qua con sông này và đi ngựa hai ngày về hướng tây, chúng ta đến thành phố sang trọng trước kia được gọi là Cacionfu. Dân cư đều là tín đồ ngẫu tượng, giống như tất cả những người Catay. Đó là một thành phố thương mại và thủ công làm vàng quan trọng cũng như các ngành thủ công khác.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ QUENGNFU

Từ thành phố Cacionfu đi ngựa về hướng tây tám ngày đường, chúng ta bắt gặp các thành phố và thị trấn sầm uất với các ngành buôn bán và kỹ nghệ quan trọng; có nhiều cây cối và những khu vườn xinh đẹp, những cánh đồng trồng dâu bạt ngàn; đó là những loại cây mà những con sâu làm ra lụa ăn lá. Dân cư đều là tín đồ ngẫu tượng. Ở đây có nhiều chỗ săn bắn và bẫy chim. Sau khi đi ngựa mất tám ngày như tôi đã nói, chúng ta đến một thành phố có tên là Quengnfu (Si Ngan Fu, thời Marco Polo, thành phố này được gọi là King tchan foil), trước kia nó là một vương quốc sang trọng, giàu có, to lớn và có nhiều vị vua giàu sang và dũng cảm, nhưng hiện nay chỉ còn một vị vua là con trai của Đại Hãn, tên là Manglay. Đây là thành phố buôn bán và

thủ công quan trọng. Người ta sản xuất nhiều lụa, nhờ đó làm ra nhiều loại vải lụa và vải dệt vàng. Nơi đây, người ta còn sản xuất yên ngựa cho quân đội. Tất cả những nhu yếu phẩm cần cho đời sống đều rất rẻ. Dân cư là những tín đồ ngẫu tượng. Cung điện của Chúa ở ngoài thành phố. Nó rất lớn và rất đẹp như tôi sẽ nói sau đây. Nó nằm trong một đồng bằng rộng có sông lớn, hồ và những con suối. Xung quanh nó là một bức tường rất to và cao, dài chừng năm dặm, toàn bộ được xây kiên cố bằng đá cẩm thạch. Bên trong bức tường là cung điện của nhà vua, lớn và đẹp đến nỗi không ai có thể thiết kế tốt hơn. Cung điện có nhiều căn phòng đẹp và lớn, nhiều buồng hầu hết được trang trí và sơn son thếp vàng.

Vua Manglay cai trị vương quốc trong sự công bằng và luật pháp nghiêm ngặt, ông rất được thần dân yêu mến. Các đội quân đều đóng quanh cung điện.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH CUNCUN

Đi ngựa từ cung điện của vua Manglay về hướng tây trong ba ngày, chúng ta vượt qua những cánh đồng xanh tươi nơi đó có nhiều thành phố và thị trấn. Dân cư sống về buôn bán và thủ công; họ sản xuất nhiều lụa. Sau ba ngày đường, người ta bắt gặp những dãy núi lớn và những thung lũng rộng thuộc tỉnh Cuncun (Su Tchouan). Dân cư là tín đồ ngẫu tượng và sống về nông nghiệp, săn bắn trong những cánh rừng rậm, vì rừng có rất nhiều thú rừng sinh sống như sư tử, gấu, chó sói và các loài thú khác; dân cư trong vùng bắt rất nhiều thú và thu được nhiều nguồn lợi đáng kể. Cưỡi ngựa vượt qua núi đồi và thung lũng, chúng ta gặp được những thành phố thị trấn và những cánh rừng lớn với nhiều nhà quán dành cho khách qua đường.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH ACHALAC MANGI

Sau khi cưỡi ngựa đi hai mươi ngày đường trong các dãy núi của tỉnh Cuncun, chúng ta đến một tỉnh có tên là Achalac Mangi hoàn toàn bằng phẳng. Có nhiều thành phố và thị trấn thuộc quyền của Đại Hãn. Dân cư thờ ngẫu tượng và sống về nghề buôn bán và thủ công. Trong tỉnh này, người ta trồng nhiều gừng đủ bán qua khắp tỉnh Catay. Người dân thu rất nhiều hoa lợi nhờ gừng, Họ còn trồng nhiều lúa mì, lúa gạo và những ngũ cốc khác, số lượng những thứ này rất nhiều và rẻ, vì đất đai ở đây màu mỡ, thuận lợi cho mọi thứ ngũ cốc. Thành phố chính được gọi là Acmelec Mangi, có nghĩa là biên giới của Mangi. Đồng bằng này trải dài hai ngày đường, tiếp theo đó là những dãy núi lớn, những thung lũng rộng và những cánh rừng mênh mông, và chúng

ta còn phải đi ngựa mất hai mươi ngày đường về hướng tây qua nhiều thành phố và thị trấn. Người dân thờ ngẫu tượng và sống nhờ vào trồng trọt và chăn nuôi, săn bắn thú rừng có rất nhiều. Chúng ta cũng tìm thấy một số lớn thú có xạ hương.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH LỚN SINDAFU

Sau khi cưỡi ngựa đi hai mươi ngày đường trong những dãy núi mà tôi đã kể, chúng ta sẽ đến một đồng bằng của một tỉnh gọi là Sindafu, thuộc biên giới Mangi. Thành phố chính là Sindafu (Tching Tou Fou; Marco Polo sẽ không đi xuống vùng Tây Nam, nhưng đi về phía Tây, đến Tây Tạng); thành phố trước kia rộng lớn và sang trọng, với nhiều vị vua nổi tiếng giàu có. Chu vi của thành phố là hai mươi dặm, nhưng nó bị phân chia như cách tôi sẽ nói sau đây.

Nên biết là khi vua của tỉnh này sắp chết, ông để lại ba đứa con trai và ra lệnh phân chia thành phố này làm ba phần, để mỗi đứa con đều có mỗi phần riêng; mỗi phần đều được ngăn bằng một bức tường thành, nhưng cả ba phần đều nằm trong các bức tường của một thành phố lớn. Mỗi một đứa cai trị mỗi phần, vì mỗi đứa đều có một phần thành phố và một phần vương quốc, nên mỗi đứa con trở thành vua nổi tiếng và giàu có. Nhưng Đại Hãn chiếm lấy vương quốc của ba vị vua này và truất quyền thừa kế của họ. Giữa thành phố lớn này có một con sông chảy qua; sông này có rất nhiều cá. Nó rộng hơn nửa dặm, rất sâu và dài đến nỗi nó chảy ra tận biển Océane, tính ra trên tám mươi đến một trăm ngày đường. Nó được gọi là Quiansui (Kiang Choui). Trên sông này có rất nhiều tàu bè đến nỗi không ai có thể tin được nếu không thấy mà chỉ nghe nói tới; cũng có nhiều hàng hóa do các nhà buôn chở lên thượng lưu và chở xuống hạ lưu, đến nỗi không người nào trên thế gian này có thể tin được. Hình như không phải là sông mà là biển vì nó rất rộng. Trên sông này, giữa thành phố có một chiếc cầu bằng đá rất lớn, rộng tám bước chân và dài nửa dặm. Dọc theo cầu, có những cây cột cẩm thạch đỡ phần mái cầu bằng gỗ được vẽ bằng những bức họa cực kỳ phong phú. Trên cầu này, có nhiều căn nhà nơi diễn ra các hoạt động thương mại và ngành nghề quan trọng; nhưng tất cả đều được làm bằng gỗ; người ta dựng chúng lên vào buổi sáng và hạ xuống vào buổi tối. Trên cầu này, còn có trạm thuế cầu đường của Đại Hãn, ở đây, người ta thu tiền thuế và tô tức cho Đại Hãn. Nên biết rằng tiền thuế cầu lên tới cả ngàn cân cộng thêm vàng ròng mỗi ngày cho Chúa thượng.

Đi ngựa từ thành phố này trong năm ngày, chúng ta gặp những cánh đồng và nhiều thị trấn, thành phố. Dân cư sản xuất nhiều loại vải lụa, nhất là lụa *ceudal* (lụa trơn hoặc camelot mịn). Họ

cũng sống nhờ vào hoa lợi từ đất đai. Ở đây có nhiều thú hoang như sư tử, gấu và những thú khác. Sau năm ngày đi ngựa, chúng ta đến một tỉnh bị đổ nát gọi là Tebet mà chúng tôi sẽ nói sau đây.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH TEBET

Sau năm ngày đường, chúng ta đi vào một cánh rừng rất rộng thuộc tỉnh Tebet (Tây Tạng). Tất cả những thành phố, thị trấn, làng mạc đều bị suy sụp, hoang vắng vì cuộc chiến tranh do Mongu Khan gây nên.

Ở đây có nhiều cây tre to đến ba lòng bàn tay và dài hơn mười lăm bước chân, mỗi lóng tre dài hơn ba lòng bàn tay. Những nhà buôn và những người khác đi bộ ban đêm qua vùng này đều lấy những thân của chúng để nhóm lửa, vì khi cháy, chúng tạo nên những tiếng nổ lớn khiến cho sư tử, gấu, và các loài thú hoang khác rất hoảng sợ chạy trốn thực mạng và không bao giờ dám bén mảng tới gần lửa. Nếu có nhiều thú hoang trong tỉnh biệt lập này, vì không có ai ở đây, nên chúng sinh sôi nảy nở rất nhiều. Cho dù những cây tre không cháy với những tiếng nổ lớn đến mức thú dữ sợ bỏ chạy trốn, cũng không có người nào dám đi qua đó vào ban đêm. Chúng tôi sẽ cho các bạn biết vì sao những cây tre này cháy gây ra những tiếng nổ lớn. Người ta lấy những cây tre còn tươi rất nhiều và bỏ chung nhiều cây vào lửa; khi cháy một lúc, chúng bóc vỏ và tách ra ở giữa, đồng thời gây những tiếng nổ lớn đến nỗi ban đêm người ta có thể nghe ở cách xa đến mười dặm. Bạn nên biết rằng, nếu người nào không quen nghe tiếng nổ, người đó có thể bị ngất hoặc chết. Nhưng những người nào đã quen nghe tốt nhất là nên lấy bông vải nhét vào lỗ tai, băng chặt đầu và mặt và mặc vào mình tất cả những bộ đồ mang theo. Làm như thế, họ sẽ tránh được cơn nguy hiểm lúc đầu cho đến khi quen dần. Đối với những con ngựa nào chưa quen nghe, khi nghe tiếng nổ, chúng bứt đứt dây cương và những thứ dây buộc khác: nhiều người đã bị mất con vật bằng cách này. Nhưng nếu muốn đề phòng cho các con vật, họ phải cột thật chắc bốn chân chúng lại, sau đó băng đầu, mắt và tai chúng. Khi những con ngựa nghe tiếng nổ đó nhiều lần, chúng sẽ không còn kinh sợ nữa. Vì tôi nói cho các bạn biết, lần nghe đầu tiên là lần nghe đáng sợ nhất trên đời. Mặc dù tất cả những điều này, đôi khi có những con sư tử, gấu và thú hoang khác gây thiệt hại đáng kể, vì chúng có vô số trong toàn miền.

Người ta cưỡi ngựa hai mươi ngày mà không tìm được căn nhà nào, khách bộ hành nên mang theo toàn bộ lương thực đi đường. Người ta cũng gặp nhiều thú hoang nguy hiểm và đáng sợ.

Sau đó người ta đến những thị trấn và thành phố mà dân cư có thói quen lấy nhau như tôi sẽ kể cho các bạn nghe sau đây. Không một người đàn ông của vùng này lấy làm vợ một cô gái còn trinh: họ nói rằng các cô không đáng giá gì nếu chưa ai đụng đến họ, và nếu họ chưa quen ngủ với đàn ông. Vì vậy họ làm theo cách là khi những khách bộ hành đi ngang qua, nếu họ tỏ ra thoải mái, các phụ nữ luống tuổi đến cùng với các cô gái còn trinh, con gái họ hoặc cô gái bà con của họ; các bà đưa chúng đến cho những người xa lạ đi ngang qua đó và dâng cô gái cho người nào muốn chiếm đoạt họ, khách bộ hành muốn làm gì cũng được. Người đàn ông lạ ngủ với họ và làm những điều mình muốn rồi sau đó phải trả họ lại cho các bà già. Vì người ta không để chúng ra đi với người lạ. Bằng cách này, khi những khách bộ hành đi qua các con đường, họ luôn gặp đến hai mươi hoặc ba mươi cô gái; họ muốn bao nhiêu cũng có, khi họ đi ngang qua trước một ngôi làng hoặc một thị trấn, hoặc bất cứ khu dân cư nào khác. Khi họ trú ngụ trong một căn nhà, họ muốn có bao nhiêu cô cũng được, trong số những cô đến cầu xin họ. Người ta phải cho cô gái đã ngủ với mình một chiếc vòng nhỏ, một vật nhỏ hoặc một dấu hiệu nào đó, để cô gái có thể phô trương khi cô ta muốn lấy chồng và mọi người biết cô có thành tích chung chạ với nhiều đàn ông. Các cô gái làm việc đó không vì lý do nào khác. Điều thích hợp là mỗi cô gái còn trinh phải kiếm cho được hơn hai mươi đồ quý giá hoặc bằng chứng bằng cách như tôi đã kể trước khi có thể lập gia đình. Những cô nào có nhiều bằng chứng nhất, sẽ chứng minh họ được chung chạ nhiều nhất, họ sẽ được xem như những cô gái tuyệt vời nhất, và người đàn ông hài lòng cưới họ làm vợ hơn vì theo họ các cô đều có khả năng sinh con đẻ cái hơn. Nhưng khi đã có chồng, các cô rất chung thủy với chồng, và mọi người sẽ coi như một điều dễ tiện việc người ta đụng đến vợ của một người nào khác; tất cả đều đề phòng sự ô nhục này, từ khi họ kết hôn với những người đàn bà như thế.

Nếu tôi đã kể với các bạn về những cuộc hôn nhân đáng chú ý này, đó là vì những người chuẩn kỳ sĩ trẻ của chúng ta có thể đi đến đó để có được những cô gái còn trinh tùy thích; họ sẽ được yêu cầu mà không cần có tiền ứng trước nào.

Dân cư là tín đồ ngẫu tượng và rất hung dữ. Họ là những người ăn cắp nổi tiếng nhất thế giới, và họ không từ bất cứ tội ăn cắp và làm điều ác nào. Họ sống về nghề săn bắn lấy thịt, nuôi gia súc và trồng cây ăn quả. Trong vùng này còn có nhiều thú có xạ hương, theo ngôn ngữ của họ, họ gọi chúng là *gudderi*. Những con người xấu xa này có những con chó rất to và săn giỏi để săn các giống thú này. Vì vậy mà họ có rất nhiều xạ hương. Họ không có tiền giấy của Đại Hãn phát hành, nhưng lấy muối làm đồng tiền trao đổi. Họ ăn mặc nghèo nàn, vì họ chỉ mặc quần áo bằng

da thú, đay và vải rất mịn. Họ có ngôn ngữ riêng và được gọi là Tebet. Tebet này là một tỉnh rất lớn, như tôi sẽ còn kể với các bạn sau.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ THÊM VỀ TỈNH TEBET

Tỉnh Tebet gồm Mangi và nhiều tỉnh khác, nó rộng lớn vì bao gồm tám vương quốc và nhiều thành phố thị trấn. Nhiều nơi có hồ và sông ngòi có nhiều vảy vàng, ở đó, cây quế mọc rất nhiều. Người ta cũng thu nhặt san hô, nhưng nó rất đắt, vì họ cho đeo nó vào cổ của ngẫu tượng và cổ vợ họ để tạo niềm vui. Trong tỉnh này còn có nhiều thứ khác như vàng và lụa. Ở đây có nhiều cây gia vị mà trong nước chúng ta không bao giờ thấy. Nên biết rằng họ còn có những nhà thuật sĩ và chiêm tinh giỏi nhất trong tất cả các tỉnh, vì họ làm những phương thức ma thuật và những điều kỳ lạ. Nhưng tôi sẽ không kể cho các bạn trong quyển sách này, vì độc giả sẽ quá kinh ngạc về những điều đó, và chúng sẽ không thích hợp.

Họ có những thói quen xấu. Họ có những con chó ngao to như những con lừa. Chúng rất giỏi trong việc săn bắt thú hoang có rất nhiều trong vùng này. Họ còn nuôi nhiều loại chó săn khác, những chim ưng bay rất nhanh và biết bắt chim nhỏ, chúng sinh sôi trong các dãy núi.

Bây giờ chúng ta sẽ bỏ qua tỉnh Tebet này, vì chúng tôi đã kể lại toàn bộ sự việc một cách tổng quát, và chúng tôi sẽ nói về một tỉnh gọi là Gaiandu. Nhưng các bạn nên biết tỉnh Tebet này thuộc về Đại Hãn; tất cả các vương quốc, tỉnh, vùng khác được mô tả trong sách này cũng thuộc quyền Đại Hãn; tất cả các vương quốc, tỉnh, vùng khác thuộc về con trai của Argon, lãnh chúa của xứ Levant như tôi đã nói từ đầu quyển sách này, do đó, chúng cũng thuộc về Chúa thượng, vì con trai của Argon cai quản đất đai từ dòng họ của mình, nên các tỉnh được mô tả cho đến lúc này, và tất cả các tỉnh khác có trong sách này đều thuộc về Đại Hãn.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH GAIANDU

Gaiandu (xứ sở của những người Ghendon ở về phía Đông Nam Tây Tạng) là một tỉnh ở về phía Tây và có vua cai trị. Dân cư thờ ngẫu tượng và là thần dân của Đại Hãn. Nó có nhiều thành phố và thị trấn. Họ có một cái hồ có ngọc trai, nhưng Đại Hãn không muốn để ai lấy ngọc ở đó, bởi vì nếu mọi người tự do thu nhặt ngọc trai, họ sẽ thu nhiều đến mức ngọc trai sẽ trở nên tầm thường và không còn giá trị như trước nữa. Nhưng khi Chúa thượng muốn, ông sẽ cho thu nhặt

theo ý muốn của ông. Tuy nhiên, không người nào khác được quyền thu nhặt, họ có thể bị xử tử ngay.

Có một ngọn núi nơi đó người ta tìm thấy một loại đá gọi là đá ngọc lam, đó là những viên đá đẹp và có rất nhiều, nhưng Đại Hãn chỉ cho khai thác khi nào ông ra lệnh.

Trong tỉnh này còn có một phong tục mà tôi sẽ kể cho các bạn nghe sau đây. Đó là họ không coi là hành vi đê tiện, khi một người ngoại quốc hoặc một người nào khác làm nhục vợ hoặc con gái hoặc chị của họ hoặc bất cứ phụ nữ nào đang ở trong nhà họ; nhưng họ rất hân hạnh khi những người đó ngủ với các phụ nữ, và họ cho rằng, nhờ vậy, các thần linh và ngẫu tượng của họ muốn điều tốt cho họ và ban cho họ nhiều của cải vật chất. Chính vì thế, họ tỏ ra rất hào phóng khi nhường vợ cho những người xa lạ và những người khác, như tôi sẽ nói với các bạn sau đây; vì khi họ thấy một người xa lạ muốn ở trọ, mỗi người đều muốn đón tiếp họ vào nhà của mình. Từ khi họ đến ở, người chủ liền rời khỏi nhà đồng thời ra lệnh mọi người phải tuân theo ý muốn của người lạ. Khi chủ nhà đã nói và ra lệnh như thế, ông liền đi đến các vườn nho hoặc đồng ruộng của mình và ông sẽ không trở về nhà trước khi người lạ ra đi, đôi khi người lạ ở trong nhà của khổ chủ ba hoặc bốn ngày, đồng thời nhận được sự thỏa mãn với vợ, con gái hoặc chị của khổ chủ hoặc với bất cứ phụ nữ nào làm cho y sung sướng nhất. Bao lâu còn có mặt trong nhà, người lạ treo ở cửa chính chiếc mũ của y hoặc một dấu hiệu nào khác để chủ nhà biết họ còn ở lại. Hễ khi nào vẫn còn nhìn thấy dấu hiệu đó, ông chủ sẽ không dám về nhà. Toàn tỉnh vẫn duy trì tập tục này.

Họ sử dụng tiền tệ theo cách này: vàng ở dạng nén và họ cho cân nó; cân được bao nhiêu, nó sẽ có giá bấy nhiêu. Nhưng họ không có bất cứ tiền đúc nào. Đồng tiền nhỏ nhất của họ được làm như thế này: họ lấy muối và nấu cho chảy ra, rồi đổ vào trong một cái khuôn; mỗi thứ lớn đến mức có thể nặng chừng nửa livơ. Tám mươi dạng muối như thế này có giá trị bằng một *saggio* vàng ròng (*Saggio* của Venise, đồng tiền có giá bằng hai mươi centimes của tuổi vàng). Đó là một cân, và đó cũng là đồng tiền lưu hành nhỏ. Họ có nhiều thú cho xạ hương, nên xạ hương có rất nhiều. Họ cũng có nhiều cá và đánh cá trong hồ nơi mà tôi đã nói với các bạn là có nhiều ngọc trai; tỉnh này còn có nhiều thú rừng như sư tử, gấu, hoẵng, chó sói cũng như lạc đà và đủ các loài chim chóc nhiều vô kể. Họ không có rượu nho, nhưng có rượu được làm bằng lúa mì, gạo và gia vị rất ngon. Trong tỉnh này, còn có nhiều cây đinh hương. Cũng có một loại cây nhỏ có lá như cây long não, nhưng dài và hẹp hơn, hoa nó màu trắng nhỏ như hoa đinh hương. Họ

còn có gừng và quế rất nhiều, cũng như những loại gia vị khác không bao giờ thấy có ở nước chúng ta, vì vậy không cần nói đến chúng ở đây.

Về vùng Gaiandu này, khi đi ngựa, người ta bắt gặp một con sông gọi là Bruis, đây là ranh giới của tỉnh Gaiandu. Trong con sông chảy đến tận biển Océane này, người ta tìm thấy có nhiều vảy vàng.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH CARAIAN

Qua khỏi con sông này, chúng ta đi vào trong tỉnh Caraiian rộng lớn, vì nó gồm bảy vương quốc. Nó nằm về hướng Tây. Dân cư thờ ngẫu tượng và thuộc quyền của Đại Hãn. Nhưng một đứa con của ông là Essantemur làm vua tỉnh này. Đó là một vị vua rất nổi tiếng, giàu có và đầy thế lực; ông cai trị vương quốc trong sự công chính vì ông là người khôn ngoan và can đảm.

Từ con sông đi về phía Tây trong năm ngày, chúng ta gặp nhiều thành phố và thị trấn. Dân cư sống về nghề chăn nuôi gia súc và trồng trọt; họ có những con ngựa rất tốt. Họ có tiếng nói riêng nhưng rất khó nghe. Sau năm ngày đường, chúng ta đến thành phố chính, đồng thời là thủ đô của vương quốc có tên là Jaci (Li Kiang Fou, trong vùng Yunnan hiện nay), thành phố rất lớn và sang trọng. Ở đây, có nhiều nhà buôn và thợ thủ công. Dân cư gồm nhiều hạng người: tín đồ ngẫu tượng, người Sarrasin, một số ít người Ki tô giáo thuộc phái Nestorien. Họ trồng rất nhiều lúa mì, lúa gạo, nhưng họ không ăn bánh mì bao nhiêu, vì nó không ngon, họ ăn cơm và dùng nó với gia vị để làm ra một thứ thức uống rất trong và rất bổ dưỡng. Họ dùng những ốc lùn trắng làm tiền tệ, đó là những loài ốc sống ở biển; họ còn đeo ốc này ở cổ những con chó. Tám mươi con ốc lùn giá trị bằng một *saie* bạc và bằng hai đồng tiền lớn Venise, tức là hai mươi bốn *livro*; Tám *saie* bạc giá trị bằng một *saie* vàng. Họ còn có những mỏ muối, họ khai thác muối từ những mỏ này, tất cả dân cư trong vùng này sinh sống nhờ muối. Tôi cho các bạn biết rằng nhà vua thu nhiều mối lợi lớn nhờ vào mỏ muối này. Họ không cảm thấy công phần khi có một người đàn ông nào ngủ với vợ của một người khác, miễn là người vợ đồng ý. Họ có một cái hồ có chu vi là một trăm dặm, trong hồ có trữ lượng cá rất lớn thuộc loại cá ngon nhất thế giới, cá rất to và có nhiều loại khác nhau. Tôi còn cho bạn biết rằng dân cư xứ này còn ăn thịt sống như thịt cừu, bò, gà mái và tất cả các loại thịt khác; vì họ đến nơi giết thịt và ăn gan sống khi nó vừa được rút ra khỏi con vật; họ cắt ra từng miếng nhỏ rồi trộn vào nước xốt làm từ nước nóng và gia vị; họ cũng ăn tất cả các loại thịt sống khác như thế giống như chúng ta ăn thịt chín vậy.

Đi ngựa từ thành phố Jaci này về hướng tây trong mười ngày, chúng ta vẫn còn ở trong tỉnh Caraian và gặp một thành phố lớn khác cũng gọi là Caraian. Thành phố được cai trị bởi một vị vua là con trai khác của Đại Hãn, có tên là Cogacin. Trong vùng này, người ta tìm thấy vô số vảy vàng to hơn ở các nơi khác; vàng có trong các sông hồ và trong các dãy núi. Họ có nhiều vàng đến nỗi họ tính một cân bằng sáu cân bạc.

Họ cũng dùng làm tiền tệ những loại ốc lùn như tôi đã nói, chúng không có trong xứ, nhưng đến từ Ấn Độ.

Trong tỉnh này sinh sản nhiều loài rắn nước, những con rắn này to lớn đến nỗi ai nhìn thấy chúng cũng hết sức lo sợ, và những người nào chỉ cần nghe nói thôi cũng kinh sợ vì chúng quá gớm ghiếc. Tôi sẽ nói cho các bạn biết vì sao chúng to béo như thế. Có những con dài đến mười bước chân, có khi dài hơn hoặc ngắn hơn và to như một chiếc thùng tôn nô có chu vi là mười lòng bàn tay. Chúng có hai chân trước, gần đầu, không có một bàn chân nào khác ngoài một móng vuốt như móng vuốt của một con chim ưng hoặc một con sư tử. Đầu nó rất to và đôi mắt to hơn một ổ bánh mì lớn. Miệng nó rộng đến nỗi nó có thể nuốt trứng cả một người đàn ông.

Chúng gớm ghiếc, xấu xa và dã man đến nỗi không người nào, không vật nào mà không sợ chúng. Người ta bắt chúng bằng cách này: ban ngày, chúng ở dưới mặt đất do trời rất nóng; chúng chỉ ra ngoài vào ban đêm để ních cho no nê những con thú mà chúng có thể bắt được, hoặc uống nước ở sông hồ và các con suối. Chúng nặng nề đến nỗi khi chúng đi ban đêm để kiếm ăn, chúng dùng đuôi để đào trong cát một cái hố rất lớn bằng một thùng rượu. Những thợ săn nào muốn bắt chúng, họ đặt bẫy trên đường đi của chúng, vì họ biết chúng sẽ trở về bằng con đường đó; họ đóng xuống đất một chiếc cọc gỗ rất sâu và cột ở đó một thanh sắt bén được làm giống như một chiếc dao cạo, rồi họ phủ cát lên trên để rắn không nhìn thấy. Những người thợ săn cắm nhiều cọc có buộc thanh sắt trên đường rắn đi, và con thú bị thương dùng sức vùng vẫy nên miếng sắt len sâu vào bụng nó và chẻ nó đến tận rốn, do đó, nó chết thật nhanh, và thế là những người thợ săn đến tóm lấy nó.

Khi bắt được rắn, họ lấy mật từ bụng rắn và bán với giá rất đắt; người ta dùng mật để làm thuốc, vì nếu một người bị chó dại cắn, người ta liền cho y uống một chút mật đó, người bị chó cắn liền được chữa khỏi ngay với một liều lượng nặng bằng một đồng đoniê. Khi một phụ nữ không thể đẻ con, nếu người ta cho bà uống cũng một liều lượng như thế, bà ta sẽ sinh con ngay; một người nào mắc một căn bệnh gì đó chẳng hạn như bệnh ung nhọt hoặc một bệnh nào khác

tôi tệ hơn, nếu ta đắp mật rắn lên ung nhọt, không bao lâu, người đó sẽ khỏi bệnh. Chính vì vậy mà mật rắn được bán rất đắt. Khi những con rắn này đói lả, có khi chúng đến tận ổ của những con sư tử, gấu hoặc những con thú lớn khác và ăn những con thú con mà bố mẹ chúng không thể bảo vệ được chúng; khi chúng tóm được những con thú lớn, chúng cũng ăn ráo, vì những con thú này cũng không tự bảo vệ chúng được.

Trong tỉnh này còn sản sinh ra những con ngựa to và tốt giống để bán sang Ấn Độ. Họ cắt hai hoặc ba dây thần kinh ở đuôi ngựa để nó không thể dùng đuôi quất những người leo lên lưng nó để cưỡi, vì nếu nhận cú quất của đuôi ngựa là một điều sỉ nhục. Bạn nên biết rằng những người dân ở đây cưỡi ngựa giống như những người Pháp với những chiếc roi dài; họ còn có những áo giáp làm bằng da thuộc, những chiếc giáo, khiên và cung nỏ; họ còn tẩm thuốc độc các mũi tên của họ. Tôi sẽ nói với các bạn một điều ô nhục mà họ đã làm trước khi Đại Hãn chinh phục họ: Nếu người đàn ông nào có vẻ mạnh khỏe, một người hào hoa hoặc bất cứ người nào khác đến ngụ trong nhà họ, họ liền đầu độc và ra tay giết chết người đó, không phải họ làm để cướp bóc tài sản, nhưng bởi vì họ tin rằng vẻ mặt mạnh khỏe của họ, thiện ý và lương tri sẽ ở lại với linh hồn y trong ngôi nhà mà y bị giết. Nhưng từ khi Đại Hãn chinh phục xứ sở được ba mươi năm nay, họ đã từ bỏ phong tục xấu xa này, bởi vì họ sợ Đại Hãn, ông không cho phép họ làm như thế.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH ZARDANDAN

Đi ngựa từ Caraiian về hướng Tây trong năm ngày (đúng ra là về hướng Nam; tỉnh Zardandan nằm ở phía Nam Caraiian, ở biên giới Miến Điện và Bắc Việt Nam hiện nay), chúng ta gặp tỉnh có tên là Zardandan. Dân cư thờ ngẫu tượng và là thần dân của Đại Hãn. Thành phố chính tên là Vocian (Young Tchang). Những người dân vùng này đều có bộ răng vàng chóc, tức là mọi người đều có những chiếc răng bít vàng; họ làm những miếng vàng theo hình của những chiếc răng và dùng chúng để bọc răng lại, răng hàm trên cũng như răng hàm dưới. Theo phong tục của họ, tất cả những người đàn ông đều là những kỵ sĩ và không làm việc gì khác ngoài việc đi ra trận, săn bắn và bẫy chim. Phụ nữ và những người nô lệ do họ chiếm được ở những nơi khác làm toàn bộ những công việc còn lại. Khi những người phụ nữ sinh con, họ tắm rửa cho trẻ, đặt nó trong tã quần, họ xuống giường và lo công việc nội trợ, trong khi chồng phải ở trên giường, nằm bên cạnh đứa con và ngủ chung với nó trong vòng bốn mươi ngày; tất cả họ hàng và bạn bè của người chồng đến thăm, chúc mừng và an ủi y. Họ làm điều này, bởi vì họ cho rằng, nếu người vợ

đã chịu đau đớn vì sinh nở, điều hợp lý là người chồng cũng phải chịu cực khổ với phần việc của mình.

Họ ăn tất cả các loại thịt sống hoặc nấu chín, và ăn cơm với thịt luộc tùy theo phong tục của họ. Họ uống một thứ rượu rất ngon do họ làm bằng gạo và gia vị. Tiền tệ của họ là vàng, nhưng họ cũng dùng ốc lán. Họ đánh giá một cân vàng bằng năm cân bạc bởi vì họ không có một mỏ bạc nào ở gần họ dưới năm tháng đi đường; các nhà buôn cũng mang đến cho họ nhiều bạc và nhờ đó, họ kiếm được nhiều nguồn lợi nhờ đổi bạc lấy vàng.

Họ không có ngẫu tượng hoặc nhà thờ, nhưng họ thờ người già nhất trong nhà, vì họ cho rằng họ xuất thân từ con người đó. Họ không có chữ viết và điều này cũng không phải là chuyện lạ, vì họ ở trên những con đường rất biệt lập, trong những nơi rất hoang vắng, trong rừng rậm và những dãy núi lớn nơi không ai qua lại vì không khí độc và ô nhiễm đến nỗi không người lạ nào thoát khỏi tay tử thần. Khi họ trao đổi hàng hóa, họ lấy một miếng gỗ tròn hoặc vuông, chẻ nó ra, và họ khắc hai ba vết trên mỗi một nửa. Khi họ trả lại tiền, họ lấy lại chiếc que của người đang giữ nó.

Tôi cho các bạn biết rằng, ba tỉnh này, tức là Caraiian, Vocian và Jaci không có một vị thầy thuốc nào. Khi có người bệnh, họ cho mời các thuật sĩ là những người bảo vệ các ngẫu tượng đến. Khi họ đến, những người bệnh kể cho họ biết về căn bệnh. Khi người bệnh kể xong, các thuật sĩ liền khua vang các nhạc cụ và bắt đầu hát và nhảy múa cho đến khi một người trong bọn họ ngã xuống đất như ngất đi hoặc chết: đó là quỷ đã nhập vào cơ thể y. Khi các đồng nghiệp nhìn thấy y đang trong tình trạng như vậy, họ bắt đầu hỏi dò y về căn bệnh; y liền trả lời:

- Một hồn ma nào đó đã nhập vào hấn, bởi vì hấn đang làm cho hồn ma tức giận và khó chịu.

Các thuật sĩ khác lên tiếng:

- Chúng tôi van xin hồn hãy tha thứ cho anh ta và nhận lấy của anh ta điều mà hồn muốn, để tẩy uế cho máu của anh ta hoặc những thứ khác nữa.

Sau khi họ đã van nài khẩn thiết, hồn ma tinh ranh đang nhập trong thân xác của vị thuật sĩ đã ngã xuống đất đáp:

- Bệnh nhân này đã hành động không tốt đối với một hồn ma khác, và hồn ma ấy dữ tợn đến mức không muốn tha thứ với bất cứ lý do nào.

Câu trả lời này diễn ra khi bệnh nhân phải chết. Khi bệnh nhân có thể khỏi bệnh, hồn ma bảo họ bắt hai hoặc ba con cừu; họ còn phải sắm mười hoặc mười hai loại thức uống rất đắt tiền, rất ngon và được nêm nhiều thứ gia vị; những con cừu phải có đầu đen hoặc một màu nào mà người lên đồng chỉ định; người ta phải hiến tế những thứ đó cho hồn; hơn nữa, phải có một số thuật sĩ nào đó và một số phụ nữ cùng ở với họ; tất cả những việc làm này được tiến hành cùng với những kinh ca ngợi và những bài hát, dưới ánh đèn nến sáng và hương trầm thơm bay ngào ngạt. Hồn ma trả lời họ như thế khi bệnh nhân có thể hết bệnh. Một khi những người bà con của bệnh nhân nghe những lời nói trên, họ liền làm tất cả những gì được yêu cầu. Vị thuật sĩ đã nói xong liền đứng dậy. Những người bà con vội đi bắt giết những con cừu có màu như vị thuật sĩ lên đồng đã truyền, và rưới máu ở những nơi hồn đã chỉ để hiến tế và tôn vinh hồn. Sau đó, họ cho nấu nướng những con cừu ngay trong nhà bệnh nhân. Đến với họ còn có một số thuật sĩ và phụ nữ đã được thông báo. Khi tất cả đều tụ họp đông đủ và mọi thứ đã được chuẩn bị xong, họ bắt đầu đánh đàn, khiêu vũ và ca hát để ngợi khen một hồn ma nào đó. Họ lấy nước ép thịt, thức uống và gỗ cây lô hội cùng với hương thơm và đèn nến lớn, họ đi tưới chỗ này chỗ nọ nước ép, thức uống cũng như thịt cừu. Khi họ đã làm mọi việc đó trong một thời gian nhất định, một trong số các thuật sĩ ngã xuống đất một lần nữa và nằm im, miệng sùi bọt mép. Những thuật sĩ khác lại hỏi y bệnh nhân có được tha thứ hay không; có khi y trả lời rằng có, đôi khi trả lời không. Khi người bệnh không được tha thứ, hồn ma nói với họ nên làm lại việc này việc nọ theo hồn ra lệnh và sau đó người bệnh sẽ được tha. Khi tất cả những điều hồn ra lệnh đã thực hiện xong, hồn nói là bệnh nhân được tha thứ và sẽ khỏi bệnh nay mai. Khi nào nhận được câu trả lời này, họ nói là hồn ma hài lòng và được thỏa mãn. Họ bắt đầu ăn uống trong niềm hân hoan vui mừng. Người thuật sĩ đã ngã xuống đất như bị hôn mê liền ngồi dậy và ăn uống cùng với họ. Khi đã ăn uống no nê, mỗi người lại đi về nhà. Người bệnh liền ngồi dậy hoàn toàn mạnh khỏe và được khỏi bệnh.

Tôi đã kể cho các bạn về những lối sống và những phong tục không hay của dân cư tỉnh Zardandan, bây giờ tôi sẽ nói với các bạn về những tỉnh khác một cách rõ ràng theo thứ tự sau đây.

ĐẠI HÃN XÂM CHIẾM CÁC VƯƠNG QUỐC MININ VÀ BANGALA NHƯ THẾ NÀO?

Chúng tôi đã quên kể một trận chiến rất ác liệt ở Vocian, trong tỉnh Zardandan. Năm Chúa Ki tô 1272, Đại Hãn gọi một đội quân lớn đến vương quốc Vocian và Caraian để chống lại những người dân xấu xa đang gây thiệt hại cho ông. Cho đến lúc đó, ông chưa gọi bất cứ đứa con nào của ông đến với tư cách là lãnh chúa, như ông đã làm từ trước đến giờ: vì ông đã phong Senetemur làm vua, ông này là con trai của người con trai đã chết của Đại Hãn. Vì vậy, vua xứ Minin và Bangala (tương ứng với nước Miền Điện và Băng Gan hiện nay), vị vua đầy quyền lực về đất đai, kho tàng và cư dân, vẫn chưa phục tùng Đại Hãn; nhưng không bao lâu nữa, Đại Hãn sẽ chinh phục và chiếm đoạt hai vương quốc nói trên. Khi vua xứ Mien (Minin) và xứ Bangala biết tin quân đội của Đại Hãn đã đến Vocian, ông tuyên bố mình là chủ và sẽ tiêu diệt toàn bộ quân đội của Đại Hãn, để ông này không bao giờ còn ý đồ đưa quân đội đến nước ông. Ông liền tổ chức một đội quân gồm binh lính trang bị đầy đủ vũ khí và hai ngàn con voi rất to lớn, mỗi con mang trên lưng một pháo đài bằng gỗ rất kiên cố để chiến đấu cùng với mười hai hoặc mười sáu lính trang bị vũ khí đầy đủ trong pháo đài. Ông ta còn có sáu mươi ngàn lính ngựa và lính bộ. Ông còn cho thiết lập một bộ máy chiến tranh hùng hậu để chứng tỏ ông là vị lãnh chúa hùng mạnh.

Sau khi đã chuẩn bị kỹ lưỡng để chiến đấu chống lại những người Tacta, vị vua này không cần chờ đợi gì cả, nhưng vội vàng mở chiến dịch tấn công ngay. Ông cho tiến quân, nhưng không gặp bất cứ cuộc phiêu lưu nào đáng kể; ông đến cách quân của Đại Hãn ba ngày đường, lúc quân của Đại Hãn còn ở bên ngoài thành Vocian. Ông dựng trại tại đây để cho quân lính nghỉ ngơi dưỡng sức.

Khi thủ lĩnh của quân đội Tácta biết rằng nhà vua đến tấn công ông với một quân số rất đông, ông tỏ ra bối rối, bởi vì ông chỉ có mười hai ngàn lính ngựa; nhưng ông là người không mắc sai sót, một chiến binh rất dũng cảm, khôn ngoan và dày dạn chiến trường đồng thời còn là một vị chỉ huy rất cừ: ông tên là Nescradin. Ông tập trung và cảnh báo kỹ cho quân lính dưới quyền; ông dự trù mọi biện pháp để bảo vệ quân đội cũng như chính ông, vì ông đang nắm trong tay những người lính chiến đấu rất giỏi. Bạn nên biết rằng quân đội Tácta gồm mười hai ngàn người trang bị tốt, họ đến tấn công kẻ thù trong đồng bằng Vocian theo từng nhóm và đang chờ giao

chiến; đây là điều mang ý nghĩa to lớn và có sự lãnh đạo tài tình, vì gần họ có một cánh rừng lớn cây cối um tùm. Đó là cách mà quân đội Tácta chờ đợi địch trong đồng bằng.

Chúng tôi sẽ không nói đến quân lính Tácta một lúc, vì chúng tôi sẽ trở lại sau, bây giờ chúng ta hãy nói đến quân địch.

Khi vua xứ Mien cho quân hạ trại và nghỉ ngơi xong, từ nơi đóng quân, ông hạ lệnh tiến đến đồng bằng Vocian, nơi quân Tácta đã bố trí đầu ra đấy. Khi họ đến đồng bằng cách quân địch một dặm, nhà vua cho dựng các pháo đài trên tất cả các con voi trận, và cho quân vào bên trong để chiến đấu; sau đó, ông cho bố trí lính bộ và lính ngựa rất khôn khéo, vì ông là vị vua rất khôn ngoan từ trước đến giờ. Khi mọi việc đã được hoàn tất, ông bắt đầu hạ lệnh tấn công. Khi nhìn thấy họ, những người Tácta giả vờ như không sợ gì và vẫn tiến lên trong vòng trật tự. Khi họ đến gần và chỉ còn cách là giao chiến, những con ngựa của quân lính Tácta trông thấy những con voi liền kinh hãi đến nỗi người ta không thể thúc chúng tiến về phía quân thù, vì lần nào chúng cũng đều tháo chạy. Vua xứ Mien cùng toàn bộ quân lính và voi của ông luôn tiến thẳng về phía trước.

Đứng trước cảnh tượng đó, những người Tácta rất tức giận, nhưng không biết phải nói hoặc làm điều gì, vì họ biết rõ, nếu họ không thể đưa những con ngựa ra trận, họ sẽ bị thất bại hoàn toàn. Nhưng chỉ huy của họ hành động một cách rất khôn ngoan, như một người biết lo liệu mọi thứ. Ông liền ra lệnh cho từng người xuống ngựa, cột các con ngựa vào các gốc cây trong rừng bên cạnh và cầm lấy cung tên, những thứ mà họ biết cách sử dụng thành thạo hơn bất cứ quân lính nào trên thế gian này. Họ giương cung và bắn hàng loạt mũi tên vào những con voi đang hùng hổ tiến tới, khiến cho một số lớn voi và quân địch bị thương và bị giết trong một thời gian ngắn. Quân địch cũng bắn vào những người Tácta, nhưng quân Tácta được trang bị tốt hơn và bắn cung giỏi hơn.

Và tôi sẽ nói với các bạn điều gì nữa đây? Khi những con voi cảm thấy đau đớn vì những mũi tên bắn như mưa vào chúng, chúng vội tháo lui chạy trốn và không dám tiến công những người Tácta nữa. Chúng vừa chạy trốn vừa rống lên inh ỏi gây ra tổn thất lớn đến nỗi tất cả như bị tan tành trong vực thẳm; chúng chạy tán loạn vào khắp nơi trong cánh rừng, đồng thời giật đứt yên cương và làm gãy đổ các pháo đài, làm hỏng và tàn phá tất cả mọi thứ trên đường chạy. Khi nhìn thấy những thót voi chạy trốn và không còn quay lại trận địa vì bất cứ lý do nào, quân lính Tácta liền nhảy lên ngựa và phi thẳng về phía quân thù. Họ bắt đầu giao chiến một cách ác liệt với gươm giáo và chùy, họ tiến đánh hết lớp này đến lớp khác một cách hăng hái, phóng ra những cú

đánh như trời giáng; cho dù quân lính của nhà vua đông đảo hơn quân lính Tácta, chúng cũng không phải là những chiến binh thiện chiến hoặc quen với trận mạc, nếu không những người Tácta với quân số rất ít sẽ không thể nào chống cự lại họ được. Người ta có thể thấy quân của cả hai phía vùng lên và đón nhận những nhát gươm, những cú chùy, giết các kỵ sĩ, ngựa và đội trưởng, cắt rời cánh tay, bàn tay, đùi và đầu; nhiều người ngã xuống đất chết hoặc bị thương, họ không bao giờ đứng lên nổi nữa, vì áp lực lớn lao đang đổ ập xuống trên người họ. Tiếng la hét ồn ào inh tai nhức óc nổi lên ở cả hai phía khiến không ai có thể nghe thấy thân Sấm sét nữa. Cuộc hỗn chiến diễn ra rất ác liệt, tàn bạo, nguy hiểm từ cả hai phía; nhưng những người Tácta lại khỏe hơn. Đối với nhà vua và quân lính của ông, cuộc chiến này đã bắt đầu trong cảnh bất hạnh, vì có rất nhiều người bị giết. Khi trận chiến kéo dài đến tận trưa, quân lính của nhà vua không thể chống cự lại sức mạnh của những người Tácta được nữa, nhưng họ bắt đầu đại bại và quay đầu chạy trốn. Khi nhìn thấy họ thất trận, quân Tácta liền đuổi theo họ, chém giết và tàn sát họ một cách dã man đến nỗi thấy thương xót cho họ. Khi rượt đuổi quân địch trong một lúc, họ liền ngừng lại và quay lại cánh rừng để truy tìm những con voi đang lẫn trốn trong đó. Họ buộc phải triệt hạ những cây to để chặn đường tóm bắt chúng; dù vậy, họ không thể bắt được chúng nếu như không có các tù binh của họ rành về voi hơn họ giúp đỡ, vì voi có sự hiểu biết cừ hơn các loài vật khác. Nhờ vậy, quân Tácta bắt lại được hơn hai trăm con. Chính nhờ cuộc chiến này mà Đại Hãn bắt đầu có được nhiều voi.

Nhà vua đã bị đánh bại bởi sự khéo léo, bình tĩnh của những người Tácta như các bạn đã biết.

NGƯỜI TA ĐI XUỐNG MỘT ĐƯỜNG ĐỐC DÀI NHƯ THẾ NÀO?

Đi từ thành phố mà tôi đã kể cho các bạn, chúng ta gặp được một con đốc dài độ hai ngày rưỡi đi ngựa. Qua suốt con đốc này, không có gì đáng để kể lại, ngoại trừ một địa điểm rộng thênh thoảng có diễn ra chợ phiên quan trọng ở đó. Tất cả dân cư trong các vùng lân cận đến đó vào một vài ngày nhất định và họp chợ ba ngày mỗi tuần. Họ trao đổi vàng để lấy bạc, vì họ có rất nhiều vàng: họ ấn định một cân vàng ròng bằng năm cân bạc ròng. Các nhà buôn của nhiều vùng cũng mang đến đó bạc để đổi lấy vàng của dân cư, nhờ đó các nhà buôn thu về nhiều lợi nhuận rất đáng kể. Dân cư của vùng này mang vàng đến chợ, và không ai biết nhà họ ở đâu, bởi vì họ ở trong những nơi hoang dã, vì sợ những kẻ xấu; không ai có thể làm hại họ, vì nhà cửa của

họ ở những nơi hiểm trở và hoang dã. Họ không muốn bất cứ ai đi cùng với họ để biết nơi ở của họ.

Khi cưỡi ngựa đi trong hai ngày rưỡi để xuống con dốc, người ta bắt gặp một tỉnh ở về phía Nam và khá gần với nước Ấn Độ. Người ta gọi đó là tỉnh Amien. Người ta cưỡi ngựa mười lăm ngày qua những vùng hoang mạc và những cánh rừng lớn, ở đó có nhiều voi và những loài thú một sừng (có thể là tê giác) và những loài thú hoang dã khác. Không có người cũng như nhà cửa; vậy chúng ta hãy bỏ qua nơi hoang dã này, vì không có gì cần ghi nhớ, và chúng tôi sẽ kể cho các bạn câu chuyện sau đây.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ MIEN

Khi đã cưỡi ngựa mười lăm ngày qua những nơi hoang vắng đến nỗi khách bộ hành nên mang theo lương thực, vì không có bất cứ ngôi nhà nào, chúng ta bắt gặp thành phố chính của tỉnh Mien, thành phố này cũng có tên là Mien, nó rộng lớn và sang trọng. Dân cư thờ ngẫu tượng, có ngôn ngữ riêng và là thần dân của Đại Hãn. Trong thành phố này có một vật rất quý giá mà tôi sắp kể cho các bạn sau đây. Thật ra xưa kia ở đây có một vị vua giàu có và đầy thế lực cai trị. Khi gần chết, ông ra lệnh xây hai ngọn tháp trên mộ của ông, một tháp bằng vàng và một tháp bằng bạc. Chúng được xây bằng đá, một cái được dát vàng, dày bằng bề ngang một ngón tay, để toàn bộ ngôi tháp trông như bằng vàng thật, một cái bằng bạc và làm như cái bằng vàng để nó y như toàn bằng bạc. Mỗi cái tháp cao bằng mười bước chân. Đỉnh thật tròn và xung quanh có những chiếc chuông nhỏ mạ vàng ở tháp vàng và mạ bạc ở tháp bạc; mỗi khi có gió thổi qua, những chiếc chuông bắt đầu reo lên. Nhà vua cho làm những chiếc tháp vàng để làm rạng danh cho ông, vì đó là một trong những thứ đẹp nhất thế giới, được xây dựng công phu, đẹp sang trọng, và có giá trị rất lớn. Khi mặt trời chiếu vào tháp, chúng sáng rực lên khiến cho từ rất xa, người ta cũng nhìn thấy chúng. Đại Hãn chiếm đoạt chúng bằng cách này. Nên biết rằng trong triều đình của Đại Hãn, có một số đông những người làm trò và ảo thuật. Một ngày nọ, Chúa thượng nói với họ là ông ta muốn họ đi chiếm tỉnh Mien này, và ông sẽ sẵn sàng giúp đỡ họ và cho họ nắm quyền lãnh đạo. Họ đáp sẽ bằng lòng làm chuyện này. Đại Hãn cho chuẩn bị những thứ cần thiết cho một đội quân, ban cho họ một vị chỉ huy và một đội vũ trang hộ tống; thế là họ lên đường; họ đến tỉnh Mien và chiếm toàn bộ tỉnh này. Khi họ tìm thấy trong thành phố này hai cái tháp bạc và vàng như tôi đã kể, họ hết sức kinh ngạc và trình việc này lên Đại Hãn để hỏi ý kiến ông về hai chiếc tháp, vì sự giàu có nằm ở trên tháp. Đại Hãn biết rõ nhà vua đã cho xây

chúng làm lăng mộ của vua, và để cho mọi người tưởng nhớ đến vua sau khi ông qua đời, ông nói ông không muốn phá hủy chúng, nhưng nên để chúng lại nguyên trạng. Đây không phải là điều gì lạ, bởi vì không có người Tácta nào trên thế giới tự ý đụng vào bất cứ thứ gì có liên quan đến cái chết.

Trong tỉnh này còn có nhiều voi, bò rừng, nai có dáng đẹp, hoẵng, dê con cũng như những loài thú hoang khác.

Bây giờ tôi sẽ kể cho các bạn về một tỉnh khác gọi là Bangala.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH BANGALA

Bangala là một tỉnh ở về hướng Nam. Trong năm Chúa Ki tô 1290, khi Ngài Marco Polo đang ở triều đình của Đại Hãn, tỉnh này chưa bị chiếm đóng, nhưng thỉnh thoảng các đội quân của Đại Hãn đi đến đó để nắm quyền. Nên biết rằng tỉnh này có ngôn ngữ riêng, dân cư thờ ngẫu tượng và rất hung dữ. Họ ở rất gần với nước Ấn Độ. Họ có nhiều hoạn quan. Hoạn quan của tất cả các cận thần đều tuyển từ tỉnh này. Họ có những con bò cao như những con voi, nhưng không quá mập. Họ sống bằng thịt, sữa và gạo. Họ trồng bông vải và buôn bán lớn về mặt hàng này. Họ cũng có nhiều gừng, đường và các thứ gia vị khác. Những người Ấn Độ đến đây tìm những người bị hoạn, cũng như những người nô lệ nam nữ mà những người Bangala đã chiếm đoạt trong những tình gây chiến tranh với họ: họ bán chúng cho những lái buôn Ấn Độ và những nước khác, và những người này lại bán chúng đi khắp thế giới. Trong vùng này không còn thứ gì khác đáng ghi nhớ; vậy chúng ta sẽ bỏ qua nó và nói đến một tỉnh khác có tên là Cancigu.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH CANCIGU

Cancigu (có lẽ ở biên giới Miến Điện và Thái Lan hiện nay) là một tỉnh ở về hướng Đông. Họ có một vị vua cai trị, họ thờ ngẫu tượng và có ngôn ngữ riêng. Họ bị Đại Hãn thống trị và phải nộp cống cho ông hàng năm. Vị vua của họ dâm dăng đến nỗi ông ta có hơn ba trăm bà vợ, vì khi có một phụ nữ đẹp nào đó trong vùng, ông liền cho bắt lấy và cưới luôn làm vợ. Trong tỉnh này có nhiều vàng; dân cư cũng có nhiều loại thực phẩm khô, nhưng vì họ ở quá xa biển, hàng hóa không đáng giá bao nhiêu, mặc dù họ buôn bán lớn. Họ có nhiều voi và nhiều loài thú khác. Họ săn thịt thú rất nhiều. Họ sống bằng thịt, sữa và gạo; rượu của họ được làm bằng gạo và những thứ gia vị hảo hạng. Tất cả dân cư đều trang trí cơ thể bằng cách dùng kim xăm hình sư

tử, rồng, chim và nhiều hình khác đến nỗi chúng không bao giờ bị xóa mất được; họ xâm hình trên mặt, cổ, ngực, cánh tay, bàn tay, bụng và toàn thân thể. Họ làm việc đó để làm tăng thêm phần duyên dáng, những người nào có nhiều hình xâm nhất được coi như là những người đẹp nhất.

Bây giờ chúng ta sẽ bỏ qua tỉnh này và nói về một tỉnh khác có tên là Amu, nằm về hướng Đông.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH AMU

Amu (đúng ra là Aniu, tức là Annam hoặc Việt Nam hiện nay) là một tỉnh ở về phía Đông. Dân cư thờ ngẫu tượng và thần phục Đại Hãn. Họ sống bằng nghề chăn nuôi gia súc và trồng trọt. Họ có ngôn ngữ riêng. Phụ nữ mang ở chân và cánh tay những vòng vàng bạc rất có giá trị, đàn ông cũng mang những thứ này, nhưng có giá trị lớn hơn. Họ có nhiều ngựa và bán cho người Ấn Độ với số lượng rất lớn, nhờ đó việc buôn bán rất phát đạt. Họ còn có rất nhiều trâu và bò, bởi vì họ có những đồng cỏ và những nơi chăn thả rất tốt. Nhu yếu phẩm của họ rất dồi dào cho đời sống.

Bạn nên biết rằng từ Amu đến Cancigu, chúng tôi phải đi mất mười lăm ngày; và từ Cancigu đến Bangala phải mất ba mươi ngày. Vì vậy từ Amu chúng tôi sẽ đi về phía một tỉnh khác ở xa hơn tám ngày và vẫn nằm về hướng Đông.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH TOLOMAN

Toloman (giáp giới với Việt Nam và Trung Quốc, phía Đông Bắc Hà Nội) là một tỉnh ở về phía đông. Dân chúng thờ ngẫu tượng, có ngôn ngữ riêng và thần phục Đại Hãn. Họ là những người xinh đẹp, da không trắng lắm nhưng có màu nâu. Họ là những người chiến đấu giỏi. Họ có nhiều thành phố và thị trấn. Khi có người chết, họ cho hỏa táng, lấy xương và bỏ vào trong những chiếc hòm nhỏ; sau đó họ để các hòm đó trong các hang trên các dãy núi cao và để tại đó sao cho thú dữ và người không thể với tới được. Xứ sở này còn có nhiều vàng. Tiền tệ họ dùng là ốc lán như tôi đã nói. Tất cả các tỉnh khác, tức là Bangala, Cancigu và Amu đều sử dụng ốc lán và vàng để trao đổi. Có những nhà buôn rất giàu có, họ chuyên chở rất nhiều hàng hóa. Họ sống bằng thịt, sữa và gạo. Họ làm rượu bằng một thứ nước làm từ gạo và những thứ gia vị ngon.

Chúng tôi sẽ bỏ qua tỉnh này vì không có gì cần ghi nhớ thêm, và tôi sẽ nói về một tỉnh khác ở về hướng đông và có tên là Ciugiu.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH CIUGIU

Ciugiu (có thể là ở Tây Bắc, ở Kouei Tchéou) là một tỉnh ở về hướng Đông. Cưỡi ngựa đi từ Toleman trong 12 ngày, dọc theo một con sông, chúng ta gặp nhiều thành phố và thị trấn; nhưng không có thứ gì quan trọng để ghi nhớ. Đi ngựa trong 12 ngày dọc theo con sông này, chúng ta

đến một thành phố có tên là Cinugul rất lớn và rất sang trọng. Cư dân thờ ngẫu tượng và thần phục Đại Hãn. Họ sống về nghề buôn bán và thủ công. Họ làm ra vải bằng vỏ cây rất đẹp để mặc vào mùa hè. Họ là những chiến binh cừ khôi; họ dùng giấy các tông làm tiền tệ, vì chúng ta đang ở trong lãnh thổ mà mọi người đều dùng giấy các tông của Đại Hãn. Ở đây có rất nhiều sư tử, nên không ai dám ngủ bên ngoài vào ban đêm; thậm chí khi người ta đi ban đêm trên con sông này, nếu không đi xa bờ lắm, những con sư tử cũng đến tận thuyền và đớp lấy tất cả những người chúng tóm được. Nếu người dân không có ai giúp đỡ như tôi sắp nói ra đây; không ai có thể đi bộ ngang qua tỉnh này vì có rất nhiều sư tử, chúng rất to lớn và rất hung dữ. Nhưng người dân cũng có những con chó to trông rất dữ tợn và can đảm đến nỗi khi có hai con ở chung, chúng tấn công sư tử ngay. Vì vậy, mỗi khi người dân đi bộ, họ thường dẫn theo hai con chó một lượt. Khi nhìn thấy sư tử, chúng nhào tới tấn công rất liều mạng. Sư tử cũng tự vệ chống lại những con chó, nhưng chó cũng biết lẩn tránh không cho sư tử chạm vào chúng; chúng chạy quanh sư tử, vừa sủa vừa cắn vào đuôi, đùi và bất cứ chỗ nào mà chúng có thể chộp được. Sư tử tỏ vẻ dừng dung, nhưng thỉnh thoảng nó cũng đối mặt với những chú chó rất dữ tợn và nếu nó chộp được chúng, nó sẽ giết chết ngay, nhưng chó cũng biết lẩn tránh thật tài tình. Để tránh bị chó tấn công, sư tử thường chạy vào một cánh rừng tìm một gốc cây để làm chỗ dựa sao cho những chú chó không thể tấn công nó từ phía sau. Khi thấy sư tử đang ở tư thế tự vệ, người đi đường thường giương cung lên bắn, vì họ bắn cung rất cừ, họ làm nó ngán vì những mũi tên khiến nó ngã lăn ra đất mà chết. Những người đi đường tự giải thoát khỏi sư tử bằng cách đó.

Họ có nhiều lụa và những hàng hóa khác mà họ mang từ thượng lưu xuống hạ lưu. Chúng ta cưỡi ngựa đi dọc theo sông này trong 12 ngày và đồng thời gặp nhiều thành phố có dân cư thờ ngẫu tượng và thần phục Đại Hãn. Họ sống bằng nghề buôn bán và thủ công và dùng giấy các tông làm tiền tệ. Sau khi đi ngựa mất 12 ngày, chúng ta đến thành phố Sindafu mà chúng tôi đã nhắc đến. Từ Sindafu, vượt qua các tỉnh và thành phố trong 70 ngày, chúng ta sẽ đến Ciugiu đã được mô tả rõ ràng trong quyển sách này. Từ Ciugiu, đi mất bốn ngày đường, chúng ta đến thành phố Cianfu ở phía Nam và thuộc về tỉnh Catay.

Bây giờ chúng ta sẽ khởi hành từ đây và đi ngựa ba ngày theo hướng Nam để đến một thành phố có tên là Cinaglu.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ CINAGLU

Cinaglu (Tchang Tchéou) vẫn còn là một thành phố rất lớn ở về phía Nam. Nó nằm dưới quyền của Đại Hãn và thuộc tỉnh Catay. Người dân thờ ngẫu tượng và cho hỏa táng người chết. Họ dùng giấy các tông làm tiền tệ. Trong thành phố này, người ta sản xuất nhiều muối, tôi sẽ nói với các bạn vì sao. Họ khai thác một loại đất rất mặn và vun thành đồng lớn; trên đồng đất này, họ đổ khá nhiều nước để nước ngấm xuống phía dưới; sau đó họ thu lại nước thoát ra từ đồng đất này và đổ vào trong những chiếc chảo lớn bằng sắt và đun sôi thật kỹ; sau đó họ để nó nguội lại và thu được một loại muối thật trắng và mịn. Người ta mang muối này đến bán cho nhiều tỉnh quanh vùng, nhờ đó họ thu được nhiều lợi nhuận.

Không có gì khác để ghi nhớ, vì vậy chúng ta sẽ đi xa hơn năm ngày nữa, nơi có một thành phố mang tên Ciangli.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ CIANGLI

Ciangli (trong tỉnh Chantoung, cách Bắc Kinh 350 km về phía Nam) là một thành phố của Catay, ở về phía Nam và thần phục Đại Hãn.

Dân cư thờ ngẫu tượng và dùng giấy các tông làm tiền tệ. Thành phố có một con sông rộng lớn chảy ngang qua; trên sông này người ta chở từ thượng lưu xuống hạ lưu rất nhiều hàng lụa, gia vị và những thứ đắt tiền khác.

Chúng ta sẽ đi trong sáu ngày về hướng Nam để đến một thành phố khác có tên là Condinfu.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ CONDINFU

Condinfu (có thể là Tsinanfu, thủ phủ của Chantoung) là một thành phố rất lớn và xưa kia là một đại vương quốc; nhưng Đại Hãn xâm chiếm nó bằng vũ lực. Đó là một thành phố sang trọng nhất của tất cả các vùng này. Thành phố có rất nhiều nhà buôn làm ăn lớn. Họ có rất nhiều lụa. Họ còn có những khu vườn rất đẹp, rất thú vị và đầy những trái cây ngon. Thành phố Condinfu còn đứng đầu mười một thành phố trực thuộc hoàng gia rất giàu có nhờ có nền thương mại quan trọng và nguồn lợi cao, vì chúng sản xuất rất nhiều lụa. Để bảo vệ các thành phố này, năm Chúa Ki tô 1273, Đại Hãn đã phái đến đây một quan cận thần của ông tên là Litam Sangou cùng với 80 ngàn lính ngựa. Khi vị chỉ huy và đội quân ở đó một ít thời gian, ông hành xử như một kẻ bắt

trung và phản bội bằng cách xúi giục những thân hào nhân sĩ trong tỉnh nổi loạn chống lại Đại Hãn. Họ đã hành động như thế vì không muốn thần phục Đại Hãn nữa. Họ bầu Litam lên làm người chỉ huy của họ, người mà Chúa thượng phái đến để bảo vệ họ. Khi nhận biết tin này, Đại Hãn vội phái đến hai quan cận thần của ông là Aguil và Mongatai. Ông giao cho họ 100 ngàn lính ngựa và một số lớn lính bộ. Tôi sẽ nói điều gì nữa đây? Các bạn nên biết rằng hai quan cận thần đưa quân tấn công Litam, tên phản bội, và tất cả những người trong tỉnh đã đồng lõa với ông, tức là hơn 100 ngàn lính ngựa và nhiều lính bộ. Litam và quân lính của ông bị đánh bại dưới tay quân của hai vị cận thần do Đại Hãn phái đến. Khi Đại Hãn nhận được tin này, ông tỏ ra rất hài lòng và ra lệnh tử hình tất cả những người nổi loạn và xúi giục nổi loạn, nhưng tha thứ cho những người dân bình thường. Vì vậy hai vị cận thần ra lệnh giết tất cả những người cầm đầu cuộc nổi loạn, còn những người dân bình thường đều được tha thứ. Từ lúc đó, họ luôn tỏ ra tử tế và trung thành với Đại Hãn.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ SINGUIMATU

Từ Condufu đi ngựa về phía Nam trong ba ngày, chúng ta gặp nhiều thành phố và thị trấn sang trọng rộng lớn, có nền thương mại và thủ công quan trọng, ở đó có đủ loại thú săn, và nhiều loại hàng hóa. Sau ba ngày đường, chúng ta gặp thành phố sang trọng Singuimatu (This Ning Tchéou, trong tỉnh Chan Toung), đó là một thành phố rất đẹp và giàu có, có nền thương mại và thủ công quan trọng. Dân cư có được một con sông, nhờ đó họ thu về một nguồn lợi lớn. Con sông này chảy từ phía Nam đến thành phố Singuimatu. Dân cư thành phố đã đào hai nhánh sông đưa nước từ sông lớn này vào một nhánh chảy về phía đông, và vào một nhánh chảy về phía Tây, tức là một nhánh hướng về Mangi, nhánh kia đi qua Catay. Tôi nói thật cho các bạn biết rằng thành phố này có rất nhiều tàu thủy đến nỗi người nào không thấy hoặc không nghe thì không thể tin được. Những con tàu này mang đến cho Mangi một số lượng hàng hóa lớn khủng khiếp rồi từ đó quay về chở theo những hàng hóa khác. Nên điều kỳ diệu là có biết bao hàng hóa đi và đến nhờ các con sông này.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ LINGUI

Khi đi ngựa từ thành phố Singuimatu trong tám ngày về hướng Nam, chúng ta gặp thành phố Lingui (Ling Eing hoặc I Tchéou) trùng tên với tỉnh và là thủ phủ của tỉnh. Đó là một thành phố sang trọng và giàu có. Dân cư đều là những người lính thiện chiến, những nhà buôn lớn và rất khéo tay. Họ có nhiều thú săn, thú hoang và chim chóc. Thành phố nằm trên một con sông mà tôi đã nói với các bạn. Những tàu thủy của thành phố này lớn hơn những tàu thủy nơi khác; chúng chuyên chở nhiều hàng hóa quý giá.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ PINGUI

Khi đi ngựa từ thành phố Lingui về hướng Nam trong ba ngày, chúng ta gặp nhiều thành phố và thị trấn rất đẹp và giàu có; chúng thuộc về tỉnh Catay. Dân cư thờ ngẫu tượng và cho hỏa thiêu xác người chết, dùng giấy các tông làm tiền tệ, đó là tiền của Đại Hãn. Họ có thịt săn, thú hoang và chim chóc tuyệt vời nhất thế giới và có đủ những thứ cần thiết cho đời sống. Sau ba ngày đường, chúng ta đến thành phố Pingui rất lớn, sang trọng và giàu có với nền thương mại, thủ công quan trọng, ở đây còn sản xuất ra nhiều lụa. Thành phố này nằm ở cửa ngõ của tỉnh lớn Mangi, nên có rất nhiều nhà buôn lớn; họ mang hàng hóa đến Mangi qua nhiều thành phố và thị trấn. Thành phố này đem lại nguồn lợi to lớn cho Đại Hãn.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ CINGUI

Đi ngựa từ thành phố Pingui trong hai ngày về hướng Nam, chúng ta sẽ đi xuyên qua những vùng đất màu mỡ có nhiều tài nguyên phong phú, có nhiều thứ thịt thú rừng và chim chóc. Sau hai ngày đường, chúng ta gặp được thành phố Cingui rất rộng lớn và giàu có. Xứ sở có những cánh đồng lớn và những đồng bằng đẹp sản xuất nhiều loại lúa mì. Nhưng không có gì đáng kể ra đây. Do đó chúng ta sẽ lên đường và nói đến những vùng đất ở về phía trước nữa.

Từ thành phố Cingui, chúng ta đi ngựa ba ngày đường về phía nam qua những vùng đất xinh đẹp, những ngôi làng xinh xắn, những thôn xóm, nông trại và những đồng lúa xanh mơn mẫm. Có nhiều thú săn và nhiều loại lúa mì. Sau ba ngày đường, chúng ta bắt gặp con sông Caramoran (Hoàng Hà) bắt nguồn từ vùng đất của vua Jean. Nó rất lớn và rộng hơn một dặm và sâu đến nỗi những tàu lớn có thể chạy trên sông. Bạn nên biết là trên sông có hơn 85 ngàn tàu, tất cả đều

thuộc về Đại Hãn; những tàu này chuyên chở các đội quân của ông đến các đảo cửa biển Ấn Độ khi cần, vì biển chỉ cách nơi đây có một ngày đường. Mỗi tàu đậu xen kẽ nhau cần hai mươi thủy thủ, và mỗi chiếc chở 15 con ngựa, với quân lính, lương thực, vũ khí và yên cương của họ. Con sông này cũng có một thành phố nhỏ nằm hai bên bờ: một có tên là Coigangui và một có tên là Caigui; một lớn và một nhỏ. Tôi sẽ kể cho các bạn biết vì sao tỉnh Mangui này bị Đại Hãn chinh phục, như các bạn có thể hiểu sau đây.

ĐẠI HÃN XÂM CHIẾM TỈNH MANGI NHƯ THẾ NÀO?

Vua của tỉnh lớn Mangi có tên là Facfut, ông là một vị vua nổi tiếng, có thế lực về kho tàng, dân cư và đất đai, đến nỗi không ai trên thế gian này nổi tiếng hơn ông, ngoại trừ Đại Hãn. Nhưng đây không phải là một dân tộc gồm những chiến binh, vì họ không chiếm lấy thứ gì khác ngoài phụ nữ, và nhà vua chiếm nhiều hơn mọi người khác. Trong toàn tỉnh, không có một con ngựa nào, và dân tộc này không quen tí nào với chiến tranh, kể cả sử dụng vũ khí hoặc đi đánh giặc, vì tỉnh Mangi này là một nơi rất kiên cố, và vì tất cả các thành phố đều được bao bọc bởi những hào nước rộng hơn một tầm bắn cung và rất sâu. Nếu dân cư là những người biết sử dụng vũ khí, họ sẽ không bao giờ thất bại, vì muốn đi vào tất cả các thành phố của họ, người ta phải vượt qua những cây cầu.

Vào năm Chúa Ki tô Nhập thế thứ 1268, Đại Hãn đang trị vì hiện nay phái đến nơi đó một vị quan sai có tên là Baian Cinqsan, tức là Baian Trăm Mắt. Nên biết rằng nhà vua xứ Mangi đã tìm thấy trong lá số tử vi là ông không thể mất vương quốc được, trừ khi do một người có một trăm mắt; nên ông ta bình chân như vại, vì ông không thể nghĩ rằng một người nào đó lại có một trăm mắt. Vị vua Baian này có một số quân lính do Đại Hãn ban cho, lính ngựa cũng như lính bộ. Ông ta cũng có một số lớn tàu chiến để chở những lính ngựa và lính bộ khi cần. Khi ông đưa toàn bộ quân đội đến lãnh thổ Mangi, tức là đến trước thành phố Coigangui; ông bảo quân thù phải hạ vũ khí đầu hàng Đại Hãn. Những người này trả lời là họ sẽ không thi hành. Khi biết tin này, Baian tiến lên phía trước và tìm thấy một thành phố khác, thành phố này cũng không muốn quy hàng. Ông tiếp tục tiến lên nữa, bởi vì ông biết rằng Đại Hãn sẽ gọi một đội quân lớn đến phía sau ông. Tôi nói với các bạn điều gì nữa đây? Nên biết là ông đi qua trước năm thành phố, nhưng ông không lấy được bất cứ thành phố nào, bởi vì họ không muốn đánh trận hoặc đầu hàng. Do đó,

thành phố thứ sáu bị chiếm lấy bằng vũ lực; sau đó ông lấy một thành khác, rồi một thành thứ ba, rồi một thành thứ tư, cuối cùng, ông lần lượt chiếm lấy tất cả là 12 thành. Khi ông chiếm được nhiều thành như tôi đã nói, ông đến thành phố chính của vương quốc có tên là Quinsay, nơi ở của vua và hoàng hậu. Khi nhà vua nhìn thấy Baian với một đội quân lớn như thế, ông rất lo sợ vì chưa bao giờ nhìn thấy một đội quân nào đông đến như vậy. Ông leo lên một trong một ngàn con tàu cùng với nhiều người để chạy trốn. Ông đến trốn trong các đảo ở biển Océane thuộc Ấn Độ. Hoàng hậu vẫn ở lại trong thành phố, cố gắng tự vệ tùy theo khả năng quyền lực của mình như là một phụ nữ can đảm. Hoàng hậu hỏi các nhà chiêm tinh rằng ai sẽ là người chiến thắng, và người đó mang tên gì. Họ trả lời: người đó có tên là Baian Trăm Mắt. Hoàng hậu vừa nghe đến cái tên này, sực nhớ đến tên người đàn ông có thể chiếm lấy vương quốc của mình. Bà liền đầu hàng Baian, toàn bộ vương quốc, tất cả các thành phố, thị trấn khác cũng buông vũ khí không chống cự. Đây là một cuộc chinh phục quan trọng, vì không có vương quốc nào trên thế giới giàu có bằng, vì ở đây kho tàng không biết cơ man nào mà kể.

Trong các tỉnh này, người dân thường không thể nuôi dưỡng con cái của họ, họ ném chúng đi từ khi chúng vừa chào đời. Nhà vua chỉ cho thu nhặt tất cả và cho ghi từng đứa sinh với một dấu hiệu và dưới hành tinh nào đó; sau đó ông cho nuôi chúng tại nhiều địa điểm khác nhau. Khi có người đàn ông giàu có nào đó mà không có con đến xin con, y muốn xin bao nhiêu nhà vua cũng cho. Khi chúng lớn, nhà vua cho chúng cưới nhau và ban cho chúng tài sản riêng để chúng có thể sống thoải mái. Bằng cách này, ông nuôi dạy hơn 20 ngàn đứa mỗi năm, con trai cũng như con gái.

Ông còn làm một chuyện khác nữa: khi ông cưỡi ngựa đi qua thành phố và nhìn thấy bất cứ căn nhà nhỏ nào, ông liền hỏi tại sao căn nhà lại quá nhỏ, nếu người ta trả lời đó là nhà của một người nghèo và không có cách nào để nâng cao nó lên, nhà vua liền ban cho người đó đầy đủ phương tiện để làm việc đó. Vì lý do này, trong thành phố chính của vương quốc Mangi, không có ngôi nhà nào là không đẹp.

Nhà vua còn được hầu hạ bởi hơn một ngàn người hầu nam nữ, tất cả đều ăn mặc rất sang trọng. Ông cai trị vương quốc trong sự công bình đến nỗi không ai làm điều ác. Thành phố an toàn đến nỗi ban đêm người ta vẫn để cửa mở, mặc dù các căn nhà và các kệ chất đầy hàng hóa đắt tiền. Không ai có thể diễn tả được sự giàu sang và lòng tốt của những người dân xứ sở này.

Tôi đã nói với các bạn về vương quốc, bây giờ, tôi sẽ nói về hoàng hậu. Nên biết rằng bà được đưa đến Đại Hãn; khi Đại Hãn nhìn thấy bà, ông làm tăng thêm niềm vinh dự cho bà và phục vụ bà hết sức chu đáo như đối với một vị phu nhân quan trọng. Nhưng nhà vua, chồng bà, không bao giờ đi ra khỏi các đảo ở biển và chết tại nơi đó. Vì vậy, chúng ta sẽ không nói đến vị vua này và bà vợ của ông; chúng ta hãy trở lại câu chuyện của chúng ta về tỉnh lớn Mangi, về những phong tục tập quán nơi đó; chúng ta sẽ bắt đầu từ thành phố Coigangui mà chúng ta đã từ bỏ để nói vì sao tỉnh Mangi bị xâm lược.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ COIGANGUI

Coigangui (Hoai gan fou. Trên sông Hoàng Hà) là một thành phố rất lớn, ở ngay cửa ngõ đi vào tỉnh Mangi. Nó nằm trên bờ sông Caramoran, nơi có nhiều tàu thuyền như tôi đã kể. Rất nhiều hàng hóa được đưa vào thành phố này, vì nó là thủ đô của vương quốc. Trong thành phố này, người ta sản xuất nhiều muối và cung cấp nó cho hơn 40 thành phố khác, việc này đem lại nguồn lợi rất lớn cho Đại Hãn.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ PAUCHIN

Từ Coigangui, chúng ta đi ngựa về hướng đông nam trong một ngày, trên một đường lát đá rất đẹp; ở hai bên đường lát đá này, có nước và người ta chỉ có thể đi vào trong tỉnh bằng con đường lát đá này mà thôi. Sau một ngày đường, chúng ta sẽ gặp thành phố Pauchin (Pao Ying) rất đẹp. Dân cư sống về buôn bán và thủ công, họ có nhiều lụa để làm ra nhiều loại vải lụa và vải dệt vàng rất đẹp.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ CAIU

Từ thành phố Pauchin đi ngựa về phía Đông Nam trong một ngày, chúng ta đến thành phố Caiu (Kan Yu) rất rộng lớn và sang trọng. Người dân thờ ngẫu tượng, lấy giấy các tông làm tiền tệ, họ là thần dân của Đại Hãn. Họ sống về nghề buôn bán và thủ công, họ có nhiều và đủ loại lương thực, vô số cá và thú săn, chim chóc. Nên biết rằng một đồng bạc lớn Venise, người ta có thể mua được ba con gà gô ngon.

Từ đây, chúng ta sẽ đi lên phía trước, và chúng ta sẽ nói đến thành phố có tên là Tigui.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ TIGUI

Từ thành phố Caiu đi ngựa trong một ngày về hướng Đông Nam, qua những thị trấn, những cánh đồng và những nông trại xinh đẹp, chúng ta sẽ đến thành phố Tigui (Tai Tchéou) không lớn lắm nhưng rất dồi dào về mọi thứ. Người dân đều thờ ngẫu tượng. Họ có nhiều tàu neo đậu trên sông. Bạn nên biết điều này, ở phía bên trái về hướng Đông, cách đó ba ngày đường là biển Océane. Từ đây đến thành phố, nơi nào cũng có nhiều bãi muối. Vậy là tôi sẽ nói với các bạn về một thành phố khác có tên là Yangui.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ YANGUI

Đi ngựa từ Tigui một ngày đường về phía Đông Nam, chúng ta đến thành phố Yangui (Yang chéou foil) lớn, sang trọng, và có thể lực đến nỗi nó lãnh đạo 27 thành phố buôn bán lớn khác. Trong thành phố này có dinh của một trong số 12 quan sai của Đại Hãn. Dân cư đều thờ ngẫu tượng và dùng giấy các tông làm tiền tệ.

Ngài Marco Polo đã nắm quyền cai trị trong thành phố này trong ba năm tròn do lệnh của Đại Hãn. Người dân sống về thương mại và thủ công, người ta còn sản xuất những yên cương dành cho các kỵ sĩ và lính với số lượng lớn, vì trong thành phố này và các thành phố phụ thuộc có nhiều quân lính của Đại Hãn trú đóng. Không có chuyện gì khác cần nói thêm, vì vậy, tôi sẽ nói đến hai tỉnh lớn ở về hướng Tây, về những phong tục tập quán của họ và trước tiên về thành phố Nanghin.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ NANGHIN

Nanghin (Nankin) là một tỉnh ở về phía Tây, nó rất sang trọng. Người dân sản xuất nhiều lụa và họ làm ra nhiều loại vải dệt vàng và bằng lụa rất đẹp. Họ có một thị trường lớn bán tất cả các loại lúa mì và tất cả những nhu yếu phẩm, vì đây là một tỉnh rất sung túc. Nó còn có những nhà buôn lớn và giàu có, Đại Hãn hưởng được mỗi lợi lớn về thuế đánh trên những hàng hóa mua vào bán ra.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ SAIANFU

Saianfu (Siang Yang, trên sông Hàn) là một thành phố rất lớn và sang trọng, có quyền lãnh đạo trên 12 thành phố lớn và giàu có khác. Dân cư làm ăn buôn bán lớn và làm những nghề quan trọng. Họ thờ ngẫu tượng, dùng tiền bằng giấy các tông và cho hỏa táng người chết. Họ thần phục Đại Hãn. Họ sản xuất nhiều lụa và làm ra những loại vải lụa rất đẹp. Họ có nhiều loài thú săn. Thành phố có tất cả những điều kiện cần thiết cho một thành phố sang trọng. Nên biết rằng thành phố chống lại Đại Hãn trong ba năm sau cuộc chinh phục Mangi. Quân đội của Đại Hãn không ngừng mở những đợt tấn công ác liệt chống lại họ, nhưng không thể bao vây thành phố, vì xung quanh thành có hào nước lớn và sâu. Tôi cho các bạn biết rằng họ không bao giờ lấy được thành, nếu như không có một chuyện mà tôi sắp kể sau đây.

Khi quân đội của Đại Hãn đã ở ba năm trước cửa thành này, và không thể nào chiếm được nó; những người Tácta rất tức giận. Ngài Nicolo Polo, Ngài Marco Matteo, Ngài Marco Polo báo họ tìm cho được những cỗ máy có hiệu năng thì thành phố sẽ bị chiếm và sẽ đầu hàng bằng vũ lực; những cỗ máy đó được gọi là những cỗ máy bắn đá, những cỗ máy đồ sộ ném vào thành phố những tảng đá to đến nỗi chúng sẽ phá hủy tất cả những gì chúng chạm tới.

Khi Đại Hãn và các quan cận thần nghe tin do các sứ giả từ đội quân chuyển đến, họ rất sốc kinh ngạc, vì tôi nói cho các bạn biết rằng, trong tất cả các vùng này, họ không biết thế nào là máy bắn đá cũng như cân tiểu ly, vì họ chưa bao giờ nhìn thấy chúng. Họ rất sung sướng vui mừng về thông tin này. Đại Hãn bảo với hai anh em và Ngài Marco cho làm những cỗ máy này càng sớm càng tốt, vì Đại Hãn cũng như tất cả những người đang bao vây thành đều mong nhìn thấy nó. Cả ba người liền cho đưa đến một sườn gỗ rất tốt để làm cỗ máy bắn đá. Nên biết rằng có hai người cùng làm chung với họ, những người này cũng hiểu biết chút ít về việc thiết kế này. Một người là tín đồ Ki tô giáo phái Nestorien, còn người kia là Ki tô hữu người Đức từ nước Đức đến. Hai người này và ba người đã nêu trên cùng thiết kế ba cỗ máy bắn đá lớn và đẹp, mỗi cỗ máy bắn ra một hòn đá nặng hơn 300 livrơ. Khi các cỗ máy đã được hoàn thành và trang bị cho quân đội, Chúa thượng và những người khác nhìn chúng rất thỏa mãn và Chúa ra lệnh bắn nhiều hòn đá ngay trước mắt họ, họ coi đó là một điều kỳ diệu và hết lời ca tụng công trình. Chúa ra lệnh đưa ngay các cỗ máy ra mặt trận cho quân của ông đang bao vây thành. Khi đưa các cỗ máy đến nơi, người ta cho lắp ráp lại, chúng thật là những cỗ máy kỳ diệu nhất đối với những người Tácta.

Khi các cỗ máy được dựng lên và căng ra, chúng bắn những hòn đá vào trong thành phố; những hòn đá này rơi trên các mái nhà làm gãy đổ và phá hủy mọi thứ, gây nên những tiếng ồn ào tạo thành một cơn bão lớn. Khi những người dân trong thành nhìn thấy những tai họa mà họ không bao giờ nhìn thấy, họ rất đổi kinh hoàng và cho đó là chuyện lạ lùng. Họ rất lo sợ và vội họp nhau lại để bàn bạc phải làm gì để chống lại những hòn đá bắn về phía họ, vì họ nghĩ rằng đây là do phép thuật. Họ họp lại và đồng ý đầu hàng và phái các sứ giả đến với vị chỉ huy quân bao vây thành. Điều họ muốn, đó là đầu hàng theo cách mà các thành phố khác trong tỉnh đã đầu hàng. Đại Hãn rất sung sướng và trả lời là ông cũng muốn như vậy. Họ đầu hàng và được chấp thuận như các thành phố khác. Đó là nhờ vào tài khéo léo của Ngài Nicolao, Ngài Matteo, em trai, và Ngài Polo, con trai của Ngài Nicolao như các bạn đã biết. Đây không phải là một việc nhỏ, vì bạn nên biết rằng thành phố này và cả vùng này đã và vẫn còn là những thành phố tuyệt vời nhất mà Đại Hãn chiếm hữu được; vì ông rút được từ đó những nguồn lợi rất lớn lao.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ SINGUI

Từ thành phố Nanghin đi ngựa 15 dặm về hướng Tây Nam, chúng ta đến một thành phố có tên là Singui (có thể là Kieu Kiang), không lớn lắm như có nền thương mại sầm uất và có nhiều tàu bè lớn. Bạn nên biết rằng thành phố nằm trên bờ sông lớn nhất thế giới và có tên là Quian (Yang Tsé Kiang). Sông rộng 10 dặm, có khi ít hơn và từ đầu đến cuối sông đi mất 100 ngày đường. Nhờ con sông này, hàng hóa đi và đến từ những miền đất khác nhau trên thế giới. Thành phố này buôn bán tấp nập và rất giàu có, nên Chúa thượng thu được nhiều nguồn lợi từ nó. Con sông này chảy đi rất xa qua nhiều vùng, nhiều lãnh thổ và thành phố, nói đúng ra, con sông này chuyên chở nhiều tàu bè và hàng hóa hơn là tất cả những con sông và toàn bộ biển của những người Ki tô giáo; vì vậy, hình như nó không phải là sông mà là biển. Theo lời Ngài Marco Polo, người thu thuế của Đại Hãn trên sông này nói lại, rằng mỗi năm có hơn 200 ngàn tàu đi lên vùng thượng lưu chưa tính những con tàu quay xuống lại. Các bạn có thể thấy đây là một sự kiện rất quan trọng. Trên con sông này có 400 thành phố lớn chưa kể đến các thành phố nhỏ và thị trấn, tất cả đều có tàu thuyền. Tàu của họ được thiết kế như tôi sẽ nói với các bạn sau đây. Chúng rất lớn, mỗi tàu chở được 11 đến 12 ngàn tạ, chúng chỉ có một cột buồm và một tầng duy nhất.

Không có gì đáng phải kể nữa; vậy chúng ta hãy tiếp tục lên đường và nói đến một thành phố có tên là Caigu. Nhưng trước tiên, tôi sẽ nói với các bạn một điều mà tôi đã quên. Các bạn nên biết rằng các con tàu này đi về phía thượng nguồn đều được kéo đi, vì nước chảy rất nhanh đến

nổi tàu không thể đi ngược lên bằng cách nào khác. Dây thừng dùng để kéo tàu dài ba trăm bước và không bện bằng thứ gì khác ngoài bằng cây lau sậy. Người ta kiếm những cây lau sậy và chẻ chúng theo chiều dài, quấn những sợi này vào những sợi khác và bện thành những dây thừng dài tùy ý, chúng rất chắc chắn.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ CAIGUI

Caigui là một thành phố nhỏ, ở về hướng Nam, trên con sông mà chúng tôi nhắc đến trên đây. Trong thành phố này có tập trung một số lượng lớn lúa mì và gạo để chuyển đến thành phố lớn Canbaluc cho triều đình của Đại Hãn, vì triều đình thường dùng gạo của vùng này. Người ta chở gạo bằng tàu thủy không đi trên biển, nhưng đi trên các con sông và hồ; Chúa cũng cho đào những con kênh lớn đi từ nơi này đến nơi khác, nên những tàu lớn chở đầy hàng có thể đi từ thành phố Caigui này đến tận thành phố lớn Canbaluc. Nhưng người ta cũng có thể đi bằng đường bộ, vì đất đai mà người ta đào lên từ những kênh đào đã được đắp hai bên bờ, và tạo thành hai đường để có thể đi bộ.

Trước thành phố Caigu này, ở giữa sông, có một hòn đảo đá, trên đó có một tu viện thờ ngẫu tượng, trong tu viện, có hơn hai trăm sư huynh tôn thờ ngẫu tượng. Tu viện này đứng đầu nhiều tu viện khác của các tín đồ ngẫu tượng, giống như tòa Tổng giám mục của Ki tô giáo.

Bây giờ chúng ta sẽ rời khỏi thành phố và con sông này, và chúng tôi sẽ nói với các bạn về một thành phố có tên là Cinghianfu.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ CINGHIANFU

Cinghianfu (Tching kiang fou) là một thành phố thuộc tỉnh Mangi. Dân cư sống về các ngành nghề và thương mại. Có hai nhà thờ Ki tô giáo thuộc phái Nestorien từ năm Thiên Chúa thứ 1278; chúng tôi sẽ cho các bạn biết vì sao. Nên biết rằng Đại Hãn phái đến đó vào năm vừa nêu một quan sai có tên là Massarchis và là tín đồ Ki tô giáo Nestorien để cai trị thành phố trong vòng ba năm. Chính trong ba năm này, ông đã cho xây hai ngôi thánh đường của những người Ki tô giáo. Trước đây chưa có ngôi thánh đường nào.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ CINGIGUI

Từ thành phố Cinghianfu đi ngựa ba ngày đường theo hướng Đông Nam. Chúng ta đến thành phố Cingigui (Tchang tchéou Fou) rất lớn và sang trọng. Tôi sẽ nói với các bạn một điều xấu xa mà những người dân của thành phố này từng làm một lần, và họ đã phải trả giá đắt như thế nào. Nên biết rằng khi tỉnh lớn Mangi bị chiếm, và Baian làm thủ lĩnh nhân danh Đại Hãn, Baian gọi một số người của ông gọi là Alains và là những Ki tô hữu đến tiếp nhận thành phố. Họ đến tiếp nhận thành phố. Khi vào trong thành, họ tìm thấy những loại rượu rất ngon. Họ uống nhiều đến mức say mềm và nằm ngủ như những con heo con. Khi đêm xuống, những người dân giết sạch tất cả bọn họ, và không ai thoát khỏi cái chết. Khi Baian biết những người của ông đã bị giết một cách bất trung, ông phái đến đó một vị chỉ huy cùng nhiều lính, vị này liền chiếm lấy thành phố bằng vũ lực và ra lệnh chém tất cả những người trong thành bằng gươm đến nỗi không một ai sống sót. Nhưng chúng ta hãy bỏ qua chuyện này và nói đến một tỉnh khác có tên là Singui.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ SINGUI

Singui (Sou Tchéou) là một thành phố rất sang trọng và rất lớn. Chu vi của nó là 60 dặm. Dân cư đông đến nỗi người ta không biết số là bao nhiêu. Nếu những người dân của thành phố này và của vùng Mangi là những chiến binh, họ sẽ chinh phục được toàn thể thế giới; nhưng họ không phải là những chiến binh, họ chỉ là những thương nhân và rất khéo tay trong mọi ngành nghề; trong thành phố này, còn có nhiều triết gia và thầy thuốc. Cũng nên biết rằng, trong thành phố này có 6000 chiếc cầu, tất cả đều được xây bằng đá; một hoặc hai con tàu gale có thể đi qua phía dưới cầu một cách dễ dàng. Trong các dãy núi xung quanh có nhiều cây đại hoàng và gừng mọc: một đồng bạc lớn Venise, người ta có thể mua được 60 livrơ. Theo tiếng Pháp, tên của thành phố này có nghĩa là đất; và một thành phố bên cạnh có tên là Quinsay có nghĩa là trời. Người ta đặt những tên này cho chúng, vì sự to lớn của chúng.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ QUINSAY

Khi đi ngựa ba ngày qua xứ sở rất xinh đẹp và gặp nhiều thành phố thị trấn, chúng ta đến thành phố Quinsay (Hang Tchéou Fou, trong tiếng Pháp, từ này có nghĩa là thành phố của Trời) rất sang trọng. Chúng tôi sẽ cho các bạn biết về sự sang trọng của nó, vì đó là thành phố sang trọng nhất, tuyệt vời nhất thế giới, như nữ hoàng của vương quốc này viết cho Baian, người đã

chiếm được vùng này, để ông chuyển thư của bà đến cho Đại Hân, nhờ đó, ông đã biết đến sự tuyệt vời của thành phố này và không cho phép làm thiệt hại và phá hủy nó. Theo nội dung của lá thư này, chúng tôi sẽ nói cho các bạn biết toàn bộ sự thật, vì Ngài Marco Polo đã biết và nhìn thấy tất cả như chúng tôi sẽ kể lại sau đây.

Trước tiên, trong thư viết rằng, thành phố Quinsay lớn đến nỗi chu vi của nó là 100 dặm. Nó có 12 ngàn chiếc cầu bằng đá cao đến nỗi một con tàu thủy lớn có thể đi qua phía dưới. Không ai mà không kinh ngạc vì có nhiều cầu như thế, vì thành phố nằm toàn bộ trong vùng có nước và được bao bọc bởi nước; vì vậy, điều thích hợp là phải có nhiều chiếc cầu để giao thông trong thành phố.

Bức thư còn cho biết rằng trong thành phố này có mười hai thứ ngành nghề khác nhau, và mỗi nghề đều tập trung vào 12 ngàn căn nhà, nơi ở của những người thợ; trong mỗi nhà ít nhất phải có đến 10 người, có khi là 20 và có khi đến 40 người. Tất cả những người này không phải là chủ, nhưng là những người thợ thủ công làm việc dưới quyền của một ông chủ. Tất cả mọi người đều làm nhiều công việc, vì nhiều thành phố khác đến mua hàng trong thành phố này.

Bức thư còn cho biết rằng có nhiều nhà buôn rất giàu, họ buôn bán lớn đến nỗi không ai dám nói sự thật. Các bạn nên biết rằng, những người chủ ngành nghề là những người chủ gia đình cũng như vợ họ không bao giờ đụng tay đụng chân đến công việc gì, nhưng họ sống trong sự sạch sẽ và giàu sang, giống như họ là những vị vua chúa. Nhà vua còn ra lệnh và quy định rằng không ai được làm một nghề nào khác ngoài nghề của bố để lại, cho dù họ có hơn 100 ngàn đồng Byzance.

Trong thành phố có một cái hồ lớn (hồ Si-hou, không phải trong thành phố, nhưng giữa thành phố và núi) có chu vi 30 dặm. Quanh hồ này có những cung điện rất đẹp và những tòa nhà sang trọng thuộc về những người có máu mặt trong thành phố, đồng thời cũng có nhiều tu viện và nhà thờ của các tín đồ thờ ngẫu tượng. Giữa hồ có hai đảo, trên mỗi đảo có một dinh thự rất sang trọng và rất bề thế giống như cung điện của hoàng đế. Khi người nào trong thành phố muốn tổ chức lễ lạc, họ thường tổ chức trong dinh thự này, vì ở đó có sẵn chén bát bằng bạc, tất cả các dụng cụ và tất cả những gì họ cần đến. Chính nhà vua đã cung cấp những thứ này cho cung điện để làm vinh danh cho dân tộc của ông, và cung điện được dành cho tất cả những ai muốn đến đó hành lễ.

Những căn nhà của thành phố có tháp cao bằng đá, nơi đó người ta cất giữ những vật quý báu nhất trong nhà, vì họ sợ lửa và vì những căn nhà đều được làm bằng gỗ.

Dân cư thờ ngẫu tượng. Từ khi Đại Hãn chinh phục họ, họ cũng dùng giấy các tông làm tiền tệ. Họ ăn tất cả các thứ thịt, thịt chó và tất cả cả các loại thú rẻ tiền mà những người Ki tô giáo không bao giờ ăn với bất cứ giá nào. Nên biết rằng, từ khi Đại Hãn nắm quyền hành trong thành phố, ông đã ra lệnh là mỗi một cây cầu phải được canh gác ngày cũng như đêm bởi 12 người, để không ai làm điều gì xấu xa ở đó, chẳng hạn như dám nổi dậy chống lại ông. Trong thành phố còn có một ngọn núi, trên đó có một cái tháp và trên tháp này có một tấm gỗ, một người gác dùng búa đánh vào tấm gỗ này khi có hỏa hoạn hoặc thiên tai nào xảy ra trong thành phố. Tiếng búa gõ kêu vang truyền đi rất xa, đến nỗi khi nghe tiếng, mỗi người đều biết chắc chắn có hỏa hoạn hoặc một sự nguy hiểm nào đó đang xảy ra trong thành phố.

Đại Hãn cho giữ gìn rất kỹ thành phố này, bởi vì nó là thủ phủ của vùng Mangi và bởi vì ông thu về nhiều nguồn lợi và kho tàng nhờ đóng thuế trên những hàng hóa lưu hành ở đó. Hàng hóa đem lại những lợi nhuận lớn đến nỗi bất cứ ai nghe nói cũng không thể nào tin được nếu như không tận mắt nhìn thấy.

Tất cả các đường phố cũng được lát đá như tất cả các đường ở vùng Mangi, đến nỗi người ta có thể đi ngựa và đi bộ khắp nơi một cách sạch sẽ. Nếu như không lát đá, người ta không thể đi ngựa một cách dễ dàng, vì xứ này rất thấp, bằng phẳng và có nhiều bùn khi có mưa.

Các bạn nên biết rằng trong thành phố Quinsay này có ba nghìn địa điểm tắm nước khoáng, ở những nơi đó, dân chúng tìm được niềm vui thú và sự sạch sẽ. Những chỗ tắm này là những nơi đẹp nhất, tuyệt vời nhất và lớn nhất trên thế giới, lớn đến mức 100 đàn ông và 100 đàn bà có thể tắm ở đó cùng một lúc.

Biển Océane ở cách thành phố này hơn 25 dặm. Hải cảng có tên là Ganfu, ở đó có nhiều tàu thủy đi hoặc đến Ấn Độ và các nước ngoài khác, mang đi và mang về những hàng hóa đủ loại đem lại lợi nhuận rất lớn cho thành phố. Từ thành phố Quinsay này đổ ra cảng biển một con sông lớn và đưa các tàu thuyền vào tận thành phố.

Đại Hãn đã chia vùng Mangi ra thành 9 khu vực và thành lập 9 vương quốc; ông phái đến mỗi vương quốc một vị vua cai trị đại diện cho ông; mỗi vị vua mỗi năm nộp thuế cho Đại Hãn một số tiền từ nguồn lợi của vương quốc mình. Trong thành Quinsay này, có một quốc vương nắm

quyền cai trị trên 140 thành phố lớn và giàu có khác. Trong vùng Mangi rộng lớn này, có hơn 1200 thành phố rộng lớn và giàu có, không kể đến nhiều thị trấn và thị xã. Trong mỗi thành phố đều có một đội canh phòng theo lệnh của Đại Hãn; đội canh phòng nhỏ nhất là một ngàn người, có đội lên tới 10 ngàn, có đội 20 ngàn và thậm chí 30 ngàn; số quân tổng cộng lớn đến nỗi người ta chỉ có thể phỏng đoán. Tất cả những người canh gác này đều thuộc tỉnh Catay; đó là những người lính cừ, nhưng không phải hầu hết là lính ngựa; có một số lớn lính bộ tùy theo nhu cầu của đội canh phòng ở mỗi thành phố. Tất cả đều được Đại Hãn chu cấp. Tôi nói thật cho các bạn biết rằng sự giàu có của các thành phố này to lớn đến nỗi Đại Hãn nhận được mỗi năm số lợi tức mà chúng ta chỉ biết đại khái; tôi cho rằng người nào nghe nói đến điều này cũng không thể tin, nếu như họ không nhìn thấy.

Dân cư trong lãnh thổ này có thói quen ghi lại ngày giờ, dưới hình thức nào và dấu hiệu gì của một đứa trẻ vừa chào đời, nên mỗi người đều biết rõ ngày sinh của mình. Khi người nào muốn lên đường đi xa, y cố tìm cho được các nhà chiêm tinh rồi nói cho họ biết về chi tiết của cuộc đời mình để xem có thể đi hoặc không được đi xa hay không. Đôi khi nhà chiêm tinh khuyên cáo y không nên đi, và họ liền từ chối đi cho đến khi nào nhà chiêm tinh bảo đã đến lúc đi được.

Vì các nhà chiêm tinh là những bậc thầy hành nghề giỏi, nhiều lần họ nói điều đúng, nên người ta rất tin vào họ.

Khi có người chết, họ cho hỏa táng xác, bà con bạn bè đều đến dự tang lễ trọng thể: họ mặc quần áo bằng da gai và tất cả đều đi theo thi hài cùng với nhiều nhạc cụ và hát những bài kinh cầu nguyện dâng lên cho ngẫu tượng của họ; khi đến nơi hỏa táng, họ ném vào lửa cùng với xác chết những hình con ngựa có yên cương, vũ khí, nô lệ nam nữ, lạc đà và những đồ đạc khảm vàng do họ cắt từ giây da; tất cả đều cháy ra tro cùng với xác chết. Họ cho rằng người chết sẽ có tất cả những thứ đó ở bên kia thế giới và thuộc quyền của người chết; những nhạc cụ mà họ thổi lên cũng như những lời kinh dâng lên cho ngẫu tượng sẽ dành cho người chết trong thế giới bên kia; chính ngẫu tượng sẽ đến để đón nhận y.

Trong thành phố này còn có cung điện của vị vua đã bỏ trốn, ông đã từng là lãnh chúa xứ Mangi. Đó là cung điện rộng lớn nhất thế giới như tôi sẽ kể sau đây. Nó rộng đến mức chu vi của nó là 10 dặm. Toàn thành đều được bao bọc bằng những tường thành có khoét lỗ châu mai; bên trong các bức thành này, có những khu vườn đẹp nhất và tuyệt diệu nhất thế giới; chúng có đủ những thứ trái cây ngon nhất của thế giới với nhiều con suối và nhiều hồ nhưng nhúc cá. Cung

điện rất lớn và rất đẹp ngự trị ở ngay chính giữa. Nó có 20 phòng xinh xắn và rộng lớn; có một phòng rộng lớn hơn các phòng khác, nơi đây một số đông người có thể vào ăn uống cùng một lúc; nó được dát vàng, trần báng và các vách tường không sơn thứ gì khác ngoài vàng. Tôi không thể kể cho các bạn tất cả những thông tin về cung điện này; có khi có đến 20 bàn khác nhau cùng kích cỡ, lớn đến nỗi 10 ngàn người có thể cùng ngồi ăn ở đó; ngoài ra còn có hơn một ngàn phòng rất đẹp và rất lớn, tất cả đều sơn son thếp vàng.

Trong thành phố này còn có một trăm sáu mươi đường phố lớn, và mỗi đường phố có 10 ngàn căn nhà, tức là tổng cộng có hơn một triệu 600 ngàn căn nhà, trong đó có một số lớn những dinh thự giàu sang. Trong thành phố chỉ có một ngôi nhà thờ duy nhất của những người Ki tô giáo thuộc phái Nestorien.

Tôi sẽ nói cho các bạn biết một chuyện khác nữa. Tất cả những người giàu có của thành phố và tất cả những người khác ở đó đều có thói quen viết trên cửa ra vào nhà họ tên của họ, tên vợ, tên các con và tên các nô lệ của họ cùng như tên tất cả những ai đang ở trong nhà, thậm chí họ còn ghi có bao nhiêu gia súc nữa. Nếu có ai trong nhà chết đi, người ta liền xóa tên người đó; nếu có đứa trẻ nào mới sinh ra, người ta liền viết tên nó lên ngay. Bằng cách này Chúa thượng luôn luôn biết ông có bao nhiêu thần dân trong thành phố. Người ta làm điều này trong toàn xứ Mangi và Catay. Người ta cũng viết lên đó tên và tên họ của tất cả những thương nhân ngoại quốc đến cư ngụ trong vùng cùng với ngày tháng họ vào và ra đi, đến nỗi Chúa cũng có thể biết ai đi ai đến trên toàn bộ lãnh thổ của ông mỗi khi ông muốn. Chắc chắn đây là hành động của một người khôn ngoan, cẩn thận và biết lo liệu.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ LỢI TỨC HÀNG NĂM CỦA ĐẠI HÃN THU ĐƯỢC TỪ THÀNH PHỐ QUINSAY

Bây giờ tôi sẽ nói cho các bạn biết về lợi tức rất lớn mà Đại Hãn thu được hàng năm từ thành phố Quinsay và từ những vùng đất nằm dưới quyền của ông, nguồn lợi này chiếm một phần chín nguồn lợi của vùng Mangi. Trước hết, tôi sẽ nói về muối, thứ mang lại nguồn lợi rất lớn.

Muối đem lại mỗi năm số tiền là 80 *tomman* vàng, mỗi *tomman* bằng 70 ngàn *saies* vàng, vì vậy 80 *tomman* tạo nên một số tiền là 5600 cân vàng; và mỗi cân vàng trị giá hơn một đồng *florin* vàng (tức là 65 triệu 520 ngàn frăng vàng). Đây thật là một số tiền rất lớn.

Sau khi nói với các bạn về muối, tôi sẽ nói về những thứ hàng hóa khác cũng như thuế mà chúng mang về cho Đại Hãn. Người ta sản xuất rất nhiều đường trong thành phố này và các thành phố trực thuộc; người ta cũng sản xuất đường trong tám miền khác của xứ Mangi, đến nỗi theo tôi trên toàn phần còn lại của thế giới, người ta không sản xuất đến được một nửa con số đó, theo lời của những người trong miền nói lại.

Đường này mang lại cho Đại Hãn ba phần trăm. Tất cả các thứ hàng hóa, tất cả các sản phẩm, than đá có trữ lượng nhiều và lụa rất dồi dào cũng mang lại cho Đại Hãn 10 phần trăm. Vì vậy, *tất cả* các sản phẩm mang lại một số tiền quá lớn không thể nào tưởng tượng được. Đây là giá trị của một phần chín mà xứ Mangi đem lại hàng năm.

Đúng ra, Ngài Marco Polo, người kể lại tất cả những điều này, nhiều lần được Đại Hãn phái đi kiểm tra thuế má và lợi tức của phần đất thứ chín của Mangi này; không nói đến sản phẩm muối mà chúng tôi đã nhắc đến, tất cả các khoản thuế này là 210 *tomman* vàng, tức 15 triệu 700 ngàn 08 cân vàng, một trong những số tiền quá lớn chúng ta chưa bao giờ nghe nói đến. Nếu như Chúa thượng thu được lợi tức rất lớn từ phần đất thứ chín này, chúng ta có thể đoán ra được lợi tức của tám phần khác đáng giá như thế nào. Nhưng nói đúng ra, phần thứ chín này là phần lớn nhất. Vì vậy, do lợi tức mà ông thu được từ vùng này, nên ông rất thích nó, ra lệnh canh giữ nó cẩn thận và giữ yên bình cho những người dân sống ở nơi đó.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ TANPIGUI VÀ BỐN THÀNH PHỐ KHÁC

Từ Quinsay đi ngựa về phía Nam trong một ngày, chúng ta đến thành phố Tanpigui (Ta Pin Zou) rất lớn, đẹp, giàu có và trực thuộc Quinsay. Dân cư thần phục Đại Hãn và dùng tiền giấy các tông. Họ thờ ngẫu tượng và cho hỏa táng người chết, bằng cách thức như tôi đã nói trên kia.

Không còn gì đáng nói thêm. Chúng ta sẽ tiến tới nữa và nói về một thành phố khác có tên là Vigui, cách Tanpigui ba ngày đường. Dân cư cũng thờ ngẫu tượng.

Cách đó hai ngày đường là thành phố Guigui, rất lớn và rất đẹp. Dân cư thuộc quyền Đại Hãn. Họ sản xuất nhiều lụa. Trong vùng này có những loại sậy to nhất và dài nhất trong xứ Mangi; chúng dày hơn 04 bề ngang bàn tay và dài 15 bước chân.

Từ Guigui đi ngựa mất bốn ngày xuyên qua đất nước rất đẹp có nhiều thành phố và thị trấn này, chúng ta đến thành phố Ciancian rất lớn và rất đẹp. Nó nằm trên một ngọn đồi cắt con sông chảy ra biển Océane thành hai nhánh. Thành phố trực thuộc thành phố Quinsay. Trong toàn bộ lãnh thổ Mangi, không có lấy một con cừu nào, nhưng có nhiều dê, bò và bò cái. Dân Cư tôn thờ ngẫu tượng.

Từ Ciancian đi ngựa trong ba ngày, chúng ta đến thành phố Ciugui. Dân cư thờ ngẫu tượng. Thành phố này đẹp, sang trọng và giàu có, đây là thành phố cuối cùng trực thuộc Quinsay. Xa hơn nữa, bắt đầu một vương quốc khác có tên là Fugui.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ VƯƠNG QUỐC FUGUI

Từ Ciugui, thành phố cuối cùng của vương quốc Quinsay, chúng ta bước vào vương quốc Fugui (Foil tchéou, thủ phủ của Fo Kien hiện nay) và đi ngựa trong 06 ngày qua các thành phố và những thị trấn thơ mộng, nơi có nhiều lương thực, thú săn. Có nhiều sư tử rất lớn và rất khỏe. Ngoài ra còn có gừng và *galanda*; với một đồng bạc lớn Venise, người ta có thể mua được bốn livro gừng tốt và cay. Cũng có một loại trái cây giống như nghệ và tương đương như nghệ dùng làm thực phẩm. Người dân ăn đủ loại thịt và họ cũng ăn thịt người thoải mái, miễn là họ không chết tự nhiên, vì vậy họ tìm kiếm những người bị giết để ăn thịt và họ cho là rất ngon.

Những người đi ra trận thường có thói quen như tôi sẽ nói với các bạn sau đây. Họ tự cạo nhẵn tóc và cho sơn màu xanh như một thanh gươm bằng sắt. Tất cả bọn họ đều đi bộ trừ vị chỉ huy. Họ dùng những cái giáo; họ là những người hung dữ nhất thế giới, vì họ luôn luôn giết chết kẻ thù, uống máu và ăn thịt họ.

Nhưng chúng tôi sẽ bỏ qua chuyện này để nói về một chuyện khác. Sau khi đi ngựa được 06 ngày, chúng ta sẽ gặp thành phố Quenlifu (Kien ning Fou), đó là một thành phố rất lớn và rất sang trọng. Trong thành phố này có ba chiếc cầu bằng đá, những chiếc cầu đẹp nhất trên thế giới; mỗi cầu dài một dặm và rộng 20 *pied*, toàn bộ chiếc cầu đều làm bằng đá cẩm thạch với những chiếc cột đẹp và đắt tiền. Dân cư sống về nghề buôn bán và thủ công. Họ sản xuất nhiều lụa, gừng và *galanda*. Phụ nữ ở đây rất đẹp. Cũng có một điều kỳ diệu đáng được kể lại: họ có những con gà mái không có lông vũ, nhưng chỉ có lông mao, chúng toàn một màu đen và đẻ trứng giống như gà của ta và thịt ăn rất ngon.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ FUGUI SANG TRỌNG

Thành phố Fugui là thủ đô của vương quốc có tên là Chonka, và là một trong 9 miền của lãnh thổ Mangi. Trong thành phố này, việc buôn bán sầm uất và có những nghề quan trọng, ở đây có một số lớn quân lính của Đại Hãn trú đóng, để vương quốc được canh phòng cẩn mật, vì thành phố này quen nổi loạn; nhưng mỗi lần một thành phố hoặc thị trấn nào nổi loạn, quân lính liền đi đến đó và tiêu diệt tất cả dân cư. Giữa thành phố này có một con sông lớn, rộng một dặm chảy qua. Thành phố còn sản xuất nhiều đường; người ta còn buôn bán ngọc trai và đá quý, vì có nhiều tàu từ Ấn Độ đến mang theo nhiều mặt hàng hiếm. Gần thành phố này có hải cảng Caiton nằm trên biển Océane, con sông vừa nêu trên cũng chảy đến hải cảng này. Họ cũng có những khu vườn đẹp tuyệt vời. Đây là một thành phố rất đẹp và hết sức ngăn nắp. Ở đây, người ta tìm thấy có đủ những thứ nhu yếu phẩm.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ CAITON

Từ Fugui, vượt qua sông và đi ngựa mất năm ngày qua một xứ sở rất đẹp, chúng ta gặp thành phố Caiton (Thsiouan Tchéou, đối diện đảo Formose và không có gì giống với Canton) rất lớn và sang trọng, nó trực thuộc Fugui và thần phục Đại Hãn. Trong thành phố này có hải cảng Caiton, tất cả các tàu từ Ấn Độ đến đây đều mang theo những thứ gia vị và các hàng hóa quý giá khác; đó là hải cảng mà các nhà buôn Mangi đều ghé đến, vì vậy ở đây, có rất nhiều hàng hóa, đá quý, ngọc trai; từ hải cảng này, hàng hóa tràn vào trong toàn xứ Mangi. Tôi cho các bạn biết rằng, đến Alexandrie hoặc nơi nào khác, chỉ cần một con tàu chở tiêu cũng đủ để mang đến đất của những người Ki tô giáo, nhưng có đến một trăm hoặc hơn nữa loại tàu này đến hải cảng Caiton. Điều này có nghĩa là Đại Hãn thu được những số tiền thuế đáng kể từ hải cảng này. Vì tất, cả các hàng hóa đến đó đều phải nộp cho Đại Hãn 10% số tiền thuế quan, tiền này đóng trên đá quý, ngọc trai và các loại hàng hóa dễ vỡ; nhưng đối với tiêu, đó là 44%, đối với gỗ *aloes*, đàn hương và các loại hàng hóa khác là 50%.

Gần thành phố Caiton này, có một thành phố khác tên là Tinugui, nơi người ta sản xuất những chiếc bát sứ rất đẹp. Người ta không làm đồ sứ này trong bất cứ hải cảng nào khác ngoài hải

cảng này; đồ sứ có rất nhiều, nên rẽ đến nổi với một đồng lớn Venise, người ta có thể mua được ba cái bát đẹp đến mức người ta không thể muốn thứ gì tốt hơn nữa.

Bây giờ các bạn đã nghe nói đến toàn bộ sinh hoạt của Catay, Mangi và nhiều vùng khác cũng như những thói quen của người dân về việc buôn bán vàng bạc và tất cả những thứ khác có ở đó. Nhưng quyển sách của chúng tôi chưa chứa tất cả điều mà chúng tôi muốn viết ra, vì còn có toàn bộ hoạt động của những người Ấn Độ và những việc quan trọng của Ấn Độ đáng được kể lại, vì chúng rất kỳ diệu, có thật và không chút dối trá nào. Chúng tôi viết ra đây theo như lời Ngài Marco Polo kể lại: ông biết những điều đó một cách đầy đủ vì ông đã ở Ấn Độ rất lâu, ông điều tra và hỏi han về những phong tục, những điều kiện sống của dân cư đến nỗi tôi có thể nói với các bạn là chưa bao giờ người nào biết nhiều và nhìn thấy nhiều như ông ta.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ NHỮNG ĐIỀU KỲ LẠ Ở NƯỚC ẤN ĐỘ VÀ VỀ NHỮNG CHIẾC TÀU Ở ĐÓ

Sau khi đã nói với các bạn về những vùng đất trên đây, chúng tôi sẽ nói về nước Ấn Độ và những điều kỳ diệu ở nước đó. Trước hết, chúng tôi nói đến những chiếc tàu, nhờ chúng mà các nhà buôn đi đến các đảo của Ấn Độ. Các con tàu đều được làm bằng gỗ thông và chỉ có một thượng tầng. Mỗi tàu có từ 50 đến 60 phòng để các thương nhân ăn ở thoải mái. Chúng có một bánh lái và bốn cột buồm; đôi khi chúng còn có hai cột buồm khác được gắn thêm vào và cất đi tùy ý. Chúng được đóng bằng đinh sắt tốt, nẹp tôn bên trong và bên ngoài nhưng không trét nhựa dính, vì họ không có thứ đó, nhưng người ta trét cho chúng một thứ mà tôi sẽ cho các bạn biết; nó cũng tương đương hoặc hơn cả nhựa dính nữa; người ta lấy vôi sống và đay giã nhỏ, rồi trộn với nhựa thông, vật liệu này giữ cho chúng rất bền. Các bạn nên biết rằng mỗi một con tàu lớn có thể chứa đến 200 thủy thủ, vì chúng rất lớn và có thể chở từ 05 đến 06 ngàn đơn vị trọng tải tiêu. Chúng chạy bằng mái chèo khi không có gió, các mái chèo lớn đến mức bốn thủy thủ mới thao tác được một mái. Mỗi một con tàu lớn có ở phía sau nó hai xà lan chứa từ 40 đến 50 thủy thủ trên mỗi chiếc, chúng vận hành bằng mái chèo và giúp lái tàu lớn theo dây cáp; hơn nữa có 10 tàu nhỏ làm công việc phục vụ cho tàu lớn như bó neo, bắt cá và cung cấp những thứ cần thiết. Khi tàu vận hành bằng buồm, những con tàu nhỏ được buộc vào tàu lớn, chiếc này sau chiếc nọ. Nó kéo chúng theo phía sau; nhưng hai chiếc xà lan cũng có buồm để lướt đi và điều khiển giống như con tàu lớn. Những con tàu này được sửa chữa mỗi năm một lần: người ta gia cố cho nó

bằng một lớp ván được bào nhẵn và rất ăn khớp được bố trí trên những tấm ván khác theo cách như những tấm này đã được lắp ghép lúc ban đầu. Người ta cũng làm như thế đối với những chiếc xà lan. Và bạn nên biết rằng, sự gia cố hàng năm này có thể đạt đến sáu lớp ván. Sau đó, người ta sẽ ngừng gia cố; khi chúng có được sáu lớp chất chồng lên nhau, người ta không cho chúng ra khơi nữa, nhưng chỉ sử dụng trong những vùng nước ven bờ càng lâu càng tốt; sau đó người ta mới rẽ chúng ra.

Tôi đã nói với các bạn về những con tàu lớn đi biển Océane và các đảo Ấn Độ, bây giờ chúng ta sẽ nói đến những điều kỳ diệu về đất nước Ấn Độ.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ ĐẢO CINPINGU

Cinpingu (Cypangou hoặc Cipango, đó là Nhật Bản) là một đảo nằm ở ngoài khơi về phía Đông cách xa đất liền 1500 dặm. Đây là một hòn đảo rất lớn. Dân cư đều là người da trắng có phong cách lịch sự. Họ thờ ngẫu tượng và sống độc lập. Họ có vàng nhiều vô kể, vì họ tìm thấy nó trên các đảo của họ. Ít có nhà buôn nào đến đó vì nó ở quá xa đất liền, chính vì vậy mà vàng ở đó nhiều vô kể. Tôi sẽ kể cho các bạn nghe một chuyện hết sức kỳ diệu về cung điện của vị chúa đảo này. Nên biết rằng không có cung điện lớn nào được hoàn toàn dát bằng vàng ròng, giống như các nhà thờ của chúng ta được bọc bằng chì.

Tất cả những mặt lát và các phòng của cung điện đều lát bằng những tấm lát vàng dày bằng hai ngón tay; các cửa sổ cũng bằng vàng ròng, nên cung điện đắt giá đến mức không ai có thể tin được. Ở đó người ta cũng thấy nhiều loại đá quý và nhiều gà mái đỏ thịt ăn rất ngon.

Người ta báo cho Cublay khan về sự giàu có quá mức ở trên đảo này, ông liền nghĩ cách chiếm đoạt nó. Ông phái đến đó hai đại thần với nhiều tàu và một số lớn lính ngựa và lính bộ. Một vị đại thần có tên là Abacan và vị kia là Vonsanicin. Cả hai đều là những người khôn ngoan và dũng cảm. Và tôi sẽ nói gì nữa đây? Họ lên tàu ra khơi cùng với toàn bộ quân lính từ các cảng Caiton và Quinsay. Không bao lâu họ đến đảo và đổ bộ lên đảo, chiếm lấy đất đai làng mạc nhưng không có một thành phố hoặc thị trấn nào. Một sự rủi ro chợt xảy đến cho họ như tôi sẽ nói sau đây. Ở đây, gió bắc thổi rất mạnh và gây thiệt hại lớn trên đảo này. Vì có ít hải cảng, các chiến thuyền của Đại Hãn không thể chống cự lại những cơn gió quá mạnh. Vì vậy họ nghĩ rằng, nếu họ ở lại đó, đội tàu của họ sẽ bị đắm. Họ lên tàu căng buồm và bỏ đi khỏi đảo. Khi đi được một lúc, họ gặp một hòn đảo nhỏ và bị gió đẩy vào đảo trái với ý muốn của họ. Đội tàu của họ bị

vỡ và phần lớn quân lính bị chết đuối, đến nỗi chỉ còn lại có 30 ngàn người thoát chết đành phải trốn lên đảo. Họ được xem như chết, vì không có lương thực. Họ hết sức cay đắng vì họ thấy nhiều tàu lớn còn lênh lặn thoát khỏi cơn đắm tàu vội đi về nước thật nhanh mà không muốn quay lại giúp đỡ họ; điều này là do hai vị đại thần, những người chỉ huy đội quân rất ganh ghét nhau; do đó vị chỉ huy thoát khỏi trận bão giả vờ không thể quay lại với người bạn đồng hành đang mắc kẹt trên đảo, vì ông ta có thể làm điều này, khi gió không kéo dài bao lâu đã lắng xuống. Nhưng ông ta lại không làm và đi thẳng về nước mình. Nên biết rằng hòn đảo mà những người đắm tàu sống sót đổ bộ lên không thể ở được, vì ở đó không có bất cứ sinh vật nào ngoài họ.

QUÂN CỦA ĐẠI HÃN TRÊN ĐẢO CHIẾM THÀNH PHỐ CỦA ĐỊCH NHƯ THẾ NÀO?

Những người ở lại trên đảo, gồm hơn 30 ngàn người như tôi đã nói, họ được coi như đã chết, vì họ không có cách nào đi thoát được. Khi vua của hòn đảo lớn (đảo Cinpingu) hay tin họ trốn trên đảo và một bộ phận khác của đội quân bị tan rã và chạy trốn, ông rất sung sướng và cho tập trung tất cả các tàu đang đậu trong hòn đảo lớn; họ đi về phía đảo nhỏ và bước xuống đảo từ khắp phía. Khi những người Tácta nhìn thấy họ đổ bộ tất cả lên đảo và không để lại bất cứ đội canh phòng nào trên các tàu chiến, họ giả vờ chạy trốn và chạy đến các con tàu của quân địch, họ leo ngay lên tàu một cách dễ dàng, bởi vì hầu như họ không gặp bất cứ sự chống cự nào. Khi họ đã có mặt trên các con tàu, họ vội vàng tiến về hòn đảo lớn, đổ bộ lên đảo, đi vào thành phố chính, đồng thời mang theo những cờ lệnh và cờ hiệu của vua hòn đảo lớn. Dân trong thành phố không cảnh giác đề phòng, nhìn thấy những lá cờ tiến vào, họ nghĩ đó là những người thuộc về phe của họ, nên để cho những người Tácta đi vào trong thành. Những người sau này, một khi vào được bên trong, liền chiếm lấy các pháo đài, đuổi những người trong thành phố ra ngoài, trừ những người phụ nữ đẹp mà họ giữ lại cho họ. Những người lính của Đại Hãn đã chiếm được thành phố bằng cách đó.

Khi vua của hòn đảo lớn thấy thành phố của ông bị chiếm, ông vô cùng đau khổ. Những người còn lại ở đảo nhỏ đã mất đội tàu, chỉ có thể quay về đảo lớn trên một vài tàu chiến còn sót lại. Nhà vua liền ra lệnh tập trung toàn thể quân đội và bao vây thành phố, để không ai có thể ra hoặc vào. Tôi sẽ nói gì với các bạn nữa đây? Những người bị bao vây cầm cự được bảy tháng,

ngày và đêm họ tìm cách thông báo số phận của họ cho Đại Hãn biết; nhưng điều họ làm chỉ là công cốc, vì họ không thể nào báo tin cho ông ta được. Khi họ thấy không thể cầm cự được nữa, họ đầu hàng với điều kiện là được bảo toàn sinh mạng, nhưng họ không bao giờ được rời khỏi đảo. Chuyện này xảy ra vào năm Chúa Ki tô 1279. Đại Hãn ra lệnh hành quyết vị quan đã chạy trốn một cách hèn nhát. Đối với vị quan còn lại, vì vẫn còn ở trên đảo, ông ra lệnh tử hình, vì y đã không hành động như một người lính dũng cảm cần phải hành động.

Tôi cũng sẽ kể cho các bạn một chuyện xảy ra trong sự kiện này mà tôi đã quên. Các bạn nên biết rằng, lần đầu tiên quân đội của Đại Hãn đổ bộ lên hòn đảo lớn và chiếm lấy đảo như tôi đã kể trên kia, họ dùng vũ lực chiếm lấy một ngọn tháp mà đội gác không muốn đầu hàng, và họ liền chặt đầu những người lính gác, trừ tám người vì họ không thể nào cắt cổ họ được bằng bất cứ cách nào, do các tính năng của các viên đá mà họ có ở giữa lớp da và thịt; những viên đá này được bố trí khéo léo đến nỗi có vẻ như chúng không ở bên ngoài. Chúng được làm phép thuật và có tính năng là người nào mang chúng thì không vũ khí nào có thể giết được. Khi người ta báo cáo việc này lên ban chỉ huy người Tácta, họ ra lệnh giết những người đó bằng gậy. Khi họ chết, những vị chỉ huy cho lấy đá ra khỏi từng người và gìn giữ các viên đá đó rất kỹ.

Chúng ta sẽ bỏ qua chuyện này và quay về câu chuyện của chúng ta.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ NHỮNG NGẪU TƯỢNG KHÁC NHAU

Lúc này các bạn nên biết rằng, các ngẫu tượng của nước Catay và Mangi và của hòn đảo Cinpingu, tất cả đều giống nhau. Có ngẫu tượng hình đầu bò, có ngẫu tượng hình đầu heo, chó, cừu và những hình khác nữa. Có những ngẫu tượng với bốn đầu, ngẫu tượng khác có ba mà hai đầu kia nằm trên hai vai; những tượng khác có bốn tay, mười tay hoặc một ngàn tay; tín đồ tin tưởng vào ngẫu tượng nghìn tay hơn những ngẫu tượng khác. Khi một người Ki tô giáo hỏi họ tại sao họ làm những ngẫu tượng đủ loại và khác nhau như vậy, họ trả lời là tổ tiên của họ đã làm ra như thế và tổ tiên đã truyền lại cho con cái, và con cái lại truyền lại cho cháu chắt họ, và cứ thế truyền mãi từ đời này sang đời khác. Nên biết rằng tất cả những gì liên quan đến các ngẫu tượng này đều chất chứa biết bao mưu ma chước quỷ đến nỗi kể lại là điều không mấy thích hợp. Do đó, chúng tôi sẽ bỏ qua những ngẫu tượng này và kể cho các bạn về chuyện khác. Khi những người của đảo này và tất cả những người khác thuộc Ấn Độ bắt được một kẻ thù nào của họ, thì

người này không thể được chuộc lại bằng tiền; những người nào đã bắt được tù binh liền mời tất cả bạn bè và bà con của y đến và họ giết người tù đó, sau đó họ nướng và ăn thịt luôn.

Bây giờ chúng ta hãy bỏ qua chuyện này và hãy nói đến chuyện khác. Phần biên có các đảo này gọi là biển Cim (Tschin, Tchina theo tiếng Nhật), có nghĩa là biển ở gần nước Mangi. Vì theo ngôn ngữ của các đảo này, khi họ nói Cim, từ này có nghĩa là Mangi. Trong biển Cim này về phía đông, theo những lời của những người đánh cá và thủy thủ rành về vùng biển này kể lại, có 7459 đảo mà những người thủy thủ nói trên đã đến. Họ biết rõ điều này, vì họ không làm gì khác hơn là ngược xuôi trên vùng biển này. Không đảo nào mà không có những loại cây xinh tốt và hương thơm ngào ngạt, như gỗ cây *aloès* và những loại cây tuyệt vời khác nữa; ngoài ra còn có nhiều loại gia vị. Trên đảo này có mọc nhiều cây tiêu trắng như tuyết. Thật là điều kỳ diệu vì ở đó còn có những tài nguyên phong phú khác như vàng, đá quý và tất cả các loại gia vị. Nhưng chúng ở rất xa đất liền khiến con người khó có thể đến đó được. Khi những chiếc tàu của Caiton và Quinsay đến đó, họ tìm thấy ở nơi đó nhiều cửa cái và nguồn lợi. Họ để ra một năm để đi đến đó, vì họ đi vào mùa đông và trở về vào mùa hè. Vì trong vùng biển này chỉ có hai loại gió hoạt động: một đưa họ đi, và một đưa họ trở về. Hai loại gió này, một thổi suốt mùa đông, và một thổi suốt mùa hè. Các bạn nên biết rằng vùng này rất xa Ấn Độ đến nỗi phải đi mất một thời gian rất dài. Tôi đã cho các bạn biết, người ta gọi biển này là biển Cim, nhưng thật ra nó là biển lớn Océane, nó mang cái tên biển Cim giống như ở đây chúng ta nói biển Anh quốc hoặc biển La Rochelle. Người ta còn gọi một tên khác nữa: biển Ấn Độ; nhưng đó vẫn chỉ là biển Océane.

Bây giờ chúng ta sẽ bỏ qua vùng này, bởi vì đó là những xứ quá xa xôi và vì Ngài Marco Polo không thể đi đến đó. Đại Hãn không biết phải làm gì đối với họ và họ cũng không đóng cho ông bất kỳ loại tiền thuế nào. Chúng ta sẽ quay lại Caiton là điểm xuất phát để hướng về Tiêu An.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ VÙNG ĐẤT CIAMPA RỘNG LỚN

Rời hải cảng Caiton đi tàu qua 1500 dặm về hướng Tây Nam, chúng ta đến một vùng có tên là Ciampa (phía Đông nước Campuchia, bên kia sông Mê Công), đây là một vùng đất rất giàu có, có vua cai trị và có ngôn ngữ riêng. Họ thờ ngẫu tượng và mỗi năm nộp cống cho Đại Hãn bằng voi, nhưng không nộp thứ gì khác. Tôi sẽ cho các bạn biết vì sao họ lại nộp loại cống này.

Vào năm Chúa Ki tô 1278, Đại Hãn phái một vị quan gọi là Sagatu chỉ huy một đội lính ngựa và lính bộ hùng hậu sang tấn công vua xứ Ciampa. Sagatu bắt đầu đánh nhau rất ác liệt với nhà vua và xứ sở của ông. Vị vua này đã lớn tuổi và hơn nữa ông không có quân nhiều như tướng của Đại Hãn. Ông không thể chiến đấu trong đồng bằng, nhưng có thể cầm cự trong các thành phố và thị trấn rất kiên cố của ông. Sagatu cho triệt hạ mọi thứ trong vùng đồng bằng. Khi nhà vua thấy vị tướng này triệt hạ toàn bộ vương quốc của ông, ông rất đau buồn. Vì vậy ông thành lập một đoàn sứ giả và phái họ đi đến với Đại Hãn. Các sứ giả đến nói với ông:

“Bệ hạ của chúng thần, vua đất nước Ciampa, gửi lời chào Chúa thượng với tư cách là lãnh chúa chư hầu, xin báo cho Chúa thượng biết rằng, vua chúng thần đã lớn tuổi và lâu nay cai trị vương quốc trong sự thanh bình. Người khấn nài được trở thành thần dân của Chúa thượng, và mỗi năm sẽ nộp cống cho Chúa thượng bao nhiêu voi tùy ý thích của Chúa thượng. Người khấn cầu Chúa thượng ra lệnh cho tướng soái và quân lính đừng tàn phá vương quốc Ciampa và rời khỏi lãnh thổ này, từ đây nó sẽ thuộc về Chúa thượng và vua chúng thần sẽ cai trị nhân danh Chúa thượng”.

Khi Đại Hãn nghe những lời van xin của vua Ciampa, ông rất thương xót nhà vua và ra lệnh cho vị chỉ huy rút quân đội của ông rời khỏi vương quốc và đi xâm chiếm một xứ sở khác. Lệnh của Đại Hãn vừa được ban xuống, tướng chỉ huy quân đội của ông liền thi hành ngay. Nhà vua trở thành thần dân của Đại Hãn bằng cách này. Ông phải nộp cho Đại Hãn mỗi năm 20 con voi đẹp nhất và lớn nhất mà ông có trong nước.

Nên biết rằng trong vương quốc này không phụ nữ nào có thể lấy chồng, nếu nhà vua không xem mặt cô ta trước; nếu người phụ nữ nào làm cho ông ta thích, ông liền lấy người đó làm vợ, và nếu cô ta không làm cho ông vừa lòng, ông liền ban cho cô ta tiền để cô ta trở về lấy chồng. Năm Chúa Ki tô thứ 1280, Ngài Marco Polo đã ở vùng đất này, trong thời gian đó, nhà vua có 326 đứa con vừa trai vừa gái, trong số đó có 150 đứa có thể cầm vũ khí ra mặt trận.

Trong vương quốc này, có rất nhiều voi và nhiều cánh rừng gỗ đen gọi là gỗ *ybénus* (gỗ mun), những quân cờ vua màu đen và các loại rương hòm được làm bằng gỗ này.

Không còn gì để kể thêm, chúng ta tiếp tục tiến lên phía trước.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ HÒN ĐẢO LỚN JAVA

Rời khỏi Ciampa và đi tàu 1500 dặm về hướng Nam, chúng ta đến một hòn đảo lớn có tên là Java (dĩ nhiên Marco Polo lẫn lộn giữa Java và Borneo), các thủy thủ đi biển này cho rằng đó là hòn đảo lớn nhất thế giới, vì chu vi của nó hơn 3000 dặm. Nó thuộc về một vị vua nổi tiếng và không nộp cống cho bất cứ ai. Dân cư thờ ngẫu tượng. Hòn đảo này rất giàu có. Họ có tiêu đen, nhục đậu khấu, galanga, cây tiêu thuốc, đinh hương và tất cả các thứ gia vị khác nữa. Ở đảo này có rất nhiều tàu thuyền và các nhà buôn mua và mang đến đó nhiều hàng hóa và thu nhiều lợi nhuận đáng kể. Tôi cho các bạn biết rằng Đại Hãn không bao giờ chiếm được đảo này, bởi vì nó ở quá xa và phải chi phí nhiều cho việc đi lại trên biển.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ CÁC ĐẢO SANDUR VÀ CONDUR

Đi tàu từ Java 700 dặm về phía Nam, chúng ta bắt gặp hai đảo, một đảo lớn và đảo kia nhỏ hơn. Một đảo có tên là Sandur và đảo kia có tên là Condur (ở đây, Marco Polo sai lầm hoàn toàn: người ta xem Condur là đảo Condor, phía nam Campuchia, về phần đảo Sanchir và Sochac, các nhà chú giải chưa xác định được). Vì không có gì đáng nói, chúng ta sẽ tiến lên nữa đến một vùng khác gọi là Sochac, nằm cách Sandur 500 dặm về phía Đông Nam. Đó là một vùng đất tốt và giàu có với một vị vua đứng đầu. Dân chúng thờ ngẫu tượng, họ có ngôn ngữ riêng và không phải nộp cống cho bất cứ ai, vì họ ở trong một xứ rất xa xôi và cách biệt đến nỗi không ai có thể đến đó được. Nếu có thể đi đến đó, thì Đại Hãn đã khuất phục họ dưới sự đô hộ của ông ta từ lâu rồi.

Trong vùng này có sản sinh gỗ cây huyết mộc. Họ cũng có nhiều vàng, nhiều voi và thú ăn thịt. Đó là vương quốc có tất cả các loại ốc lùn dùng làm tiền tệ trong tất cả các vùng mà tôi đã kể với các bạn.

Không có gì khác đáng nói, nếu không muốn nói đó là những nơi rất hoang dã và ít người đến. Hơn nữa nhà vua không muốn cho ai đến, để người ta đừng biết đến của cải và điều kiện sinh hoạt của ông ta.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ ĐẢO PENTAM

Sau khi rời Sochac và đi 500 dặm về hướng Nam, chúng ta đến một hòn đảo có tên là Pentam (có thể là Brintang, trước Singapour, nhưng chưa được thuyết phục cho lắm), đó là một nơi rất hoang dã. Tất cả những loại cây đều cho gỗ rất thơm. Không có gì đáng nói thêm. Chúng ta sẽ đi tàu thêm 60 dặm nữa, nước biển trên lộ trình này sâu chưa tới bốn bước chân, vì vậy các tàu lớn đi qua đó phải nâng bánh lái lên. Sau khi đi qua 60 dặm này, và thêm 30 dặm nữa, chúng ta đến một đảo là một vương quốc và có tên là Malani (không phải là đảo nhưng là bán đảo Malacca). Vương quốc có vua cai trị và có ngôn ngữ riêng. Thành phố rất đẹp và sang trọng, có nền thương mại phồn thịnh. Dân cư có đủ các thứ gia vị và tất cả các thứ nhu yếu phẩm khác.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ ĐẢO JAVA NHỎ

Sau khi rời khỏi đảo Malani và đi 90 dặm, chúng ta đến đảo Java nhỏ (đảo Sumatra), nhưng nó không nhỏ vì chu vi của nó là 2000 dặm. Tôi sẽ kể cho các bạn nghe tất cả những gì liên quan đến đảo này. Đảo có 08 vương quốc và 08 vị vua trị vì. Mỗi vương quốc đều có ngôn ngữ riêng và tất cả các dân cư đều thờ ngẫu tượng.

Trên đảo này có nhiều loại gia vị quý không bao giờ có ở xứ chúng ta. Tôi sẽ kể với các bạn lối sống của phần lớn nhất thuộc 08 vương quốc này. Nhưng trước hết, tôi sẽ cho các bạn biết điều này: đó là hòn đảo này ở quá về phía nam đến nỗi người ta không bao giờ nhìn thấy sao Bắc đẩu.

Trước tiên chúng ta hãy nói đến vương quốc Ferlec. Những người Sarrasin đến vương quốc này thường xuyên đến nỗi họ đã cải đạo cho những người bản xứ để họ tin vào Đức Mahomet, nhưng chỉ có những người ở thành phố mà thôi, vì những người ở trên núi sống như súc vật; họ ăn thịt người và tất cả các loại thịt khác. Họ tôn thờ nhiều thứ khác nhau. Họ thờ suốt ngày vật đầu tiên mà họ thấy khi thức dậy vào buổi sáng.

Khi rời khỏi vương quốc Ferlec, chúng ta đến vương quốc Basma. Dân cư có ngôn ngữ riêng; họ sống như súc vật, vì họ không theo bất cứ tôn giáo nào, và dựa vào Đại Hãn; nhưng họ không nộp bất cứ thứ thuế nào, vì họ ở quá xa. Họ có nhiều voi và những con vật một sừng (tê giác) không nhỏ hơn voi bao nhiêu; chúng có lông giống như lông trâu, chân như chân voi, một cái sừng ở giữa trán màu trắng rất to. Chúng không dùng sừng để gây thiệt hại gì, nhưng dùng lưỡi

vì lưỡi chúng có gai lớn và dài. Đầu chúng giống như đầu heo rừng, và chúng luôn luôn nghiêng đầu xuống đất. Chúng sống nhón nhơ xung quanh các hồ, đầm lầy. Đó là một con thú rất xấu xí, chẳng có chút gì hấp dẫn, nhưng ngược lại là đáng khác.

Trong vương quốc này cũng có những con chim ung toàn màu đen như quạ: đó là những con chim lớn rất giỏi trong việc săn bắt chim nhỏ.

Tôi cho các bạn biết rằng, những người mang về cho chúng ta những con người nhỏ thó khô đét và cho rằng chúng là người Ấn Độ, đó là họ nói láo, vì đó là những con khi sống trên hòn đảo này. Và tôi sẽ nói cho các bạn biết họ thực chúng như thế nào.

Trên đảo này có một loại khi rất nhỏ và có khuôn mặt giống như khuôn mặt người. Người ta bắt nó rồi cạo hết lông đi, trừ bộ lông ở mép và ở dương vật. Sau đó người ta đem sấy khô, người ta thực chúng với nghệ và những thứ thuốc khác nữa, đến nỗi cuối cùng chúng giống hệt như con người. Nhưng đó không phải là sự thật, vì trong toàn nước Ấn Độ hoặc trong những nước còn man rợ khác, không bao giờ người ta thấy có những con người như thế.

Bây giờ sau khi rời bỏ vương quốc Basma, chúng ta đến một vương quốc khác có tên là Samara, cũng trên cùng hòn đảo, Ngài Marco Polo đã ở lại đó năm tháng, vì thời tiết xấu không cho ông tiếp tục đi tới. Sao Bắc đẩu hoặc sao Tây Bắc không bao giờ xuất hiện ở đó. Dân cư cũng thần phục Đại Hãn. Trong năm tháng mà Ngài Marco Polo ở lại trên đảo, ông và những người tùy tùng lên đảo và làm những ngôi nhà bằng gỗ và các pháo đài để ở vì sợ những người thú ăn thịt. Đảo có nhiều cá, những loại cá ngon nhất thế giới. Dân cư không có lúa mì nhưng họ sống bằng gạo, họ không có rượu nho, nhưng họ làm rượu như tôi sẽ nói cho các bạn biết dưới đây, Họ có một loại cây và khi nào họ muốn có rượu, họ cắt một nhánh cây, rồi cột vào gốc cây một chiếc bình lớn, đúng nơi nhánh cây bị cắt; trong một ngày đêm, bình sẽ đầy nước. Có loại rượu trắng và loại rượu đỏ, cả hai đều uống rất ngon. Cây đó giống như một cây chà là nhỏ. Người ta cắt ba nhánh, và nhánh bị cắt rồi không còn cho rượu nữa, người ta tưới nước ở rễ cây và không bao lâu, nhánh cây mọc ra lại. Dân cư cũng có nhiều quả hồ đào Ấn Độ rất to, ăn sống rất ngon.

Sau khi rời vương quốc Samara, chúng ta gặp một vương quốc khác có tên là Dagrain. Đó là một vương quốc độc lập. Người dân là những người can đảm và thờ ngẫu tượng. Họ thần phục Đại Hãn. Chúng tôi sẽ kể cho các bạn nghe một phong tục không tốt của họ. Khi một người nào bị bệnh, họ cho người đi tìm các thầy mo, và hỏi họ người bệnh có thể được chữa khỏi hay

không. Nếu như họ nói người bệnh có thể khỏi, họ liền bỏ thí cho đến khi người bệnh khỏi. Nếu các thầy tiên đoán y có thể chết, họ cho người đi tìm những người được chỉ định để giết chết những người bệnh mà các thầy mo xét là phải chết; những người này đến và đặt trên miệng người bệnh nhiều quần áo để làm cho bệnh nhân phải chết ngạt. Khi bệnh nhân đã chết, họ cho nấu nướng người chết và tất cả bà con người chết tụ họp lại để ăn thịt. Tôi cho các bạn biết rằng, họ găm mút xương rất kỹ, để không còn một hạt tủy hoặc mỡ nào bên trong, vì họ cho rằng nếu còn trong xương một chút tinh chất nào, những con dòi sẽ đến và chết vì đói. Họ nói rằng linh hồn người chết sẽ bị buộc tội về cái chết của những con dòi này, chính vì vậy, họ ăn cho hết ráo. Khi đã ăn xong, họ tập trung xương lại và bỏ trong một chiếc hòm thật đẹp và đem nó treo lên những cái hang trên núi, nơi mà các con thú cũng như bất cứ thứ gì cũng không thể chạm đến được. Nếu họ bắt được một người nào không thuộc vùng của họ, và người này không có ai chuộc lại bằng tiền, họ sẽ giết và ăn thịt người đó ngay. Đó là một phong tục rất xấu xa và nguy hiểm.

Sau khi rời vương quốc này, chúng ta đến một vương quốc khác có tên là Labrin. Dân cư thần phục Đại Hãn và thờ ngẫu tượng. Họ có nhiều long não và đủ các loại gia vị khác. Họ có nhiều cây huyết mộc; họ gieo hạt và khi cây nhú mầm, họ nhổ lên và trồng ở một nơi khác và họ để cho nó phát triển như thế trong ba năm, sau đó họ nhổ lên với toàn bộ bộ rễ. Nên biết rằng Ngài Marco Polo mang giống cây huyết mộc về tận Venise và gieo nhưng nó không mọc lên được, tôi tin rằng, vì thời tiết ở đây quá lạnh.

Trong vương quốc Labrin còn có giống người có một cái đuôi dài một bề ngang bàn tay và không có lông. Những người này ở trong các dãy núi và giống như những người rừng. Đuôi họ to như đuôi chó. Họ còn có nhiều loài thú một sừng và có nhiều nơi săn thú lấy thịt.

Sau vương quốc Labrin, người ta đến một vương quốc khác có tên là Fandur. Dân cư thờ ngẫu tượng và thần phục Đại Hãn. Trong vương quốc này, có mọc một thứ cây long não tốt nhất thế giới mang tên long não Fandury. Chúng tôi đến nỗi người ta bán bằng cân vàng. Họ không có lúa mì nhưng sống bằng gạo, sữa và thịt. Họ sản xuất rượu từ loại cây như tôi đã nói với các bạn ở trên kia. Tôi sẽ kể một câu chuyện rất kỳ diệu: Họ có một loại cây cho bột (cây sagou) ăn rất ngon; những cây này rất to lớn, vỏ của nó rất mỏng, dưới vỏ có rất nhiều bột. Ngài Marco Polo, người đã nhìn thấy cây này, đã kể lại, ông thu bột này nhiều lần như thế nào, ông nhào thứ bột này và làm ra một loại bánh mì ăn rất ngon.

Không còn gì để kể thêm về sáu trong số tám vương quốc, thuộc về phần này của đảo. Về hai vương quốc thuộc về phần kia của đảo, tôi sẽ không kể với các bạn điều gì, vì ngài Marco Polo đã không đến nơi đó. Vì vậy chúng tôi sẽ không nói đến đảo Java nhỏ nữa, và chúng tôi sẽ nói với các bạn về hai hòn đảo nhỏ, một có tên là Gavenispola và đảo kia là Nocarán.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ ĐẢO GAVENISPOLA VÀ ĐẢO NOCARAN

Sau khi rời khỏi đảo Java nhỏ và vương quốc Labrin và đi tàu lên phía Bắc chừng 150 dặm, người ta gặp hai đảo mà một có tên là Nocarán và một gọi là Gavenispola (đó là các đảo Nicobar, ở mũi tây bắc Sumatra). Người dân không có vua cũng như lãnh chúa, nhưng họ sống như những thú vật. Tôi cho các bạn biết rằng họ luôn sống khỏa thân, đàn ông cũng như đàn bà và họ không mặc bất cứ thứ gì. Họ thờ ngẫu tượng. Các cánh rừng của họ đều có nhiều loại cây cao cấp và có giá trị lớn. Họ có gỗ đàn hương và quả hồ đào Ấn Độ, đinh hương, huyết mộc và nhiều thứ gia vị ngon khác.

Không có gì đáng nói thêm; vì vậy chúng ta sẽ lên đường và tôi sẽ nói với các bạn về một đảo có tên là Angaman.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ ĐẢO ANGAMAN

Angaman (phía bắc Nicobar) là một hòn đảo rất lớn. Người dân không có vua cai trị và họ thờ ngẫu tượng và sống như thú vật. Tất cả những người đàn ông của đảo Angaman này có cái đầu giống như đầu chó (trong lần du hành thứ ba, Cook có nhắc đến những bộ tộc mang mặt nạ hình đầu thú. Đây có thể là điều khiến cho Marco Polo nhìn lầm chăng?), răng, mắt họ cũng vậy, vì từ khuôn mặt, họ giống như những con chó ngao lớn. Họ có nhiều gia vị. Đó là những con người dữ tợn, vì họ ăn tất cả những người họ bắt được, miễn là người đó không thuộc về người của họ. Họ sống bằng gạo, thịt, sữa; họ có những thứ trái cây khác hẳn với trái cây của chúng ta.

Bây giờ tôi sẽ nói với các bạn về một hòn đảo có tên là Seilan, như các bạn sẽ nghe sau đây.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ ĐẢO SEILAN

Sau khi rời khỏi đảo Angaman và đi tàu một ngàn dặm về hướng Tây, chúng ta sẽ không gặp thứ gì, nhưng nếu đi về phía Tây Nam, chúng ta sẽ gặp đảo Seilan (Ceylan, ngày nay là nước Sri Lanca), đó là một hòn đảo tuyệt vời nhất thế giới, vì mức độ rộng lớn của nó. Chu vi của nó là 2400 dặm, nhưng xưa kia, nó còn lớn hơn nữa, có thể là 3000 dặm, theo như những người thủy thủ rành nghề đi biển vùng này thuật lại; nhưng gió bắc ở đó thổi mạnh đến nỗi nó làm cho một phần lớn đất đai chìm xuống mặt nước: đó là lý do mà nó không còn lớn như xưa kia. Từ phía gió bắc thổi đến, đảo rất thấp và hoàn toàn bằng phẳng, khi người ta đến từ khơi xa trên một con tàu, người ta sẽ không nhìn thấy đất trước khi có mặt trên đảo. Bây giờ chúng tôi sẽ nói về đặc điểm của hòn đảo này. Dân cư có một vị vua mà họ gọi là Sendemain và ông không nộp cống cho bất cứ ai cả; họ thờ ngẫu tượng và sống khổ thân và bao lại chỗ kín; họ không có lúa mì nhưng có gạo và hạt vừng, nhờ đó, họ làm ra dầu vừng; họ sống bằng thịt sữa và làm rượu bằng thứ cây mà tôi đã nói trên kia; họ có cây huyết mộc tốt nhất thế giới.

Bây giờ tôi sẽ không nói về những điều này nhưng nói đến một vật quý giá nhất trên thế gian này. Vì trên đảo này, người ta nhìn thấy những viên đá ru pi rất đẹp mà không nơi nào khác trên thế giới có được, trừ trên đảo này.

Người ta cũng tìm được đá ngọc lam, hoàng ngọc, thạch anh tím và nhiều loại đá khác nữa. Vị vua đảo này có viên ru pi đẹp nhất và to nhất thế giới; tôi sẽ nói với các bạn nó được cấu tạo như thế nào: nó dài ít nhất là một bề ngang bàn tay, và to bằng cánh tay của một người đàn ông; nó là báu vật lộng lẫy nhất thế giới và không có bất cứ tí vết nào; nó đỏ chót như lửa; nó có giá trị lớn đến nỗi không ai có thể có đủ tiền để mua. Đại Hãn phái các sứ giả đến đó và lịch sự yêu cầu ông bán cho viên đá ru pi này; ông khần khoản van nài và đòi lại ông tính giá cả bằng một thành phố hoặc bao nhiêu cũng được. Nhà vua trả lời ông không bán nó với bất cứ thứ gì trên thế gian này, bởi vì ông nhận được nó từ tổ tiên ông bà để lại.

Họ không phải là những chiến binh, nhưng là những người bệnh hoạn và hèn nhát, nhưng khi họ cần đến những người lính, họ sẽ tuyển đến từ một nơi khác, đó là những người Sarrasin. Trong đảo Seilan này còn có một ngọn núi rất cao; nó thẳng đứng và dốc đến nỗi không ai có thể leo lên, nếu như người ta không cho bố trí nhiều dây xích to lớn, nhờ đó người ta có thể leo lên đến tận đỉnh nhờ bám vào các sợi xích đó. Họ nói rằng trên ngọn núi này có đền tượng niệm

Adam, người cha đầu tiên của con người; những người Sarrasin cũng nói y như thế; những tín đồ thờ ngẫu tượng cũng nói rằng đó là đài tưởng niệm của vị tín đồ ngẫu tượng đầu tiên trên thế gian này, và tên vị đó là Sagamoni Borcam (Cakya Mouni hoặc Bouddha) mà họ cho là người tuyệt vời nhất thế gian và là Đấng Thánh theo tín ngưỡng của họ; ngài là con trai của một vị vua nổi tiếng và giàu có của họ; ngài có một cuộc sống tốt lành đến nỗi ngài không bao giờ tham gia vào những việc trần tục hoặc muốn làm vua. Khi cha ngài thấy ngài không muốn làm vua và xen vào bất cứ công việc trần tục nào, ông rất tức giận và thử thách ngài bằng những lời hứa quan trọng, nhưng ngài không muốn nghe điều gì, nên vua cha rất đau khổ, vì ông không có đứa con trai nào khác để truyền ngôi lại, sau khi ông băng hà. Sau khi suy nghĩ, nhà vua liền cho xây một cung điện to lớn và bắt buộc con trai ông phải ở trong đó, và ông cho một số lớn các trinh nữ, những cô gái đẹp nhất, để phục vụ hầu hạ cho con trai ông. Ông ra lệnh cho các cô gái vui đùa với con trai ông suốt ngày đêm. Họ hát xướng và khiêu vũ trước mặt chàng để tâm hồn chàng có thể bị những việc trần tục lôi cuốn. Chàng là một hoàng tử nghiêm nghị đến nỗi không bao giờ ra khỏi cung điện và không bao giờ nhìn thấy một người chết hoặc bất cứ người nào khác không có tư chi lạnh lặn, vì vua cha không để cho chàng nhìn thấy bất cứ người khách lạ nào hoặc một người nào khác. Vì vậy, vị hoàng tử này một ngày kia cưỡi ngựa đi trên đường và nhìn thấy một người chết, liền hết sức kinh ngạc, vì không bao giờ chàng nhìn thấy bất cứ người chết nào. Chàng liền hỏi những người tùy tùng người đó là ai, họ nói với chàng đó là một người chết.

- Thế nào? Con trai nhà vua hỏi, tất cả những người đàn ông phải chết hay sao?

- Vâng, dĩ nhiên, họ phải chết.

Hoàng tử không nói gì, nhưng tiếp tục cưỡi ngựa ra đi, đầu óc trầm ngâm suy nghĩ. Sau khi đi một lúc, chàng gặp một người rất già không thể đi bộ được và không có răng trong miệng, vì tất cả các răng của ông đều rụng vì tuổi già. Khi hoàng tử nhìn thấy ông cụ, chàng hỏi chuyện gì thế và tại sao ông cụ không thể đi được. Những người tùy tùng nói rằng tuổi già cản trở ông đi bộ và tuổi già đã làm cho ông mất hết răng. Khi hoàng tử nghe những điều về người chết và lão già, chàng trở về cung điện và tự nhủ rằng không còn gì trong cõi đời u buồn này và chàng sẽ đi tìm con người không bao giờ chết. Một đêm nọ, chàng đi ra ngoài cung điện một mình và đi vào trong dãy núi biệt lập; chàng sống một cuộc sống cam go và kiên cố nghiêm ngặt như một tín đồ Ki tô giáo, vì nếu chàng đã có cuộc sống tốt đẹp và trung thực như thế, chàng đã là một vị thánh như Chúa Giêsu Ki tô Chúa chúng ta rồi. Khi chàng chết, người ta tìm thấy xác chàng và

mang về cho vua cha. Khi người cha thấy kẻ mà mình yêu hơn chính mình đã mất, suýt chút nữa ông trở nên điên loạn vì quá đau khổ. Ông cho làm một hình tượng bằng vàng và đá quý giống hệt con trai ông và truyền cho tất cả những người dân trong nước tôn thờ hình ảnh đó. Tất cả mọi người đều cho rằng chàng là thần linh, và họ vẫn còn nói như vậy. Họ nói rằng chàng đã chết 84 lần: lần đầu tiên chàng chết trong thân phận con người, rồi trở thành bò, chàng chết với thân phận là bò, sau trở thành ngựa. Và chàng chết 84 lần, mỗi lần trong thân phận của một con vật. Lần cuối cùng, chàng chết và trở thành thần linh như lời đồn. Người ta cho chàng như là thần linh vĩ đại nhất. Theo tín đồ, thế là hình thành ngẫu tượng đầu tiên, và tất cả các ngẫu tượng khác đều xuất phát từ ngẫu tượng đó. Chuyện này xảy ra trên đảo Seilan thuộc nước Ấn Độ.

Tôi còn cho các bạn biết rằng những người Sarrasin từ rất xa đến hành hương tại nơi mộ của người, họ nói rằng đó là ngôi mộ của Adam. Những tín đồ ngẫu tượng cũng từ rất xa đến đó hành hương với lòng sốt sắng vô biên, giống như những người Ki tô giáo đến Saint Jacques miền Galice: họ cho rằng đó là con của vị vua, như tôi đã kể cho các bạn. Trên núi vẫn còn tóc, răng và cái bát của con người đã từng sống ở đó, người mà mọi người gọi là Sagamoni. Nhưng sự thật chỉ có Thiên Chúa mới biết rõ sự thể như thế nào, vì theo Kinh Thánh của Giáo hội chúng ta, đài tưởng niệm Adam không ở tại phần đất này của thế giới. Vì vậy khi Đại Hãn biết được trên ngọn núi đó có đài tưởng niệm của Adam, vị cha chung đầu tiên của con người, và người ta còn giữ ở đó tóc, răng và cái bát mà người dùng để ăn. Ông nghĩ chắc chắn ông sẽ chiếm hữu được những thứ đó. Ông phái đến đó một phái bộ ngoại giao đông đảo vào năm Chúa Ki tô 1284. Vượt qua biết bao đường bộ và đường thủy, các sứ giả đã đến tận đảo Seilan. Họ đến cung điện của nhà vua và cầu xin ông tha thiết đến nỗi cuối cùng họ cũng có hai chiếc răng cửa rất to cũng như hai sợi tóc và cái bát mà Adam đã từng sử dụng. Cái bát làm bằng đá *porphyre* màu xanh rất đẹp. Khi các sứ giả của Đại Hãn có được những thứ mà họ cần, họ rất đổi sung sướng và vội quay về với Đại Hãn. Khi họ đến gần thành phố Canbaluc, nơi Đại Hãn đang ở, họ cho ông biết họ đã mang về những thứ mà ông sai họ đi tìm. Khi Đại Hãn hay tin, ông rất vui mừng và ra lệnh cho mọi người đến nghinh đón các thánh tích, vì người ta đã nói đó là các thánh tích của Adam. Nhiều người đi đón thánh tích với lòng sốt sắng vô biên. Đại Hãn tiếp nhận thánh tích một cách trang trọng và hoan hỉ vui mừng. Người ta nói với ông chiếc bát này có đặc tính là ai bỏ thịt vào trong để cho một người ăn, thì thịt sẽ có đủ cho năm người.

Đại Hãn đã làm như thế và thấy rằng điều đó là sự thật.

Không có gì khác đáng kể, chúng ta sẽ tiến tới nữa và nói về Maabar.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH LỚN MAABAR

Rời đảo Seilan rồi đi tàu theo hướng tây độ chừng 60 dặm, chúng ta sẽ gặp một tỉnh lớn tên là Maabar (đó là Maabar ở phía Tây Bắc mũi Comorin, ngày nay gọi là bờ biển Coromandel) được gọi là Đại Ấn và nằm trong đất liền. Trong tỉnh này có năm vị vua là anh em chú bác với nhau. Tôi sẽ nói với các bạn về từng người trong nhóm họ. Tỉnh này là tỉnh đẹp nhất và sang trọng nhất thế giới.

Một trong năm anh em cai trị trong thủ đô của tỉnh này, đó là vị vua được tấn phong và có tên là Senderbandi Davar. Trong vương quốc này, người ta tìm thấy những viên ngọc trai rất to và rất đẹp, và tôi sẽ cho các bạn biết người ta tìm được chúng như thế nào. Trong biển này, có một vịnh biển nằm giữa đảo Seilan và đất liền. Nơi đây, nước không sâu quá 10 đến 12 bước chân, và thậm chí, trong một vài nơi, nước không sâu quá hai bước. Những người đi khai thác ngọc trai lên thuyền đến vịnh này, từ tháng Tư đến giữa tháng Năm, trong một nơi có tên là Bettalar, ở cách đó 60 dặm. Khi đến nơi, từ tàu lớn họ bước xuống xà lan nhỏ. Họ là những nhà buôn bán họp thành những hiệp hội. Trước tiên họ phải tìm được những người làm thuê ăn lương từ tháng Tư đến giữa tháng Năm; sau đó họ phải hứa dành cho nhà vua một phần mười những thứ họ khai thác được. Họ còn phải dành một phần hai mươi của tất cả những gì họ đã đánh bắt cho những người làm mê hoặc những con cá lớn để chúng không làm hại những người lặn xuống nước tìm ngọc trai; những người làm cho cá bị mê hoặc được gọi là Abrimavans, và phép thuật của họ chỉ có tác dụng trong một ngày mà thôi, họ cũng biết mê hoặc các thú vật và chim chóc và tất cả những gì có linh hồn. Khi những người đánh bắt ở trong những chiếc xà lan nhỏ, họ nhảy ùm xuống nước và lặn xuống tận đáy sâu từ bốn đến mười hai bước chân và họ ở đó càng lâu càng tốt. Họ tìm được những vỏ ốc có ngọc trai, chúng có cấu tạo giống như những con hào biển. Trong những vỏ ốc này, có những ngọc trai to hoặc nhỏ đủ các cỡ, vì những ngọc trai dính trong thịt của những con sò đó. Bằng cách đó người ta thu được nhiều ngọc trai, và chính từ nơi này, ngọc trai sẽ lan tràn ra khắp thế giới. Nhờ ngọc trai, nhà vua của vương quốc này thu được rất nhiều tiền thuế và nhiều kho báu khổng lồ. Một khi nửa tháng Năm qua đi, người ta không còn tìm những con sò có ngọc trai này nữa. Thật ra cách chỗ đó hơn 300 dặm, người ta cũng tìm thấy ngọc trai, nhưng phải từ tháng Chín đến giữa tháng Mười.

Trong toàn bộ tỉnh Maabar, không có thợ cắt hoặc may quần áo để cắt hoặc may những chiếc áo dài, bởi vì người dân luôn luôn sống khỏa thân. Nhưng họ bao chỗ kín của họ bằng một miếng vải, đàn ông cũng như đàn bà, người nghèo cũng như người giàu. Nhà vua cũng ăn mặc như thế, ngoại trừ ông ta mang một vật mà tôi sẽ nói cho các bạn biết sau đây. Ông ta đeo quanh cổ một vòng chuỗi *fresiau* xâu đầy đá quý như ru pi, xa phía, ngọc lục bảo và những loại đá quý khác, vì vậy chiếc vòng chuỗi đáng giá bằng cả một kho tàng lớn; trên ngực ông ta từ cổ xuống còn có một dây lụa mang 104 viên ngọc trai và ru-pi to, chính là vì mỗi ngày ông phải đọc 104 lời kinh nguyện cho các ngẫu tượng của mình; vì đó là ý muốn của tôn giáo và là phong tục của xứ sở, của tất cả các vị vua; tổ tiên của ông đều làm như thế và truyền dạy cho ông phải làm. Nhà vua còn mang ba vòng đeo tay bằng vàng gắn đầy ngọc trai nam vàng rất có giá trị; ông cũng mang chúng ở chân và ngay cả ở ngón chân nữa. Tôi nói cho các bạn biết rằng những thứ mà vị vua này mang trên mình còn giá trị hơn cả một thành phố, và đó không phải là điều lạ lùng, vì ông ta có rất nhiều, và hơn nữa, người ta còn tìm thấy những thứ đó trong chính vương quốc của ông. Nên biết rằng người ta không thể đưa ra khỏi vương quốc bất cứ viên ngọc trai nào nặng hơn nửa cân, trừ khi người ta tìm thấy chúng và đưa chúng ra bên ngoài một cách lén lút. Nhà vua ra lệnh làm việc này, vì ông muốn dành tất cả cho mình; thật là chuyện khó tin. Mỗi năm, ông đều ra lệnh cho các chư hầu trong toàn vương quốc, ai có ngọc trai hoặc đá quý có giá trị lớn, nên mang chúng đến cho ông, và chúng sẽ được trả giá gấp hai lần giá thị trường; vì thế, mọi người đều vui vẻ mang ngọc, đá quý đến, ông tiếp nhận tất cả và thanh toán cho từng người một cách sòng phẳng.

Các bạn nên biết rằng vị vua này còn có 500 bà vợ, vì mỗi lần ông quen một cô gái đẹp, ông liền cưới ngay. Thậm chí ông đã làm một việc tồi tệ mà tôi sẽ nói sau đây: ông ta thấy em trai mình có một người vợ xinh đẹp, ông dùng vũ lực để chiếm lấy cô ta và giữ cho riêng mình. Em trai ông giả vờ như không nhìn thấy, và bỏ qua như một nhà hiền triết. Nhà vua này còn có rất nhiều con.

Quanh ông có nhiều quan cận thần phục vụ cho ông cũng như cưới ngựa đi chơi cùng ông và họ có nhiều quyền lực trong vương quốc; họ được gọi là những người trung thành với Chúa thượng. Khi vua chết, người ta đặt vua lên giàn hỏa thiêu, các vị trung thành cũng lao vào lửa cùng với ông để được thiêu cháy luôn, vì họ cho rằng, bởi vì họ đã là những bạn đồng hành với vua trên thế gian này, họ cũng phải hành động như thế để tháp tùng vua trong thế giới bên kia. Khi nhà vua băng hà, không đứa con nào dám đứng đến kho tàng của ông, vì họ nói: “Vì bố

chúng tôi đã chiếm hữu và tích lũy được kho báu này, chúng tôi cũng phải tích lũy được như thế”. Bằng cách này, một kho tàng rất lớn được hình thành trong vương quốc.

Vương quốc này không sản sinh bất kỳ một con ngựa nào, vì vậy phần lớn kho báu của vương quốc dành để mua vào những con ngựa; tôi sẽ cho các bạn biết vì sao. Nên biết rằng các lái buôn Curmos, Kisci, Dufar, Suer và Adam (tên các hải cảng nằm trên vịnh Péc xích và bờ biển Ả Rập) và những tỉnh hoặc vùng khác có nhiều ngựa và họ mang đến bán trong vương quốc của vua Maabar và vương quốc của bốn vị vua em của ông. Vì một con ngựa được bán với giá 500 saies vàng, tức là hơn 100 marcs bạc. Mỗi năm họ bán được một số lượng rất lớn. Mỗi năm nhà vua yêu cầu hơn hai nghìn con và các em trai của ông cũng muốn mua chừng đó. Lý do hàng năm họ muốn mua nhiều ngựa như thế, vì tất cả những con ngựa mà họ mua đều chết trước cuối năm, do việc trông nom không được tốt, họ không biết cách săn sóc cũng như bảo quản. Họ không có những người săn sóc ngựa giỏi, vì các lái buôn đem ngựa đến cho họ chứ không dẫn đến cho họ bất cứ một tay săn sóc ngựa nào, để khỏi bị mất mỗi bán, điều này mang lại mỗi lợi rất lớn cho các lái buôn hàng năm. Những con ngựa được chuyên chở bằng đường biển nhờ những con tàu buôn.

Trong vương quốc này có một phong tục mà tôi sẽ cho các bạn biết sau đây. Khi một người nào bị kết án tử hình vì một trọng tội nào đó, người đó sẽ tự giết mình nhân danh một ngẫu tượng nào đó và được nhà vua chuân y. Thế là bà con và bạn bè của y bắt y đặt lên một chiếc xe kéo, cho y 12 con dao và đưa y điếu qua thành phố đồng thời la to:

- Người đàn ông can đảm này muốn tự kết liễu đời mình vì tình yêu đối với ngẫu tượng X.

Khi họ đi đến nơi để thực hiện công lý, tội nhân nắm lấy con dao và vừa đâm vào giữa cánh tay vừa hét to lên:

- Tôi chết vì tình yêu đối với ngẫu tượng X.

Sau đó, y lấy một con dao khác và tự đâm vào giữa cánh tay kia; rồi với một con dao khác, y tự đâm vào bụng; và cứ như thế, y đâm cho đến khi nào y chết mới thôi. Khi y chết, các bà con đưa xác đi hỏa táng trong niềm vui to lớn và hân hoan. Có những người phụ nữ khi chồng chết và được hỏa táng cũng nhảy lên giàn thiêu để được hỏa táng luôn cùng chồng; các phụ nữ nào làm việc đó đều được mọi người khen ngợi hết lời.

Họ là những tín đồ ngẫu tượng và nhiều người trong số họ thờ bò, vì họ cho rằng bò là một con vật rất tốt, nhưng họ không ăn thịt bò và không giết nó với bất cứ giá nào. Tuy nhiên, có một dân tộc được gọi là Goui, họ ăn thịt bò nhưng không dám giết nó; nhưng khi một con bò chết bệnh hoặc chết vì một lý do nào đó, họ có thể ăn được.

Nên biết rằng tất cả các nhà trong xứ thoa mỡ bò lên nhà họ. Nhà vua, tất cả các quan, tất cả những người lớn cũng như nhỏ không ngồi trên thứ gì khác hơn là ngồi xuống đất: họ cho rằng làm như vậy, vì ngồi trên đất là điều rất đáng kính, bởi vì tất cả chúng ta đều thuộc về đất và phải trở về với đất. Vì vậy không ai được khinh rẽ đất đai và không ai mà không tôn kính đất. Nên biết rằng dân tộc Goui xưa kia đã giết Thánh Tô Ma tông đồ; có một điều đặc biệt là không ai trong số họ được vào nơi ở của thánh Tô Ma vì bất cứ lý do gì, tức là thân xác của Ngài được chôn cất trong một thành phố thuộc tỉnh Maabar này; vì nếu 20 hoặc 30 người giữ một trong số những người Goui này, họ cũng sẽ không thể giữ được người đó ở nơi chôn thi hài của vị tông đồ Chúa Giêsu Ki tô; đó là do phép lạ của Vị thánh, bởi vì tổ tiên của họ đã giết Ngài, như bạn có thể nghe sau đây.

Trong tỉnh này không có thứ lúa nào khác ngoài lúa gạo. Bạn nên biết một điều kỳ diệu này nữa; không có bất cứ con ngựa nào có thể sinh ra trong tỉnh này, như đã được minh chứng nhiều lần: khi người ta cho rập một con ngựa cái với một con ngựa chiến tốt giống, nó không thụ thai được con ngựa nào khác hơn là một con ngựa chiến con có chân cẳng khoèo, và người ta không thể cưỡi nó.

Những người dân của xứ này ra trận được trang bị rất kỹ, trừ việc họ không mang giáo và thuẫn; nhưng họ là những chiến binh tồi. Họ không giết bất cứ thú vật nào hoặc chim chóc nào, hoặc bất cứ con vật nào có linh hồn; nhưng những con thú mà họ ăn thịt, họ sai những người Sarrasin hoặc những người không cùng tín ngưỡng với họ giết chúng. Họ có tập quán này là mỗi một người đàn ông hoặc đàn bà đều tắm rửa thân thể hai lần mỗi ngày; những ai không tắm được họ xem như là những người dị giáo. Họ xử nghiêm mình những người phạm bất cứ tội ác nào. Họ tránh không uống rượu, vì ai uống rượu sẽ không được người khác tin tưởng nữa; những người đi biển cũng thế, vì họ cho rằng những người đi biển hành động như những kẻ thất vọng.

Họ không coi sự dâm dăng như một điều tội lỗi. Thịnh thoảng thời tiết ở chỗ họ nóng khủng khiếp. Mưa chỉ xảy ra ba tháng mỗi năm; đó là vào tháng Sáu, tháng Bảy và tháng Tám. Nếu như không có mưa trong ba tháng này làm mát đất và làm cho nhiệt độ dịu xuống, sự khô hạn sẽ

khủng khiếp đến nỗi không ai có thể chịu đựng được. Họ có nhiều người thông thái về một thuật gọi là xem tướng mạo: đó là nhận biết tính tình theo cách ứng xử và diện mạo của con người. Họ cũng biết ý nghĩa của việc gặp gỡ một con chim hoặc một con thú nào khác, điều mà họ đề phòng hơn tất cả những người khác trên đời. Và nếu trên đường đi, người nào nghe một con chim sáo đá kêu, người đó tiến tới trước vội vàng một chút, hoặc quay lui lại tùy theo việc đó tốt hoặc không tốt đối với y. Một đứa trẻ mới lọt lòng, họ ghi ngày, giờ, tháng của việc sinh ra; họ làm điều này cũng chỉ vì nhằm vào việc bói toán, vì họ biết nhiều về ma thuật, thuật chiêu hồn và những phương thức ma thuật khác.

Trong vương quốc này và trong toàn nước Ấn Độ, thú vật và chim chóc rất khác với thú vật và chim chóc chỗ chúng ta, nhưng cũng có những loài giống như những loài nơi chúng ta. Trong xứ này có những con chim bay vào ban đêm mà người ta gọi là con dơi, nhưng chúng cũng lớn như chim ưng; chim ưng thì toàn một màu đen như quạ và lớn hơn chim ưng của chúng ta, nhưng bay nhanh và bắt chim rất giỏi.

Họ còn cho ngựa ăn cơm và thịt nấu chín và nhiều thức ăn chín khác nữa; vì thế tất cả các con ngựa trong xứ này đều không sống được bao lâu.

Họ thờ các ngẫu tượng nam và nữ. Họ dâng hiến cho các ngẫu tượng nhiều cô gái trẻ: những ông bố bà mẹ dâng các cô cho các ngẫu tượng mà họ rất tôn sùng. Khi các ni cô của nhà chùa muốn mừng lễ kính ngẫu tượng, họ cho đi tìm tất cả các tiểu thư tận hiến; khi những người này đến, họ hát xướng và khiêu vũ trước ngẫu tượng; họ nằm thoải mái, hoan hỉ, mang những thức ăn đến cho ngẫu tượng dùng: họ đặt thức ăn trước mặt các ngẫu tượng, để yên ở đó một lúc lâu, sau đó lấy đi và cho rằng ngẫu tượng đã dùng tinh chất của thức ăn, sau đó họ ăn phần còn lại. Các cô gái làm nhiều lần như thế mỗi năm cho đến khi họ kết hôn.

Tôi đã kể cho các bạn về vương quốc Maabar, bây giờ tôi sẽ nói về nơi chôn cất thi hài của thánh Tôma tông đồ.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ NƠI CHÔN CÁT THI HẢI CỦA THÁNH TÔMA TÔNG ĐỒ VÀ NHỮNG PHÉP LẠ CỦA NGÀI

Thi hải của thánh Giám mục Tô Ma nằm trong tỉnh Maabar, trong một thành phố nhỏ không có bao nhiêu dân và ít thương nhân đến, vì đây là một nơi rất biệt lập; nhưng những người Ki tô giáo và Sarrasin đến đó hành hương rất đông. Những người Sarrasin đến đó với lòng sùng kính vô hạn, vì họ cho rằng Ngài là người Sarrasin và là đại tiên tri; họ gọi Ngài là Anairan, trong tiếng Pháp, từ này có nghĩa là con người thánh. Những người Ki tô giáo đi hành hương đến đó lấy đất ở nơi vị thánh được chôn cất và cho những người sốt cách nhật hai ngày hoặc ba ngày; ngay tức khắc, nhờ phép lạ của Thiên Chúa và vị thánh, người bệnh liền được chữa khỏi. Có một phép lạ trọng đại đã xảy ra trong năm Chúa Ki tô 1288 như tôi sẽ cho các bạn biết sau đây.

Một vị quan trong vùng này có một số lượng gạo rất lớn và đổ đầy tất cả các nhà ở xung quanh thánh đường. Những người Ki tô giáo coi sóc nhà thờ rất đau khổ về việc ông ta chất gạo đầy các nhà khiến cho những người đến hành hương không có chỗ trú ngụ. Nhiều lần họ yêu cầu vị quan là tín đồ ngẫu tượng đưa gạo đi nơi khác, nhưng ông không muốn nghe theo. Một đêm nọ, vị thánh hiện ra với ông, tay cầm một chiếc gậy, đặt gậy lên miệng y và nói với y:

- Hoặc ngươi cho dọn trống những căn nhà của ta để có chỗ cho các khách hành hương tạm nghỉ, hoặc ngươi sẽ chết một cái chết tồi tệ.

Vào buổi sáng, vị quan liền nghĩ ngay đến cái chết, ông ra lệnh cho thuộc hạ dọn trống các căn nhà, và y kể lại cho mọi người nghe câu chuyện của y với vị thánh. Những người Ki tô giáo hết sức vui mừng, và đó là một phép lạ trọng đại; họ cảm ơn Chúa và hiển thánh Tô Ma tông đồ. Những phép lạ quan trọng khác vẫn thường xảy ra như chữa khỏi bệnh và tránh nhiều tai ương khác, nhất là trường hợp của các Ki tô hữu.

Bây giờ tôi sẽ kể cho các bạn câu chuyện do anh em Ki tô giáo coi sóc nhà thờ kể lại về việc thánh Tôma đã bị giết như thế nào. Họ kể rằng Ngài đang ở trong lều ẩn dật trong một cánh rừng và đang cầu nguyện; quanh Ngài có nhiều con công, vì ở đây có nhiều công hơn ở bất cứ nơi nào khác. Một tín đồ ngẫu tượng trong vùng thuộc dân tộc Goui đã đi săn với cung tên, y bắn vào những con công đang ở quanh Vị thánh. Khi bắn ra một mũi tên, y tưởng là tên bay đến những

con công, nhưng nó làm cho vị thánh bị thương ở sườn bên phải khiến người chết ngay tại chỗ. Một thời gian trước khi chết, Ngài đã đi đến Nubie và cải đạo cho nhiều người tin vào Chúa Giêsu Ki tô.

Bây giờ chúng ta sẽ bỏ qua chuyện này và tôi sẽ cho các bạn biết về những phong tục của vùng này. Khi những đứa trẻ sinh ra, chúng hoàn toàn có da màu đen, nhưng vì họ yêu mến chúng vì chúng đen. Vì vậy, từ khi chào đời, chúng được thoa dầu vùng mỗi tuần, đến nỗi chúng trở nên đen như quý. Họ còn sơn đen các thân linh và sơn màu trắng cho quý, còn hình ảnh các thánh thì được sơn toàn màu đen.

Khi ra trận, vì họ rất tin tưởng vào bò và họ xem nó như một con vật linh thiêng; họ lấy lông bò rừng rồi cột vào cổ ngựa. Nếu là lính bộ, y cho cột chiếc lông vào thắt lưng hoặc thậm chí y đặt nó vào trong mái tóc của y; chính vì vậy mà lông bò rất đắt, cần phải có nhiều lông, vì không ai bình yên ra trận, nếu không có chiếc lông bò này.

Bây giờ chúng tôi sẽ nói về vương quốc Mutfili.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ VƯƠNG QUỐC MUTFILI

Từ vương quốc Maabar đi về hướng Bắc chừng một dặm, chúng ta sẽ gặp vương quốc Mutfili (vùng Masulipatan hoặc miền La Krishna, trong vịnh Bengale). Xưa kia nó thuộc về một vị vua, nhưng ông ta đã mất hơn bốn mươi năm qua. Hoàng hậu, vợ ông, yêu ông đến nỗi, vì tình yêu đối với chồng, bà không muốn tái giá với bất cứ ai. Trong thời gian dài bốn mươi năm này, bà đã cai trị vương quốc cũng khôn ngoan và thậm chí còn hơn cả vị đại thần nữa; vì bà yêu luật pháp, công lý và hòa bình, nên bà được mọi người yêu mến.

Dân cư thờ ngẫu tượng và không nộp thuế cho bất cứ ai. Họ sống bằng thịt, gạo và mỡ. Trong vương quốc này có nhiều kim cương, tôi sẽ cho các bạn biết vì sao. Họ có những dãy núi rất lớn; về mùa đông, những trận mưa to đổ xuống, và người ta thấy nước từ trên những ngọn núi này chảy xuống qua những dòng suối rất lớn, tạo nên những tiếng ì ầm. Khi những cơn mưa tan đi, nước từ các ngọn núi trôi qua, người ta tìm kiếm trong các con suối, chỗ nước đã chảy và bắt gặp nhiều viên kim cương. Khi mùa hè đến, nhiệt độ trong các dãy núi này lên rất cao vì mặt trời chói chang, nên người ta chỉ có thể đi vào đó một cách hết sức khó khăn và không tìm thấy một giọt nước nào. Những người đi vào trong những dãy núi này tìm được rất nhiều kim cương. Có nhiều con rắn lớn dài cũng như những loài chấy rận khác, cho dù nhiệt độ cao, chúng vẫn sống

bình thường, thật là một điều kỳ lạ. Đó là những con rắn độc nhất thế giới, vì vậy những người đi đến đó sẽ gặp nguy hiểm trầm trọng và họ rất lo sợ; nhiều lần họ bị loài chấy rận xấu xa đó ăn thịt. Trong các dãy núi này, còn có những thung lũng rộng và sâu, không ai có thể xuống đó được. Những người đến đó tìm kim cương, họ lấy loại thịt xấu nhất ném xuống đáy sâu. Có nhiều chim phượng hoàng trắng ở trong các dãy núi ăn thịt rắn mà chúng tóm được. Khi chúng thấy thịt được ném xuống thung lũng, chúng bay xuống vồ lấy và dùng chân mang thịt rồi bay lên đậu trên một hòn đá nào đó để rĩa. Những người tìm kim cương đang rình vồ vàng chạy nhanh đến để xua đuổi chim bay đi. Khi đuổi xong, họ lấy thịt và tìm thấy kim cương ở đáy thung lũng dính trong miếng thịt. Vì trong các thung lũng sâu này, kim cương nhiều một cách lạ lùng, nhưng người ta không thể đi xuống dưới đáy sâu. Ngoài ra ở dưới đáy, còn có nhiều rắn, ai xuống đó sẽ bị rắn vồ lấy ngay. Họ còn tìm kim cương bằng một cách khác nữa. Họ tìm đến các tổ chim phượng hoàng trắng và tìm thấy trong đồng phân chim nhiều kim cương do chúng nuốt vào, khi chúng vồ lấy thịt do người ta ném xuống đáy thung lũng. Khi họ bắt những con chim phượng hoàng này, họ cũng tìm thấy những viên kim cương nằm trong bụng chúng.

Tất cả những biện pháp này giúp họ kiếm được nhiều viên kim cương và những loại kim cương rất to; những viên kim cương đến trong nước chúng ta chỉ là những thứ không giá trị bao nhiêu so với những thứ khác lớn và tốt hơn. Phần tinh túy nhất của những viên kim cương, những viên đá quý to, những viên ngọc trai lớn đều đến tay Đại Hãn, những vị vua và những hoàng thân của những vùng khác nhau trên thế giới, họ chiếm hữu toàn bộ kho báu lớn lao của trái đất. Bạn nên biết rằng người ta không tìm được viên kim cương nào ở bất cứ nơi nào trên thế giới, ngoại trừ trong vương quốc Mutfili. Người dân ở đây còn làm ra những loại vải tốt nhất, tinh xảo nhất, và đắt nhất trên thế giới. Họ nuôi những con cừu lớn nhất thế giới và họ còn có nhiều nhu yếu phẩm cho đời sống.

Vì không còn chuyện gì để kể thêm ở đây, bây giờ tôi sẽ kể cho các bạn về một tỉnh gọi là Lar và là nơi xuất thân của những người Abramains.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH LAR, NƠI XUẤT THÂN CỦA NHỮNG NGƯỜI ABRAMAINS

Lar (có thể là tỉnh Haiderabad hiện nay. Về phần Abramains, có thể là những người Bà la môn) là một tỉnh ở về phía Nam. Sau khi rời khỏi nơi chôn cất thi hài của thánh Tôma, chúng ta

đến tỉnh góc gác của những người Abramains trên thế giới. Họ là những nhà buôn giỏi nhất thế giới, và cũng là những người trung thực nhất, vì họ không bao giờ nói láo. Họ không ăn thịt, không uống rượu, và sống một cuộc sống rất trung thực; họ không làm việc dâm ô ngoại trừ với vợ họ và không lấy cắp thứ gì của ai; tùy theo đức tin, họ không giết bất cứ con vật nào và không làm điều gì mà họ cho là xấu. Để nhận ra nhau, tất cả bọn họ đều mang một sợi bông vải trước ngực và sau bả vai. Họ có một vị vua giàu có đầy quyền lực mua những viên đá và những viên ngọc trai to đắt giá và phái những người Abramains đi khắp thế giới để mang về cho ông tất cả những thứ gì mà họ có thể tìm được, ông trả cho họ gấp hai giá tiền những thứ đó. Bằng vào cách này ông đã tạo dựng một kho tàng rất lớn.

Những người Abramains thờ ngẫu tượng và tin vào những điềm báo hoặc định mệnh hơn bất cứ những người nào khác. Họ cùng nhau ấn định một ngày nào đó trong tuần, buổi sáng của ngày hôm đó, họ nhìn bóng của họ ngoài trời trong khi mặc quần áo, và nếu họ thấy bóng của họ cũng dài bằng chính thân mình họ, họ liền đi chợ mua hàng; nhưng nếu bóng của họ nhỏ hơn, thì hôm đó họ không phải đi mua hàng. Khi họ ở quán để mua hàng, nếu họ nhìn thấy có một con nhện trên tường, con vật có rất nhiều ở xứ sở này, nếu nó đến từ phía có vẻ thích hợp đối với họ, họ liền quyết định việc mua bán; nhưng nếu nó đến từ phía xem ra không tốt, họ sẽ không đồng ý việc mua hàng với bất cứ giá nào. Khi họ đi ra khỏi nhà và nghe người nào đó hắt hơi, nếu điều đó có vẻ tốt, họ đi về phía trước, nhưng nếu như điều đó có vẻ không tốt, họ ngồi xuống bất kỳ nơi nào họ có mặt, càng lâu càng tốt. Khi họ đi trên một con đường nào đó, và một con chim én bay qua, họ sẽ đi về phía trước hoặc lùi lại phía sau tùy theo chim đến chứ không tùy theo ý muốn của họ. Đến nỗi họ còn tồi tệ hơn những người dị giáo của nước Ý trong mọi việc. Họ sống lâu nhờ việc kiêng cử nghiêm ngặt trong việc ăn uống. Răng họ rất tốt, nhờ một loại cỏ họ ăn rất tốt. Họ không bao giờ tự làm cho mình bị chảy máu. Trong số những người Abramains này, có một dân tộc gọi là Cuigui; họ giống như các tu sĩ và phục vụ cho các ngẫu tượng. Họ sống rất thọ đến 150 hoặc 200 tuổi. Họ ăn rất ít, nhưng thức ăn ngon, chẳng hạn như thịt, gạo và sữa. Họ cũng uống một loại thức uống rất kỳ lạ được làm bằng bạc sống và lưu huỳnh hỗn hợp; họ cho rằng nó làm kéo dài tuổi thọ; họ uống nó mỗi tháng hai lần và uống từ khi còn nhỏ. Những người thuộc giáo phái này sống một cuộc đời cam go nhất thế giới. Họ sống hoàn toàn khỏa thân và thờ bò. Nhiều người mang trên trán một tượng bò nhỏ bằng đồng thanh, đồng thau hoặc vàng. Họ lấy xương bò, đốt và tán thành bột, từ bột này, họ làm ra một loại thuốc bôi dẽo và tự bôi vào mình một cách hết sức cung kính. Họ không ăn trong bát hoặc trong đĩa, nhưng đặt

thức ăn trên lá của cây táo địa đàng và trên những chiếc lá to khác, không phải lá tươi nhưng lá khô vì họ cho rằng những lá còn tươi có một linh hồn và ai sử dụng nó sẽ mắc tội. Họ thà chết chứ không làm điều gì mà họ nghĩ là tội lỗi theo như niềm tin của họ. Khi người ta hỏi họ tại sao họ sống hoàn toàn khỏa thân và không chút thẹn thùng, họ đáp:

- Chúng tôi sống trần truồng, bởi vì chúng tôi không muốn bất cứ thứ gì của cõi đời này, và vì chúng tôi đến cõi đời này hoàn toàn trần truồng. Hơn nữa, chúng tôi là người công chính và không có tội. Chúng tôi không làm bất cứ tội lỗi nào với dương vật xấu xa; vì thế chúng tôi có thể phơi bày nó ra như bất cứ bộ phận nào khác. Nhưng các bạn làm chuyện dâm ô, nên các bạn đã ngại ngùng và che giấu nó lại.

Họ không giết bất cứ con thú nào, kể cả rắn, ruồi, heo, sâu hoặc bất cứ thứ gì có cuộc sống, vì họ cho rằng, chúng có một linh hồn, và làm như thế là điều tội lỗi. Họ ngủ dưới đất, hoàn toàn khỏa thân mà không có bất cứ vật gì trên hoặc dưới người họ. Điều lạ là họ không phải tất cả bị chết vì điều này. Họ ăn chay mỗi ngày trong suốt năm, và chỉ uống nước lã. Khi họ đã quyết định tiếp đón ai vào trong cộng đoàn, họ đưa người đó vào tu viện và bắt người đó sống như họ. Sau đó, nếu muốn thử thách người đó, họ phái người đi tìm những cô gái còn trinh đã được tận hiến cho các ngẫu tượng. Họ bắt họ sờ mó, hôn hít và đặt nằm cạnh nhau, nếu dương vật người đó không cương lên, họ giữ người đó lại; nhưng nếu dương vật của y cương, họ đuổi người đó ra khỏi cộng đoàn, vì họ cho rằng họ không muốn giữ người dâm đang bên cạnh họ. Họ có những tín đồ rất dữ tợn và rất hoàn hảo. Họ nói rằng, nếu họ cho hỏa thiêu xác chết, đó là vì nếu như họ không được hỏa thiêu, họ sẽ trở thành những dòi bọ ăn những xác chết này và khi họ không còn gì để ăn, họ sẽ chết và linh hồn của xác chết sẽ mắc tội trọng và sẽ phải đền tội.

Chúng tôi đã nói về đại bộ phận dân cư đã sống trong tỉnh lớn Maabar và về những phong tục của họ, bây giờ chúng tôi sẽ nói về những việc khác cũng của tỉnh Maabar này và về một thành phố có tên là Cail.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ CAIL

Cail (Kael Parnam, đã biến mất khỏi bản đồ hiện đại) là một thành phố lớn và sang trọng thuộc về Asciar, anh của bốn vị vua. Cáp bến ở thành phố này là tất cả các con tàu đến từ phương Tây, tức là từ Ormus, Kis, Aden và toàn nước Ả Rập, chúng chở đầy ngựa và các hàng hóa khác. Mọi người từ những nước xung quanh đến đây và việc buôn bán trong thành phố Cail

rất phát đạt. Nhà vua rất giàu về châu báu và mang trên mình nhiều đá quý. Ông sống một cách rất đáng kính và ông duy trì vương quốc trong sự công chính vô biên. Ông rất thích những nhà buôn và những người nước ngoài đến nỗi mọi người đều sống rất thoải mái ở đó. Ông có hơn 300 bà vợ và ông tôn vinh người nào có nhiều vợ nhất. Như tôi đã nói với các bạn trong tỉnh Maabar có năm vị vua được tấn phong đều là anh em họ với nhau. Asciar là một người trong số đó. Mẹ họ vẫn còn sống, khi họ bất hòa và thù địch lẫn nhau, mẹ của họ đứng giữa họ và ngăn cản họ đánh nhau. Nếu họ muốn đánh nhau, mẹ họ sẽ lấy một con dao và nói với họ rằng, bà sẽ tự cắt bỏ bộ vú mà họ đã bú rồi rạch bụng, nơi họ đã cuộn mình, rồi bà sẽ tự vẫn; bằng cách này bà đã nhiều lần giữ họ sống trong hòa thuận. Nhưng khi bà chết, họ sẽ không thể không tàn sát lẫn nhau.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ VƯƠNG QUỐC COILLON

Từ Maabar đi 500 dặm về hướng Tây Nam, chúng ta đến với vương quốc Coillon (Quilon hiện nay, ở Tây Bắc mũi Comorin, trên bờ biển Malabar), dân cư đều là tín đồ ngẫu tượng. Cũng có một vài người Ki tô giáo. Họ có ngôn ngữ riêng, có vua cai trị và không nộp thuế cho bất cứ ai. Ở đây có nhiều cây huyết mộc gọi là huyết mộc Coillon, vì nó bắt nguồn từ Coillon: nó rất tốt. Cũng có loại gừng tốt mọc ở đây, và người ta cũng gọi nó là gừng coillon; trong toàn xứ còn có rất nhiều hạt tiêu, tôi sẽ cho các bạn biết nó mọc như thế nào, họ có những cây trồng trong vườn nhà, họ thu hoạch hạt tiêu vào các tháng Năm, Sáu, Bảy. Họ cũng có nhiều chàem rất tốt, nó được làm từ một loại thảo mộc được người ta thu hái và đặt trong một chiếc bình lớn, sau đó người ta đổ nước lên trên và người ta để cho đến khi cỏ bị thối rữa, sau đó người ta đưa nó ra phơi nắng. Vì trong vùng này, nhiệt độ rất cao khó ai chịu nổi; nếu bạn bỏ một cái trứng trong một con sông, nó sẽ chín mau chóng do sức nóng của mặt trời.

Những nhà buôn xứ Mangi, Levant và Ả Rập đến trong xứ này với những con tàu đầy hàng hóa của họ, và họ thu được nhiều lợi nhuận. Trong vương quốc này có nhiều con thú rất khác với thú ở phần còn lại của thế giới, vì sư tử ở đây toàn một màu đen và kết thì có nhiều loài; có loài trắng như tuyết, với mỏ và chân đỏ chót, cũng có những loài đỏ chót và xanh lơ, đó là những con vật đẹp nhất thế giới; cũng có những con rất nhỏ và đẹp, cũng có những con màu xanh lục. Họ còn có những con công rất đẹp, lớn hơn loài công của chúng ta, chúng đẹp và thịt ngon hơn. Trái cây ở đây cũng rất kỳ lạ vì nhiệt độ ở đây rất cao. Họ không có loại lúa nào khác ngoài lúa nước. Họ làm một loại rượu rất ngon với đường, nhưng nó làm cho người uống chóng say xỉn. Họ có

nhiều loại nhu yếu phẩm rất rẻ. Những nhà chiêm tinh và thầy thuốc của họ rất giỏi. Đàn bà và trẻ con rất đen, vì họ sống hoàn toàn khỏa thân, ngoại trừ họ bao bọc chỗ kín bằng những loại vải rất đẹp. Họ không coi dâm ô là tội lỗi. Họ kết hôn với chị em họ và lấy vợ của anh trai, sau khi người này qua đời; tất cả những người dân ở Ấn Độ cũng có tập tục này. Vì không có gì khác để kể về vương quốc này, chúng ta sẽ tiếp tục lên đường và chúng tôi sẽ nói đến một vùng khác có tên là Comari.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ COMARI

Comari (vùng mũi Comorin) là một vùng thuộc về nước Ấn Độ, từ đây người ta có thể nhìn thấy chút ít sao Bắc đẩu, sao này không thấy được từ đảo Java; để nhìn thấy nó từ nơi đó, người ta phải đi ra biển ba mươi dặm và nhìn thấy nó ở độ cao một khuỷu tay. Đó là một nơi rất hoang dã có đủ các loài thú, nhất là khỉ rất giống người. Cũng có nhiều gấu, sư tử và báo. Có nhiều hồ và đầm lầy lớn.

Không có gì khác để kể thêm. Vì vậy chúng ta sẽ lên đường và tôi sẽ nói về một vương quốc khác có tên là Eli.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ VƯƠNG QUỐC ELI

Bây giờ chúng ta đi vào những nơi quen thuộc hơn. Eli (phía bắc Coillon trên vĩ tuyến 12, bờ biển Malabar) là một vương quốc ở về hướng Tây Bắc. Họ có một vị vua và có ngôn ngữ riêng. Họ không đóng thuế cho bất cứ ai. Trong tỉnh này không có một hải cảng nào, nhưng lại có nhiều sông lớn, có những nơi thả neo rất tốt, rộng và sâu. Tiêu, gừng và các gia vị khác mọc ở đây rất nhiều. Nhà vua rất giàu về tài nguyên, nhưng không có nhiều dân cư, nhưng vương quốc được bảo vệ tốt đến nỗi không ai có thể chống lại ông, ông cũng không sợ bất cứ ai.

Nếu có con tàu nào muốn đi vào nơi khác trong số các nơi thả neo của họ, họ chặn bắt nó và tịch thu hàng hóa trên tàu, họ nói:

- Các anh muốn đi nơi khác và các thần linh của chúng tôi đã dẫn các anh đến với chúng tôi; vì vậy, chúng tôi phải có tất cả những thứ gì của các anh.

Họ thấy không có gì là tội lỗi trong việc làm này. Nhưng nếu con tàu tự nguyện đến xứ sở họ, họ tiếp đón nó một cách long trọng, canh giữ và bảo vệ nó. Họ có một tập quán xấu trong toàn

nước Ấn Độ, đó là cướp bóc tàu nào tách ra khỏi cuộc hành trình, Các tàu xứ Mangi và những vùng khác đến đó vào mùa hè, bốc hàng lên tàu trong sáu hoặc tám ngày, rồi tiếp tục lên đường càng sớm càng tốt, bởi vì ngoài những chỗ bỏ neo thuận tiện, chỉ có những bờ biển và những bãi cát mịn. Những con tàu của Mangi gặp những rủi ro rất lớn trên những bãi biển này, vì chúng chỉ có những chiếc neo bằng gỗ.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ VƯƠNG QUỐC MELIBAR

Melibar (Malabar ở phía Tây Bắc Eli, và không phải ở phía tây như Marco Polo nói) là một vương quốc nằm về phía Tây. Những người dân có ngôn ngữ riêng, họ thờ ngẫu tượng, có vua cai trị và không đóng thuế cho bất cứ ai. Trong vương quốc này, người ta nhìn thấy sao Bắc đẩu xuất hiện cách mặt nước hai khuỷu tay. Từ vương quốc Melibar và từ một vương quốc khác có tên là Gozurat, mỗi năm có hơn 100 con tàu lên đường làm ăn và ở đó suốt mùa hè. Họ mang vợ và con cái đi theo. Hai mươi đến ba mươi tàu của các thuyền trưởng hải tặc này cùng lên đường và đi cách nhau năm hoặc sáu dặm đến nỗi chúng bao quát một khu vực rộng lớn trên biển, và không tàu buôn nào đi qua mà không bị bắt. Từ khi họ thấy một cánh buồm nào, họ ra lệnh bằng lửa hoặc khói rồi tập trung lại chặn bắt tàu buôn và cướp bóc của cải của tất cả các nhà buôn. Sau đó chúng để cho họ ra đi đồng thời bảo với họ:

- Hãy đi làm những thương vụ khác đi, vì biết đâu việc đó còn dành cho chúng tôi lần nữa đấy!

Nhưng từ đó về sau, các nhà buôn đều biết điều đó và chỉ đi đến đó một khi có trang bị người và vũ khí với những con tàu lớn đến nỗi họ không còn lo sợ bọn cướp biển nữa; chỉ do kém may mắn, chuyện cướp bóc mới xảy đến cho họ một lần nữa.

Trong vương quốc này, có nhiều hạt tiêu, gừng, quế, hồ đào Ấn Độ. Người ta sản xuất nhiều loại vải mịn rất đẹp và rất tốt. Những con tàu đến từ phía Đông mang đến cho họ đồng để làm tài trọng dẫn, cũng như drap dẹt vàng, vải kếp, tơ lụa, vải lụa, vàng, bạc, đinh hương và các loại gia vị rất ngon, tất cả những thứ mà họ không có, và mua lại những thứ họ có. Phần lớn những mặt hàng gia vị xuất đi từ vương quốc này sang tỉnh Mangi và phía Tây; những nhà buôn chuyên chở bằng tàu đến Aden, sau đó đến Alexandrie, nhưng với 10 con tàu đi về phía Đông, chỉ có một chiếc đi vào những vùng này, đây là một sự việc quan trọng mà tôi đã nói với các bạn.

Tôi đã nói về vương quốc Melibar, nhưng nên biết rằng tôi đã không nói gì về những vương quốc này, ngoại trừ thành phố chính; vì những thành phố, thị trấn khác có rất nhiều, chúng tôi sẽ không nói gì, bởi vì nếu nói ra thì quá dài.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ VƯƠNG QUỐC GOZURAT

Gozurat (bán đảo Gujarat, trên biển Ả Rập, giữa vĩ tuyến 20 và 23) là một vương quốc lớn ở về phía Tây. Dân cư thờ ngẫu tượng, có ngôn ngữ riêng, có vua cai trị và không nộp thuế cho bất cứ ai. Từ vương quốc này, chúng ta vẫn còn thấy sao Bắc đẩu, vì nó xuất hiện cách mặt nước biển sáu khuỷu tay. Họ có những thuyền cướp biển lớn nhất thế giới; họ làm một điều xấu xa khủng khiếp mà tôi sẽ nói cho các bạn biết sau đây. Khi họ chặn bắt một tàu buôn, họ cho các nhà buôn uống một loại nước gọi là tamarandi, khiến cho họ tiết lộ ra ngoài tất cả những gì họ giấu kín trong bụng, bởi vì khi các nhà buôn thấy mình sắp bị bắt, và vì họ có nhiều ngọc trai và đá quý có giá trị, họ liền nuốt chúng vào bụng. Nhưng nhờ phương pháp trên đây, những tên cướp biển sẽ thu lại được tất.

Trong tỉnh Gonzurat này, có sản xuất nhiều hạt tiêu, gừng và chà. Họ cũng trồng nhiều bông vải, cây cho bông vải cao sáu bước và sống đến hai mươi năm; nhưng nói đúng ra, khi cây bông vải quá già, bông của nó dẹt không được tốt và chỉ có thể dùng vào những việc khác. Trong xứ này, người ta còn gia công nhiều loại da khác nhau như da dê đực, da bò, da trâu, da bò rừng, da các thú một sừng và của nhiều loại thú khác nữa. Người ta làm rất nhiều da để mỗi năm chất lên nhiều tàu chở sang Ả Rập và các nơi khác. Ở đây, người ta còn làm nhiều đồ dùng bằng da đỏ chót có hình chim và thú được đính vào một cách tinh xảo với những sợi chỉ vàng và bạc: những sản phẩm này đẹp lạ lùng và có những thứ trị giá đến 10 marcs bạc.

Bây giờ tôi sẽ nói với các bạn về một vương quốc khác có tên là Tana.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ VƯƠNG QUỐC TANA

Tana (có lẽ là Tanah trong vịnh Bombay, nhưng lộ trình của Marco Polo hình như đi từ Nam lên Bắc và Tana ở phía Nam Gujarat) là một vương quốc lớn ở về phía Tây. Ở đây không có tiêu hoặc gia vị nào khác, nhưng có nhiều trầm hương màu nâu và có thị trường buôn bán quan trọng. Người ta còn gia công nhiều đồ da, và những loại vải mịn rất tốt và rất đẹp.

Những tên cướp biển xuất phát từ vương quốc này để đi cướp bóc các nhà buôn với sự thỏa thuận của nhà vua. Giữa những tên cướp biển và nhà vua có quy ước là tất cả những con ngựa cướp được đều thuộc về nhà vua, còn những thứ khác đều thuộc về họ. Nhà vua làm điều này vì ông không có ngựa, trong khi các nhà buôn chuyển ngựa đến Ấn Độ rất nhiều, và không có tàu nào đi ngang qua nơi đây mà không chuyên chở ngựa cùng với hàng hóa. Đó là một việc làm tồi tệ và không phải là không đáng giá đối với nhà vua.

Bây giờ chúng tôi sẽ nói với các bạn về một vương quốc khác có tên là Canbaot.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ VƯƠNG QUỐC CANBAOT

Canbaot (Cانبay?) là một vương quốc lớn ở về phía Tây. Họ có vua và ngôn ngữ riêng; họ thờ ngẫu tượng và không nộp thuế cho bất cứ ai. Từ vương quốc này, người ta còn nhìn thấy sao Bắc đẩu, vì từ đây trở đi, càng đi về phía Tây. Chúng ta càng nhìn thấy chúng ở trên cao. Công việc buôn bán trong vương quốc này rất sầm uất. Ở đây có nhiều gỗ Ấn Độ; người ta làm nhiều loại vải mịn và bông vải được chuyên chở từ đây đi nhiều nơi khác. Người ta còn bán nhiều da được gia công rất kỹ. Trong vương quốc này, không có cướp biển; đó là những người dân tốt bụng sống về buôn bán và thủ công.

Không có chuyện gì khác đáng kể thêm nữa, chúng ta sẽ nói về một vương quốc khác có tên là Semenat.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ VƯƠNG QUỐC SEMENAT

Semenat (Sommat?) là một vương quốc lớn ở về phía tây. Họ thờ ngẫu tượng, có vua và ngôn ngữ riêng, họ không nộp thuế cho bất cứ ai cả; họ sống về buôn bán và thủ công. Ở đây không có một móng cướp biển nào. Họ làm ăn buôn bán lớn và là những tín đồ ngẫu tượng rất hung dữ.

Không có gì khác đáng kể thêm, chúng tôi sẽ nói đến một vương quốc khác có tên là Kesmacoran.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ KESMACORAN

Kesmacoran (có lẽ Kedj Mékran?) là một vương quốc có vua và ngôn ngữ riêng. Dân cư thờ ngẫu tượng và sống về nghề buôn bán cũng như các ngành nghề, vì họ sống với tư cách là nhà buôn và họ có nhiều hàng hóa chở đi khắp nơi bằng đường biển và đường bộ. Họ sống bằng gạo, thịt và sữa.

Không có gì để nói thêm nữa. Các bạn nên biết rằng vương quốc Kesmacoran là tỉnh cuối cùng của Ấn Độ khi đi về hướng Tây và Tây Bắc. Từ Maabar cho đến tỉnh này, đó là Đại Ấn Độ tuyệt vời nhất thế giới. Về nước Đại Ấn này chúng tôi chỉ nói đến những vương quốc, tỉnh và thành phố nằm trên bờ biển, vì những tỉnh ở trong đất liền, chúng tôi đã không nói gì, vì đó là vấn đề quá dài dòng. Do đó chúng tôi sẽ lên đường và nói với các bạn về một vài đảo ở Ấn Độ. Tôi sẽ bắt đầu nói về hai hòn đảo có tên là Mále và Femelle.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ ĐẢO MÁLE VÀ ĐẢO FEMELLE

Từ vương quốc Kesmacoran nằm trong đất liền đi ra biển về hướng Nam độ 500 dặm, chúng ta gặp hai đảo Mále và Femelle (người ta xác định chúng ở phía Nam Ả Rập, gần đảo Socotra của Anh), đảo này cách đảo kia chừng 30 dặm. Dân hai đảo đều là Ki tô giáo được rửa tội và giữ lề luật của Cựu Ước, vì khi phụ nữ mang bầu, họ không bao giờ đụng chạm đến bằng bất cứ giá nào, và khi họ sinh con gái, họ không gần vợ trong bốn mươi ngày.

Tất cả những người đàn ông đều sống trên đảo gọi là đảo Mále. Khi tháng Ba đến, tất cả bọn họ đều sang đảo khác ba tháng mỗi năm, đó là tháng Ba, tháng Tư và tháng Năm. Trong ba tháng này, họ tận hưởng lạc thú cùng với vợ họ. Sau ba tháng này, họ quay về đảo trở lại để lo gieo giống, cày cấy và buôn bán trong 9 tháng còn lại,

Trên đảo này còn có nhiều hồ phách tốt. Người dân trên đảo sống bằng thịt, gạo và sữa. Họ là những người đánh cá rất giỏi, họ bắt những con cá rất lớn và rất ngon; họ bắt cá thật nhiều và phơi khô để đủ ăn trong suốt năm; họ còn bán lại cho các nhà buôn đi ngang qua. Họ không có

bất cứ lãnh chúa nào, nhưng có một giám mục được đặt dưới quyền của một tổng giám mục của một đảo khác mà chúng tôi sẽ nói đến sau. Đảo đó có tên là Scotra. Đối với con cái do vợ họ sinh ra, nếu là con gái, chúng ở lại với mẹ; nếu là con trai, người mẹ sẽ nuôi nấng chúng cho đến khi chúng được 14 tuổi, rồi sau đó gởi trả về cho bố của chúng. Đó là phong tục của hai đảo này. Đàn bà không làm gì khác hơn là nuôi con và thu lượm một vài thứ trái có trên đảo, vì những người đàn ông đã cung cấp cho họ đầy đủ những gì họ cần.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ ĐẢO SCOTRA

Từ hai hòn đảo đi về hướng Nam chừng 500 dặm, chúng ta tìm thấy đảo Scotra (đảo lớn ở cửa ra vịnh Aden). Dân cư đều là tín đồ Ki tô giáo được chịu phép rửa tội và có một tổng giám mục cai quản, Họ có nhiều hồ phách, vài bông và những hàng hóa khác, đặc biệt còn có nhiều loại cá muối to và ngon. Họ sống bằng gạo, thịt và sữa vì họ không có lúa mì; họ sống khỏa thân theo kiểu như của những người Ấn khác.

Họ buôn bán nhiều mặt hàng, vì có nhiều tàu lớn của tất cả các nước tập trung đến đó với nhiều loại hàng hóa mà các nhà buôn bán cho cư dân trên đảo, đồng thời mua lại của họ vàng, nhờ đó họ thu được nhiều lợi nhuận. Tất cả các tàu muốn đi Aden đều phải đi qua đảo này.

Tổng giám mục của họ không thần phục Đức Giáo hoàng ở La Mã, nhưng được đặt dưới quyền của một Đức thượng phụ ở Bagdad. Ông này cai quản tổng giám mục đảo này và nhiều tổng giám mục ở phần đất này của thế giới, hoàn toàn giống như Đức Giáo hoàng của chúng ta.

Trong đảo này, có nhiều cướp biển đến bán chiến lợi phẩm do họ cướp được; họ bán rất chạy, vì những người Ki tô giáo trên đảo này mua chúng, vì họ biết rằng đó là của cải của những người Sarasin hoặc tín đồ ngẫu tượng. Nên biết trên đảo có những thuật sĩ giỏi nhất thế giới.

Thực ra, Đức Tổng Giám mục ngăn cấm họ làm công việc này, nhưng họ trả lời rằng tổ tiên họ là những người làm thuật sĩ, và họ cũng muốn làm như vậy. Tôi sẽ nói qua về những phương thức ma thuật của họ: trước một con tàu thuận buồm xuôi gió, họ có thể đánh thức một cơn gió ngược chiều và làm cho tàu quay lui. Họ làm cho gió thổi theo ý muốn của họ, họ làm cho biển êm hoặc bão tố nổi lên dữ dội. Họ còn làm những phép thuật nổi tiếng hơn nữa, nhưng không thích hợp để đưa vào trong quyển sách này.

Không còn gì khác để kể về đảo này, chúng ta sẽ tiến lên phía trước và tôi sẽ nói với các bạn về một đảo khác có tên là Madeigascar.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ ĐẢO MADEIGASCAR

Madeigascar (trước khi quyển sách của Marco Polo ra đời, Châu Âu hầu như không biết đến đảo này) là một hòn đảo nằm về phía nam, cách đảo Scotra hơn 1000 dặm. Dân cư đều là những người Sarrasin và tôn thờ Mahomet. Họ có bốn thủ lĩnh (Cheik), tức là bốn bộ lạc cai trị đảo này. Đảo rất đẹp và giàu có: đây là một trong những đảo lớn nhất trên thế giới, vì chu vi của nó độ 4000 dặm. Dân cư sống về buôn bán và các ngành nghề.

Trên đảo này có nhiều voi hơn bất cứ tỉnh nào trên thế giới, cũng như trong một đảo khác mà chúng tôi sẽ nói sau, đó là đảo Zanghibar. Trong hai hòn đảo này, việc buôn bán voi hết sức phát đạt. Trên đảo này, người dân không ăn thứ thịt gì khác ngoài thịt lạc đà. Do đó, mỗi ngày họ giết nhiều lạc đà đến nỗi không ai có thể tin nếu không nhìn thấy. Họ cho rằng đó là thịt ngon nhất và trong sạch nhất thế giới.

Trên đảo này có nhiều cây gỗ đàn hương đỏ chót. Tất cả các cánh rừng không có loại cây nào khác ngoài cây đàn hương. Họ có nhiều hổ phách vì trong biển này có nhiều cá voi mà họ đánh bắt. Rất nhiều; những loại cá capdols cũng rất nhiều, đó là những con cá rất lớn có chứa hổ phách giống như cá voi. Họ cũng có nhiều báo, gấu, sư tử và các thú khác như nai, hoẵng và nhiều thịt săn. Họ cũng nuôi nhiều loài thú nhỏ và những loài chim khác nhau rất khác với các loài ở vùng chúng ta. Vì vậy, nhiều tàu lớn của các nhà buôn đến đó làm ăn khá phát đạt.

Nên biết rằng các con tàu không thể đi xa hơn về phía Nam đảo này và một đảo khác mà chúng tôi sẽ nói sau, đó là đảo Zanghibar; sở dĩ như vậy, vì dòng biển chảy nhanh về hướng Nam đến nỗi các con tàu đi quá xa và không thể quay lại được. Vì thế những con tàu của xứ Maabar đi về đảo Madeigascar và đảo Zanghibar đều đến nhanh một cách lạ lùng; vì mặc dù lộ trình dài, những con tàu đó chỉ đi mất có hai mươi ngày, nhưng khi muốn quay về, chúng phải vất vả mất ba tháng, bởi vì dòng hải lưu chảy rất nhanh về hướng Nam ngược lại lộ trình của họ. Trong tất cả các mùa, nước biển chảy về hướng Nam rất nhanh. Người ta cho rằng trong các đảo khác ở về phía Nam, nơi nào các tàu bè không thể đi vì sợ không thể quay về, thường có những con chim kên kên xuất hiện trong một vài mùa trong năm.

Một vài người đi đến tận nơi đó và trở về thuật lại với Ngài Marco Polo là những con chim kênh kênh có hình dáng như chim phượng hoàng, nhưng chúng hết sức to lớn, vì theo họ, những chiếc cánh của nó dài hơn 30 bước chân và lông thì dài hơn 12 bước; chúng mạnh đến nỗi chúng có thể dùng móng vuốt bầu chặt một con voi và mang nó lên rất cao, để rồi sau đó thả nó rớt xuống đất để giết chết con vật, sau đó nó bay sà xuống trên con vật và ăn thịt thỏa thuê. Cư dân đảo này gọi chúng là tảng đá và chúng không mang tên gì khác. Tôi không biết có phải là những con chim kênh kênh hoặc một loài nào khác lớn hơn thế, nhưng tôi nói với các bạn rằng chúng không có hình dáng nửa sư tử nửa chim mà chúng ta gán cho kênh kênh. Nhất là chúng chỉ giống như một con chim đại bàng nhưng ở dạng lớn nhất.

Đại Hãn đã gọi những sứ giả đến đảo này để hỏi han về những điều kỳ lạ đó và cũng để giải thoát cho một vị sứ giả do ông phái đi đã lâu và bị giữ lại nơi đó. Họ đã giải thoát cho y và kể cho Đại Hãn nghe nhiều chuyện lạ lùng, cũng như về những loài chim nói trên. Họ mang về cho ông hai chiếc răng lợn lòi mà mỗi chiếc lớn đến nỗi nó cân nặng hơn 14 livơ. Người ta có thể thấy rằng, con lợn lòi có những chiếc răng như thế phải rất khỏe và rất lớn; theo họ kể, cũng có con lớn bằng một con trâu lớn.

Không có chuyện gì khác đáng phải kể nữa, vì vậy chúng ta sẽ tiến lên phía trước và chúng tôi sẽ nói đến đảo Zanghibar.

ĐÂY LÀ CHUYỆN VỀ ĐẢO ZANGHIBAR

Zanghibar (Zanzibar) là một hòn đảo xinh đẹp và to lớn, chu vi của nó chừng 2000 dặm. Tất cả dân cư đều thờ ngẫu tượng. Họ có ngôn ngữ riêng và không đóng thuế cho bất cứ ai. Họ lớn và béo, nói đúng hơn là rất béo. Họ lớn đến nỗi giống như những người khổng lồ và khỏe đến nỗi một người có thể khiêng bốn người khác và ăn bằng sức ăn của năm người khác. Họ hoàn toàn đen và sống khỏa thân, ngoại trừ họ che bộ phận sinh dục. Mái tóc của họ đen và xoăn không thua gì hạt tiêu. Miệng họ rất rộng, mũi rất hếch, môi rất dày, mắt rất to và đỏ, toàn thể con người giống như quỷ sứ. Họ trông rất gớm ghiếc và xấu xí đến nỗi họ có vẻ tầm lợm nhất thế giới.

Trên đảo này có rất nhiều voi, nhiều đến mức diệu kỳ. Người ta cũng thấy những con sư tử toàn một màu đen và không giống như sư tử của chúng ta; họ còn có gấu và báo. Tôi cũng cho các bạn biết rằng những con cừu và chiên đều cùng một màu, đó là màu trắng với cái đầu đen, và

chắc chắn là người ta không tìm thấy một loài nào khác. Họ cũng có nhiều hươu đẹp nhất thế giới và tôi sẽ cho các bạn biết chúng như thế nào. Chúng có phần thân sau khá thấp, vì đuôi sau ngắn và cẳng trước rất dài, cao hơn ba bước. Đầu của chúng nhỏ, nhưng cổ lại dài và chúng không làm hại ai. Chúng có màu trắng với những vòng nhỏ màu đỏ trông rất ngộ nghĩnh.

Tôi sẽ cho các bạn biết một điều về những con voi. Khi con đực muốn theo cái, chúng đào một cái hố lớn dưới đất và lật ngửa con voi cái xuống dưới chiếc hố này và voi đực nhảy lên trên mình con voi cái để giao phối giống như con người, bởi vì voi cái có bộ phận sinh dục gần bụng.

Phụ nữ của hòn đảo này xấu nhất thế giới; họ có những đôi vú lớn và to gấp bốn lần bất cứ người phụ nữ nào ở nơi khác. Người dân sống bằng gạo, thịt, chà là và uống sữa. Họ làm rượu bằng trái chà là, gạo, những loại gia vị ngon và đường. Việc buôn bán ở đây rất phát đạt, có nhiều nhà buôn và tàu bè lớn đến đó; nhưng việc buôn bán quan trọng nhất của đảo này là ngà voi mà họ có rất nhiều. Họ cũng có hổ phách, vì có nhiều cá voi. Họ là những chiến binh cừ và can đảm trong chiến đấu vì họ ít sợ chết. Họ không có ngựa, nhưng chiến đấu trên lưng lạc đà và voi. Họ thiết lập trên lưng những con vật này những pháo đài bằng gỗ chứa được 10 đến 16 người với gươm, giáo và đá; và những người ở trong các pháo đài gỗ trên lưng voi chiến đấu rất ác liệt. Họ không có bất cứ bộ áo giáp nào, nhưng có thuẫn bằng da, giáo và gươm, nhờ đó họ chém giết kẻ thù một cách hăng say. Khi họ muốn đưa voi ra trận, họ cho chúng uống nhiều rượu, đến nỗi chúng nửa say nửa tỉnh; họ làm như thế, vì một khi voi đã uống rượu, nó trở nên hung dữ và ngạo mạn hơn và làm được việc hơn khi ra trận.

Không có gì khác phải kể thêm. Chúng tôi sẽ nói về tỉnh lớn Abasie, tức là Ấn Độ trung, như các bạn đã nghe nói đến. Trước hết chúng tôi nói đến những đảo đang là những tỉnh và vương quốc giàu có nhất, vì không có ai trên đời này nói sự thật về tất cả các đảo của Ấn Độ; tôi chỉ kể cho các bạn nghe những điều thú vị nhất và là phần cốt lõi nhất.

Một phần lớn các đảo khác nằm dưới quyền của những đảo mà tôi đã nói. Theo sự hiểu biết của các thủy thủ cừ khôi ở vùng biển lớn này, có 12700 đảo được biết, trừ những đảo mà người ta không biết và không thể đi đến, trong đó có 12700 đảo có dân cư ngụ, đó là điều rất lạ lùng. Tất cả các thủy thủ đi trên biển này cho điều đó là chắc chắn; họ biết rõ điều này, vì hàng ngày, họ chỉ biết có đi biển mà thôi.

Đại Ấn, gồm Maabar đến Kesmacoran, gồm có 13 vương quốc lớn nhất; chúng tôi đã nói đến 10 và chúng tôi sẽ nói ngắn gọn về ba vương quốc khác. Tiểu Ấn trải dài từ Zinabar đến Montifi

có tám vương quốc. Tất cả các vương quốc này đều nằm trong lục địa, vì những vương quốc thuộc đảo chiếm phần lớn, như tôi đã nói và tôi không nêu chúng thuộc số này.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH LỚN ABASIE

Abasie (Abyssinie. Ấn Trung gồm Abyssinie và Ả Rập đến vịnh Péc Xích) là một tỉnh lớn thuộc Trung Ấn và nằm trong đất liền. Nó gồm có sáu vương quốc do sáu vị vua cai trị; trong sáu vua này có ba là Ki tô giáo và ba là Sarrasin. Vua hùng mạnh nhất trong sáu vị vua là vua người Ki tô giáo vì tất cả những vị vua khác đều thần phục ông. Những người Ki tô giáo có ba dấu trên mặt; một từ trán đến giữa mũi và hai dấu khác trên hai má; họ làm các dấu đó khi rửa tội, vì từ khi họ được rửa tội, người ta đã cho ghi ba dấu này, như dấu ấn của sự cao trọng và để hoàn tất bí tích rửa tội. Cũng có những người Do Thái mang dấu hiệu trên mỗi gò má; những người Sarrasin chỉ có một dấu từ trán đến giữa mũi.

Nhà vua vĩ đại ở ngay giữa tỉnh. Những người Sarrasin ở về hướng Aden. Thánh Tô Ma tông đồ đã từng giảng đạo trong tỉnh này, từ khi cải giáo cho dân cư, Ngài lên đường đến tỉnh Maabar, nơi Ngài đã chết và được an táng, như tôi đã kể trên kia. Dân cư là những người lính giỏi và những kỵ sĩ cừ, vì họ có nhiều ngựa; họ rất cần chúng vì họ luôn đánh trận với vua ở Aden, những vua của Nubie và của nhiều dân tộc khác. Tôi sẽ kể cho các bạn nghe một câu chuyện thú vị xảy ra vào năm Chúa Ki tô 1288.

Thật ra vua Ki tô giáo và là vua tỉnh Abasie nói rằng ông muốn đi hành hương đến Jerusalem để tôn kính Mộ Thánh của Chúa Giêsu Ki tô Chúa chúng ta, Đấng Cứu Thế. Những cận thần cho rằng thật hết sức nguy hiểm nếu như ông đi đến đó; họ khuyên ông phái một giám mục hoặc một đức ông nào đó đi thay cho ông. Nhà vua nghe theo lời khuyên và phái một giám mục thánh thiện đến đó. Và tôi sẽ nói điều gì nữa đây? Vị giám mục này đi qua biết bao đường thủy và đường bộ mới đến được Mộ Thánh. Ông tôn kính Mộ Thánh như bất kỳ người Ki tô giáo nào cũng phải làm; ông dâng cho Chúa những lễ vật rất cao trọng nhân danh nhà vua, người phái ông đi thay. Khi đã thực hiện xong tất cả những gì cần phải làm, ông lên đường và đi qua bao dặm đường mỗi ngày để đến Aden. Nên biết rằng, trong vương quốc này, những người Ki tô giáo luôn bị ghét bỏ, vì tất cả những người Sarrasin là kẻ thù truyền kiếp của họ. Khi vua Aden biết vị giám mục là Ki tô giáo và là sứ giả của nhà vua vĩ đại Abasie, ông ra lệnh đưa vị giám mục đến và hỏi ông có phải là Ki tô hữu không; vị giám mục trả lời rằng ngài chính là Ki tô hữu. Vua bảo

Ngài nên theo tín ngưỡng của Mahomet hoặc nếu không, ông ta sẽ làm cho ngài phải hổ thẹn và ngượng ngùng. Vị giám mục trả lời rằng ông thà để cho bị giết còn hơn là chối bỏ Đấng Sáng Tạo. Khi nghe những lời này, nhà vua tỏ ra rất tức giận và truyền lệnh giết Ngài. Vậy là Ngài bị bắt và bị cắt gọt theo kiểu của người Sarrasin. Khi làm việc này, nhà vua nói với vị giám mục rằng ông làm điều ô nhục này, vì ông khinh bỉ vua của vị giám mục, rồi thả cho vị giám mục trở về nước. Vị giám mục rất buồn vì nỗi ô nhục mà nhà vua gây ra cho ông, nhưng ông cảm thấy an tâm, bởi vì ông đã chấp nhận để bảo vệ đức tin nơi Chúa Giêsu Ki tô, Chúa chúng ta, và linh hồn Ngài sẽ được thưởng. Khi được chữa khỏi, ông lên đường và vượt qua bao dặm đường bộ và đường biển để về đến Abasie, về với nhà vua của ông. Khi nhà vua thấy ngài, nhà vua rất sung sướng và đón tiếp ngài rất hoan hỉ; nhà vua hỏi han ngài về Mộ Thánh; vị giám mục kể lại cho nhà vua toàn bộ sự thật, đó là điều mà nhà vua coi như thiêng liêng và làm gia tăng thêm niềm tin. Khi vị giám mục kể lại cho ông tất cả những biến cố ở Giêrusalem, ngài cũng kể lại toàn bộ nỗi nhục mà vua Aden đã làm đối với ngài vì muốn khinh bỉ nhà vua. Nhà vua nổi trận lôi đình và rất đau khổ, ông tỏ ra tức giận đến mức suýt chết vì buồn. Nhưng cuối cùng, ông nói to để cho tất cả những người xung quanh có thể nghe thật rõ. Ông nói rằng ông sẽ không bao giờ đội vương miện nếu ông không trả thù tên vua Aden, để cho nỗi nhục của ông được báo thù một cách minh bạch. Ông liền ra lệnh cho toàn quân đội gồm lính ngựa và lính bộ sẵn sàng ứng chiến; ông cũng mang theo số lượng voi rất lớn có trang bị pháo đài trên lưng. Khi chuẩn bị xong xuôi, ông lên đường ra trận cùng với toàn bộ quân đội; sau cuộc hành quân dài, ông ra lệnh cho lực lượng đông đảo tiến quân vào Aden. Khi vua Aden hay tin vị vua vĩ đại đến tấn công, ông liền đưa một lực lượng hùng hậu đến một nơi được xây dựng công sự chắc chắn nhất của vương quốc để ngăn chặn không cho kẻ thù tiến vào lãnh thổ của ông. Nhà vua vĩ đại cùng quân lính đến nơi mà những người Sarrasin đang bảo vệ. Một trận đánh gay go ác liệt bắt đầu diễn ra ở cả hai phía. Nhưng do ý muốn của Chúa Giêsu Ki tô Chúa chúng ta, người Sarrasin không thể chống cự lại những người Ki tô giáo, bởi vì họ không phải là những chiến binh giỏi như những người Ki tô giáo. Vì vậy, người Sarrasin bị đánh bại; có rất nhiều người chết trong trận này. Vua Abasie tiến vào vương quốc Aden cùng với toàn thể quân lính của ông. Nhiều lần những người Sarrasin phản công lại họ trong các hẻm núi, nhưng những việc này chẳng giúp gì cho họ, vì lần nào họ cũng bị đánh bại và bị giết. Khi nhà vua đã tàn phá và hủy diệt vương quốc của kẻ thù, ông ở lại nơi đó cùng với toàn thể quân đội trong hơn một tháng và vẫn tàn sát những người Sarrasin (vì thế ông đã tiêu diệt một số rất lớn); ông cho phá hủy đất đai; nỗi ô nhục của ông đã

được báo thù, ông liền nghĩ đến việc quay về vương quốc của mình; ông trở về trong niềm vinh quang, hơn nữa, ông không thể làm hại thêm kẻ thù, vì có quá nhiều nơi phòng vệ phải vượt qua, và ít có ai gây tổn thất cho ông trong các hẻm núi. Ông lên đường rời khỏi vương quốc Aden. Sau vài ngày, ông về đến đất nước của mình trong niềm vinh quang và sung sướng. Ông đã báo thù được cho nỗi nhục của ông và của vị giám mục, người đã trực tiếp nhận nó thay ông, vì ông giết rất nhiều người Sarrasin, làm hư hỏng đất đai của họ, và hủy hoại bao nhiêu thứ khác nữa. Thật là tốt đẹp, vì những người Sarrasin không phải là đối thủ của những người Ki tô giáo, những người tốt lành.

Tôi đã nói với các bạn về tất cả những điều này, bây giờ tôi sẽ nói về chính tỉnh đó. Tỉnh này rất giàu có về tất cả các nhu yếu phẩm. Người dân sống bằng thịt, gạo, sữa và hạt vùng. Họ còn có nhiều voi, không phải chúng sinh ra từ vùng này, nhưng đến từ các đảo của nước Ấn khác. Họ cũng có những con gấu, báo, nhiều sư tử và các loại thú lạ lùng khác. Họ có nhiều lừa hoang, gà đẹp nhất chưa từng thấy trên thế giới, và nhiều giống chim khác nữa. Họ có nhiều chim đà điểu nhỏ hơn con lừa một chút. Ngoài ra, còn có nhiều giống kết đẹp, khi và mèo rất kỳ lạ. Tỉnh Abasie còn có nhiều thành phố và thị trấn, nhiều nhà buôn và việc buôn bán rất phát đạt. Ở đây, người ta còn sản xuất nhiều loại vải mịn và các loại vải bông khác.

Không còn gì cần nói thêm; vậy chúng ta sẽ tiến về phía trước và chúng tôi sẽ nói về tỉnh Aden.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH ADEN

Tỉnh này có một vị lãnh chúa cai trị và được gọi là *soudan*; họ tôn thờ Mahomet và rất ghét những người Ki tô giáo. Ở đây có nhiều thành phố và thị trấn. Xứ Aden này là một hải cảng, nơi có nhiều tàu bè từ Ấn Độ đến cập bến với nhiều loại hàng hóa. Các nhà buôn chuyên chở các thứ hàng hóa này trên những con tàu nhỏ hơn để đi đến cách đó bảy ngày đường (ở Kosei, trên bờ biển phía tây Hồng Hải); sau bảy ngày đường, họ bốc hàng và chất lên lưng những con lạc đà và đi đường bộ trong vòng ba mươi ngày đến tận sông Alexandrie (sông Nil). Nhờ con đường đi từ Aden này đến, những người Sarrasin ở Alexandrie mới có đủ các thứ gia vị và hạt tiêu. Họ sẽ không thể có những thứ đó bằng bất cứ con đường nào tốt hơn và an toàn hơn. Từ cảng Aden cũng xuất phát những con tàu mang hàng hóa đến các đảo của Ấn Độ. Nên biết rằng vua Aden nhận được nhiều tiền thuế hàng và thuế thông thương của những con tàu đi và đến từ Ấn Độ vào

lãnh thổ của ông với đủ loại mặt hàng. Người ta cũng chuyên chở từ cảng Aden vào Ấn Độ một số lượng rất lớn những con ngựa chiến Ả Rập, ngựa đực và ngựa *roussin* cho hai người cưỡi; những người chở ngựa vào Ấn Độ thu lợi nhuận rất lớn, vì ngựa ở nơi đó rất đắt và dân Ấn không có ngựa. Vua Aden thu nhiều tiền thuế của tất cả những hàng hóa được chuyên chở trong hải cảng; người ta cho rằng ông là một vị vua giàu có nhất thế giới. Tôi cho các bạn biết rằng, khi vua xứ Babylone đem quân tấn công thành phố Acre và chiếm lấy thành này, vua Aden đã gọi đến giúp cho ông 30 ngàn lính ngựa và hơn 40 ngàn lạc đà. Đó là một thuận lợi rất lớn đối với những người Sarrasin và là một sự thiệt thòi lớn cho những người Ki tô giáo. Ông ta làm điều này vì căm ghét người Ki tô giáo hơn là tình cảm dành cho vua xứ Babylone, vì họ rất ghét nhau.

Bây giờ chúng tôi sẽ bỏ qua chuyện về vua Aden và nói về một thành phố thần phục Aden và có tên là Escier; thành phố này có một vị vua và ở về phía Tây Bắc, như các bạn sẽ nghe sau đây.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ ESCIER

Escier (có lẽ nằm trên bờ biển Hồng Hải) là một thành phố rất lớn ở về phía Tây Bắc và xa hải cảng Aden 400 dặm. Thành phố có một vị vua thần phục vua Aden; ông cai trị lãnh thổ trong sự công bằng; thành phố còn có nhiều thành phố thị trấn khác thuộc quyền. Dân cư đều là những người Sarrasin. Thành phố có một hải cảng tốt, nên có nhiều tàu từ Ấn đến cập bến cùng với nhiều hàng hóa. Miền này sản xuất nhiều trầm hương trắng, nhờ đó nhà vua thu được nhiều lợi nhuận; người ta không dám bán nó cho bất cứ ai khác ngoài nhà vua; ông mua đến 10 livơ vàng một tạ và bán lại cho các nhà buôn với 60 livơ vàng một tạ; nhờ đó, ông ta tích lũy được một kho tàng đồ sộ. Nơi này cũng sản xuất nhiều chà là. Họ không có bất cứ loại lúa mì nào khác, nhưng chỉ có một ít lúa gạo, nhưng họ đi thu mua nó từ khắp nơi, vì những người mang đến bán đều thu được lời nhiều. Họ có nhiều cá, đặc biệt là cá rất lớn. Họ thu nhiều đến mức một đồng bạc Venise có thể mua được hai tấn cá. Họ sống bằng sữa, gạo, thịt và cá. Họ không có rượu nho, nhưng họ làm rượu bằng đường, gạo, chà là, nên rượu rất ngon. Tôi còn cho các bạn biết một điều rất lạ lùng khác. Những con cừu của họ không có tai, thay vào chỗ đó là một chiếc sừng nhỏ; đó là những con vật nhỏ xinh xắn. Tất cả những gia súc như bò, lạc đà đều ăn những con cá nhỏ và không ăn thứ gì khác; đó là toàn bộ thức ăn của chúng, vì trong toàn bộ xứ này không có cỏ hoặc rau xanh, vì đây là nơi khô hạn nhất thế giới. Cá cho gia súc ăn rất nhỏ: người ta bắt chúng vào tháng Ba và tháng Năm, cá nhiều đến mức lạ lùng. Sau khi đánh bắt, người ta đem

phơi khô, tích trữ trong nhà và cho gia súc ăn trong suốt năm. Thậm chí gia súc còn ăn cá tươi ở trong tay những người bắt cá, khi họ vừa đưa cá lên khỏi mặt nước. Họ cũng bắt những loại cá lớn và ngon, giá cả rất rẻ; họ cắt chúng ra từng miếng rồi phơi trên mái nhà để dành ăn suốt năm như ta ăn bánh bích quy.

Không còn chuyện gì để kể thêm. Vậy bây giờ chúng tôi sẽ nói với các bạn về một thành phố khác có tên là Dufar.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ DUFAR

Dufar (Djafar?) là một thành phố đẹp, sang trọng và rộng lớn; nó ở cách Escier 500 dặm về phía tây bắc. Dân cư là những người Sarrasin và họ có một vị vua cai trị như tôi sẽ nói với các bạn sau; thành phố thần phục cả thành phố của Aden, nó nằm trên bờ biển nên có một hải cảng tốt: vì vậy ở đây có nhiều tàu bè đi và đến các nước Ấn Độ. Các nhà buôn mang từ hải cảng này đến Ấn Độ nhiều ngựa chiến Ả Rập và thu được nhiều lợi nhuận.

Thành phố này có nhiều thành phố và thị trấn khác thần phục. Ở đây có nhiều nhựa hương trắng, và tôi sẽ cho các bạn biết nó được sản xuất như thế nào. Có những loại cây giống như những cây thông nhỏ, người ta dùng dao cắt thân cây tại nhiều nơi, tại những vết cắt này nhựa hương chảy ra, nhưng cũng có khi nhựa ứa ra mà không cần vết cắt, đó là do nhiệt độ cao của mặt trời.

Không có gì khác để kể thêm, vậy chúng tôi sẽ tiến lên phía trước để nói về vịnh Calatu cũng như thành phố Calatu.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ CALATU

Calatu (Kalhat) là một thành phố lớn nằm trong vịnh cũng có tên là Calatu. Nó ở cách Dufar 600 dặm về hướng tây bắc. Dân cư là những người Sarrasin và lệ thuộc Cormos (Ormuz). Mỗi lần vua Cormos ra trận chống lại một vị vua khác hùng mạnh hơn ông, ông liền trốn trong thành phố Calatu này, vì thành phố nằm trong một vị trí vững chắc và an toàn. Họ không có lúa mì nhưng mua nó từ nơi khác, vì các nhà buôn chuyên chở lúa đến cho họ bằng tàu thủy. Họ có một hải cảng rất lớn và rất tốt. Các tàu cũng mang đến đó nhiều hàng hóa của Ấn Độ, và từ thành phố này, hàng được đưa sang nhiều thành phố và thị trấn khác. Người ta cũng mang từ cảng này sang Ấn Độ nhiều ngựa chiến Ả Rập giống tốt. Cũng nên biết rằng, mỗi năm có một số lớn ngựa được

chuyên chở từ thành phố này và những thành phố khác ra các hải đảo. Bởi vì không có con ngựa nào sinh ra trên các hải đảo, hơn nữa, những con ngựa đến nơi đây đều chết, bởi vì chúng không được săn sóc tốt: người dân cho chúng ăn thịt nấu chín và nhiều thứ khác như tôi đã nói và họ cũng thiếu những tay săn sóc ngựa giỏi.

Thành phố Calatu là cửa ngõ đi vào một vịnh, nên không có con tàu nào có thể vào và ra mà không có phép của họ. Khi vua Cormos, cũng là vua Calatu, và thuộc quyền của sultan Kerman, lo sợ chúa của mình là Kerman, ông lên các con tàu của Cormos, đến Calatu và không cho bất cứ con tàu nào vào vịnh; điều này gây tổn thất lớn cho sultan Kerman, vì ông này mất quyền thu thuế trên các nhà buôn từ Ấn Độ và những nơi khác đi vào lãnh thổ của ông; đúng vậy, một số lượng lớn tàu buôn chở đầy hàng của họ đến hải cảng này và đóng những khoản thuế rất lớn. Vì vậy, sultan Kerman buộc phải thực hiện điều mà vua Cormos yêu cầu. Vị vua này còn sở hữu một lâu đài khác cũng rất vững chắc, và thậm chí còn hơn cả thành phố Calatu nữa và cũng ở lối vào vịnh Calatu. Những người dân của vùng này sinh sống bằng chà là và cá muối có rất nhiều; nhưng các vua chúa ăn những thứ ngon hơn.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ THÀNH PHỐ CORMOS ĐƯỢC NHẮC ĐẾN Ở TRÊN

Rời thành phố Calatu 300 dặm giữa phía Tây Bắc và hải cảng, chúng ta đến thành phố Cormos, đây là một thành phố lớn, sang trọng và nằm trên bờ biển. Họ có một vị vua cũng thần phục sultan Kerman. Nhiệt độ cao đến nỗi họ thiết lập trên mái nhà những ống thông để đón gió: bằng cách quay các ống thông gió về phía gió thổi đến, chúng khiến cho gió luôn xuống nhà để làm cho nhà được mát mẻ hơn, vì họ không thể chịu đựng nổi nhiệt độ quá lớn ở đây bằng cách nào khác.

Tôi sẽ không nói với các bạn điều gì khác nữa, bởi vì tôi đã nói ở trên về thành phố Cormos và xứ Kerman. Vì chúng tôi đã đi qua những lộ trình mới, chúng ta nên quay lui và chúng tôi sẽ nói về nước Đại Turquie. Nhưng trước hết, tôi sẽ nói với các bạn một chuyện mà chúng tôi đã quên kể. Khi rời khỏi thành phố Calatu được 500 dặm giữa phía Tây và phía Tây Bắc, chúng ta bắt gặp thành phố Quis, chúng tôi sẽ không nói đến nó lúc này, bởi vì chúng ta phải bỏ qua và trở về vấn đề của chúng ta, đó là nước Đại Turquie.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ XỨ ĐẠI TURQUIE

Trong nước Đại Turquie (Turkestan), có một vị vua tên là Caidu. Ông ta là cháu của Đại Hãn, vì ông là con trai của Ciagatai, em ruột của Đại Hãn. Ông cai trị nhiều thành phố và thị trấn, đồng thời còn là một vị đại lãnh chúa. Ông và thần dân của ông đều là người Tácta, những chiến binh cừ khôi và luôn luôn ra trận. Vị vua Caidu này không lúc nào sống hòa thuận với bác ông là Đại Hãn, và ông đã từng đánh những trận lớn chống lại quân đội của Đại Hãn. Mối bất hòa của họ xuất phát từ việc Caidu yêu cầu Đại Hãn chia phần sau những cuộc chinh phục do cha ông thực hiện, phần mà đáng ra ông phải được hưởng. Nhất là ông đòi chia phần tỉnh Catay và tỉnh Mangi. Đại Hãn nói ông muốn chia cho cháu phần thuộc về cháu, nhưng với điều kiện là những người cố vấn của Caidu phải dẫn ông đến triều đình với tư cách một con người chịu thần phục. Caidu, con người không tin tưởng vào ông bác bao nhiêu, tuyên bố ông sẽ không đi, nhưng sẽ tuân phục tất cả những mệnh lệnh của bác ông dù ở bất cứ đâu, vì ông sợ Đại Hãn tiêu diệt ông, điều này nhiều lần xảy ra.

Do đó hai bác cháu bất hòa, dẫn đến một cuộc chiến ác liệt với nhiều trận đánh lớn. Nên biết rằng, trong suốt năm, Đại Hãn cho các đội quân trú đóng quanh vương quốc của Caidu để ông này không gây thiệt hại nào cho lãnh thổ của Đại Hãn. Tuy nhiên, Caidu không từ bỏ ý định xâm nhập vào lãnh thổ của Đại Hãn để chống lại ông này.

Vua Caidu vĩ đại có quyền lực lớn đến nỗi ông có thể làm việc đó, vì ông có thể tổ chức một đội quân gồm 100 ngàn lính ngựa, tất cả đều gan dạ và được huấn luyện kỹ về đánh trận. Ông ta cũng có nhiều cận thần thuộc hoàng tộc, xuất thân từ Cinghis Khan, vị lãnh chúa đầu tiên đã chinh phục được một phần lớn thế giới, như tôi đã kể cho các bạn biết trong quyển sách này.

Nên biết rằng nước Đại Turquie nằm về phía Tây Bắc Corinos. Nó bắt đầu từ con sông Jon và chạy dài theo hướng Bắc cho đến tận vùng đất của Đại Hãn.

Chúng ta sẽ rời bỏ xứ này và tôi sẽ nói cho các bạn một vài trận đánh của vua Caidu chống lại quân đội của Đại Hãn.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ NHIỀU TRẬN ĐÁNH MÀ VUA CAIDU TIẾN HÀNH CHỐNG LẠI QUÂN ĐỘI CỦA ĐẠI HÃN, BÁC CỦA ÔNG

Vào năm Chúa Ki tô nhập thế 1266, vị vua Caidu này và một vị vua khác có tên là Jesudar, anh em họ với ông, tập hợp một số lớn quân lính, tạo thành một đội quân và đi tấn công hai vị quan cận thần của Đại Hãn, đồng thời là cháu của ông, vì họ là con trai của Gagatai, tín đồ Ki tô giáo và là em ruột của Cublay Khan vĩ đại. Một người tên là Tibai, người kia tên là Ciban. Caidu cùng với đội quân hơn 100 ngàn lính ngựa chiến đấu chống lại hai vị cận thần này; hai vị này cũng có một đội quân lớn gồm 60 ngàn lính ngựa. Một cuộc chiến tranh lớn nổ ra. Nhưng cuối cùng hai vị cận thần bị đánh bại, Caidu và thuộc hạ của ông đã toàn thắng. Rất nhiều lính tráng của cả hai phe đều bị giết. Nhưng hai anh em quan cận thần thoát chết nhờ những con ngựa giỏi. Vua Caidu quay về lãnh thổ của mình trong niềm vui to lớn và sống yên ổn trong hai năm và không gây ra bất cứ cuộc chiến nào chống lại Đại Hãn.

Sau hai năm, vua Caidu tập trung một đội quân lớn, đó là một khối lính ngựa rất lớn. Ông biết rằng con trai của Đại Hãn có tên là Nomagan đang ở Caracoron với Jeorge, con trai của vua Jean. Và hai vị quan này cũng có nhiều lính ngựa. Khi vua Caidu chuẩn bị sẵn sàng, ông liền lên đường kéo quân ra khỏi vương quốc. Sau nhiều ngày đi đường không gặp bất trắc nào, ông đến gần Caracoron, nơi mà con trai của Đại Hãn và con trai vua Jean đang chờ đợi với một đội quân lớn, vì họ đã hay tin Caidu đem quân đến tấn công họ, vì vậy họ chuẩn bị trong tư thế can đảm và không ngạc nhiên tí nào và vì họ có hơn 60 ngàn lính ngựa được trang bị tốt. Khi họ biết Vua Caidu và thuộc hạ của ông đến gần, họ tiến lên để đón đánh ông; họ tiến gần đến quân của Caidu chừng 10 dặm, cắm lều và đóng trại. Đối thủ của họ gồm hơn 60 ngàn lính ngựa đang dàn quân phía bên kia. Khi hai bên đã ở trong tư thế sẵn sàng, mỗi bên thiết lập sáu cánh quân. Mỗi bên đều được trang bị vũ khí tốt như gươm, chùy, thuấn, cung tên và những vũ khí riêng của họ. Trận trận xong, cả hai phe bắt đầu trỗi lên những hồi trống trận vang dội; vì theo phong tục, không bên nào tiến đánh khi trống trận chưa nổi lên. Trận đánh bắt đầu rất ác liệt, rất tàn khốc; họ xáp lá cà vào nhau. Cả hai phe đều có nhiều người chết, vì cuộc chiến bắt đầu trong sự bất hạnh; mặt đất đầy tràn những người chết và bị thương, ngay cả ngựa chiến cũng thế. Có những tiếng la hét đinh tai nhức óc và sự náo động át cả tiếng sấm sét của Thần linh. Vua Caidu đích thân lập nhiều

chiến công và cổ vũ tinh thần quân sĩ rất nhiều. Con trai của Đại Hãn và của vua Jean cũng không kém gì ông.

Nên biết rằng trận đánh này kéo dài lâu đến nỗi nó là một trong những cuộc chiến ác liệt nhất chưa từng xảy ra giữa những người Tácta. Mỗi phe đều cố gắng loại phe kia ra khỏi vòng chiến. Nhưng mọi sự đều uổng công và cuộc chiến kéo dài cho đến chiều tối nhưng cả hai phe đều bất phân thắng bại.

Khi cuộc chiến kéo dài đến lúc mặt trời tắt hẳn, mỗi bên mới cho lui quân và quay về lều trại của mình. Những người còn lành lặn mệt đừ đến nỗi không có người nào có thể giúp đỡ cho người khác. Có nhiều người bị thương ở cả hai phía, họ rên la đau đớn. Vì vậy, mỗi người chỉ còn bận tâm đến việc nghỉ ngơi hơn là đánh đấm. Và họ cứ rên như thế suốt cả đêm. Lúc rạng sáng, qua các gián điệp, vua Caidu hay tin Đại Hãn đang phái một cánh quân lớn đến tiếp viện cho con trai, ông tự nhủ ở lại sẽ là điều bất lợi cho mình, ông liền ra lệnh rút quân vào lúc rạng đông để quay về nước. Khi con trai của Đại Hãn và con trai của vua Jean thấy vua Caidu đưa toàn bộ quân đội tháo lui, họ liền để cho quân địch ra đi và không đuổi theo, bởi vì họ đã quá mệt mỏi; họ thoải mái nghỉ ngơi. Vua Caidu cùng với quân đội giục ngựa chạy trong nhiều ngày không dừng lại ở bất cứ nơi nào để trở về vương quốc của mình là nước Đại Turquie. Ông sống yên ổn ở Samarcand thật lâu mà không gây ra bất cứ cuộc chiến nào nữa (toàn bộ trận đánh này và những trận đánh tiếp theo dĩ nhiên là do nguồn cảm hứng của Rusta, nhà văn viết tiểu thuyết về các hiệp sĩ).

ĐIỀU ĐẠI HÃN NÓI VỀ TỖN THẤT DO CHÁU CỦA ÔNG LÀ CAIDU GÂY RA

Nên biết rằng Đại Hãn rất tức giận về điều mà Caidu, cháu ông, đã gây thiệt hại cho ông về người và đất đai; ông cho rằng, nếu Caidu không thuộc dòng máu của ông, dòng máu của hoàng tộc, điều đã cản trở ông, ông sẽ cho tiêu diệt y bằng bất cứ giá nào, y và lãnh thổ của y.

Bây giờ chúng tôi sẽ không nói về chuyện này nữa và tôi sẽ nói cho các bạn biết về sức mạnh của con gái vua Caidu.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ CON GÁI CỦA VUA CAIDU VÀ SỰ DŨNG CẢM CỦA CÔ

Vua Caidu có một cô con gái tên là Aigiaran, tiếng Tácta có nghĩa là trắng sáng. Tiểu thư này rất đẹp, rất khỏe và rất dũng cảm đến nỗi trong khắp vương quốc của bố cô, người ta không tìm được bất cứ người đàn ông nào có thể đánh thắng cô bằng vũ lực; cô mạnh hơn hẳn bất cứ người đàn ông nào trong bất kỳ cuộc đọ sức nào. Cha cô nhiều lần muốn cô lấy chồng, nhưng cô không muốn; cô nói rằng cô sẽ không bao giờ lấy chồng cho đến khi nào tìm được người đàn ông nào thắng cô trong cuộc đọ sức. Biết được ý định này, cha cô ban cho cô đặc ân có quyền, theo tục lệ, cưới người nào mà cô muốn và khi người đó làm cô hài lòng. Cô cao lớn và lực lưỡng, mạnh khỏe, chắc nịch đến nỗi trông cô giống như một cô nàng khổng lồ. Cô gởi đi nhiều thư cho từng nước thông báo chàng trai nào muốn đến đọ sức với cô thì cứ đến, nhưng với điều kiện, nếu cô chiến thắng cô sẽ có được 100 con ngựa, và nếu chàng trai nào thắng, người đó sẽ lấy cô làm vợ. Có nhiều chàng trai của các nhà quý tộc đến đọ sức với cô nhưng cô đã chiến thắng tất cả đến nỗi cô thu được hơn 10 ngàn con ngựa.

Vào năm Chúa Ki tô 1280, một lãnh chúa hào hoa, con trai của một vị vua giàu có và đầy thế lực đến thử sức; anh ta là một người dũng cảm, rất khỏe; anh đã nghe nói về cuộc đọ sức của vị tiểu thư này, anh liền đến tranh tài cao thấp với cô để nếu thắng, anh có thể cưới cô làm vợ theo như thỏa thuận. Anh ta rất muốn cưới cô vì cô là một vị tiểu thư rất đẹp, có phong cách cao quý, còn anh ta cũng rất đẹp, dũng cảm và tràn đầy sức lực; không có người nào trong vương quốc của bố anh có thể địch lại anh ta. Vì vậy anh ta đến và đem theo một ngàn con ngựa, để cô có thể nhận được đến một ngàn con ngựa nếu anh ta thua: đây là một cuộc cá độ rất lớn với hơn một ngàn con ngựa cùng một lúc, nhưng chàng trai rất tin tưởng vào sức lực của mình, đến nỗi anh ta nghĩ mình sẽ chiến thắng.

Vua Caidu và hoàng hậu, mẹ của cô tiểu thư mạnh khỏe, yêu cầu con gái nên để cho mình bị thua bằng bất cứ giá nào, vì họ cho rằng họ rất sung sướng, nếu như con gái họ trở thành vợ của chàng trai, bởi vì anh ta là người hào hoa, đồng thời là con trai của một vị vua nổi tiếng. Nhưng cô tiểu thư trả lời cô sẽ không để cho mình bị đánh bại bằng bất cứ giá nào, nhưng nếu anh ta thắng cô bằng vũ lực, cô sẽ trở thành vợ anh ta đúng theo thỏa hiệp, nếu không, thì không thể được.

Đến ngày đã ấn định, mọi người tập trung tại cung điện của vua Caidu. Vua và hoàng hậu đều có mặt. Khi mọi người tề tựu đông đủ để xem cuộc tranh tài, vị tiểu thư bước ra đầu tiên với một chiếc áo choàng ngoài bằng nhung, tiếp theo sau là chàng trai với chiếc áo chiến bằng vải dệt vàng và lụa trông rất đẹp. Theo thỏa thuận, nếu vị công tử có thể đánh ngã được cô gái xuống đất, anh ta sẽ cưới cô làm vợ; ngược lại, nếu công chúa đánh ngã vị công tử, thì anh ta sẽ mất một ngàn con ngựa.

Khi cả hai cùng xáp vào nhau, họ nắm lấy cánh tay nhau, và thời gian cứ kéo dài, nhưng người này không thể hạ được người kia. Nhưng cuối cùng cô nàng tiểu thư cũng vật được chàng trai xuống đất một cách oanh liệt. Khi thấy mình bị vật ngã dưới tay cô gái, anh ta rất hổ thẹn và ngượng ngùng; vừa đứng lên, anh ta không làm điều gì khác hơn là bỏ đi ngay sớm chùng nào hay chùng đó cùng với toàn bộ đoàn tùy tùng; anh ta quay về nước, xấu hổ và đau khổ về sự việc đã xảy ra; cậu đã bị thất bại dưới tay một cô tiểu thư, con người mà không một người đàn ông nào có thể địch lại được. Cậu đành bỏ lại một ngàn con ngựa mà cậu đã đưa đến.

Về phần nhà vua Caidu, ông ta và vợ rất tức giận, vì họ mong muốn chàng công tử sẽ thắng được cô con gái của họ; mỗi người đều muốn có được chàng trai làm con rể, bởi vì chàng được xem là người giàu có cũng như đẹp trai, khỏe mạnh, can đảm và có duyên nữa.

Sau sự kiện này, bố cô không đi đánh trận nào mà không mang cô đi theo. Ông sẵn lòng dẫn cô đi theo, bởi vì không có bất cứ kỳ sĩ nào đi theo ông lại lập được nhiều chiến công như cô con gái của ông. Đôi lúc cô rời khỏi quân đội của bố cô, đột nhập vào quân thù, rồi dùng vũ lực tóm lấy một tên lính thật nhẹ nhàng như chim và mang về cho bố cô.

Chúng tôi sẽ bỏ qua sự kiện này và kể với các bạn một trận đánh ác liệt giữa vua Caidu và Argon, con trai của Abaga, vua xứ Levant của những người Tácta.

ABAGA PHÁI CON TRAI ĐI ĐÁNH VUA CAIDU NHƯ THẾ NÀO?

Abaga, vua xứ Levant, cai quản nhiều tỉnh và đất đai, đang cầu kết với vua Caidu. Điều đó xảy ra gần cây Đon độc, trong sách của Alexandre gọi là Cây khô. Tôi sẽ nói về nó ở phần sau. Để khỏi bị thiệt hại về tài sản, Abaga sai con trai Argon cùng với một lực lượng lớn lính ngựa đến đóng tại Cây khô.

Vua Caidu tập hợp một lực lượng lớn và đặt làm tướng chỉ huy một người em trai có tên là Barac, một người dũng cảm và khôn ngoan để chống lại vua Argon. Barac dẫn quân lên đường. Trải qua bao dặm đường, ông đến tận sông Jon và đóng quân cách Argon 10 dặm. Khi Argon hay tin Barac đem quân đến tấn công ông, ông sẵn sàng đưa quân đến dựng lều hạ trại đối diện với y. Khi hai bên dàn trận xong, các trống trận bắt đầu vang lên và cuộc chiến mở đầu ngay tức khắc. Mưa tên bắn qua bắn lại tràn ngập trên không. Bên này cũng như bên kia đều có nhiều người chết, người và ngựa nằm la liệt trên mặt đất. Trận đánh càng kéo dài bao nhiêu thì quân của Barac càng bị quân lính của Argon đánh bại bấy nhiêu. Họ rút lui qua sông, nhưng Argon và quân của ông tha hồ chém giết và tàn sát những người chạy trốn. Trận đánh kết thúc với sự toàn thắng của Argon và sự thất bại nặng nề của Barac; ông này trốn thoát được nhờ sức mạnh của con ngựa giỏi phi nhanh mang ông đi.

Vì tôi đã nói đến Argon; chúng ta sẽ không nói đến Caidu và em trai ông là Barac và sẽ nói về Argon, về việc ông ta làm từ đây về sau và ông đã trở thành lãnh chúa sau cái chết của bố ông như thế nào.

ARGON NẮM QUYỀN CẠI TRỊ NHƯ THẾ NÀO?

Khi Argon đánh thắng Barac, em của Caidu trong cuộc chiến vừa qua, không bao lâu, ông hay tin bố ông là Abaga đã qua đời, nên ông rất đau buồn. Ông tập hợp quân đội và lên đường trở về để nắm lấy quyền lãnh đạo đương nhiên thuộc về ông, nhưng ông phải đi mất tới 40 ngày mới đạt được ý nguyện.

Ông có một người chú tên là Acomat Soudan, vì ông đã trở thành người Sarrasin. Khi y biết tin anh trai mình là Abaga đã chết, và cháu y là Argon đang còn ở rất xa, y nghĩ mình có thể trở thành lãnh chúa. Y dẫn một số đông thuộc hạ đến triều đình của Abaga, anh trai y, để nắm lấy quyền lãnh đạo. Y tìm thấy một kho báu rất lớn; y phân chia nó cho các thuộc hạ và quân lính để lấy lòng họ. Khi các thuộc hạ và quân lính thấy họ đã nhận được rất nhiều ân huệ từ nơi y, mỗi người đều cho rằng y là vị lãnh chúa tốt lành, họ yêu mến y và tự nhủ họ không muốn có một lãnh chúa nào khác ngoài Acomat Soudan. Nhưng ông này còn làm một điều xấu xa khiến mọi người chê trách, vì ông lấy tất cả các bà vợ của người anh trai mình là Abaga để làm vợ của ông.

Sau khi nắm quyền lãnh đạo không bao lâu, ông hay tin cháu ông, Argon đang dẫn một đội quân lớn quay về. Không chần chừ, ông liền tập trung các thuộc hạ và toàn bộ binh lính. Trong

một tuần, ông thành lập một lực lượng lính ngựa rất lớn để đi tấn công Argon. Ông ra trận một cách thông dong như một người đang nắm chắc phần thắng trong tay và không chút nao núng.

ACOMAT CÙNG VỚI QUÂN ĐỘI CỦA ÔNG ĐÁNH BẠI ARGON NHƯ THẾ NÀO?

Khi Acomat điều động đến 60 ngàn lính ngựa xong, ông liền ra lệnh xuất quân; họ cưỡi ngựa đi trong 10 ngày và biết tin quân địch đang đến gần họ và đồng thời cũng có quân số bằng họ. Vì vậy, Acomat cho đóng trại trong một cánh đồng rất rộng và rất đẹp; họ chờ quân Argon đến để tấn công. Khi quân đội của ông đã sẵn sàng, ông cho tập hợp các tướng chỉ huy, các kỵ sĩ để thảo luận với họ với tư cách là một người đầy mưu mô. Ông muốn thăm dò bụng dạ và ý muốn của từng người. Ông bắt đầu phủ dụ như sau:

- Hỡi các khanh, ông nói, các khanh biết rõ vì sao ta phải trở thành vị lãnh chúa của tất cả những gì mà Abaga, anh trai của ta cai quản, bởi vì ta là con trai của người bố đã sinh ra ông ấy, bởi vì ta luôn luôn giúp đỡ ông ấy chinh phục những lãnh thổ và những tỉnh mà chúng ta đang cai trị. Argon đúng là con trai của Abaga, anh trai ta, và có người muốn nói rằng quyền lãnh đạo phải thuộc về nó. Hãy cảnh giác và bảo vệ ân huệ của tất cả những người nào muốn nói như thế, ta cho rằng điều này sẽ không hợp lý và chính đáng, bởi vì nếu bố ông cai trị vương quốc suốt đời như các khanh nghe nói, điều hợp lý là ta cũng phải cai trị suốt đời, từ khi ông ta mất. Đúng là phải như thế, ta yêu cầu các khanh phải bảo vệ quyền lợi của chúng ta để vương quốc và quyền lãnh đạo vẫn luôn dành cho tất cả chúng ta. Ta nói với các khanh điều này, ta chỉ muốn có danh dự và tiếng tăm, còn các khanh, các khanh sẽ có được vinh dự, quyền lợi, tài sản và quyền lãnh đạo trên toàn bộ các tỉnh và đất đai của chúng ta. Ta sẽ không nói với các khanh điều gì khác, vì ta biết rõ các khanh là những người khôn ngoan và dũng cảm, các khanh yêu chuộng luật pháp, và điều các khanh sẽ làm là điều vinh dự và tốt lành đối với tất cả chúng ta.

Ông liền im tiếng và không nói gì thêm nữa. Sau khi lắng nghe xong, họ cùng nhau trả lời họ sẽ luôn trung thành với ông cho đến khi nào họ vẫn còn sống, và họ sẽ sát cánh với ông để chống lại tất cả mọi người. Đặc biệt là Argon và ông đừng bao giờ nghi ngờ việc họ sẽ bắt được Argon đã chết hoặc còn sống để giao lại tận tay ông.

Vậy là chúng ta hãy bỏ qua chuyện của Acomat và quân đội của ông và chúng tôi sẽ nói với các bạn về Argon và quân đội của ông.

ARGON HIỆU TRIỆU QUÂN LÍNH CỦA MÌNH TIẾN ĐÁNH ACOMAT NHƯ THẾ NÀO?

Khi Argon biết chắc chắn Acomat đang chờ ông trong trại với nhiều quân lính, ông rất tức giận. Nhưng ông không sợ, bởi vì ông không muốn tỏ ra cho những người của ông thấy ông đang lo sợ, điều này có thể gây ra bất lợi cho ông. Ông không giả vờ tí nào, nhưng để động viên quân lính của mình trong vai trò của một người khôn khéo, ông tỏ ra không mấy may lo sợ. Ông cho tập hợp tất cả các cận thần và các nhà hiền triết. Khi họ tập hợp đông đảo trước căn lều của ông, vì họ dựng trại ở tại một nơi rất đẹp. Argon phủ dụ họ như sau đây:

- Hỡi các anh em và bạn hữu, ông lên tiếng, các anh em đã biết cha tôi đã yêu mến anh em như thế nào; bao lâu khi người còn sống, người đã xem các bạn như những người anh em và con trai; các bạn biết xưa kia các bạn đã từng sát cánh bên ông như thế nào trong nhiều trận đánh lớn, các bạn đã giúp ông chinh phục toàn bộ lãnh thổ và ông đã cai trị nó như thế nào; các anh em đã từng biết tôi là con trai của người đã từng yêu mến anh em biết bao và tôi cũng yêu anh em cũng như chính tôi. Vì điều tôi nói với các anh em đều là sự thật, điều đúng đắn và hợp lý là các anh em nên giúp tôi chống lại con người không biết lẽ phải và muốn gây thiệt hại cho chúng ta và đã truất quyền thừa kế đất đai của chúng tôi. Các anh em còn phải biết rằng hắn không theo tín ngưỡng của chúng ta mà còn chối bỏ nó; hắn đã trở thành người Sarrasin và tôn thờ Mahomet. Vậy các anh em hãy xem một người Sarrasin có xứng đáng nắm quyền cai trị trên những người Tácta hay không. Vậy hỡi các anh em và các bạn hữu, tất cả những nguyên nhân này cũng đủ để chúng ta thêm can đảm và ao ước phải làm điều nên làm, tôi cầu mong cho mọi người trở thành những người can đảm và chiến đấu một cách gan dạ để chúng ta thắng trận, vì có lẽ chúng ta phải cần kẻ thù chúng ta mắc sai lầm. Vậy tôi sẽ không nói với các bạn về vấn đề này nữa, nhưng tôi cầu mong mọi người hoàn thành thật tốt nhiệm vụ.

Ông im lặng và không nói thêm điều gì nữa.

CÁC THUỘC HẠ TRẢ LỜI ARGON NHƯ THẾ NÀO?

Khi các thuộc hạ hiện diện nghe những lời Argon nói một cách khôn khéo, mọi người đều tự nhủ rằng họ muốn chết hơn là không làm tất cả những gì để chiến thắng trong trận đánh. Trong khi mọi người vẫn còn im lặng và câm như hến, một vị quan đứng lên nói:

- Thừa điện hạ, chúng thần biết rõ rằng tất cả những gì điện hạ nói đều là chân thật. Nhân danh tất cả mọi người đang sẵn sàng ra trận, chúng thần sẽ không từ bỏ điện hạ khi nào chúng thần còn sống, chúng thần thà chết còn hơn là không thắng trận. Chúng thần tin chắc vào cuộc thắng lợi, vì chúng ta có lẽ phải, còn họ đã làm chuyện sai trái hoàn toàn. Vì vậy chúng thần khuyên điện hạ nên đi tìm kẻ thù của chúng ta sớm được chừng nào hay chừng nấy. Chúng thần yêu cầu tất cả các bạn lập nên những chiến công để cho mọi người luôn nhắc đến.

Con người dũng cảm này im lặng và không nói thêm gì nữa. Sau ông ta, không ai muốn nói thêm điều gì khác, nhưng tất cả đều đồng lòng với ông và không muốn thứ gì khác hơn là đi tấn công kẻ thù. Ngày hôm sau, Argon và quân lính của ông thức dậy từ sáng sớm và hăm hở ra trận quyết tâm tiêu diệt quân thù. Họ tiến đến cánh đồng nơi kẻ thù đang chờ đợi họ. Họ đóng trại cách trại Acomat 10 dặm. Sau đó, Argon gọi hai trong số các thuộc hạ mà ông hết sức tin tưởng và phái họ đến với ông chủ để nói lại những lời mà các bạn sẽ nghe sau đây:

ARGON SAI CÁC SỨ GIẢ ĐẾN VỚI ACOMAT NHƯ THẾ NÀO?

Khi hai người thuộc hạ khôn ngoan khá luống tuổi nhận lệnh và chào tạm biệt Argon, họ không chờ đợi lâu và cưỡi ngựa lên đường. Họ đi thẳng đến trại của Acomat và dừng trước lều của ông này, họ bắt gặp ông ta cùng với một đoàn thuộc hạ rất đông. Họ rất quen biết Acomat và Acomat cũng nhận ra họ. Họ chào ông ta một cách lịch sự và hớn hở ra mặt. Acomat nói rằng họ là những khách quý, ông mời họ ngồi xuống trước mặt ông trong lều. Sau một lúc, một trong hai vị sứ giả đứng lên và nói những lời như sau:

- Thừa điện hạ Acomat, cháu Argon của điện hạ hết sức kinh ngạc về điều mà điện hạ đang làm, điện hạ đã giành lấy quyền cai trị của cháu điện hạ và đi tấn công người trong một trận đánh một mất một còn. Đó là chuyện không mấy tốt đẹp, điện hạ đã không làm như một người chú tốt

phải làm cho cháu của mình. Vì vậy, qua chúng thần, người yêu cầu điện hạ nên từ bỏ ý định trên, và cuộc chiến cũng như những sự dữ sẽ không xảy ra giữa hai người. Người cho biết rằng người xem điện hạ như một lãnh chúa và như một người cha, điện hạ là lãnh chúa của toàn thể đất đai của người. Đó là điều mà cháu của điện hạ cầu xin.

Thế là ông ta im lặng và không nói thêm gì nữa.

ACOMAT TRẢ LỜI CHO CÁC SỨ GIẢ CỦA ARGON NHƯ THẾ NÀO?

Khi Acomat Soudan nghe những lời mà cháu ông yêu cầu ông qua các sứ giả, ông trả lời như sau:

- Hỡi các sứ giả, cháu ta nói những điều thật ngu ngốc, vì đất đai thuộc về ta chứ không thuộc về nó: ta đã chiếm lấy đất đai cùng với cha nó, vì vậy các ngươi hãy nói với cháu ta rằng, nếu nó muốn, ta sẽ phong cho nó làm một vị đại hoàng thân và sẽ ban cho nó nhiều đất đai. Nó sẽ được coi như con trai của ta và là vị đại thần cao nhất sau ta. Nhưng nếu nó không muốn, chắc chắn là ta sẽ làm hết khả năng để đưa nó đến chỗ chết. Đó là điều ta muốn làm cho cháu ta, và không có chuyện gì khác và các khanh sẽ không nhận được bất cứ thứ gì khác từ nơi ta.

Sau những lời này, Acomat không nói thêm điều gì nữa. Khi các sứ giả nghe những lời nhà vua nói, họ nói với ông:

- Điện hạ không nói gì khác với điều điện hạ đã nói hay sao?
- Không, ta sẽ không nói điều gì khác trong lúc ta còn sống.

Nghe xong, các sứ giả liền chào tạm biệt ông và lên đường quay về trại của vua Argon, họ xuống ngựa, bước vào lều và thuật lại cho nhà vua nghe những lời chú của vua đã nói với họ. Khi vua Argon nghe được những điều chú ông nói, ông nổi cơn thịnh nộ rồi nói to đến nỗi mọi người xung quanh đều nghe:

- Ta sẽ không bao giờ muốn sống và cai quản đất đai, nếu ta không ra tay báo thù cho mọi người thấy vì điều quá sai trái và quá xấu xa của chú ta đối với ta.

Sau những lời này, ông nói với các quan cận thần và các kỵ sĩ như sau:

- Vậy là không còn chần chừ gì nữa, nhưng chúng ta sẽ lên đường càng sớm càng tốt để xử phạt những kẻ phản bội và bất trung đó. Ta muốn sáng mai, chúng ta sẽ tấn công và lấy quyền tiêu diệt họ.

Suốt đêm, mọi người chuẩn bị điều cần phải làm dành cho một cuộc chiến. Acomat Soudan biết qua các gián điệp là Argon có thể ra trận vào buổi sáng, nên ông cũng chuẩn bị một cách chu đáo và khích lệ quân lính của ông hoàn thành tốt nhiệm vụ và trở nên những người dũng cảm.

ĐÂY LÀ TRẬN ĐÁNH XẢY RA GIỮA ARGON VÀ ACOMAT

Ngày hôm sau, Argon cùng toàn bộ quân lính của ông cầm lấy vũ khí. Ông bày binh bố trận cho họ một cách tài tình và khôn khéo. Ông khích lệ họ thi hành tốt nhiệm vụ. Khi ông đã sắp xếp mọi việc đâu ra đó, quân lính lên đường tiến về phía quân thù. Vua Acomat thực hiện một kế hoạch khác hẳn; sau khi trang bị và bố trí xong quân lính, ông không ngồi chờ cho Argon đến tận doanh trại của mình, ông cho quân lính ra trận một cách khôn ngoan. Không bao lâu, họ gặp được quân của Argon. Khi cả hai đội quân ở thế mặt đối mặt, họ không chút chần chừ nhưng xông thẳng vào nhau vì họ rất muốn chiến đấu. Người ta có thể thấy bay tủa lên những mũi tên dày đặc, trông như một trận mưa tên từ trời đang trút xuống. Trận đánh bắt đầu diễn ra ác liệt và tàn khốc. Người ta có thể nhìn thấy các kỵ sĩ ngã quỵ xuống đất; người ta có thể nghe thấy tiếng la hét, tiếng rên rỉ, tiếng khóc lóc của những tên lính ngã xuống đất rồi chết. Sau khi đã bắn đi tất cả các mũi tên, họ nắm lấy gươm và giáo trên tay rồi tấn công vào nhau một cách ác liệt. Họ chém nhau bằng những nhát gươm sắc bén. Người ta có thể thấy chúng cắt rời những bàn tay, cánh tay, thân mình và đầu. Những tiếng la hét và tiếng ồn đinh tai nhức óc đến nỗi át cả tiếng sấm rền. Các bạn nên biết rằng trận đánh này đã khởi đầu trong nỗi bất hạnh từ cả hai phía; nhiều người dũng cảm đã chết trên chiến trường này, nhiều người vợ sẽ luôn luôn buồn phiền và khóc lóc cho chồng của họ. Vì sao tôi phải dài dòng với các bạn như thế? Argon đã chiến đấu rất cừ vào ngày hôm đó, ông tỏ ra can đảm và làm gương sáng cho quân lính của ông. Nhưng những điều đó chẳng giúp cho ông được gì, vì không gặp may và số phận không mỉm cười với ông, nên ông đã phải thất bại ê chề; quân lính của ông không còn khả năng chiến đấu nữa, họ quay đầu chạy trốn để thoát thân được chừng nào hay chừng đó. Acomat và quân lính của ông truy đuổi theo quân địch, họ mặc sức chém giết và gây tổn thất rất lớn cho quân địch. Argon bị bắt trong

cuộc truy đuổi này. Vừa bắt được Argon, quân địch liền dừng cuộc truy kích và quay về doanh trại trong niềm vui khôn tả. Acomat là một con người rất dâm dăng, ông muốn đi thỏa mãn với nhiều bà vợ xinh đẹp của ông. Ông để lại một vị quan đại thần thống lĩnh quân đội và canh giữ Argon. Ông ra lệnh cho vị tướng này canh giữ Argon thật kỹ y như đó là thân xác của chính ông và cho biết ông sẽ quay về triều trong một thời gian ngắn để sắp xếp hậu cung của ông. Vị đại thần nói mệnh lệnh của ông sẽ được thực hiện ngay tức khắc. Acomat lên đường trở về triều đình cùng với một đoàn tùy tùng đông đảo. Thế là vua Acomat rời khỏi quân đội và để lại một vị đại thần chỉ huy quân đội như tôi đã kể cho các bạn. Argon bị bắt và bị xiềng, ông tỏ ra đau khổ muốn chết đi được.

ARGON BỊ BẮT VÀ ĐƯỢC GIẢI THOÁT NHƯ THẾ NÀO?

Một vị quan đại thần Tácta luống tuổi tỏ ra rất thương hại Argon, ông trộm nghĩ rằng người ta đã làm điều tồi tệ và bất trung, khi bắt giam lãnh chúa của họ. Ông tự nhủ sẽ làm hết sức mình để giải thoát Argon. Không chần chừ, ông đi đến những vị cận thần khác và cho họ biết, họ đã làm chuyện xấu xa khi giam giữ vị lãnh chúa của họ, nên điều tốt nhất là họ phải giải thoát cho ông và đưa ông lên làm lãnh chúa hợp theo lẽ phải. Khi các vị cận thần khác nghe những lời vị quan lớn tuổi trình bày, họ cũng biết rõ ông là một trong những người khôn ngoan và công nhận điều ông nói là đúng, tất cả đều đồng ý với ông và cho biết họ cũng muốn như thế. Khi mọi người thống nhất với nhau, Baga, vị quan đã nêu vấn đề trước tiên, Elcidai, Togan, Tegana, Taga, Tiar Oulatai và Samagar, tất cả đều đi đến lều giam giữ Argon. Đến nơi, Baga, vị niên trưởng, người chỉ đạo âm mưu này, cất tiếng nói như sau:

- Thừa diện hạ Argon, Chúng thần công nhận rằng chúng thần đã làm điều sai trái khi bắt giam điện hạ; vì vậy chúng thần thông báo cho điện hạ biết rằng, chúng thần muốn quay về với lẽ phải; do đó, chúng thần muốn giải thoát cho điện hạ và điện hạ sẽ là lãnh chúa của chúng thần theo đúng luật pháp.

Baga lại im lặng và không nói thêm điều gì nữa.

ARGON NẮM QUYỀN LÃNH CHÚA NHƯ THỂ NÀO?

Khi Argon đã nghe những điều Baga nói, ông nghĩ rằng đó chỉ là những lời chế nhạo mình, ông trả lời, trong lòng tức giận và đau khổ.

- Thưa ngài, ngài đã làm một tội tày đình là chế nhạo ta, có lẽ ngài đã hài lòng vì đã gây tổn thất lớn cho ta đến nỗi bắt giam ta, trong khi đúng ra ngài phải xem ta là lãnh chúa. Chắc chắn là ngài phải biết rõ ngài đang làm một chuyện xấu xa và tày đình, vì thế ta yêu cầu ngài phải đi theo con đường chính trực và đừng chế nhạo ta.

- Thưa điện hạ Argon, Baga đáp, điện hạ nên biết rằng chúng thần không chế nhạo điện hạ một chút nào, nhưng đây là một việc chắc chắn, và chúng thần đều tuyên thệ trên đức tin của chúng thần.

Tất cả các quan cận thần đều tuyên thệ sẽ nhìn nhận Argon là lãnh chúa. Argon cũng thề sẽ không để tâm thù oán họ vì họ đã bắt giam ông và ông sẽ xem họ là bạn hữu như cha ông là Abaga đã từng làm. Sau những lời thề thốt này, Argon liền được giải thoát và mọi người đều nhìn nhận ông là lãnh chúa của họ. Argon liền ra lệnh bắn tên vào trong lều của vị quan đã giam giữ ông và là người chỉ huy quân đội cho đến khi vị quan này bị giết chết. Theo lệnh truyền, hàng vạn mũi tên được bắn vào trong lều, vị quan sai bị giết. Khi mọi việc hoàn tất, Argon lên nắm lấy quyền lãnh chúa, với tư cách này, ông ra lệnh mọi người phải theo ý muốn của ông và mọi người đều răm rắp tuân phục. Nên biết rằng con người mà chúng ta gọi là vị quan sai đã bị giết, ông có tên là Soldam và là vị chỉ huy cao nhất sau Acomat. Bằng cách này, Argon đã đoạt lại quyền lãnh chúa như các bạn đã nghe.

ARGON RA LỆNH GIẾT ACOMAT, CHỦ CỦA ÔNG, NHƯ THỂ NÀO?

Khi Argon thấy mình trở thành lãnh chúa của tất cả mọi người, ông hạ lệnh đưa quân về triều. Một ngày kia, Acomat đang ở trong biệt điện của triều đình và đang khoản đãi yến tiệc, một vị sứ giả đến nói với ông như sau:

- Thừa điện hạ, thần mang đến cho điện hạ những tin tức đây, đây không phải những tin mà thần muốn, nhưng những tin tức cực kỳ xấu. Điện hạ nên biết rằng các quan cận thần đã giải thoát cho Argon và xem ông là lãnh chúa của họ. Họ đã giết chết Soldam, người bạn thân của chúng ta. Họ sẽ đến đây rất nhanh để bắt và giết điện hạ, do đó, điện hạ hãy làm điều mà điện hạ cho là tốt nhất.

Vị sứ giả im lặng và không nói thêm gì nữa. Khi Acomat nghe những lời của thuộc hạ nói, của người mà ông biết là hết sức trung thành, ông tỏ ra rất lo sợ, rất kinh hãi đến mức không biết phải làm gì hoặc nói gì; nhưng nhanh chóng bình tâm lại với tư cách là một con người gan dạ và dũng cảm, ông liền nói với người mang tin đến cho ông là ông không dám coi mình như là một người còn sống. Người thuộc hạ nói là sẽ tuân theo mệnh lệnh của ông. Acomat liền thót lên ngựa và cùng với những người đáng tin cậy nhất, ông bắt đầu chạy đến với quốc vương Hồi giáo Babylonie; ông tin mình sẽ bảo toàn được mạng sống, vì không ai biết ông đi đâu, ngoại trừ những người ở bên cạnh ông. Sau khi cưỡi ngựa đi mất sáu ngày đường, ông đến một hẻm vực rất hiểm trở, người lính gác hẻm vực nhận ra Acomat đang trên đường chạy trốn. Y tự nhủ sẽ bắt giữ ông ta, điều này y có thể làm được một cách dễ dàng, vì Acomat không còn lại bao nhiêu thuộc hạ. Mọi việc đều diễn ra y như người lính gác trù tính, vì y chặn bắt Acomat ngay. Acomat xin y gia ơn để cho ông ra đi và ông sẽ biếu cho y một món tiền lớn. Người lính gác, con người rất yêu mến Argon, nói rằng tất cả những thứ đó không có ý nghĩa gì, y không cần tất cả các kho báu trên đời, chỉ cần y nộp Acomat vào tay Argon, vị lãnh chúa của y. Người lính gác hẻm vực không chần chừ, ông điệu Acomat đến triều đình, đồng thời canh giữ ông ta rất nghiêm ngặt khiến ông không thể trốn thoát được. Họ cưỡi ngựa đi suốt không nghỉ cho đến tận triều đình, ở đó họ gặp được Argon. Nhà vua chỉ mới đến đây được ba ngày và đang rất tức giận về chuyện Acomat bỏ trốn.

CÁC QUAN CẬN THẦN TỎ LÒNG KÍNH TRỌNG ARGON NHƯ THẾ NÀO?

Khi người lính canh hẻm vực điệu Acomat đến trước mặt vua Argon, ông ta hết sức vui mừng và nói với chú rằng y là kẻ không mời mà đến và ông sẽ làm điều thuận theo ý trời. Ông liền ra lệnh đưa y đi cho khuất mắt, và không cần hỏi ý kiến ai khác, ông hạ lệnh giết và tiêu hủy xác

Acomat. Người nhận lệnh của Argon liền tóm lấy Acomat và đưa y đến nơi mà mọi người sẽ không còn nhìn thấy y nữa, vì y bị giết và tiêu hủy xác.

Câu chuyện của Argon và của chú ông là Acomat đã kết thúc như thế đó.

ARGON NẮM LẤY QUYỀN LÃNH CHÚA VÀ MẤT NHƯ THẾ NÀO?

Khi Argon đã thực hiện tất cả những việc mà các bạn đã nghe, ông ở tại cung điện lớn và nắm lấy quyền lãnh chúa. Từ khắp nơi, các quan cận thần đã từng từng phục bố ông đều đến để tỏ lòng tôn kính ông, như họ phải làm điều này đối với vị lãnh chúa của họ, và tất cả mọi người đều tuân phục ông như họ phải làm. Khi nắm quyền lãnh chúa, Argon phái con trai ông là Casan chỉ huy 30 ngàn lính ngựa đến Cây Khô để canh phòng bảo vệ lãnh thổ và dân cư. Argon đã giành lại quyền lãnh chúa theo cách mà các bạn đã nghe.

Nên biết rằng trong năm Chúa Ki tô Nhập thế 1286, Argon đoạt lại quyền lãnh chúa; Acomat chỉ nắm giữ quyền lực trong hai năm; Argon cai trị được sáu năm, và sáu năm sau đó, ông chết vì bệnh hoặc theo lời đồn, ông chết vì bị đánh thuốc độc.

QUIACATU NẮM QUYỀN LÃNH CHÚA SAU CÁI CHẾT CỦA ARGON NHƯ THẾ NÀO?

Khi Argon mất, một trong số những người chú, em ruột Abaga, bố Argon, có tên là Quiacatu nắm lấy quyền lãnh chúa; ngay sau khi Argon mất, y có thể làm việc này thật dễ dàng bởi vì Casan đang ở tận nơi Cây khô. Thật ra Casan đã biết cha ông ta đã mất và Quiacatu đã chiếm đoạt quyền lãnh chúa như thế nào. Ông rất tức giận về cái chết của cha ông, và tức giận hơn nữa về việc em trai của cha đã chiếm đoạt lấy quyền hành. Ông không thể rời khỏi nơi đang đóng quân, vì kẻ thù đang ở ngay phía trước mặt, nhưng ông nói sẽ lên đường vào thời gian thích hợp để trả thù giống như cha ông đã trả thù Acomat. Quiacatu nắm lấy tất cả mọi quyền hành và tất cả đều phục tùng ông, trừ những người đang ở với Casan. Y còn chiếm đoạt vợ của Argon, cháu ông, và lấy bà làm vợ. Ông ta tận hưởng lạc thú cùng với các phụ nữ, vì ông là một người dâm đãng. Quiacatu nắm giữ quyền lực trong hai năm, ông mất vì bị đầu độc do thức uống hai năm sau đó.

BAIDU NẮM LẤY QUYỀN HÀNH SAU CÁI CHẾT CỦA QUIACATU NHƯ THẾ NÀO?

Khi Quiacatu mất, chú ông là Baidu, một người Ki tô giáo nắm lấy quyền lực, việc này xảy ra vào năm Chúa Ki tô Nhập thế 1294. Baidu nắm lấy quyền lãnh chúa và mọi người đều tuân phục ông, ngoại trừ Casan và quân đội của ông ta. Khi Casan hay tin Quiacatu đã chết và Baidu lên nắm lấy quyền hành, ông tỏ ra rất tức giận. Nếu ông không thể trả thù Quiacatu, ông tuyên bố rằng ông sẽ trả thù Baidu đến mức mọi người sẽ nhắc đến điều đó. Ông tự nhủ rằng từ đây về sau, ông không muốn ở lại vị trí cũ, nhưng sẽ đem quân tấn công tiêu diệt Baidu. Ông tập trung toàn bộ quân lính và lên đường quay về giành lấy quyền cai trị; khi Baidu biết chắc chắn Casan sẽ tấn công ông, ông liền tập hợp một lực lượng lớn và đi mất 10 ngày đường để gặp Casan. Ông hạ trại và chờ cho Casan cùng thuộc hạ đến để tiến đánh, đồng thời ông cũng yêu cầu và động viên quân lính chiến đấu.

Baidu đến chưa đầy hai ngày, thì Casan và quân đội của ông cũng đến. Ngay khi ông ta vừa đến, cuộc chiến nổ ra rất khốc liệt và tàn bạo, nhưng trận đánh chống lại Casan không thể kéo dài, vì vừa khi trận đánh mở màn, nhiều quân lính thuộc phe Baidu lại theo phe Casan và chiến đấu chống lại Baidu, khiến ông ta bị đánh bại, thậm chí ông ta còn bị giết chết. Casan toàn thắng và trở thành lãnh chúa của mọi người. Vì khi thắng trận, ông liền quay về triều đình và nắm lấy mọi quyền hành; tất cả các quan cận thần đều tỏ lòng tôn kính và vâng phục ông như một lãnh chúa. Casan bắt đầu cai trị và nắm quyền lãnh chúa vào năm Chúa Ki tô Nhập thế 1294.

Toàn bộ câu chuyện từ Abaga đến Casan đã diễn ra như các bạn đã nghe. Nên biết rằng Alau, người đã chiến thắng Baudac, anh của Đại Hãn Cublay, là thủ lĩnh của tất cả những người mà tôi đã nêu trên đây: vì ông là cha của Abaga, Abaga là cha của Argon, Argon là cha của Casan, vị vua đang cai trị hiện nay. Vì chúng tôi đã nói với các bạn về những người Tácta xứ Levant, chúng tôi sẽ bỏ qua những chuyện đó và sẽ nói về nước Đại Turquie; thật ra chúng tôi đã nói về xứ này cũng như hoàn cảnh mà Baidu trở thành vua; vì vậy chúng tôi không có gì để nói thêm. Chúng ta sẽ lên đường và sẽ nói đến những tỉnh và những dân cư sống ở về phía Bắc.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ VUA CANCI Ở PHÍA BẮC

Các bạn nên biết rằng ở phía Bắc (đó là phía Bắc nước Nga và Bắc Sibêri), có một vị vua có tên là Canci. Ông là người Tácta và tất cả thần dân của ông cũng thế. Họ tuân giữ luật Tácta chính thống, lễ luật này rất man rợ, nhưng họ tuân giữ nó như Genghis Khan và những người kế vị đã làm. Tôi sẽ cho các bạn biết một vài điều.

Họ có một vị thần dạ phốt gọi là Natigai và gán cho thần một bà vợ. Cả hai vị thần này, Natigai và vợ thần, theo họ, đó là những thần đất chuyên lo các gia súc, lúa mì và tất cả của cải vật chất của họ. Họ tôn thờ các thần, và khi họ dùng một món ngon nào, họ thoa thức ăn đó lên miệng các vị thần. Họ sống như những súc vật. Nhà vua không thần phục bất cứ ai; mặc dù ông thuộc dòng dõi của Genghis Khan, dòng dõi hoàng tộc và bà con gần với Đại Hãn. Vị vua này không có các thành phố hoặc lâu đài; dân chúng luôn sông trong các đồng bằng, các thung lũng và các dãy núi lớn. Họ sống bằng nghề nuôi gia súc lấy thịt sữa. Họ không có lúa mì. Vua có nhiều thần dân, nhưng ông không gây chiến với bất cứ ai và cai trị đất nước trong hòa bình. Người dân nuôi nhiều gia súc như lạc đà, ngựa, bò, cừu và các loại súc vật khác, ở đây còn có nhiều gấu trắng rất lớn, dài hơn 20 lòng bàn tay (20x8cm). Những con cáo ở đây to lớn, màu đen tuyền, ngoài ra còn có những con lừa hoang, chồn zibeline, những loại chồn cung cấp cho họ những bộ áo lông đắt tiền, giá cả ngàn đồng Byzance một bộ. Họ còn có nhiều loại sóc xám bạc và nhiều chồn đen, họ săn bắn chúng suốt cả mùa hè, vì chúng rất to. Họ có nhiều thú hoang vì họ ở trong những nơi hoang vắng ít có người lai vãng.

Cũng nên biết rằng, vùng đất của vị vua này là nơi mà không có bất cứ con ngựa nào có thể đến được, vì có nhiều hồ, suối khoáng và nước đá, bùn lầy khiến cho ngựa không thể đi lại được. Vùng đất tồi tệ này dài 13 ngày đường, cứ sau mỗi ngày đường có một trạm làm nơi dừng chân cho các sứ giả đi ngang qua. Ở mỗi trạm có 40 con chó, mỗi con chỉ nhỉnh hơn con lừa một chút. Những con chó này mang thư từ trạm này đến trạm khác, tức là từ ngày này sang ngày khác, và tôi sẽ cho các bạn biết vì sao.

Nên biết rằng trong suốt những ngày đi đường, ngựa không thể chạy do có băng đóng và bùn và vì lộ trình dài 13 ngày đường này nằm giữa hai dãy núi, trong một thung lũng rộng, nơi còn đọng lại băng tuyết và bùn như tôi đã kể. Vì lý do này nên ngựa không thể nào đi đến đó được. Vì xe ngựa có bánh cũng không thể di chuyển, họ đã làm những chiếc xe kéo không có bánh và

làm sao cho chúng trượt trên mặt nước đá, bùn lầy mà không bị lún sâu. Những chiếc xe kéo này có nhiều trong nước chúng ta, nhờ chúng mà người ta có thể chở cỏ khô và rơm rạ vào mùa đông, khi có mưa lớn và bùn lầy. Trên chiếc xe kéo này, người ta đặt một bộ lông gấu rồi vị sứ giả ngồi lên trên đó. Sáu con chó to mà tôi đã nói cùng kéo chiếc xe trượt; không cần ai dẫn dắt, những con chó này đi thẳng một mạch đến trạm tiếp theo; chúng kéo xe trượt rất cừ, từ trạm này sang trạm khác, trên nước đá và bùn lầy. Người bảo vệ trạm leo lên một chiếc xe khác, và để cho các con chó kéo đi đồng thời hướng dẫn chúng đi theo con đường thẳng nhất và tốt nhất. Khi cả hai chiếc xe kéo đến một trạm khác, họ lại tìm thấy ở đó đã có sẵn những con chó và những xe kéo khác để đưa họ tiến về phía trước, trong khi những con chó đã mang họ đến quay lui trở lại. Mười ba ngày đường trôi qua, lúc nào họ cũng vẫn có những con chó kéo xe khỏe mạnh.

Thật ra những người ở trong các thung lũng và miền núi dài 13 ngày đường này là những người thợ săn giỏi, vì họ săn được những con thú đẹp có giá trị lớn, nhờ đó họ thu được nhiều tiền: đó là những con chồn zibeline, chồn hermine, sóc xám, cáo đen và nhiều thú hiếm khác để họ làm ra nhiều bộ lông thú đẹp và có giá trị đáng kể. Họ có những dụng cụ săn bắt khiến cho không con thú nào có thể thoát được. Tôi cũng cho các bạn biết rằng do thời tiết quá lạnh, nên tất cả các nhà ở đều được xây dưới mặt đất, nhưng đôi khi họ cũng sống trên mặt đất. Không có thứ gì khác đáng ghi nhớ nữa, vì vậy chúng ta sẽ rời khỏi nơi đây để nói đến một nơi luôn luôn ở trong bóng đêm.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH BÓNG ĐÊM

Rất xa về phía Bắc của vương quốc này, đó là một tỉnh có tên là Bóng Đêm (vùng cực của Xibêri), bởi vì ở đây lúc nào cũng là đêm tối, không có ánh sáng mặt trời, mặt trăng và các ngôi sao. Ở đây, bầu trời lúc nào cũng tối như lúc chiều xuống ở nơi chúng ta. Người dân không có vua; họ sống như những thú vật và không thần phục vua nào. Thật ra, những người Tácta đôi khi đi đến đó theo cách như tôi sẽ nói với các bạn sau đây. Những người Tácta đi vào nơi đó trên những con ngựa cái đang có con, và để con trước khi vào xứ sở, bởi vì ngựa cái luôn biết quay về với các con của chúng, biết rõ đường đi hơn là con người. Bằng cách này, những người Tácta đi vào vùng đó trên những con ngựa cái như tôi đã nói đồng thời để ngựa con bên ngoài, và họ vơ vét cướp bóc tất cả những gì họ bắt gặp. Một khi họ đã vơ vét cướp bóc xong, những con ngựa cái quay về với con của chúng, vì chúng tìm lại được đường về rất tài.

Dân của xứ này có nhiều bộ lông thú rất quý, vì họ có lông zibeline rất giá trị, ngoài ra còn có lông hermine, lông sóc xám, lông cáo đen và nhiều bộ lông quý khác nữa. Tất cả người dân đều là những thợ săn, họ tích trữ không biết bao nhiêu bộ lông thú mà kể. Những người ở giáp ranh với họ mua tất cả các bộ lông thú của họ để bán ra bên ngoài, vì vậy các nhà buôn mua các loại lông thú này kiếm được nhiều lợi nhuận. Những người sống ở vùng này rất to con và lực lưỡng, nhưng họ tái mét và không có sắc da tốt. Nước Đại Rosie (Nga) giáp giới một phía của tỉnh này.

Không có gì khác cần ghi nhận, vì vậy chúng ta phải tiến lên phía trước nữa, và chúng tôi sẽ nói trước tiên về tỉnh Rosie.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ TỈNH ROSIE VÀ DÂN CƯ THUỘC TỈNH NÀY

Rosie là một tỉnh lớn ở về hướng Bắc. Dân cư là những người Ki tô giáo theo phụng vụ Hy Lạp. Họ có nhiều vị vua và có ngôn ngữ riêng. Đó là những người rất thật thà chất phác, nhưng rất đẹp, đàn ông cũng như phụ nữ đều có nước da trắng và tóc vàng. Tỉnh có nhiều hẻm vực và các giao lộ có bố trí các lực lượng canh gác. Họ không đóng thuế cho bất cứ ai, ngoại trừ việc họ cung cấp một thứ gì đó cho vị vua ở phía Tây và là người Tácta gọi là Táctactai, nhưng đây chỉ là một phần đóng góp không đáng kể. Đây không phải là một xứ sở buôn bán, tuy nhiên họ có nhiều lông thú quý và rất có giá trị, vì họ có nhiều chồn zibeline, hermine, sóc xám, cáo, những con tốt nhất và đẹp nhất thế giới.

Họ có nhiều mỏ bạc và họ khai thác rất nhiều bạc. Không có gì khác để ghi nhớ thêm, chúng tôi sẽ từ giả Rosie và sẽ nói đến Biển lớn bao quanh tất cả các tỉnh này, và về những dân cư của các tỉnh đó như các bạn có thể nghe nói. Trước hết, chúng tôi bắt đầu từ Constantinople. Nhưng trước hết, chúng tôi sẽ nói về một tỉnh nằm giữa phía bắc và phía tây bắc. Tỉnh này được gọi là Lac và nó giáp với tỉnh Rosie. Dân cư có vua cai trị; họ là những người Ki tô giáo hoặc Sarrasin. Họ có nhiều lông thú mà các nhà buôn mang đến các nơi khác để bán. Họ sống về buôn bán và thủ công.

Không còn gì khác đáng ghi nhớ, chúng ta sẽ ra đi và nói về những tỉnh khác. Nhưng trước tiên, tôi muốn nói với các bạn ít điều về Rosie mà tôi đã quên, ở tỉnh Rosie, thời tiết lạnh nhất thế giới, người dân chịu lạnh một cách rất khó khăn. Đó là một tỉnh rất lớn, vì thế nó trải dài đến tận

biển Océane; trong biển này có nhiều đảo có sản sinh nhiều chim kền kền, chim ưng bồ câu, và nếu thời tiết không lạnh lắm, người ta có thể đi đến đó. Nhưng vì trời quá lạnh, nên người ta khó có thể đi đến đó.

Vậy chúng ta hãy tạm biệt và chúng tôi sẽ nói về Biển lớn. Có nhiều nhà buôn và những người khác đi đến đó, nhưng cũng có nhiều người chưa biết đến nó, vì vậy tốt nhất là nên viết ra đây. Trước hết, chúng ta sẽ bắt đầu từ cửa và eo biển Contantinople.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ CỬA BIỂN LỚN

Ở cửa vào Biển lớn về phía Tây, có một ngọn núi gọi là Far. Nhưng trước khi bắt đầu nói về Biển lớn, chúng tôi hồi tiếc vì phải viết ra đây, bởi vì có nhiều người biết nó rất rõ. Do đó hãy để nó qua một bên, và bắt đầu chuyện khác. Chúng tôi sẽ nói về những người Tácta ở phía Tây và các lãnh chúa cai trị ở đó.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ CÁC LÃNH CHÚA CỦA NHỮNG NGƯỜI TÁCTA Ở PONENT

Lãnh chúa đầu tiên của những người Tácta ở Ponent là Sain, đó là một vị vua vĩ đại và có thể lực. Vị vua Sain này chiếm Rosie, Comanie, Alanie, Lac, Mengiar, Zic, Gucia và Gazarie. Trước khi ông chiếm lấy những nước này, tất cả đều thuộc nước Comanie, nhưng chúng không tạo thành một khối thống nhất, do đó những người Comans mất đất đai bị đuổi đi đến những vùng khác nhau trên thế giới, những người nào không bị đuổi đều làm nô lệ cho vua Sain. Sau vua Sain, có vua Patu cai trị, sau vua Patu là vua Berca, và sau Berca là vua Mungetemur, và sau đó là vua Toctai cai trị hiện nay.

Chúng tôi đã nói về những người Tácta ở phương tây, bây giờ chúng tôi sẽ nói về một cuộc chiến tranh lớn nổ ra giữa Alau, lãnh chúa của xứ Levant và Barca, lãnh chúa của xứ Ponent. Tôi sẽ nói với các bạn về nguyên nhân của cuộc chiến và nó đã diễn ra như thế nào và bằng cách nào.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ CUỘC CHIẾN DIỄN RA GIỮA ALAU VÀ BARCA VÀ NHỮNG TRẬN ĐÁNH CỦA HỌ

Năm 1261 sau Chúa Ki tô Nhập thế, phát sinh mối bất hòa trầm trọng giữa vua Alau, lãnh chúa của những người Tácta xứ Levant và Barca, vua của những người Tácta xứ Ponent. Nguyên nhân là do một tỉnh giáp ranh với cả hai xứ, vì xứ nào cũng muốn chiếm tỉnh này làm của riêng và không muốn nhường cho xứ kia, và vì xứ nào cũng tự cho mình là lớn mạnh. Vì vậy họ thách thức đánh nhau, mỗi bên đều tuyên bố rằng sẽ đi chiếm lấy tỉnh này và xem ai dám đối địch lại không. Khi thách đánh nhau, mỗi bên đều cảnh cáo tất cả những người thuộc phe bên kia, đồng thời họ trang bị vũ khí nhiều hơn bao giờ hết, vì bên nào cũng muốn nắm phần ưu thế tuyệt đối. Sau những lời thách thức, chưa đầy sáu tháng, mỗi phe đã tập hợp được hơn 300 ngàn lính ngựa được trang bị đầy đủ các phương tiện chiến tranh tùy theo mỗi bên. Khi đã trang bị đầy đủ, Alau, vua xứ Levant lên đường ra trận cùng với toàn bộ quân đội của mình. Họ đi bộ trong nhiều ngày đường mà không có chuyện gì đáng tiếc xảy ra. Họ đến một cánh đồng lớn nằm giữa Cửa sắt và Biển Sarain. Alau cho dựng trại một cách rất bài bản trong cánh đồng này. Tôi nói thật cho các bạn biết, có nhiều lều trại sang trọng và lộng lẫy rất xứng với doanh trại của những người giàu có. Ông nói ông đang chờ xem Barca và quân đội của y có đến hay không. Vậy là họ đóng quân tại đó và chờ đợi quân thù. Nên biết rằng nơi họ đang đóng trại nằm ở ranh giới của hai bên.

Nhưng chúng ta sẽ tạm biệt Alau và quân lính của ông để quay lại phía Barca và quân lính của ông này.

BARCA VÀ QUÂN LÍNH CỦA ÔNG ĐI GẶP ALAU NHƯ THẾ NÀO?

Khi vua Barca chuẩn bị đầy đủ và tập hợp quân lính dưới quyền, ông hay tin vua Alau đã lên đường cùng với toàn bộ quân đội của ông. Ông tự nhủ từ nay ông sẽ không thể lùi lại được nữa: không chần chừ, ông hạ lệnh lên đường. Họ cưỡi ngựa qua bao ngày đường mới đến được cánh đồng lớn, nơi quân thù đã hiện diện. Barca cho hạ trại ngay gần cách trại của Alau 10 dặm. Doanh trại này cũng đẹp đẽ và sang trọng không thua gì doanh trại của Alau, vì tôi nói cho các

bạn biết rằng, người nào đã thấy những lều trại bằng vải ra dẹt vàng và được gia công lộng lẫy sẽ có thể nói họ chưa bao giờ nhìn thấy một doanh trại nào đẹp và sang trọng như thế. Barca có nhiều quân hơn Alau, thật ra Barca có hơn 350 ngàn lính ngựa. Khi ở trong lều trại, họ đã nghỉ ngơi được hai ngày tròn. Barca nhóm họp các thuộc hạ và nói với họ như sau:

- Hỡi các khanh, chắc các khanh biết rằng từ khi ta nắm quyền hành, ta đã yêu các khanh như anh em và con cái của ta, các khanh cũng biết rằng nhiều người trong các khanh đã sống chết cùng ta qua nhiều cuộc chiến lớn, các khanh đã giúp ta chinh phục một phần lớn đất đai mà ta đang cai quản; các khanh nên biết rằng tất cả những gì ta có đều thuộc về các khanh. Vì đó là sự thật, nên mỗi người đều cố gắng đem hết khả năng để bảo toàn danh dự của chúng ta, điều mà chúng ta đã làm từ trước đến nay. Vì vậy, các khanh biết Alau là con người nổi tiếng và có thể lực biết chừng nào và ông ta muốn tấn công chúng ta do sự sai trái của ông. Vì ông ta sai lầm còn chúng ta có lẽ phải, mỗi người phải tự khẳng định mình sẽ chiến thắng và tự cổ vũ mình về việc chúng ta có số quân nhiều hơn, Vì chúng ta biết rõ ông ta chỉ có 300 ngàn lính ngựa, còn chúng ta lại có 350 ngàn người tài giỏi và thậm chí tài giỏi hơn. Do đó, hỡi các khanh, với tất cả những lý do mà ta nói với các khanh, các khanh thấy rõ chúng ta là những kẻ chiến thắng trong cuộc chiến này và vì chúng ta từ xa đến chỉ để đánh trận; ta muốn thực hiện việc này cách đây ba ngày, chúng ta sẽ ra trận một cách khôn ngoan và bài bản, nên hành động của chúng ta sẽ diễn biến thuận lợi hơn. Ta yêu cầu các khanh mỗi người đều trở thành người dũng cảm, và chúng ta sẽ thắng để cho mọi người kính sợ chúng ta. Vậy ta sẽ không nói với các khanh điều gì thêm nữa, trừ việc ta yêu cầu mỗi người vào ngày quyết định phải hết sức sẵn sàng, hãy nghĩ đến việc hoàn thành tốt nhiệm vụ và trở thành một người dũng cảm,

Barca im lặng và lần này không nói thêm gì nữa. Bây giờ chúng ta hãy tạm biệt Barca và quân lính của ông sau khi đã biết về một phần công việc của ông.

Chúng tôi sẽ nói về Alau và quân đội của ông, về việc họ làm khi họ biết Barca và quân của ông này đã đến.

ALAU HIỆU TRIỆU QUÂN LÍNH CỦA ÔNG NHƯ THẾ NÀO?

Chuyện kể rằng khi Alau đã hay tin Barca đã đến với một lực lượng hùng hậu, ông liền triệu tập một số đông những người dũng cảm. Khi họ đã tập trung đông đủ, ông lên tiếng nói với họ như sau:

- Hỡi các anh em, các con và các bạn hữu, các khanh đều biết rằng trong cả cuộc đời ta, các khanh đã giúp đỡ ta. Tính đến lúc này, các khanh đã giúp ta chiến thắng nhiều cuộc chiến, và bao giờ các khanh cũng có mặt trong bất cứ cuộc chiến nào mà chúng ta chiến thắng. Vì vậy chúng ta đã đến tận nơi đây để đánh con người nổi tiếng Barca. Ta biết rõ ông ta cũng có nhiều người như chúng ta và có lẽ nhiều hơn, nhưng họ không được tài giỏi cho lắm. Vì ta nói thật với các khanh, nếu họ có nhiều người hơn, nhưng với những người can đảm, chúng ta sẽ làm cho họ chạy trốn và bị đánh bại. Theo các trinh sát cho biết, họ đã đến mặt trận cách đây ba ngày, ta rất vui mừng vì chuyện này. Ta yêu cầu mọi người nên hết sức sẵn sàng vào ngày quyết định và làm tốt như các bạn có thói quen làm. Nhưng ta chỉ muốn nhắc cho các khanh một điều này: thà chết trên chiến trường để bảo toàn danh dự, nếu rủi chúng ta bị thất bại. Cầu mong mỗi người hành động sao cho danh dự của chúng ta không bị xúc phạm, và kẻ thù của chúng ta sẽ bị thất bại và bị tiêu diệt.

Sau đó Alau im lặng. Như chúng ta đã nghe, cả hai vị lãnh chúa triệu tập cuộc họp bằng cách đó và chờ cho đến ngày bắt đầu nổ ra cuộc chiến; mỗi một vị cận thần đều chuẩn bị tối đa tất cả mọi việc mà họ biết là cần thiết.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ VỀ CUỘC CHIẾN ÁC LIỆT GIỮA ALAU VÀ BARCA

Khi đã đến ngày mà trận đánh phải nổ ra, Alau thức dậy thật sớm và ra lệnh cho tất cả quân lính cầm lấy khí giới. Ông ra lệnh cho các đội quân chuẩn bị thật tốt, thật khôn ngoan, vì ông đã từng là một người khôn ngoan. Ông tổ chức 30 đội quân, mỗi đội có 10 ngàn lính ngựa; vì như tôi đã nói, ông có chừng 350 ngàn lính ngựa. Ông bổ nhiệm một vị chỉ huy giỏi cầm đầu mỗi đội. Khi đã chuẩn bị công việc một cách khôn ngoan, ông hạ lệnh cho các đội quân cưỡi ngựa tiến về

phía quân địch. Quân lính chấp hành mệnh lệnh tiến lên từng bước một. Đi đến nửa đường, giữa doanh trại họ và doanh trại địch, họ liền dừng lại và chờ cho quân thù tiến đến.

Họ chờ đợi như các bạn đã biết. Mặt khác, ngay sáng hôm đó, vua Barca cùng với toàn bộ binh lính của ông cũng thức dậy thật sớm. Họ được trang bị vũ khí và chuẩn bị sẵn sàng; ông tập trung và ra lệnh cho các đội quân một cách khéo léo, Ông phân ra thành 35 đội, mỗi đội gồm 10 ngàn lính ngựa với một vị chỉ huy giỏi đứng đầu. Khi mọi việc xong xuôi, ông ra lệnh cho các kỵ sĩ tiến lên; họ thi hành mệnh lệnh thật tốt và thật khôn ngoan, họ tiến đến cách quân thù nửa dặm. Khi đến nơi, họ dừng lại một lúc, rồi lại tiến tới một chút nữa. Khi hai bên đã ở cách nhau hai tầm tên bắn, mỗi bên đều dừng lại. Cánh đồng là nơi đẹp nhất và rộng nhất mà người ta có thể nhìn thấy từ xa, một lực lượng kỵ binh rất lớn có thể đánh nhau ở đó. Dĩ nhiên, cánh đồng cần phải đẹp và rộng lớn, bởi vì chưa bao giờ có nhiều người đánh nhau trên một chiến trường như ở đây.

Không cần phải thêm bớt, các bạn nên biết rằng họ gồm 650 ngàn lính ngựa, do đó Alau và Barca là những người mạnh nhất thế giới. Họ là những người bà con gần, vì cả hai đều thuộc dòng dõi hoàng tộc từ Cinghis Khan.

ĐÂY LÀ CHUYỆN KỂ THÊM VỀ TRẬN ĐÁNH GIỮA ALAU VÀ BARCA

Khi hai vị vua vĩ đại cùng với quân lính dừng lại một lúc rất gần nhau, và chỉ chờ trận đánh mở màn; họ ao ước tiếng trống trận vang lên. Không bao lâu, tiếng trống trận bắt đầu nổi lên. Khi nghe tiếng trống trận, họ liền chạy xông thẳng vào nhau, mỗi người cầm lấy cung và bắn tên và ném lao về phía quân thù. Người ta có thể nhìn thấy tên bay lên từ cả hai phía, đến nỗi trong chớp lát, không trung bị tràn ngập những mũi tên nên người ta không còn nhìn thấy bầu trời đâu nữa. Người ta có thể nhìn thấy nhiều người ngã té xuống đất, nhiều con ngựa cũng thế. Các bạn có thể tin rằng không thể xảy ra điều gì khác vì hàng bao mũi tên đều được bắn ra cùng một lúc. Tại sao tôi dài dòng với các bạn? Bạn nên biết rằng, họ không ngừng bắn tên, hễ khi nào họ còn tên trong bao tên. Vì vậy toàn bộ mặt đất đều la liệt những người chết hoặc hấp hối. Sau khi bắn hết tên, họ cầm lấy gươm và lao rồi xông vào tấn công và tống cho nhau những nhát kiếm như trời giáng. Họ bắt đầu cuộc chiến một cách tàn bạo và ác liệt đến nỗi thấy mà thương hại cho họ. Người ta có thể nhìn thấy những bàn tay, cánh tay và đầu bị cắt lìa ra khỏi thân mình; người ta có

thể thấy ngã xuống đất người và ngựa bị giết. Có rất nhiều người chết vì cuộc chiến đáng thương này đã bắt đầu trong sự bất hạnh. Những tiếng la hét và những tiếng rên rỉ lớn đến nỗi người ta không thể nào nghe thấy Thượng đế nổi giận. Tôi nói cho các bạn biết mà không sai lầm rằng, người ta chỉ có thể bước đi trên những xác người chết, vì mặt đất đầy tràn người chết và lai láng máu màu đỏ chói.

Từ lâu nay trên thế giới, người ta không bao giờ nhìn thấy một trận đánh nào có số lượng người đông đảo như thế. Tiếng khóc và tiếng la của những người bị ngã xuống đất chết hoặc không thể đứng dậy được vang to đến độ nghe mà thấy xót thương cho họ. Đây là một nỗi bất hạnh khủng khiếp cho cả hai bên, vì rồi đây sẽ có nhiều góa phụ và nhiều trẻ mồ côi. Trong cuộc chiến này, mọi người đều cho thấy họ không muốn bất cứ điều tốt lành nào, nhưng họ cho thấy họ những kẻ thù không đội trời chung. Vua Alau là người rất can đảm, rất mạnh về vũ khí; ông xử sự thật khéo léo trong cuộc chiến này, đến nỗi ông được xem như một người xứng đáng cai quản đất đai và đội vương miện, ông tự mình lập được kỳ tích to lớn trong chiến đấu, ông còn làm nức lòng quân lính của mình khi họ nhìn thấy ông đánh rất cừ và tỏ ra rất can đảm. Ông hun đúc cho mỗi người tinh thần dũng cảm, gan dạ, đánh giặc giỏi và không phạm sai lầm. Đây là một hành vi dũng cảm diệu kỳ khiến cho tất cả những người nhìn thấy ông đều phải cảm phục, dù là bạn hay kẻ thù, bởi vì hình như ông không phải là người bình thường nhưng là sấm sét và bão tố.

Alau đã xử sự như thế trong trận đánh như các bạn vừa nghe.

BARCA CHIẾN ĐẤU CAN ĐẢM NHƯ THẾ NÀO?

Về phần vua Barca, tôi sẽ cho các bạn biết ông ta đã chiến đấu như thế nào. Ông chiến đấu rất cừ và rất can đảm, đáng để cho mọi người khen ngợi. Nhưng chiến tích của ông không giúp gì cho ông vào ngày hôm đó, bởi vì tất cả những quân lính của ông đều bị giết hoặc bị đánh ngã xuống đất và không thể chiến đấu được nữa. Khi trận đánh kéo dài đến tối, vua Barca và quân lính của ông không thể cầm cự được nữa, buộc phải rời khỏi trận địa; họ quay đầu chạy trốn nhanh tùy vào con ngựa của họ phi, nhanh hoặc chậm. Khi Alau và quân lính của ông nhìn thấy họ chạy trốn, họ liền đuổi theo, đánh gục và giết chết. Họ gây thiệt hại lớn cho quân địch đến nỗi nhìn thấy mà thương. Sau khi đuổi theo một lúc họ quay về trại của họ. Họ cất bỏ vũ khí, rửa ráy, băng bó cho những người bị thương. Họ mệt lả đến nỗi ai cũng muốn nghỉ ngơi hơn là nghĩ đến

chuyện đánh đấm, Mệt mỏi và suy kiệt, họ nghỉ ngơi suốt đêm; sáng hôm sau, Alau ra lệnh hỏa táng tất cả các tử thi, bạn cũng như thù; mệnh lệnh của ông liền được thực hiện ngay tức khắc. Sau khi mọi việc hoàn tất, vua Alau trở về nước cùng với tất cả những người thoát chết qua trận đánh. Mặc dầu thắng trận, nhưng họ vẫn có nhiều người bị giết, nhưng kẻ thù của họ còn chết nhiều hơn, vì một số rất lớn quân lính đã chết trong trận này, đến nỗi ai nghe nói cũng không dám tin,

Trận đánh đã diễn ra như các bạn đã nghe, vua Alau đã chiến thắng. Bây giờ chúng ta hãy bỏ qua chuyện của vua Alau, và chúng tôi sẽ kể cho các bạn biết về cuộc chiến tranh giữa những người Tácta xứ Ponent.

TOTAMAGU TRỞ THÀNH VUA CỦA NHỮNG NGƯỜI TÁCTA XỨ PONENT NHƯ THẾ NÀO?

Vị vua của những người Tácta xứ Ponent có tên là Mongutemur đã chết, quyền lãnh chúa lại về tay Toloboga, một người độc thân trẻ tuổi. Nhưng Totamagu là một người rất có thể lực, ông giết chết Toloboga nhờ sự tiếp tay của một vị vua khác của người Tácta có tên là Nogai. Bằng cách này, Totamagu nắm lấy quyền lãnh chúa nhờ sự giúp đỡ của Nogai. Nhưng Totamagu không cai trị được lâu và đã chết. Toctai là một người khôn ngoan, can đảm nắm quyền lãnh chúa và được chọn làm vua. Trong thời gian này, hai người con trai của vua Toloboga bị giết đã trưởng thành và là những người có khả năng mang vũ khí. Họ tỏ ra khôn ngoan và cẩn thận. Hai anh em cùng với một đoàn tùy tùng đông đảo lên đường đến triều đình của vua Toctai. Đến nơi, họ quỳ gối trước mặt Toctai. Toctai nói họ là những người được đón tiếp nồng hậu và yêu cầu họ đứng dậy. Khi hai chàng công tử đứng dậy, người anh cả nói như sau:

- Kính thưa bề hạ Toctai, thần sẽ nói với bề hạ theo hiểu biết của thần lý do vì sao chúng thần đến trước mặt bề hạ. Như bề hạ đã biết, chúng thần là con của Toloboga, người đã bị Totamagu và Nogai giết chết. Đối với Totamagu, chúng thần không dám nói xấu, bởi vì ông ấy đã chết, nhưng chúng thần khiêu nại về Nogai và cầu xin bề hạ buộc ông ta phải chuộc lỗi như chúa của chúng thần đã làm, về việc ông ta đã giết cha của chúng thần, Chúng thần cầu xin bề hạ ra lệnh cho ông ta đến trước mặt bề hạ để ông ta trả lời về cái chết của cha chúng thần, Đó là lý do mà chúng thần đến triều đình của bề hạ.

Vị công tử im tiếng và không nói gì nữa.

TOCTAI TRUY CỨU NOGAI VỀ CÁI CHẾT CỦA TOLOBOGA NHƯ THẾ NÀO?

Khi Toctai nghe những lời người con đã nói với ông, vì biết rõ đó là sự thật, nhà vua liền trả lời như sau:

- Này khanh, điều khanh yêu cầu ta buộc tội Nogai, ta sẽ sẵn lòng làm thôi, ta sẽ yêu cầu ông ta đến triều đình của chúng ta, đến trước mặt ta và chúng ta sẽ làm tất cả những gì mà lẽ phải đòi buộc.

Thế là Toctai phái hai sứ giả đến với Nogai để yêu cầu ông ta đến triều đình trả lời cho các con trai của Toloboga về cái chết của cha chúng. Khi các sứ giả đưa thư cho Nogai, ông này liền chế nhạo và nói với các sứ giả là ông sẽ không đi đâu hết. Khi các sứ giả nhận được câu trả lời của Nogai, họ liền lên đường quay về triều đình vua Toctai và cho nhà vua biết rằng Nogai nói ông ta sẽ không đến với bất cứ giá nào. Khi Toctai nghe những lời mà Nogai nói với ông, ông tỏ ra hết sức tức giận và nói khá to để cho tất cả những người đang đứng xung quanh ông đều nghe.

- Nếu Trời giúp ta, hoặc Nogai sẽ phải đến trước mặt ta để nói rõ đôi chất với các con của Toloboga, hoặc ta cùng với tất cả quân lính của ta sẽ đi tiêu diệt chúng.

Không chần chừ, ông liền phái hai sứ giả khác truyền đạt đến tận tai Nogai những lời mà các bạn sẽ nghe như sau đây.

TOCTAI PHÁI CÁC SỨ GIẢ ĐẾN VỚI NOGAI NHƯ THẾ NÀO?

Hai vị sứ giả được Toctai ủy thác nhiệm vụ lên đường đi đến cung đình của Nogai. Đến trước mặt ông, họ bái chào ông một cách cung kính và Nogai nói họ là những người được đón tiếp nồng hậu. Sau đó, một trong hai sứ giả lên tiếng nói như sau:

- Thưa bệ hạ, theo như lời yêu cầu của vua Toctai với bệ hạ, nếu bệ hạ không đến triều đình để trả lời cho các con trai của Toloboga, Hoàng thượng chúng tôi sẽ cùng với toàn thể quân đội

sẽ chống lại bệ hạ và sẽ gây cho bệ hạ nhiều thiệt hại to lớn về người và của. Vậy bệ hạ hãy xem việc bệ hạ muốn làm và bệ hạ hãy cho chúng thần biết để trình lại.

Khi Nogai nghe những điều Toctai yêu cầu, ông tỏ ra tức giận và trả lời các sứ giả như sau:

- Hỡi các sứ giả, hãy quay về Chúa thượng của các khanh và nhắn lại với Chúa thượng là ta không sợ chiến tranh; hơn nữa hãy nói với người rằng, nếu người tấn công ta, ta sẽ không chờ cho người tiến vào lãnh thổ của ta đâu, nhưng ta sẽ đến gặp người ở giữa đường. Đây là những lời nói của ta và các khanh hãy truyền đạt lại như thế.

Ông im lặng và không nói gì thêm nữa. Khi các sứ giả đã nghe những lời Nogai nói với họ, họ không nán lại lâu thêm nữa, nhưng vội vàng lên đường trở về với Chúa thượng của họ và kể lại cho ông những điều Nogai nhắn lại là ông không sợ cuộc chiến của Chúa thượng và ông sẽ đi gặp Chúa thượng ngay giữa đường. Khi vua Toctai đã nghe tất cả những điều này và vì cuộc chiến tranh là không thể tránh khỏi, ông liền sai các sứ giả đi khắp nơi đến với những ai còn thần phục ông và yêu cầu họ hãy sẵn sàng để tấn công vua Nogai. Khi Nogai tin chắc là Toctai muốn đi tấn công ông bằng một lực lượng hùng hậu, ông vội ra lệnh chuẩn bị mọi mặt, nhưng không rầm rộ như Toctai, vì ông không có nhiều quân và nhiều thế lực.

TOCTAI TIẾN ĐÁNH NOGAI NHƯ THẾ NÀO?

Khi Toctai đã chuẩn bị sẵn sàng, ông đưa toàn bộ quân lính lên đường. Các bạn nên biết rằng ông ta chỉ huy hơn 200 ngàn lính ngựa. Họ cưỡi ngựa đi thẳng đến đồng bằng Nergh rộng lớn và xinh đẹp mà không gặp bất cứ trở ngại nào đáng ghi nhận. Ông cho quân dựng trại ở trong đồng bằng này để đón chờ Nogai, vì ông biết Nogai ra trận với quân số tối đa mà ông có. Các bạn cũng nên biết rằng hai con trai của Toloboga chỉ huy một đoàn lính ngựa đông đảo cũng đang đến để trả thù cho cái chết của cha họ. Nhưng chúng ta sẽ không nói đến Toctai và quân lính của ông để nói về Nogai và quân lính của ông này. Khi Nogai biết tin Toctai đang tiến quân tấn công ông, ông liền đưa toàn bộ quân của ông ra mặt trận. Quân đội của ông gồm có 150 ngàn lính ngựa, những người rất giỏi và can đảm, nhiều chiến binh giỏi hơn chiến binh của Toctai. Không quá hai ngày sau khi Toctai dẫn quân đến đồng bằng, Nogai cũng đưa toàn bộ quân đội đến đó và dựng trại ngay gần ở cách xa trại của Toctai 10 dặm. Khi lều trại được căng lên, người ta có thể nhìn thấy nhiều lều trại bằng da dẹt vàng rất đẹp và trông không khác gì lều trại của một vị vua giàu có. Lều trại của vua Toctai không phải ít đẹp hoặc ít sang trọng hơn, nhưng còn hơn thế

nhiều, vì ông ta có những lều trại đẹp đến mức kỳ diệu. Sau khi những vị vua này đến đồng bằng Nergh, họ đóng quân ở đó để nghỉ ngơi thư giãn chờ ngày xuất trận.

TOCTAI ĐỘNG VIÊN CÁC THUỘC HẠ CỦA ÔNG NHƯ THẾ NÀO?

Vua Toctai triệu tập các thuộc hạ của mình trong một cuộc hội nghị và nói với họ như sau đây:

- Hỡi các khanh, chúng ta đến tận nơi đây để chiến đấu chống lại vua Nogai và quân của ông ta; làm công việc này chúng ta thuận theo lẽ phải, vì các khanh biết rằng toàn bộ sự thù địch và báo thù này là do việc Nogai không muốn đến chuộc lỗi với các con trai của Toloboga. Bởi vì ông ta xa rời lẽ phải, chúng ta phải chiến thắng trong cuộc chiến này, và ông ta phải chết và bị tiêu diệt. Do đó mỗi người trong các khanh phải vững tin và hy vọng chiến thắng kẻ thù, nhưng ta yêu cầu mỗi người phải can đảm và cố gắng đem hết khả năng để tiêu diệt quân thù.

Ông im lặng và không nói thêm điều gì nữa, Phía bên kia, vua Nogai cũng triệu tập một cuộc họp và nói những lời như các bạn sẽ nghe sau đây:

- Hỡi các anh em và bạn hữu quý mến, các bạn nên biết rằng chúng ta đã chiến thắng trong nhiều trận đánh lớn và nhiều cuộc đối đầu lớn, chúng ta đã có vấn đề cần giải quyết với những người cừ khôi và chúng ta cũng đã thành công. Vì vậy, nếu đây là sự thật như các bạn biết, các bạn phải tin chắc phần thắng trong cuộc chiến này. Chúng ta còn có lẽ phải trong khi họ đã mắc sai lầm, vì các bạn đều biết ông ta không phải là Chúa thượng của chúng ta, khi ông yêu cầu ta đến trước mặt ông để chuộc lỗi đối với những người khác. Ta sẽ không nói gì thêm với các bạn, ngoại trừ ta yêu cầu các bạn nghĩ đến việc hoàn thành tốt nhiệm vụ, chúng ta phải xử sự trong trận đánh này làm sao cho mọi người luôn nhắc đến chúng ta, chúng ta và con cháu chúng ta mãi mãi được kính sợ vì điều này.

Vua Nogai im lặng và không nói thêm điều gì nữa. Sau khi hai vị vua đã triệu tập hội nghị, họ không chậm trễ chút nào, nhưng ngày hôm sau họ chuẩn bị toàn bộ vũ khí đầu ra đó. Vua Toctai tổ chức 20 đội quân và cho mỗi đội một vị chỉ huy tài giỏi. Khi cả hai nhà vua cầm lấy vũ khí và chuẩn bị cho quân lính xong, cả hai liền cưỡi ngựa tiến thẳng vào nhau cho đến khi họ đến đứng một tầm tên bắn. Cả hai bên đều dừng lại và không bao lâu tiếng trống định âm bắt đầu vang lên.

Sau tiếng trống, họ chạy xông đến và bắn những mũi tên vào nhau. Người ta có thể nhìn thấy tên bay lên từ cả hai phía, và chúng bay nhiều đến nỗi chúng ta thấy ngựa và lính kỵ ngã xuống đất chết hoặc bị thương rất nhiều. Khi bắn xong toàn bộ các mũi tên, họ không còn gì để bắn nữa, họ cầm lấy gươm giáo và xông đến tấn công vào nhau bằng cách tung ra những nhát kiếm cực kỳ hiểm hóc. Họ đang lao vào một cuộc ẩu đả rất tàn khốc và ác liệt; họ cắt rời bàn tay, cánh tay, thân mình và đầu của nhau. Vì vậy, người ta có thể nhìn thấy lính ngựa chết và bị thương té lộn nhào xuống đất, tiếng ồn ào và tiếng loảng xoảng của sắt thép của gươm giáo chạm vào nhau chan chát đến nỗi người ta không còn nghe thanh linh nổi giận nữa. Có nhiều người chết đến nỗi chưa bao giờ có như thế trong bất cứ trận đánh nào, nhưng quân lính của Toctai chết nhiều hơn quân lính của Nogai, vì quân lính của Nogai là những chiến binh giỏi trận mạc hơn những chiến binh của Toctai. Cả hai con trai của Toloboga xử sự rất đáng kính nể trong trận đánh này và làm nên những chiến công lớn, vì họ cố gắng đem hết khả năng để báo thù cho cái chết của cha họ, nhưng thật uổng công, vì chuyện giết chết vua Nogai là một công việc rất khó khăn. Trận đánh tàn bạo và ác liệt đến nỗi nó đã bắt đầu trong nỗi bất hạnh, vì có rất nhiều kỵ binh ban sáng còn mạnh khỏe, vui vẻ lại bị giết trong trận này; nhiều phụ nữ có chồng đã trở thành góa bụa sau trận đánh này; không phải là điều lạ lùng, bởi vì đây là một trận đánh quá khủng khiếp. Vua Toctai ra sức bảo vệ quân lính và danh dự của ông, ông lập được nhiều thành tích to lớn; dĩ nhiên, ông được mọi người ca tụng. Ông lao mình vào giữa quân thù cứ như là không sợ gì cái chết, ông tả xung hữu đột, ông đi tàn sát những con người. Ông làm điều này cừ đến nỗi ông mang đến sự tổn thất lớn lao cho kẻ thù cũng như cho bạn bè của ông vào ngày hôm đó: cho kẻ thù, bởi vì tự tay ông ta giết chết rất nhiều; cho bạn bè ông, bởi vì khi thấy ông chém giết hăng say, họ cũng hăng hái tấn công kẻ thù một cách gan dạ, lập nên những chiến công, ở đó họ đã tìm thấy cái chết.

VUA NOGAI ĐÁNH GIẶC MỘT CÁCH CAN ĐẢM NHƯ THẾ NÀO?

Tôi sẽ nói với các bạn về vua Nogai một cách hoàn toàn khác hẳn, vì ông tỏ ra can đảm đến nỗi người ta không thấy bất cứ người nào ở cả hai phe chiến đấu tốt như ông; ông tỏ ra xuất sắc trong toàn bộ trận đánh này. Ông lao vào giữa quân thù một cách liêu lĩnh như con sư tử lao vào giữa bầy thú rừng. Ông tàn sát và chém giết gây nên tổn thất lớn lao cho kẻ thù. Ông lao vào trong những trận hỗn chiến dữ dội nhất. Ông đập tan chúng chỗ này rồi chỗ khác, cứ như đó là

những chuyện vặt, Quân lính nhìn thấy vua của họ hành động như thế, họ cũng cố gắng đem hết khả năng tấn công kẻ thù một cách ác liệt, đồng thời gây ra những cuộc chém giết khủng khiếp. Các bạn nên biết rằng quân lính của Toctai cố gắng tới đa để bảo vệ danh dự của họ, nhưng thật là vô ích, vì họ đang phải đối đầu với những chiến binh quá giỏi, quá mạnh. Họ rất đau khổ khi thấy rõ là nếu họ trụ lại, tất cả bọn họ sẽ chết; vì vậy khi họ thấy không thể chịu đựng nổi nữa, họ bắt đầu chạy trốn càng nhanh càng tốt; vua Nogai và quân lính của ông đuổi theo họ, vừa giết vừa gây ra một cuộc thảm sát rất lớn. Như các bạn đã biết, Nogai chiến thắng trong trận đánh này, tôi cũng cho các bạn biết rằng có 60 ngàn người chết, nhưng vua Toctai trốn thoát được và hai người con trai của vua Toloboga cứu chạy thoát được.

DEO GRATIAS (CÁM ƠN CHÚA) AMEN

... Trong 24 năm chu du ở châu Á và không ngừng góp nhặt thông tin, ông nghiên cứu những con người từ vị vua chuyên chế đến người thợ thủ công bình thường nhất, từ những thể chế chính trị đến các tín ngưỡng tôn giáo, không những các thành phố, các đền đài và các ngành thủ công mà còn những phong cảnh cây cối, những tài nguyên thiên nhiên cho đến đất đai và khoáng sản. Không có gì vượt ra khỏi tầm nhìn của ông, từ lục địa mệnh mông, nơi mà các chủng tộc, các niềm tin và các ngôn ngữ chồng chéo vào nhau; từ môi trường thuận lợi phong phú, nơi sản sinh những hoa quả chưa ai biết và những thứ gia vị như đinh hương, hạt tiêu, củ gừng, những thứ đã làm cho những người đi chinh phục phải mơ ước thềm thuồng; từ những lớp đất sâu đang chứa đựng những tài nguyên không sao kể xiết: vàng, bạc, đá quý, than đá, dầu lửa và amiant. Đó là một bức tranh tuyệt vời về châu Á thế kỷ XIII.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsach.com/>

Follow us on Facebook : <https://www.facebook.com/caphebuoitoi>